ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TAM BIÊN

QUYỂN III

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN III

378. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ nhất) 7
379. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ hai) 8
380. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ ba) 8
381. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tư) 10
382. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ năm) 11
383. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ sáu) 12
384. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ bảy) 12
385. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tám) 14
386. Thư trả lời cư sĩ Sư Khang 14
387. Thư trả lời cư sĩ Chu Thọ Siêu 16
388. Thư trả lời Đông Xá Tây Khách 17
389. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ nhất) 17
390. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ hai) 19
391. Thư trả lời cư sĩ Vương Tu Bổn 20
392. Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh 20
393. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân 22
394. Thư trả lời cư sĩ Long Trừng Triệt 24
395. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ nhất) 25
396. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ hai) 25
397. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ ba) 26
398. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tư) 26
399. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ năm) 27
400. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ sáu) 27
401. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ bảy) 28
402. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tám) 29
403. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ chín) 29
404. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất) 30
405. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai) 31
406. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ ba) 33
407. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tư) 34
408. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ năm) 35
409. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ sáu) 36
410. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ bảy) 37
411. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tám) 38
412. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ chín) 39
413. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ mười) 40
414. Thư trả lời cư sĩ Cố Đức Cốc 41
415. Thư trả lời cư sĩ Kim Chấn Khanh 42
416. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ nhất) 44
417. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ hai) 50
418. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ ba) 51
419. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ tư) 51
420. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ năm) 52
421. Thư trả lời cư sĩ Ô Sùng Âm 53
422. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất) 54

423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai) 54
424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba) 55
425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư) 55
426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm) 55
427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu) 56
428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy) 56
429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám) 56
430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín) 59
431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười) 60
432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một) 61
433. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất) 62
434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai) 63
435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba) 63
436. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất) 64
437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai) 65
438. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh 65
439. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất) 66
440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai) 67
441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba) 67
442. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất) 68
443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai) 69
444. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất) 69
445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai) 70
446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba) 73
447. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất) 74
448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai) 76
449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần 76
450. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy 78
451. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân 80
452. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu 81
453. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù 81
454. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín 82
455. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất) 83
456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai) 83
457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba) 83
458. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung 85
459. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất) 86
460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai) 87
461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba) 88
462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư) 90
463. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng 91
464. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện 93
465. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp 94
466. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa 95
467. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất) 96
468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai) 98

469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba) 99
470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư) 99
471. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình 100
472. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn 100
473. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm 101
474. Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn 103
475. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ nhất) 105
476. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ hai) 107
477. Thư trả lời cư sĩ Ngô Kính Nhân 108
478. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ nhất) 109
479. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ hai) 109
480. Thư trả lời các cư sĩ thuộc hội niệm Phật 110
481. Thư trả lời cư sĩ Kiều Tuân 110
482. Thư trả lời cư sĩ Bạch Tĩnh Tu 110
483. Thư trả lời cư sĩ Tiết Huệ Trúc 111
484. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ nhất) 111
485. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ hai) 112
486. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ ba) 113
487. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ tư) 114
488. Thư trả lời cư sĩ Bàng Khế Thành 115
489. Thư trả lời cư sĩ Bách Linh 115
490. Thư trả lời cư sĩ Huệ Tài 117
491. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa 117
492. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ nhất) 118
493. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ hai) 120
494. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ nhất) 121
495. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ hai) 122
496. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ nhất) 123
497. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ hai) 134
498. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ ba) 137
499. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ nhất) 139
500. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ hai) 141
501. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ ba) 147
502. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tư) 149
503. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ năm) 149
504. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ sáu) 151
505. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ bảy) 153
506. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tám) 155
507. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ chín) 156
508. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười) 158
509. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười một) 161
510. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười hai) 162
511. Thư trả lời cư sĩ Ôn Kê Đức Chánh 162
512. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất) 164
513. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai) 164
514. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba) 166

515. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư) 167
516. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm) 168
517. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu) 168
518. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy) 169
519. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Thành 169
520. Thư trả lời cư sĩ Vương Trí Trác 170
521. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ nhất) 170
522. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ hai) 172
523. Thư trả lời hai vị nữ cư sĩ Huệ Thục và Huệ Khánh 176
524. Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như 177
525. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ nhất) 179
526. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ hai) 180
527. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ ba) 181
528. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ tư) 182
529. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ năm) 182
530. Thư trả lời cư sĩ Đồng Ảnh 183
531. Thư trả lời cư sĩ Quán Tâm 185
532. Thư trả lời cư sĩ Lý Cát Nhân 186
533. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ nhất) 187
534. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ hai) 188
535. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ ba) 189
536. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tư) 189
537. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ năm) 190
538. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ sáu) 190
539. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ bảy) 191
540. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tám) 193
541. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ chín) 194
542. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ mười) 195
543. Thư trả lời cư sĩ Mậu Trí Tu 195
544. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ nhất) 196
545. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ hai) 198
546. Thư trả lời cư sĩ Phó Pháp Lâm 198
547. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Đức Vỹ 200
548. Thư trả lời cư sĩ Trình Tiểu Bằng 200
549. Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh 201
550. Thư trả lời cư sĩ Vinh Bách Vân 203
551. Thư trả lời cư sĩ X… 205
552. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật 206
553. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ nhất) 208
554. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ hai) 208
555. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ ba) 209
556. Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh 210
557. Thư trả lời cư sĩ Từ Tử Hỗn 211
558. Thư trả lời cư sĩ Duy Phật 213
559. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền 216
560. Thư trả lời Phước Châu Phật Học Xã 217

561. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tuyết Hạnh 221
562. Thư trả lời cư sĩ X… 222
563. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ nhất) 223
564. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ hai) 225
565. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ ba) 225
566. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ nhất) 226
567. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ hai) 227
568. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ ba) 228
569. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ tư) 230
570. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ năm) 232
571. Thư trả lời cư sĩ Giang Đức Mậu 233
572. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ nhất) 234
573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ hai) 239
574. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ ba) 239
575. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ tư) 243
576. Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo 246
577. Thư trả lời cư sĩ Tế Huệ 246
578. Thư trả lời cư sĩ Tông Nghĩa 247
579. Thư trả lời cư sĩ Thang Cẩm Trung 247

QUYỂN III

378. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ nhất)

Đọc lá thư (đề ngày 16 tháng 11) của ông gởi đến, thấy có quá nhiều từ ngữ phù phiếm. Giữa thầy trò với nhau, há nên dùng những lời lẽ sáo rỗng ấy? Người đời nay thể chất phần nhiều yếu đuối, chớ nên lầm lạc bắt chước cổ nhân. Con người thường do ham danh mà khổ hạnh quá mức, đâm ra đối với đạo lẫn thân đều chẳng có ích gì. Lợi ích thật sự trong Phật pháp phải do chí thành mà đạt được, chứ không phải do phô trương bày vẽ mà được việc. Quang già rồi, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều. Trong hạ tuần tháng 2 năm nay, sang Thượng Hải lo liệu chuyện in sách; tháng 6 trở về núi ở hết hè; tháng 7 liền xuống núi, sang Thượng Hải để kết thúc chuyện in sách rồi chẳng trở về núi nữa. Trong tháng 8, tháng 9 sẽ đi khắp trời Nam đất Bắc, tới chỗ không có ai biết để sống hết tuổi thừa hòng chuyên tu tịnh nghiệp, để khỏi suốt ngày phải bận bịu vì người khác, đâm ra làm hỏng đại sự của chính mình. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy những người quen biết để họ khỏi bị hỏng chuyện. Người tu hành cần phải chất trực, không giả dối, chân thật thực hiện. Vì thế cổ nhân nói: *"Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, quá khéo chẳng bằng vụng). Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

(Viết dưới đèn, ngày 11 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ - 1929)

Toa thuốc cai á phiện trong Văn Sao, đối với phần hút thêm thuốc phiện nếu có những bệnh vặt phát sanh trong khi đang uống thuốc cai nghiện vẫn chưa hoàn toàn tường tận, hãy nên ghi là: "Tùy theo nghiện nặng hay nhẹ mà thêm một phần mười. Như mỗi ngày hút một lạng thì thêm một tiền. Nếu hút năm tiền thì thêm năm phân." Như vậy thì người nghiện nhẹ sẽ chẳng đến nỗi tốn kém nhiều. Hơn nữa, phương thuốc ấy trị được bệnh khí thống rất hay. Một phụ nữ ở Hà Nam tỵ loạn đến Thượng Hải, tới quy y, cho biết bà ta bị khí thống từ năm 16 tuổi, các thầy thuốc không trị được. Mỗi ngày lên cơn đôi ba lượt, đau gần muốn chết, nay bà ta đã năm sáu chục tuổi rồi. Quang dạy bà ta niệm thánh hiệu Quán Âm, nhân đó bảo bà ta uống loại thuốc cao nấu theo toa này. Bà ta không hút thuốc phiện, chỉ dùng thuốc. Bà ta nấu một liều thuốc cao, hôm thứ nhất uống vào liền chẳng bị lên cơn nữa, chưa đầy mười ngày thân thể lẫn vẻ mặt đều khỏe mạnh, đặc biệt đến tạ ơn. Xin hãy nói điều này với hết thảy những ai bị khí thống.

379. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp; nhưng quy y Phật pháp ắt phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tận lực giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lại còn phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay (Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn, cũng đừng tham ăn thì mới nên. Càng phải nên giữ lục trai hoặc thập trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật). Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mậu (智茂). Do tâm tánh như cái cây, do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiển hiện giống như cây khô héo, đã có trí tuệ thì phiền não chẳng sanh, cái cây tâm tánh sẽ tự nhiên sum suê[1]. Nói đến ngũ giới thì hãy tự hỏi tâm mình, nếu có thể giữ được chẳng phạm, hãy hỏi Hóa Tam về quy củ tự phát thệ thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ bảo ông, chứ Quang không viết cặn kẽ.

Đã quy y Phật pháp thì nên đọc kỹ Văn Sao, y theo đó mà hành sẽ tự chẳng đến nỗi bị kẻ tầm thường gây lầm lẫn. Đối với chuyện cầu phước báo trong đời sau và cách luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu thành tiên v.v., nếu ông có thể lãnh hội được những nghĩa trong Văn Sao thì dẫu có trăm ngàn tăng nhân phàm tục hay ngoại đạo vẫn chẳng thể lay động được tâm ông. Đừng nói đấy là những lời do Quang nói ra, chẳng đáng để nương dựa, căn cứ! Hãy nên biết rằng, Quang dựa theo ý của Phật, Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức để nói, chứ không phải do Quang tự suy lường rồi nói bừa đâu!

380. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết tâm ông cao như trời, nhưng chí hèn như đất! Miệng tuy nói vâng theo lời Quang dạy, nhưng thật sự hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình. Pháp môn Tịnh độ chỉ có lòng tin làm gốc, tin cho cùng cực, dẫu ngũ nghịch thập ác cũng đều có thể vãng sanh. Tin chẳng tới nơi tới chốn, kẻ thông Tông thông Giáo nhưng chưa từng đoạn hoặc đều chẳng có phần. Ông đã chẳng thể thông Tông thông Giáo, đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử; lại chẳng tin "Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn; nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, không một ai chẳng được vãng sanh". Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn vô thượng thẳng tắt viên đốn để liễu sanh tử ngay trong đời này. Đối với pháp môn này còn chưa biết phương hướng, mà đã dùng cái tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa để nghiên cứu Khởi Tín Luận. Khởi Tín Luận thật sự là cương yếu

[1] Mậu（茂）có nghĩa là sum suê, tươi tốt.

để học Phật, nhưng người hạ căn và kẻ sơ cơ cũng khó được lợi ích. Dẫu nghiên cứu Khởi Tín Luận đạt đến mức độ thông suốt, thấu triệt vô ngại, thì dụng công vẫn phải nhờ vào niệm Phật cầu sanh mới là ổn thỏa, thích đáng. Huống chi Pháp tướng, Thiền, Giáo tinh vi, mầu nhiệm, sâu thẳm chẳng thể mong thấu hiểu được ư?

Tâm ông cao như thế chính là vì chẳng biết phân lượng mà lập chí cao như thế, ông lại nói: "Căn tánh yếu hèn, mong chi sanh Tây, chỉ có thể không bị đọa ác đạo là đã an ủi lắm rồi!" Chẳng biết: Không sanh Tây phương, tương lai ắt đọa ác đạo! Đấy là trái nghịch lời Phật dạy cũng như trái nghịch lời Quang nói, sao lại nói là "từ đầu đến cuối vâng làm theo lời răn dạy, nhất tâm trì niệm A-di-đà Phật" ư? Nay do thân ông nhận lãnh chức vụ của người khác giao phó, lại chẳng phải là tư cách thượng đẳng, cái tâm và cái chí đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác phải than thở, phải cười cợt. Ông hãy dứt cái tâm cuồng vọng muốn làm bậc đại thông gia ấy đi, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc về pháp môn Tịnh độ (đã nói tường tận trong những lá thư gởi cho ông Cao Thiệu Lân và bà Từ Phước Hiền trong Văn Sao), hãy nương theo những khai thị ấy mà sanh lòng tin phát nguyện, chẳng vì căn khí của chính mình kém hèn mà đề cao sự vãng sanh rồi gác bỏ. Hằng ngày dù động hay tịnh, luôn lấy một câu Di-đà làm bổn mạng nguyên thần, suy nghĩ xử sự đều phải hợp với tông chỉ "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện".

Nếu còn thừa sức, sẽ chẳng ngại gì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại thừa. Hãy nên lấy chí tâm thọ trì làm gốc, đừng chú trọng gấp muốn hiểu rỗng rang thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực, sẽ tự thấu triệt nghĩa lý. Nếu muốn thấu triệt trước mà chẳng chí thành trì tụng, dẫu có thấu triệt cũng chẳng được lợi ích thật sự, huống chi quyết khó thể thấu triệt ư? Dẫu nghiên cứu Pháp tướng, Thiền, Giáo cả đời, cũng khó hiểu được chỗ chỉ quy. Dẫu hiểu được, ai có thể không đoạn được hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn hoặc nghiệp liễu sanh thoát tử, chỉ sợ có mộng cũng mộng chẳng được!

Ông còn chưa đọc kỹ Văn Sao của Quang nên mới nói như vậy, cao thì xông thấu trời thẳm, thấp thì tuốt đáy biển sâu. Trong Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nào nên đọc và pháp tắc xem kinh v.v., cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp tướng, Thiền, Giáo. Bởi lẽ pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều cần nhờ vào sức của chính mình. Một đằng là giáo lý theo đường lối thông thường, giống như kẻ sĩ trong cõi đời do tư cách mà được làm quan; một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong cõi đời, dẫu có té xuống đất vẫn được hết thảy quan lại cung kính.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản lưu hành riêng, hơn nữa trong 14 thứ kinh luận Tịnh độ đã có ba kinh một luận, nhưng không có phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Nếu muốn mở rộng quỹ lưu thông kinh sách, há nên dùng biện pháp quyên mộ? Hãy nên thương lượng với kẻ có tín tâm, có tài lực mong họ phụ trợ. Thêm nữa, kinh điển thật nhiều, tâm ông muốn mở toang môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh? Chỉ nên thỉnh những kinh sách người bình thường cũng có thể đọc được. Để thỉnh những bộ kinh sách lớn mà người bình thường không thể đọc được, cần phải ước định cặn kẽ với người muốn thỉnh rồi mới đứng ra thỉnh thay cho họ, sẽ đỡ tốn tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về không bán được, giam tiền nằm ì một chỗ không sử dụng được.

Ông tự nói "tháng ngày chẳng còn mấy, sức thật hữu hạn", nên Quang mới nói như thế. Nếu chẳng nghĩ là đúng, vẫn y theo tâm tướng của chính mình để làm thì Quang cũng chẳng cưỡng. Ông có thể làm một vị đại thông gia thì cũng là điều may mắn cho Phật môn. Sợ ông không thành một bậc đại thông gia được mà pháp môn Tịnh độ cũng chẳng tin tới nơi tới chốn, hai đằng sẽ đều xôi hỏng bỏng không. Đời này tu chút ít công đức, tương lai ắt sanh trong nhà phú quý. Ông thử suy nghĩ kỹ xem, kẻ phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Hiện thời vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều do những kẻ trong đời trước tu hành nhưng thiếu trí tuệ, qua đời sau cậy vào phước báo bèn gây nhiễu loạn mà ra. Ông khởi vọng tưởng chẳng thể cùng tận như thế mà lại muốn chẳng đọa vào ác đạo; nếu chẳng sanh Tây Phương thì một đời chẳng đọa, chứ hai đời chẳng đọa cũng hiếm hoi lắm đấy!

381. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tư)

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì khắp từng thứ cho được? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu, xếp vào nhật khóa (khóa tụng hằng ngày). Buổi sáng thì Lăng-nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú, Tâm Kinh, niệm chú xong bèn niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng Tịnh độ; buổi tối thì kinh Di-đà, Đại Sám Hối (Hồng Danh Bảo Sám), Mông Sơn, niệm Phật, hồi hướng. Nay tùng lâm đều muốn giảm bớt công phu. Buổi sáng chỉ niệm Lăng-nghiêm, Tâm Kinh, buổi tối chỉ niệm kinh Di-đà, Mông Sơn, cứ mỗi hai ngày bèn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, chẳng biết đấy chính là những thứ phụ lục ngoài khóa tụng sáng tối.

Công khóa của tại gia cư sĩ thì cũng có thể chiếu theo công khóa sáng tối của Thiền Môn để tụng niệm, hoặc cũng có thể tùy ý tự lập chương trình. Như buổi sáng chuyên niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật; hoặc buổi sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, buổi tối niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật.

Hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Nhưng bất luận tụng kinh nào, trì chú nào đều phải niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp.

Những gì ông nói chính là "thấy lạ, nghĩ khác", tuy là hảo tâm, nhưng thật ra là tâm không chủ định, bị chuyển theo cảnh. Có kinh nào hay chú nào mà chẳng thể khen ngợi là công đức thù thắng? Theo tri kiến của ông thì đọc kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể lo trọn, thế tất nhiên là như vậy. Như thế thì có còn được gọi là bậc hiểu lý chân tu hay chăng?

Lại mở rộng ra hơn nữa, nếu ông gặp kẻ tu Thiền khen ngợi Thiền đả phá bài xích Tịnh độ, ắt sẽ theo kẻ ấy tham thiền. Đối với những tông khác như Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân, Bí Mật, hễ gặp một vị tri thức đề xướng, ắt sẽ bỏ pháp này, tu pháp kia. Chẳng biết ông là hạng căn tánh nào mà muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông; nhưng do nghiệp sâu trí cạn, chẳng thể làm bậc đại thông gia được, lại gác bỏ pháp "cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh", đợi đến lúc lâm chung, chẳng vào trong vạc dầu, lò than, cũng nhất định vô trong thai lừa, bụng ngựa. Dẫu may mắn chẳng mất thân người, nhưng do đời này vẫn không có chánh trí, lại có lắm si phước do tu hành; do hưởng si phước ấy liền tạo ác nghiệp, khi một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, sẽ vào thẳng tam đồ. Muốn được biết những tên gọi "trời, đất, cha, mẹ" còn chẳng thể được, huống là được biết tới pháp môn Tịnh độ ư? Ông đọc Văn Sao, có hiểu gì chăng?

Cần biết rằng, một câu A-di-đà Phật trì cho tới cùng cực thì thành Phật còn có dư, há nên nói niệm kinh Di-đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do con người khéo dùng. Ông có tiền thì làm chuyện gì mà chẳng được, ông chuyên tu một pháp thì cầu gì chẳng được. Há cứ phải khăng khăng trì chú này, hễ niệm chú này thì công đức đạt được sẽ chẳng bằng các công đức khác ư? Hãy khéo thấu hiểu lời Quang, sẽ tự có thể "hiểu được một điều thì trăm điều đều rõ". Nếu không, dẫu có nói cho lắm, tâm ông vẫn không có định kiến. Từ ngữ "người trong gương sáng" chẳng rõ lai lịch! Ngô Bá Sanh vốn thuộc pháp môn du hý, chuyên trọng dùng miệng lưỡi để tự khoe tài mà thôi, chính là hạng người giống như ông X… vậy. Người chân tu trọn chớ nên như thế!

382. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ năm)

Chỉ đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu thì pháp tắc tu tập sẽ biết đầy đủ. Pháp Quán của tiên sinh Dương Nhân Sơn dùng hay không dùng đều được. Bởi lẽ, nếu tâm

chí thành sẽ tự được như ở ngay nơi đấy, như ở quanh nơi đấy[2]. Nếu tâm không chí thành, pháp ấy sẽ trở thành nói suông, chẳng phải là thật hạnh. Người đời nay phần nhiều đều là tâm cao như trời! Ngay như ông Hóa Tam, cha ra hải ngoại, mẹ và em trai ở tại đất Tô, đang trong buổi can qua nhiễu nhương này, chẳng giẫm trên thật địa (không chú trọng thực tiễn), chú trọng lo phụng dưỡng mẹ, cứ muốn qua Tây Tạng, theo học trong học viện, tính chuẩn bị đi sang Tây Trúc. Không sang Tây Trúc sẽ chẳng thể liễu sanh tử hay sao? Hiện nay đất Tô đã trở thành địa điểm thường xảy ra chiến tranh, nạn đao binh chẳng biết kết cục ra sao? Sao lại rỗi hơi để bàn đến chuyện vào học viện của Tây Tạng, tính sắm sửa đi sang Tây Trúc ư? Xin hãy suy xét tường tận, đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu và Văn Sao để lập tâm tin tưởng quyết định ngõ hầu được lợi ích thật sự nơi Phật pháp.

383. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ sáu)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán! Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên mới có chuyện nhiều lần tin tưởng, nhiều lần ngã lòng, nhiều lần tu, nhiều lần tạo nghiệp. Cũng là do người dạy từ thuở ban đầu chẳng thấu hiểu đường lối mà ra. Nếu thuở ban đầu mà khởi sự từ những điều gần gũi như nhân quả v.v. sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc điên đảo như thế. Tội trong quá khứ dẫu cực sâu nặng, nhưng có thể chí thành sám hối, sửa lỗi trước, từ nay tu tập, lấy "chánh kiến tu tập tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha" làm chí hướng, sự nghiệp thì sương mù tội chướng tiêu tan, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì vậy kinh dạy: "Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là chẳng tạo tội, hai là đã tạo mà biết sám hối."

Một chữ hối phải từ tâm khởi, tâm chẳng chân thật hối cải, có nói lời sám hối cũng vô ích. Ví như đọc toa thuốc mà chẳng uống thuốc, quyết chẳng mong chi lành bệnh được, nếu có thể y theo toa uống thuốc, sẽ tự được bệnh lành, thân yên. Điều đáng lo là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh, uổng có hư danh, chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào. Nay gởi cho ông bài thuyết minh về biện pháp ấn tống Quán Âm Tụng để ông tùy duyên phân phát. Phát tâm hay không đều chẳng sao cả, chứ không nhất thiết bắt người khác phải quyên góp giúp tiền in. Lại xin ông chuyển giùm thư cho cư sĩ Vưu Tích Âm.

384. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ bảy)

Nhận được thư ông và thư của Hóa Tam đầy đủ. Những điều ông nói trong thư quá sức chấp nhặt, còn lời Hóa Tam lại quá thoáng rộng. Nếu vốn liếng có thừa, người thỉnh kinh sách nhiều, cố nhiên nên lưu thông như thế. Nay do không

[2] Ý nói: nếu tâm chí thành, hành giả sẽ đạt được cảnh giới giống như sự thành tựu do tu tập phép quán ấy.

có vốn liếng, lại chẳng có nhiều người thông suốt rộng khắp thỉnh sách, hãy nên làm theo lời Quang nói. Phàm những kinh luận, trước thuật Tịnh độ ắt đều thỉnh hết, còn đối với những kinh luận khác hãy nên chọn lấy những kinh thường được thọ trì để thỉnh. Đối với những bộ kinh sách lớn, chỉ ghi tên. Có ai hỏi tới, hãy nên ước hẹn thỏa đáng với họ, yêu cầu kẻ ấy giao bao nhiêu đó tiền, rồi sẽ thỉnh sách cho người ta. Biện pháp như vậy trọn chẳng tốn sức, mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh kinh luật luận cho thật nhiều mà không có ai đến thỉnh, bị ngâm vốn. Lâu ngày rất có thể sanh mối mọt, đến nỗi hụt vốn! Phàm chuyện gì cũng chớ nên hẹp hòi, phải nhìn theo thời cơ mà làm. Nếu làm theo lời Quang nói, sẽ chẳng mâu thuẫn với ông lẫn Hóa Tam, cũng như chẳng bị mắc lỗi lưu thông thiên lệch và thiếu hụt vốn liếng. Ông hãy nên làm theo đó, chớ nên thay đổi.

Còn như ông đã nói trước đây "chỉ cầu chẳng đọa ác đạo là được rồi", lời ấy ngàn vạn phần chớ nên để manh nha trong lòng, thốt ra ngoài miệng, hay viết ra. Nếu có ý niệm ấy, sẽ chẳng vãng sanh được! Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện quyết định, giữ ý niệm ấy chính là không có tâm quyết định cầu sanh. Có tâm quyết định chẳng cầu sanh sẽ có hại chẳng nhỏ đâu! Đã đánh mất tông chỉ Tịnh độ, làm sao hưởng lợi ích chân thật là vãng sanh Tịnh độ cho được?

Còn như Hóa Tam nhất tâm niệm Phật, thề sanh Cực Lạc, được vãng sanh hay không vãng sanh đều chẳng màng tới, đến nỗi không vãng sanh cũng tốt. Đấy chính là cái tâm xa lìa lo nghĩ, chính là học đòi kiểu ăn nói lớn lối của bên Tông, bên Giáo. Nếu ông là Pháp thân đại sĩ thì lời ấy mới là thật nghĩa. Nhưng bậc Pháp thân đại sĩ muốn lợi ích phàm phu cũng chớ nên thốt ra lời ấy. Nếu là phàm phu sát đất lại còn cầu sanh Tây Phương mà thốt ra lời ấy tức là nói nhăng, nói càn, tự lầm, lầm người, gây hại há thể cùng cực? Ngàn vạn phần chớ nên thuận theo, thuận theo sẽ chẳng có phần vãng sanh đâu nhé!

Phàm phu vãng sanh hoàn toàn cậy vào tâm niệm chí thành tha thiết. Kẻ phó hết thảy cho vô niệm làm sao cảm ứng đạo giao được! Sự cảm ứng đạo giao ấy hoàn toàn do chí thành khẩn thiết quyết định niệm. Bậc chứng vô niệm mới có thể nói lời ấy, chứ kẻ chưa chứng vô niệm mà thốt ra lời ấy đều thành lầm lạc như Tô Đông Pha lúc lâm chung, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng đau ư? Còn như nói: "Đừng nói là nghiên cứu luận Khởi Tín, hãy tùy sức kham làm được mà đọc rộng rãi ba tạng mười hai bộ." Lời ấy đem nói với bậc thượng trí thì là lời tốt lành, khế lý khế cơ, chứ bảo với bậc trung hạ sẽ phạm lỗi tràn lan lẫn lộn, thiếu phương hướng. Nói dễ dàng sao? Thử hỏi ông và Hóa Tam có phải là căn tánh ấy hay không?

Tông môn dạy người khán một câu chẳng có ý nghĩa gì! Tịnh độ dạy người chuyên trì Phật hiệu, bởi tóm gọn sẽ dễ đắc lực, hễ thênh thang sẽ khó được lợi ích. Ngay như bên Giáo, tuy nói "không giảng diễn rộng rãi sẽ không được", nhưng vẫn cần phải "chuyên nghiệp" (dốc sức nghiên cứu chuyên tinh một kinh luận nào đó) thì mới là thật tu. Thêm nữa, coi kinh thì có kẻ nhằm để gieo thiện căn, có kẻ để mở mang tri kiến, có kẻ lấy đó làm công khóa khác nhau. Để gieo thiện căn thì các kinh luận trong Tam tạng giống như nhau, không phân đây kia. Để mở mang tri kiến, hãy chọn lấy loại vừa dễ hiểu lại vừa khế cơ. Để làm công khóa thì chuyên tâm thọ trì một hoặc hai thứ, chí thành khẩn thiết, cứ thẳng đường mà đọc, hiểu cũng chẳng phân biệt, không hiểu cũng chẳng phân biệt, xem lâu ngày chầy tháng sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước dày. Lời Hóa Tam đã nói chính là "ham cao, chuộng xa"! Xin hãy đưa thư này cho Hóa Tam xem, ngõ hầu có thể quở trách được cố tật của ông ta.

385. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu (thư thứ tám)

Pháp yếu ma mạnh, những chuyện thương tâm ấy không nơi nào chẳng có, nếu địa phương có vị trưởng quan tốt hay thân sĩ tốt thì mới có thể chấn chỉnh được. Nếu không, làm sao ra sức được? Chỉ nên nhờ vào đó để làm sự răn nhắc cầu vãng sanh, tận lực tu trì tịnh nghiệp, tùy sức khuyến hóa mà thôi. Đối với chuyện sức mình chẳng thể làm được, há nên can dự xằng, đến nỗi chuyện của chính mình cũng bỏ phế mà chuyện ấy cũng chẳng thể thành tựu. Nếu có ai thế lực lớn lao, tài lực lớn lao, có thể khuyên nói được, thì chẳng ngại gì trọn hết tâm mình. Nếu không, cứ để mặc kệ họ mà thôi! Cổ nhân nói: *"Quân tử tư bất xuất kỳ vị"* (Quân tử suy nghĩ không ra ngoài địa vị chánh đáng của mình), không có tài lực, thế lực ấy mà cứ cưỡng làm, chắc sẽ khiến cho các chướng ngại dấy lên. Mọi chuyện đều chớ nên không suy nghĩ tình thế cẩn thận coi xem có làm được hay chăng?

386. Thư trả lời cư sĩ Sư Khang

Quang đã cao tuổi rồi, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, suốt mười năm qua bận bịu với loại chuyện bên ngoài này, công phu của chính mình thật khó thể chuyên tinh. Nếu nay chẳng đi theo đường khác, chắc sẽ bận bịu đến chết, đã vô ích cho người mà còn tổn hại cho mình. Hiện thời tất cả các sách Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, mỗi thứ đều cho tạo bốn bức chỉ bản. Lại còn có bản in cỡ nhỏ in bằng giấy báo của các cuốn Học Phật Thiển Thuyết, Trợ Giác Quản Kiến, Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu Hợp Biên, Sát Sanh

Phóng Sanh Hiện Báo Lục của Giang Thận Tu, Giới Sát Phóng Sanh Văn Hợp Biên của các vị như Liên Trì v.v., Cách Ngôn Liên Bích (cuốn này do ông Trương Thụy Tăng nhờ in), Gia Đình Bảo Giám, Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu, bảy loại sách này cũng cho làm thành bốn bức chỉ bản. Sau này hễ có ai phát tâm muốn in, cứ liên lạc thẳng với Đại Trung Thư Cục hoặc sở quản trị nhà tù Tào Hà Kính. Do vậy, cũng không cần Quang phải lo liệu nữa!

Lời ông nói quá sức lớn lối! Phật pháp ví như biển cả, ai có thể một hơi uống cạn, một bước đạp tận đáy? Chỉ dựa theo thiên tư của chính mình để tu trì, dùng những điều ấy để tự hành, lại dùng những điều ấy để dạy người, dẫu chưa thể thấu triệt trọn vẹn các pháp, chỉ cần nương theo pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương này thì nào có thiếu sót chi? Ông nói lời khó khăn nhất trong các việc khó rồi lại muốn xin thưa hỏi dài dòng, Văn Sao chẳng đủ để giáo huấn ư? Kinh, luận, ngữ lục của Tịnh độ đều chẳng đáng để y chỉ ư?

Lời di chúc khẩn yếu là giữ gìn thân thể, tấm thân của ông quan hệ đến cả nhà, cha ông đã ra ngoại quốc rồi, trong nhà ông còn có mẹ, cậu em thứ hai và cô em gái nhỏ đều trông cậy vào ông. Nếu ông chẳng biết thận trọng giữ thân, cả nhà sẽ nguy lắm. Xét theo tánh cách của ông, cũng trọn chẳng đến nỗi dâm đãng, nhưng trong vòng vợ chồng cũng nên điều độ, chớ nên mặc sức tham ưa khoái lạc. Đối với những điều kỵ húy trong Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên suy xét kỹ càng, ghi nhớ. Cũng nên bảo Sư Thiệu đọc kỹ, ngõ hầu được sống hạnh phúc đến già, cùng được sống lâu, khỏe mạnh.

Những kẻ thanh xuân ở góa trong cõi đời cũng như những người cưới vợ chưa được mấy chốc vợ đã chết, mười phần hết tám chín là do chẳng biết tự thận trọng đến nỗi uổng mạng. Há có phải mỗi trường hợp đều do bổn mạng từ lúc sanh ra đã như thế ư? Nếu La Tế Đồng[3], thương nhân X… và đứa con của thương gia Y… đọc kỹ Thọ Khang Bảo Giám, đã biết rành rẽ những điều kỵ húy, há có chuyện bị chết ngay ư? Quang thương bọn họ vô tri, nên mới đặc biệt biên tập sách này (đã in năm vạn cuốn). Sợ ông nghĩ "ta chẳng đến nỗi phạm tà dâm, cần gì phải đọc sách ấy". Vậy là sai lầm quá đỗi rồi! Hoàng đế Đồng Trị[4] cũng do bệnh chưa lành mà ân ái nên phải chết.

---

[3] Theo lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám, La Tế Đồng bệnh nặng đã lâu, uống thuốc mãi chẳng lành, phát phẫn thề không uống thuốc nữa, sống được thì sống, hễ chết đành chịu. Vợ chí thành cầu nguyện, thề ăn chay suốt đời, ông ta đang bệnh ngặt nghèo liền chuyển biến, khỏe mạnh dần dần. Do chưa bình phục hoàn toàn mà đã ăn nằm với vợ nên bệnh lại trở nặng, mới ngoài bốn mươi đã chết. Tổ Ấn Quang ân hận đã không răn nhắc ông ta về chuyện này bèn tận lực in cuốn Thọ Khang Bảo Giám để răn nhắc mọi người.

[4] Đồng Trị, tên thật là Ái Tân Giác La Tải Thuần (1856-1874), con của vua Hàm Phong và thái hậu Từ Hy, lên ngôi vua lúc mới 5 tuổi, tuy mang tiếng là thái hậu Từ Hy buông rèm nhiếp chánh, nhưng thật

Chuyện này quả thật là đạo trọng yếu để giữ thân yên đời. Thuở xưa, hoàng đế còn sai viên quan truyền lệnh dùng mõ gỗ đi khắp nẻo đường (tức đường sá, ngõ ngách trong thôn làng) để bảo ban. Nay thì cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến khi con phạm phải những điều kỵ húy chết mất rồi, chỉ biết gào khóc, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Tôi có tình thâm giao với cha ông, mẹ ông mà vợ chồng ông lại quy y với tôi, tôi xem vợ chồng ông như con cái vậy. Vì thế mới nói lôi thôi như thế này. Những vị thiện tri thức khác quyết chẳng nói đến chuyện này, chẳng biết ông có nghĩ lời Quang là đúng hay không? Những điều khác đã có trong kinh điển, nên Quang chẳng cần phải nói nữa.

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Kỷ Tỵ - 1929)

387. Thư trả lời cư sĩ Chu Thọ Siêu

Sao ông chẳng hiểu đạo lý đến mức như thế? Bệnh mắt phát sanh, chẳng biết sám hối hết thảy ác nghiệp trong đời trước, đời này, lại đổ thừa vì ăn chay! Vậy thì người ăn mặn trọn chẳng có ai bị bệnh mắt ư? Ông nghĩ ăn chay là thiện hay là ác? Nếu nói ăn chay là ác thì ăn mặn là thiện, vậy thì trộm cướp giết người cũng là thiện, so với kẻ ăn mặn càng thiện hơn nhiều. Nếu bảo ăn chay là thiện, thì làm thiện trọn chẳng có lẽ nào đâm ra bị ác báo. Kẻ gặp phải ác báo chính là do ác nghiệp đời trước, do niệm Phật ăn chay mà chuyển được đại khổ thành tiểu khổ. Đối với điều này chẳng sanh lòng kinh sợ lại sanh oán hờn, há có phải là bậc quân tử "vui biết mạng trời, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu" ư? Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật, quyết định ăn chay. Dẫu khổ sở gấp vạn lần so với bệnh mắt, cũng chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh. Giữ được tấm lòng như thế, xử sự như thế, chắc chắn sẽ nghiệp tiêu, mắt sáng, tâm địa mở mang, chẳng giống những kẻ hồ đồ vô tri vô thức chẳng biết tốt xấu.

Ông không thấy kinh Kim Cang đã dạy: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp của người ấy trong đời trước đáng đọa ác đạo. Do đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác" đó ư? Tội của người ấy đáng đọa địa ngục do trì kinh mà chỉ bị người khác khinh rẻ, tội đọa địa ngục thảy đều tiêu diệt, trong vị lai còn được thành Phật đạo. Điều ấy do chính kim khẩu của đức Phật nói ra. Ông hoàn toàn chẳng hiểu rõ đạo lý chánh đáng trong thế gian nên vừa gặp nghịch cảnh bèn sanh oán hờn, còn đổ tội cho ăn chay, đáng gọi là "uổng công đọc sách thánh hiền".

---

ra vua không có quyền hành thực tế nào. Đêm xuống, vua thường mặc thường phục cùng mấy gã thái giám thân cận, lén trốn ra khỏi cung, lê la trong các chốn ăn chơi để nhậu nhẹt, đánh bạc, vui thú với bọn kỹ nữ. Chánh sử chép vua mất vì bệnh đậu mùa; nhưng theo dã sử, vua chết vì bị bệnh hoa liễu.

Niệm Phật lấy chí thành làm chủ, nếu chí thành sẽ chẳng bị tán loạn cho lắm, hãy nên dùng phương pháp vừa niệm vừa nghe. Lần chuỗi chẳng qua để ngừa giải đãi, nếu lần chuỗi gây trở ngại thì chẳng cần phải lần. Vừa niệm vừa nghe so ra tốt hơn niệm theo hơi thở. Hãy nên nói là tùy tức (niệm theo hơi thở), chớ nên gọi là sổ tức (đếm hơi thở). Cách vừa niệm vừa nghe trong Văn Sao của Quang sợ ông chẳng khéo dùng được, vậy thì chỉ niệm cho rõ ràng rành mạch, nghe cho rõ ràng rành mạch là được rồi. Chỉ y theo lời tôi, quyết chẳng bị lầm lẫn. Nếu y theo ngu kiến của chính mình, tôi sẽ tuyệt giao, chẳng cần phải gọi Quang là thầy nữa!

388. Thư trả lời Đông Xá Tây Khách

Lăng-nghiêm có gì mà chẳng nên nghiên cứu, nhưng phải lấy Tịnh độ làm chủ thì hết thảy kinh đều nêu tỏ được lợi ích của Tịnh độ. Phần mở đầu của kinh Lăng-nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế ấy, cho nên biết chúng sanh đời mạt vẫn muốn dùng Thiền để giải quyết đại sự sẽ tự lầm, lầm người lớn lắm! Huống chi 25 pháp Viên Thông, xếp pháp Viên Thông của ngài Thế Chí trước pháp Viên Thông của đức Quán Âm, ngụ ý đề cao, lấy Tịnh độ làm pháp chánh yếu lớn lao lắm. Trong phần giảng rõ về cảnh ngũ ấm ma, kinh dạy người phá được hai ấm sắc và thọ vẫn còn có chuyện bị ma dựa. Đủ thấy dùng tự lực để liễu sanh tử khó khăn, nương Phật lực để liễu sanh tử dễ dàng. Nghiên cứu được như vậy thì lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, bặt suy nghĩ, ngưng thần đọc kỹ như người vào đảo báu lớn, ắt sẽ có sở đắc. Nếu giống như đi đường vội vã chỉ mong cho lẹ, hận chẳng thể vừa coi là xong, thì chẳng những không hiểu được nghĩa kinh, mà đâm ra lâu ngày còn mắc bệnh, thậm chí tổn khí, thổ huyết v.v.. Kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng có ích; kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng tổn hại. Kinh Lăng-nghiêm quả thật là kinh điển mầu nhiệm để hoằng dương Tịnh tông, nhưng kẻ chưa biết pháp môn Tịnh độ thường do Lăng-nghiêm mà ngược ngạo khinh miệt pháp môn Tịnh độ. Đấy gọi là "người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí", do chính mình chưa đủ chánh nhãn, cứ dùng ý kiến của chính mình để hiểu kinh mà ra.

389. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ nhất)

Con người sống trong thế gian thọ - yểu, cùng quẫn - hanh thông, đều do nhân đời trước gây nên. Nhưng kẻ đại thiện hay đại ác cũng chuyển họa thành phước, chuyển phước thành họa, đủ mọi loại bất đồng. Vì thế, thánh hiền đều chú ý nơi tu trì, Phật pháp cũng chú trọng nơi sám hối. Hễ sám hối "tánh khiên" (lỗi lầm nơi tâm tánh), tu sửa đức mình, thì hết thảy sự thọ dụng đều chẳng phải do túc

nghiệp cảm thành như cũ nữa. Hãy nên đọc kỹ thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ biết rõ! Há phải chỉ có họa phước do chính mình chuyển biến, mà ngay cả thánh hay phàm cũng do chính mình chuyển biến. Hiểu rõ điều này, sẽ dốc sức nơi một pháp "làm thánh, liễu sanh tử". Nếu không, dẫu cho đại hiếu tôn kính cha mẹ, là kẻ cực hiếu dưỡng trong thế gian, phú quý, học vấn trùm lấp cõi đời, vẫn chỉ là huyễn tướng trống rỗng phù hoa biến hiện trong cơn huyễn mộng. Sau khi đã hiện xong, nào còn có dấu tích thật sự để được nữa ư? Như vậy thì phàm là công danh, con cái, học vấn, danh dự, rốt cuộc trọn chẳng liên can gì đến chuyện sanh tử cả!

Các hạ chỉ nên chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, có con cái hay không đâu cần phải nghĩ tới. Em trai ông có con, dẫu ông không có, tổ tiên há tuyệt chẳng có người nối dõi ư? Những đứa con giết cha giết mẹ trong hiện thời, cha mẹ chúng trong thuở ấy có bao giờ chẳng xem chúng là kẻ nối dòng tiếp dõi đâu? Đang trong thời thế này, các hạ tuổi đã năm mươi, mà vẫn than thở "dòng trưởng không có con cái". Những kẻ bị con giết chết chắc là chết rồi vẫn vui vẻ nghĩ "ta còn có con, chẳng đến nỗi phải tiếc nuối gì" ư? Nay gởi cho ông một gói gồm An Sĩ Toàn Thư và các loại sách, xin hãy đọc kỹ, chắc sẽ chẳng đến nỗi mong tưởng những cảnh hư huyễn, phù hoa đã qua trong thế gian.

Lệnh lang tuy thông minh, ôm tấm lòng lo toan cho nước, cho dân, tiếc là hoàn toàn chưa nghe đạo, những gì anh ta bôn tẩu hô hào chẳng qua là thuận theo trào lưu quấy rối mù quáng đến nỗi tử vong. Nếu anh ta biết loạn lạc sở dĩ dấy lên là vì chẳng dốc sức nơi giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ biến sự nhọc nhằn, siêng năng tẩy chay hàng hóa của Nhật Bản thành nhọc nhằn siêng năng áp dụng đạo căn bản để mưu toan bình trị thì người như vậy sẽ trở thành học trò của thánh hiền, chẳng uổng chỉ mang suông tâm chí hào hiệp mà thôi. Thông minh đâm ra bị thông minh gây lầm lẫn, đáng thương như thế đó!

Các hạ coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang chẳng đáng là thiện tri thức, nhưng chẳng thể không dùng lời lẽ ý tứ của một thiện tri thức để thưa trình lên các hạ hòng chẳng thiếu sót tình quen biết. Nếu các hạ vẫn chẳng nguôi lòng cầu con, xin trước hết hãy tiết dục để thân thể của chính mình được khỏe mạnh, hòng làm cái gốc sanh thành con cái, tích âm đức nhằm xoay chuyển lòng trời, trì danh hiệu Phật để tạo lợi ích cho khắp cả ta lẫn người. Lại khuyên lệnh phu nhân cũng nên giữ tấm lòng như thế, xử sự như thế, lại còn phải lễ bái, cúng dường, xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Nếu tâm kiền thành, ắt sẽ sanh được đứa con làm rạng rỡ thanh danh gia đình.

Phẩm Phổ Môn có dạy: "Nếu có nữ nhân muốn cầu con trai, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, liền sanh con trai phước đức trí tuệ. Nếu muốn cầu con gái, liền sanh con gái đoan chánh có phước tướng, đã gieo trồng gốc đức từ đời trước, được mọi người yêu kính." Các hạ muốn cầu có con nối dõi, hãy nên theo phương pháp Quang vừa mới nói để cầu thì không khi nào chẳng cầu được. Nếu không, dẫu có sanh được con, chắc là khó thể bảo đảm nó chẳng bị hãm trong những trào lưu cực đoan, quá khích, đến nỗi đi theo con đường đại nghịch vậy! Viết ra những điều này để xin ông hãy sáng suốt suy xét. Trong tháng 9, chắc chắn Quang sẽ diệt tung tích, chẳng muốn đem ảnh chụp làm gai mắt khắp mọi người, cho nên chẳng gởi. Nếu y theo lời Quang nói chính là thấy được lòng Quang, chứ tướng xấu sờ sờ há đáng nhắc đến ư?

390. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ hai)

Lá thư trước đã gởi đi hôm 16. Đọc thư ông, khôn ngăn bật cười! Chẳng thể tiết dục, gấp muốn có con! Chẳng biết cái gốc để sanh con là ở chỗ bồi dưỡng thân thể và âm đức, chẳng tiết dục thì tinh loãng chẳng thể đậu thai. Dẫu có đậu thai, sanh được con, ắt nó cũng sẽ bấy bớt, khó khôn lớn được. Nếu muốn sanh được đứa con tốt lành có thể kế thừa thanh danh của gia đình thì phải đoạn dục một năm, hoặc nửa năm, ngõ hầu thân thể mạnh mẽ, tinh thần sung túc, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt rồi mới chung đụng một phen, liền có thể đậu thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt ân ái thì đứa con sanh ra nhất định mũm mĩm đầy đặn, tánh tình lương thiện, chắc chắn không có những bệnh lên sởi, trái rạ v.v. và chẳng lo nó không lâu sau sẽ chết.

Với ác nghiệp đời trước, hãy chí tâm sám hối, kiền thành tụng kinh, sẽ tự có thể tiêu diệt. Há nên tin tưởng Thọ Sanh Kinh[5], sanh vào năm nào đó sẽ phải trả nợ chừng đó tiền thọ sanh. Đấy là kinh do tăng sĩ chuyên làm kinh sám bịa ra, sao ông lại tin đó là thật? Cần biết rằng, từ vô lượng kiếp đến nay, do tham sân si tạo giết trộm dâm, đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên, hãy nên phát tâm đại Bồ-đề tự lợi lợi tha, chí thành niệm Phật, tụng kinh để mong tiêu diệt. Cũng như dùng công đức ấy để siêu độ cha mẹ của chính mình trong đời này, tổ tông họ hàng nhiều đời, khiến họ đều được tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thoát khỏi đời ác ngũ trược này, sanh sang cõi tịnh bảy báu kia, ngõ hầu chẳng thẹn làm con, làm cháu của người khác, chẳng thẹn làm đệ tử Phật.

[5] Đây là một loại ngụy kinh, theo đó mỗi người sanh ra đều thiếu một khoản tiền ở âm phủ để được đi đầu thai. Nếu không làm các "pháp sự" đốt vàng mã, tiền bạc, hình nhân thế mạng sẽ bị tổn phước giảm thọ, thậm chí suốt đời không ngóc đầu lên được. Ngay trong Phật môn miền Bắc Việt Nam hiện thời, cũng có nhiều vị hòa thượng thuộc các sơn môn lớn vẫn tin tưởng chuyện này và còn bày vẽ thêm những nghi thức rườm rà để làm đàn trả nợ thọ sanh.

Ông hỏi kinh nào tốt nhất, chẳng biết hết thảy kinh Đại thừa đều tốt, ông có thể thọ trì từng kinh một hay chăng? Nếu đã chẳng thể trì khắp, hãy cứ trì mãi Kim Cang, Tâm Kinh, kinh Di-đà, chú Đại Bi, không có loại nào chẳng tốt cả. Chỉ cần chí thành, cung kính thì công đức lớn lao. Nếu không, do trì tụng chắc sẽ có công đức nhưng có thể bị tội lỗi do tâm không kiền thành chắc sẽ đến nỗi trở thành khinh nhờn. Lại cần phải lấy việc niệm Nam-mô A-di-đà Phật làm công khóa để hằng ngày thường tu không gián đoạn, ấy chính là đem vạn đức hồng danh của đức Như Lai huân tập cái tâm nghiệp thức của chính mình, lâu ngày chầy tháng, tâm sẽ tự có thể hợp với Phật và tâm hợp với đạo.

391. Thư trả lời cư sĩ Vương Tu Bổn

Tâm phàm phu chỗ quen thì quá quen, chỗ lạ thì quá lạ, chẳng đem chữ chết treo trên trán, quyết khó thể đè nén vọng tưởng. Vọng tưởng đã chẳng thể đè nén được thì vọng tưởng sẽ thành chủ, bản tâm thành tớ. Do vậy, bao nhiêu bậc anh hào lỗi lạc bị vọng tưởng xua đuổi vào ba ác đạo, vĩnh viễn không có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Một pháp niệm Phật là pháp thực hiện dễ dàng nhất, thành công dễ dàng nhất trong Phật pháp, hết thảy các pháp đều lưu xuất từ pháp này, đều quy hoàn pháp này. Vì thế được gọi là "pháp môn thành tựu lúc đầu, thành tựu lúc cuối để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh". Xin đừng coi là thừa thãi để sau này còn có lúc được lợi ích.

Trừ in sách và làm chuyện công ích ra, Quang đều chẳng cần đến tiền. Do một là không có đồ chúng, hai là không nơi chốn, ba là chẳng thích tích cóp những vật vô ích. Tuy chưa đến ngày chết, nhưng hằng ngày thường nghĩ đến lúc chết. Vì thế chẳng giống với những tăng sĩ trong cõi đời, chuyên muốn tích cóp để mong sau này dùng cho chính thân mình hoặc cho con cháu dùng.

(Ngày 18 tháng 6)

392. Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh

Pháp môn niệm Phật giống như bảo châu như ý, có thể tùy ý con người mà mưa hết thảy báu. Chỉ cần khẩn thiết chí thành niệm Phật, sẽ tự nhiên tội nghiệp tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, siêu độ tiên vong (người đời trước đã khuất bóng) đều được vãng sanh Tây Phương, sao chẳng thể nói là "nương theo Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương"?

Con lại hỏi nên tu như thế nào sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương? Con hỏi như vậy chính là không hiểu lý quá sức! Người niệm Phật mỗi ngày sáng tối vẫn cần phải đem công đức tu trì của chính mình hồi hướng cho *tứ*

ân tam hữu[6] và hết thảy chúng sanh trong pháp giới, huống hồ chẳng thể làm cho phụ mẫu vãng sanh Tây Phương ư? Chỉ cần cung kính, chí thành đến cùng cực, lại còn phải phát tâm độ khắp hết thảy chúng sanh. Phàm với hết thảy những kẻ hữu duyên đều đem pháp này khuyên nhủ, đem công đức tu trì của chính mình, công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh và công đức khuyên người khác để hồi hướng cho cha mẹ, chắc chắn sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh. Nhưng cần phải chân thật, tận lực thực hiện thì mới được. Nếu hời hợt, ơ hờ, tuy chẳng phải là không có lợi ích, nhưng sợ rằng chưa chắc sẽ được vãng sanh.

Niệm Phật phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải cung kính chí thành, phải lắng tai nghe kỹ, phải phát tâm phổ độ chúng sanh. Phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, luôn thường tự phản tỉnh. Hễ có tâm bất thiện dấy lên bèn lập tức tiêu diệt, phàm có tâm thiện đều nên khiến cho nó được mở rộng ra. Dẫu sức chẳng làm được, tâm ấy quyết chẳng thể không sanh! Nói chung, lúc thường ngày phải giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành để làm pháp trị thân trị tâm. Niệm Phật như thế sẽ đáng là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể ở trong thế giới này phổ độ những người cùng hàng thoát lìa sanh tử. Vì sao vậy? Do có thể thật hành, người ta sẽ dễ bị cảm hóa. Nếu không, sẽ là kẻ giả thiện, tâm hạnh giả dối, sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự.

Hết thảy chúng sanh do dâm dục mà sanh, con phát tâm giữ lòng trinh tu hành, phải nỗ lực. Nếu có những thứ tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoạt đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cẩu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thủng đê, từ đấy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự châm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên.

---

[6] Tứ ân gọi đủ là tứ trọng ân, có hai cách hiểu:

1. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ, quyển 11, tứ ân là "ân cha, ân mẹ, ân Như Lai, ân thầy thuyết pháp".

2. Cách hiểu phổ biến hơn (được nhắc tới trong Giáo Thừa Pháp Số quyển 13, Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận, Tứ Ân Hiếu Thuận Sao và các kinh luận khác) thì tứ ân là "ân cha mẹ, ân chúng sanh, ân quốc vương (tức ân đất nước) và ân tam bảo".

Tam hữu là tên gọi khác của tam giới, tức Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Do có phiền não, vọng tưởng, sanh tử v.v. nên gọi là hữu.

Giữ lòng trinh mà giữ được tốt đẹp thì tốt hơn đi lấy chồng, nào phải chỉ tốt đẹp hơn trăm ngàn vạn lần; không giữ được lòng trinh vẹn toàn thì lại còn thua lấy chồng cả trăm ngàn vạn lần. Bởi lẽ nam nữ lập gia đình chính là giềng mối của con người trong trời đất, nam nữ chung chạ bừa bãi chính là hành vi của súc sanh. Súc sanh chẳng biết lý, chẳng biết luân thường. Con người biết lý, biết luân thường, mà vẫn muốn làm chuyện chung chạ bừa bãi, quả thật chẳng bằng súc sanh! Cậu của con đã thờ ta làm thầy, nói con có thiện căn muốn giữ lòng trinh, ta không phá cái tâm giữ lòng trinh của con, chỉ sợ con có đầu không đuôi, đâm ra mắc tội với trời đất, cha mẹ, Phật, Bồ-tát. Vì thế ta khôn ngăn dài dòng một phen.

Lại nữa, sao con không phát tâm ăn chay? Con thử nghĩ xem, thịt trên thân con mà cắt ăn thì có ăn được hay chăng? Thịt của chính mình chẳng thể ăn được, sao hằng ngày lại giết loài vật để ăn? Hết thảy sanh linh chẳng phải do con giết, nhưng con dùng tiền để sai người khác giết, sát nghiệp vẫn giống hệt! Huống chi con muốn sanh về Tây Phương, đức Phật lấy từ bi làm gốc, con đã ăn thịt tức là không có tâm từ bi. Vì con là người chân thật tu hành nên ta mới nói lời này. Nếu là kẻ hờ hững hời hợt, tuy chẳng ăn chay vẫn có thể niệm Phật, chứ không phải là kẻ ăn mặn chẳng được niệm Phật. Chẳng thể không biết điều này. Những điều khác không cần giảng giải, con chỉ đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi đều tháo gỡ.

Quang bận việc đến cùng cực, chớ nên thường gởi thư đến. Dẫu có nói gì đi nữa, cũng chẳng ngoài những ý đã nói trong Văn Sao. Phật pháp quảng đại, dẫu Đăng địa Bồ-tát[7] cũng chẳng thể biết hết được, nhưng muốn được lợi ích thật sự thì chỉ có một câu "Nam-mô A-di-đà Phật" này là có thể thoát khỏi sanh tử, chứng Niết-bàn, viên thành Phật đạo. Chúng ta là phàm phu hạ căn, chẳng làm theo pháp môn cực đơn giản thì chỉ có thể trở thành gieo thiện căn mà thôi; muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, có mộng cũng mơ chẳng được. Con có thể y theo lời ta nói thì đáng gọi là Liên Anh. Nếu không, tuy mang tên Liên Anh, chỉ sợ thành rừng tội mà thôi!

(Ngày 17 tháng 4)

393. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân

Nhận được thư, biết ông tu trì tinh ròng siêng năng, chú trọng khiết tịnh cung kính, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Phàm người tu hành ắt phải lấy niệm Phật làm chánh hạnh, lấy trì chú, tụng kinh và làm các chuyện lợi ích làm trợ hạnh. Chánh - trợ cùng hành sẽ như thuận nước căng buồm trong biển khổ sanh tử này,

[7] Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.

mau được vào biển tát-bà-nhã[8] (nhất thiết trí). Nếu chẳng sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương, cứ niệm Phật, trì chú v.v. hờ hững thì đều chỉ thành phước báo cho đời sau mà thôi. Pháp môn Tịnh độ thông trên thấu dưới: kẻ sắp đọa A-tỳ mà niệm Phật còn được vãng sanh; bậc đã chứng Đẳng giác vẫn phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Đừng vì Mật tông có nghĩa "thành Phật ngay trong thân này" mà bỏ mặc vãng sanh Tây Phương không bàn tới nữa thì mất mát lớn lao thay!

Trì chú cố nhiên nên kiền thành, khiết tịnh, niệm Phật cũng phải kiền thành, khiết tịnh, nhưng tận tâm tận lực là được rồi. Nếu nói: "Như kẻ đại phú quý lập riêng Phật đường, những kẻ khác đều không có phần tu hành", có lý ấy hay chăng? Ông tên là Kính Thời, tên tự là Thọ Nhân[9], hãy lấy pháp môn niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc, khiến họ sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể chí thành niệm Phật, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm an lạc, sao lại chỉ biết nể sợ, trọn chẳng biết dùng Phật pháp để chỉ dẫn? Như vậy mà còn gọi là phát tâm Bồ-đề, tự lợi lợi tha được ư? Quyến thuộc như thế, người ngoài cũng như thế. Phàm kẻ nào không bảo ban được thì đành thôi, kẻ nào bảo ban được, ắt phải khuyên lơn, khích lệ. Công đức ấy lớn lắm!

Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, trọn không có lúc nào ngưng dứt, ấy là do hết thảy chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm! Trong ác nghiệp chỉ có giết chóc là nhiều nhất, chỉ có giết chóc là thảm khốc nhất. Muốn cho thế đạo thái bình, nhân dân yên vui, ắt mọi người phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật thì mới là lời bàn luận giải quyết từ căn bản.

Ông đã phát tâm niệm Phật lại kiêm trì chú, theo đúng lý nên ăn chay trường. Nếu nói "phải thù tiếp bên ngoài, khó được như pháp", thì trong lúc thù tiếp phải quyền biến theo phương tiện, nhưng trong những lúc ta có thể làm chủ được thì trọn chớ nên vẫn ăn thịt hết thảy chúng sanh y như cũ. Dẫu trong lúc thù tiếp cũng chớ nên mặc sức tham ăn thì mới nên; còn trong vòng quyến thuộc, hãy nên giảng bàn nhân quả, khuyên họ đừng ăn, thì mới gọi là người tu hành chân thật. Đừng nói: "Ta tu hành nên ăn chay, bọn họ không tu hành, ăn mặn cũng không sao!" Nên biết nỗi khổ của hết thảy những con vật bị giết và nỗi khổ phải trả báo trong tương lai. Vừa thử nghĩ đến, lông trên thân đều dựng cả lên, chẳng những không nỡ mà còn chẳng dám nữa.

---

[8] Tát-bà-nhã (sarvajña), còn phiên là tát-vân-nhiên, tát-bà-nhã-đa, dịch là nhất thiết trí. Hàm nghĩa: trí biết rõ hết thảy các tướng trong ngoài của các pháp, tức trí rốt ráo của đức Phật

[9] Thọ nhân（授人）là truyền trao cho người khác, nên tổ mới dạy: "Hãy lấy pháp môn niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc."

Người niệm Phật ai nấy tùy phận, chuyên niệm Phật hiệu cũng được, mà kiêm thêm tụng kinh, trì chú và rộng tu vạn hạnh cũng được. Nhưng chớ nên trọn chẳng có đầu mối thứ tự, ắt phải lấy niệm Phật làm chủ, làm chánh hạnh, những thứ khác đều là khách, là trợ hạnh thì tốt lắm! Nếu không, sẽ như rải tiền trong nhà, chẳng xỏ thành chuỗi, sẽ không thọ dụng được. Cũng giống như vào biển thiếu kim chỉ nam, chẳng có gì để nương theo.

Thờ tượng Phật, Bồ-tát thì tượng vẽ hay tượng khắc đều được, chỉ cần coi tượng ấy như đức Phật thật sự, tự nhiên sẽ được phước, được tuệ. Nếu vẫn coi là giấy, gỗ v.v. ắt sẽ tổn phước, giảm thọ. Nay gởi cho ông một bộ Văn Sao vừa mới in và một bộ Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo, ngài Thiện Đạo chính là hóa thân của Phật Di-đà, ngài dạy chuyên tu; phần khẩn yếu nhất là phần chú giải chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, xin hãy đọc kỹ!

394. Thư trả lời cư sĩ Long Trừng Triệt

Ngày 29 tháng trước, tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi mười bốn gói kinh sách, đã nhận được hay chưa? Đấy không phải là sách của Hoằng Hóa Xã biếu tặng, mà do Quang dùng tiền thỉnh bảo họ gởi đi. Quang một mực hễ cần thỉnh sách để tặng cho người khác bèn bỏ tiền ra, trả theo giá bán của Hoằng Hóa Xã, một là để người nhận hóa đơn thỉnh sách khỏi vì Quang mà làm điều sai trái, hai là có thể tùy ý thỉnh bao nhiêu cũng được, không ai dám sanh ý kiến hiềm nghi. Do Quang chẳng dám tùy ý lấy sách, hễ cần bao nhiêu sách tôi trả tiền chừng đó, thì hai đằng đều không trở ngại. Hiện thời tôi nghĩ mình đã chết, đã không còn tích cóp nữa. Nếu muốn thỉnh thêm, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoằng Hóa Xã, Quang chẳng cần phải dính vào đấy.

Lao Sơn chính là chỗ đại sư Hám Sơn hoằng hóa. Trần Phi Thanh muốn sửa chùa, cầm bản sao bộ Niên Phổ của đại sư đến cậy tôi ấn loát lưu thông, Quang gởi thư cho các thư viện hỏi tìm bản sớ giải bộ Niên Phổ, họ đều không có. Sau này nghe nói ở chùa Gia Hưng tại Bắc Kinh giữ được trọn vẹn bộ sách, liền cậy người thỉnh về sao ra để in. Vì thế gởi đến cho ông hai gói. Ngài Hám Sơn có công lớn đối với Phật pháp, có công lớn đối với xã tắc nhà Minh. Nếu sư chẳng bị đày xuống Quảng Đông, do cười nói mà dứt được đại loạn vừa mới manh nha bao lần thì nước nhà thuở ấy thật nguy ngập còn hơn trứng chồng vậy. Trong bài Lục Vịnh Tụng, Quang đã nêu đại lược những điểm quan trọng, sự việc được thành tựu hay không là do người có lòng.

Đầu tháng này, Đường Đào Dung gởi thư đến xin đặt pháp danh cho ba người. Trong số ấy có ông Trương Huân Đống tự hào về tài văn chương, tự cảm thấy

khắp cả vùng Vu Hồ chỉ có mình ta tài cao. Ông Đường nói với ông ta về nhân quả, ông ta chẳng tin. Ông Đường bảo ông Trương đọc Văn Sao, ông Trương đọc mấy thiên liền cầu ông Đường xin quy y giùm, nhưng đối với chuyện niệm Phật cầu vãng sanh vẫn chưa chịu hoàn toàn cắm đầu tin theo. Nếu ông ta đọc đến bức thư gởi cho Cố Hiển Vi, chắc sẽ chẳng dám không cắm đầu tin theo! Ông Đường xin được đến núi ở mấy tháng vào năm sau, Quang chẳng chấp nhận; dẫu có đến cũng chỉ được ở mấy ngày rồi đi. Người này do cư sĩ tiến dẫn, so ra là hạng nam tử chí hướng còn hời hợt, ơ hờ, nhưng còn chân thật, thiết tha; huống chi anh ta lại còn là người Hồi Hồi nữa!

(Ngày 19 tháng Đông năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 - 1940)

395. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh kế từ[10] niệm Phật sanh Tây, khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Con người có sống ắt phải có chết, chết mà chẳng được vãng sanh thì nỗi khổ trong vị lai làm sao có thể diễn tả được. Nay cụ đã được sanh về Tịnh độ, đáng bảo là "người cực phú quý trong thế gian cũng khó thể sánh bằng trong muôn một, chẳng sống uổng chết phí" vậy! Tôi sửa đổi tiểu truyện của cụ đôi chút. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, kính cẩn vâng giữ quy củ đã thành lập của Phật, của tổ, khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại gọi Quang là Thái Sơn, Bắc Đẩu của Tịnh tông đương thời? Chỉ nên thuật rõ sự việc vãng sanh của lệnh kế từ là được rồi, chớ nên khen ngợi sáo rỗng quá lố. Mấy hôm trước, khoản tiền in sách do cư sĩ quyên cúng là 50 đồng và khoản tiền hương kính của lệnh muội Thang Huệ Chánh là 24 đồng đã được lệnh tỷ trượng[11] Địch Am đưa cho, tôi đều nhận được cả rồi, đừng lo. Tôi quên mất địa chỉ của Bạch Vân Am ở chỗ nào, vì thế nhờ Địch Am chuyển thay.

396. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ hai)

Người già nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Chép kinh phải chí thành cung kính, chẳng cẩu thả một nét bút nào. Lại cần phải giáo chánh, đối chiếu tường tận, chẳng để cho sai sót. Nếu có sai sót, hãy nên chép chữ khác, chớ nên bôi sửa, viết thêm vào, để lâu ngày khỏi bị kẻ tánh tình cẩu thả bỏ sót mất. Chép một câu liền đối chiếu một câu; chép một hàng, đối chiếu một hàng. Chép xong một trang thì lại đối chiếu tường tận cả trang hai ba lượt thì mới có thể không bị sai sót. Nếu bị sai sót mà chẳng muốn chép lại cả trang thì đánh dấu chữ sai, viết chữ đúng vào bên cạnh; ngàn vạn phần chớ nên xóa sửa, giậm thêm nét. Chữ ông không đẹp

[10] Lệnh kế từ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính mẹ kế của người khác.
[11] Lệnh tỷ trượng: tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính anh rể người khác.

lắm, không cần phải chép Hoa Nghiêm nữa. Do chữ không đẹp lắm, người đời sau sẽ chẳng rất chú trọng, nhất tâm niệm Phật còn hay hơn.

Nếu niệm Phật có vọng tưởng thì nên vận tâm lắng nghe, từng câu từng chữ đều phải nghe cho rõ ràng, bất luận niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng hoặc niệm thầm trong tâm đều phải nghe cho rõ ràng. Lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất. Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", đấy chính là pháp lắng tai nghe kỹ vậy. Hãy nên y theo đó mà niệm sẽ chẳng đến nỗi vọng tưởng tơi bời y như cũ.

(Ngày 29 tháng Giêng)

397. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, trước đây do đất Hỗ (Thượng Hải) chưa yên ổn chẳng tiện gởi ngay; về sau lại ngờ rằng bệnh viện có thể đã chuyển đi nơi khác, cho nên mới chần chừ đến hôm nay. Nay gởi tổng cộng sáu gói sách: bốn gói sách cư sĩ tự giữ, một gói chuyển giùm cho Phương Huệ Uyên, một gói giao thẳng cho cư sĩ Địch Am. Mùa hè năm nay có thể nói là nóng nực hiếm thấy, hiện thời lại bị hạn hán, cuộc sống của người dân thật đáng xót thương! Chẳng phải là thiên tai thì cũng là nhân họa, hai thứ ấy thường hay giáng xuống cùng một lúc. Đang trong thời thế này, tốt nhất chỉ nên sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngoài ra, không lập được cách nào khác nữa đâu! May là cả nhà cư sĩ vẫn yên vui, càng phải nên niệm Phật để mong thoát lìa.

Trước đây, tôi đã nghe người ta nói ngài Đế Nhàn bị bệnh, đã nhờ Mã Khế Tây hỏi thăm, ông ta nói: "Sau khi nhận được thư thầy không lâu, con sang thăm, vẫn thấy ngài Đế Nhàn yên vui." Nay nhận được thư của cư sĩ mới biết ngài đã bị bệnh hơn tháng, như vậy là sau khi Khế Tây đến thăm xong thì ngài mới ngã bệnh. Ngài Đế Nhàn quả thật là cột trụ trong pháp môn, nếu có chuyện gì bất trắc thì Phật pháp sẽ không có người chống đỡ. Quang ở đất Tô cũng khá bận bịu, đợi in xong dăm ba bộ sách sẽ rời Ngô Môn rồi chỉ niệm Phật đợi chết mà thôi!

(Ngày 27 tháng 6)

398. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông thân tâm yên vui, tâm lợi người ngày càng tăng tấn, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Quang tính hôm 23 sẽ xuống núi, trưa hôm 24 sẽ đến Công Đức Lâm, nhờ ông báo tin cho bọn họ: Trước ngọ ngày 24 tôi sẽ đến Công Đức Lâm, trở về ngay trong bữa ấy, họ cũng chẳng cần phải đến đấy từ hôm trước.

Bởi lẽ mấy người đến từ hôm trước, nghỉ tại Ninh Ba chẳng những tốn nhiều tiền mà cũng bất tiện. Hiện thời là tình thế hoạn nạn, xin hãy bảo lệnh lang Chí Cần và cô con dâu hằng ngày phải niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bao nhiêu đó câu để phòng ngừa tai họa. Năm ngoái, lệnh tức[12] đã miễn cưỡng quy y ở Cư sĩ lâm, chẳng biết vẫn còn có thể miễn cưỡng tu trì hay chăng? Đầu mùa thu năm nay, khi chuyện in sách đã kết thúc xong xuôi, trong khoảng tháng 8, tháng 9, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì kẻ khác, đâm ra lỡ làng đại sự sanh Tây của chính mình. Trong tháng 6 vẫn trở về núi ở cho hết hè, tháng 7 xuống núi, không trở về nữa. Tháng 8, tháng 9 liền ở ẩn để vĩnh viễn không qua lại giao thiệp với hết thảy mọi người.

399. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ năm)

Thư trước chắc ông đã nhận được rồi. Ông nói vọng niệm quá nhiều là vì ông cứ một mực ứng phó ngoại duyên, đến nỗi trong lòng tạp niệm tưng bừng diễn ra. Hãy nên nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, nhất tâm niệm Phật thì vọng niệm sẽ liền tiêu diệt, chứ không phải vì thông thuộc kinh hay không.

Ông nói đến Phổ Lợi Phật Thất (Phật thất lợi ích rộng khắp), đem kinh biếu tặng, ấy chính là dùng kinh Phật để siêu độ cô hồn, há nên nói "mắc tội khinh mạn"? Chuyện ấy đem so với chuyện hồi hướng công đức cho chính mình càng lớn hơn nữa. Nếu không có chuyện gì, người ta chẳng cầu xin mà chính mình cứ cưỡng tặng cho người ta, người ta vẫn chẳng để ý thì quả thật mắc tội khinh mạn Phật pháp. Lệnh muội biết chữ, thông hiểu văn lý, có thể làm cho chồng và con cô ta đều cùng sanh lòng tin thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Há nên lầm lẫn muốn trở về Nam để mong gặp mặt Quang? Bởi lẽ gặp mặt Quang có ích chi đâu? Nếu cô ta có thể y theo Gia Ngôn Lục để tự hành, dạy người, sẽ hơn gặp mặt Quang nhiều lắm!

Người tu hành phải tu cả "nội công" lẫn "ngoại công". Ông một mực dùng nhiều phương cách giúp sức cho những hành động tốt lành, ấy là ngoại công, nhất tâm niệm Phật chính là nội công. Ngoại công là trợ hạnh, nội công là chánh hạnh, chánh trợ cùng hành, lợi ích thật lớn! Nhưng người đã tới tuổi 50, tháng ngày chẳng còn mấy, cố nhiên nên đặc biệt chú trọng nội công, bớt làm ngoại công, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những hành động tốt lành xoay chuyển, rốt cuộc vẫn ở trong Sa-bà!

400. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ sáu)

[12] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con dâu người khác.

Chúng sanh tập khí quá sâu, muốn làm cho họ thay đổi thật chẳng dễ dàng. Cơ duyên niệm Phật của vợ chồng Tử Cần vẫn chưa chín muồi, chớ nên miễn cưỡng! Cư sĩ đã lập cách huân tập, chắc dần dần họ sẽ sanh lòng tin. Một phụ nữ ở Tào Hành Trấn thuộc vùng phụ cận Thượng Hải mỗi khi niệm Phật liền bị mẹ chồng chửi mắng, ngăn cấm, cô ấy vẫn chẳng thay đổi. Lâu ngày mẹ chồng cũng niệm Phật, cũng quy y. Nay thì bà cụ còn tinh tấn hơn con dâu nữa! Xin ông hãy từ từ, đừng sanh ưu phiền.

Lý tức là lý tánh, tức là Phật tánh mà Phật và chúng sanh đều sẵn có, tánh ấy có đủ hết thảy công đức. Sự chính là tu trì và đoạn hoặc chứng chân v.v.. Do trong tự tánh sẵn đủ những công đức ấy nên tu đến mức cùng cực sẽ xứng tánh hiển hiện, do vậy gọi là "lý sự viên dung". Nếu chỉ biết bản tánh sẵn đủ, chẳng tu trì thêm thì đến tột cùng đời vị lai cũng chẳng thể đích thân chứng được lý "tánh sẵn đủ" ấy, đó gọi là "chấp lý phế sự, lý cũng chẳng viên". Vì thế, người tu hành hễ đã ngộ được lý "tánh sẵn đủ", ắt phải thiết thực tu trì.

Phương pháp tu trì chỉ có trì danh niệm Phật thật là bậc nhất, vì thế hãy nên chuyên chú nơi tín nguyện trì danh. Lại còn lấy "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" làm trợ hạnh, lợi ích sẽ lớn lao. "Hồ đến, Hồ hiện" nghĩa là tâm như gương sáng, gương vốn rỗng lặng, trọn chẳng có một vật gì, nhưng lại tùy theo cảm mà ứng, người Hồ đến thì trong gương liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến gương cũng hiện bóng người Hán giống như thế. Ngồi ngay ngắn niệm thật tướng chính là nhất tâm chuyên chú nơi chân như Phật tánh bất sanh bất diệt để mong triệt ngộ, thật chứng. Loại công phu này thật chẳng dễ dàng đạt được; nếu chẳng hiểu rõ lý, chắc sẽ khởi ma sự, bất tất phải dùng loại công phu này!

(Viết dưới đèn hôm 14 tháng 3)

401. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ bảy)

Cổ nhân nói: *"Đại nhân bất xướng du ngôn"* (Người lớn chẳng nói chơi), cư sĩ do thấy pháp sư Tịnh Ải xả thân mà khởi lòng cảm mộ, nhưng nhất tâm niệm Phật thì được; chứ nếu hơi nẩy sanh ý tưởng muốn bắt chước Tịnh Ải thì không được. Do bậc đại sĩ ấy vốn là Pháp thân đại sĩ, trọn chẳng có thân kiến và các phiền hoặc, chẳng qua thị hiện sanh trong thế gian nhằm hóa độ chúng sanh, hiện cái thân do cha mẹ sanh ra này để thực hiện sự giáo hóa, bọn nghiệp lực phàm phu chúng ta chẳng thể bắt chước được đâu! Điều chúng ta nên dốc sức chính là sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành khẩn thiết để trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

Kỳ hạn vãng sanh mặc cho duyên trễ hay sớm, chớ nên khởi tâm mong ngóng được vãng sanh ngay. Bởi lẽ sợ rằng do tâm mong ngóng ấy cố kết nhưng tâm hành nhân chưa thật sự tương ứng với Phật, các ma sự ắt sẽ dấy lên. Viễn Phàm chỉ sợ cư sĩ đã quyết định mang cái tâm ấy, hãy nên cực lực khuyên giải, cũng là thiên chức đáng nên trọn hết của kẻ làm con. Xin từ nay về sau tâm đừng nghĩ tưởng tới những thứ ngôn luận ấy cũng như bảo với con cái điều mong ngóng ấy để lòng họ khỏi phải lo âu.

402. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tám)

Hôm qua nhận được thư ông kèm theo thư của Chí Phạm, biết sở học vẫn tiến bộ, đạo tâm càng thêm kiên cố, an ủi lắm! Tử Cần chữa bệnh thì đối với những căn bệnh do oán nghiệp khó lành, hãy nên dạy bệnh nhân xưng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm và khuyên họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật. Chẳng những bệnh nhân được hưởng sự tốt lành "tiêu nghiệp, khỏi bệnh", mà y đạo của Tử Cần cũng sẽ nhờ đấy ngày càng phát đạt. Gần đây Tây y hễ thấy bệnh nhân ăn chay bị bệnh liền thường khuyên họ nên ngã mặn, bảo ăn thịt giàu chất bổ, chẳng biết gây trở ngại cho phép dinh dưỡng, lại còn kết oán nghiệp nữa. Thư của Chí Phạm kính gởi trả lại theo thư này, xin hãy thu nhận.

403. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ chín)

Thư nhận được đầy đủ, ngài Đế Nhàn qua đời đích xác là vãng sanh. Cảnh tượng lúc ngài mất vẫn chưa đến mức kinh thiên động địa, vì ngài dành thời gian giảng thuyết nhiều, thời gian chuyên dụng công tu tịnh nghiệp ít ỏi. Nếu là thường nhân thì rất chẳng dễ được như vậy, chứ với ngài Đế Nhàn thì cảnh tượng lúc vãng sanh như thế vẫn chưa xứng với thân phận. Ngài Đế Nhàn đã mất rồi, dưới tòa của ngài pháp tướng đông đảo như rừng. Đối với các vị pháp tử biết mạng của sư Đế Nhàn, Quang đều chẳng dám mong theo kịp. Trong thư ông nói hai cây trụ lớn của Phật giáo đã gãy một, chỉ còn mình Quang đảm đương, nói như vậy chính là chẳng biết Quang chỉ là một ông tăng tầm thường nuốt cơm húp cháo mà thôi! Do được ngài Đế Nhàn chẳng chê bỏ Quang là phường vô tích sự nên mới giao du ba mươi mấy năm.

Đối với chuyện thù tiếp theo thói thường, Quang nhất loạt chẳng làm theo, chỉ hồi hướng cho sư suốt một thất trong khóa tụng sáng tối để trọn hết tấm lòng tôi mà thôi. Ông nói lệnh thân hữu muốn quy y, sao không đến quy y với bậc dựng cao tràng pháp gần đấy, mà lại bỏ gần tìm xa, chọn một ông tăng chỉ biết cơm cháo để quy y vậy? Dẫu nói ông ta cố ý phát nguyện muốn quy y với Quang, nhưng nếu thuận tiện sẽ đến đất Tô thì tốt lắm, chứ còn đặc biệt đến đất Tô để

quy y thì cố nhiên chẳng bằng gởi thư cầu xin quy y sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Còn như nói cư sĩ đích thân đi cùng ông ta đến đây, tôi nào dám đảm đương? Phàm mọi chuyện đều phải nên càng giản lược, càng ít việc càng hay.

Tịnh Độ Thập Yếu đã sắp chữ xong, chẳng bao lâu nữa sẽ in ra, ước chừng cuối tháng 8 sẽ có thể in thành sách. Hiện thời đang sắp chữ cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, sách này do cư sĩ Phan Đối Phù thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập. Sắp chữ cuốn này xong sẽ sắp chữ bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Thanh Lương, Cửu Hoa, Nga Mi Chí sẽ được sắp chữ sau. Năm trước tới đất Tô là vì Phổ Đà Chí chưa xong, do vậy lại sắp chữ mấy loại sách, nay vẫn còn năm bộ sách này. Đến khi cả năm bộ hoàn tất rồi, tôi sẽ ở ẩn, niệm Phật hiệu cho nhiều để mong lâm chung chẳng đến nỗi tay chân cuống quýt, bị người khác chê cười!

404. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Tiên thiên lẫn hậu thiên đều suy nhược thì hãy nên chú trọng khéo bảo dưỡng. Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch, sức bồi bổ của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của gạo không biết mấy lần. Quang ăn ròng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Ăn gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. So với sâm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần. Kẻ có tiền uống sâm là vì không biết dùng tiền nên làm chuyện hao phí ấy, chứ không phải là nhân sâm thật sự có thể bồi bổ con người.

Thêm nữa, dầu mè đại ma[13] cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè tiểu ma do bị chưng cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa, con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đấy là mùi của dầu bị cháy. Hạt sen, quế viên, hồng táo, khiếm thực, ý mễ[14] đều có thể dùng để bồi bổ, há cứ phải cần tới huyết nhục

[13] Nguyên văn "ma du" tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:

1. Đại ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.

2. Tiểu ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là hương du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chưng nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

[14] Quế viên (dimocarpus longan) còn gọi là long nhãn, á lệ chi, hay yến noãn. Vị thuốc nhãn nhục chính là phần thịt của loại nhãn này.

Hồng táo (ziziphus jujuba): Ta thường gọi là "táo Tàu", để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông y với tên gọi là đại táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.

Khiếm thực (euryale ferox salisb), còn gọi là kê đầu, là một loại thực vật thuộc họ súng (có sách giảng khiếm thực chính là củ súng, nhưng căn cứ trên hình chụp và miêu tả, nó chỉ giống với hoa súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tía, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m3. Hoa sắc tía, thường nở vào

mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bổ dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. Nếu chẳng ăn được thì hãy nên ăn kèm, lâu ngày sẽ tự biết, mà cũng cảm thấy ăn ngon miệng được. Bài kệ về chuyện ăn trứng gà do kẻ dối trá bịa ra, chớ nên tin theo!

Trong pháp bảo dưỡng thân thể thì thứ nhất là quả dục (ít ham muốn). Nếu chẳng biết tốt xấu, mặc lòng phóng đãng, kỳ hạn chết sẽ đến, tiên đan cũng chẳng linh nghiệm. Dẫu không phóng đãng thì đối với vợ trong nhà, cũng phải nên nói rõ nguyên do bảo dưỡng thân thể, tạm ngưng ân ái một hai năm. Nếu không, hoặc nửa năm mới gần gũi một lần, hoặc một quý (ba tháng) mới gần gũi một lần. Nếu ngày ngày ăn nằm thì tinh tủy khô kiệt, làm sao không chết cho được? Người tiết dục sanh ra con cái thân thể mạnh mẽ, ít bệnh, dễ thành người. Kẻ đa dục hoặc chẳng thể sanh con do tinh lỏng, chẳng thể thụ thai. Dẫu có thể sanh ra con, chắc sẽ chết yểu. Dẫu cho chẳng chết yểu, cũng tàn tật, yếu đuối, không nên cơm cháo gì! Không biết ông đã cưới vợ hay chưa? Nếu chưa cưới, hãy nên thong thả rồi hãy cưới. Nếu đã cưới, quyết phải tạm thời đừng ở cùng một phòng để mong thân thể bình phục. Đấy lời thiết thực Quang nói với ông, ông khéo hiểu được ý Quang thì sẽ tự được phước thọ miên trường, con cháu phát đạt.

(Ngày mồng 6 tháng Giêng năm Dân Quốc 12 - 1923)

405. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết rõ hết thảy. Trong đời bây giờ chính là lúc ma vương ngoại đạo xuất thế, nếu trong đời trước chưa gieo thiện căn chân thật, kẻ có tín tâm sẽ đều bị lọt lưới ma hết, do lũ ma ấy đều có những pháp hiếm lạ quái dị nhất để mê hoặc, lay động lòng người. Năng lực của Giang Thần Đồng là do quỷ thần dựa vào thân, chứ không phải thật sự là thần đồng sẵn trí hiểu biết từ lúc mới sanh ra. Trước kia, một người bạn là ông Trương Chi Minh đưa cho tôi đọc lá thư kêu gọi chấm dứt chiến tranh của Giang Thần Đồng[15]. Tôi đã phê những chỗ không hợp lý trong lá thư ấy, sẽ chuyển đến cho ông. Đến khi Quang đã chỉ ra những khuyết điểm phi lý trong lá thư ấy, người bạn ấy không nhắc tới nữa.

---

khoảng hạ - thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh đài, rất nhiều cánh hoa, trông tựa tựa như hoa súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông y cho rằng khiếm thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bệnh di tinh, hoạt tinh, bạch đái, tỳ hư, đi tiểu lắt nhắt v.v..

Ý mễ chính là ý dĩ (coix lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt ý dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v.. Nó thường được nấu chung với long nhãn, phổ (thổ) tai, sương sa (rau câu) v.v. thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi sâm bổ lượng.

[15] Xin đọc "Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham" (số 128) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2. Chi Minh là tên tự của Bá Nham.

Cái gì là Tông Giáo Đại Đồng Hội, gì là Thích-ca hóa thân, người có trí thức nghe nói sẽ biết ngay là ma vương hiển hiện chuyện lạ để mê hoặc mọi người, cần phải đợi hỏi ai nữa! Những "lão sư" trong Đồng Thiện Xã cũng ở tại Tứ Xuyên, phàm ai nhập hội đều phải bỏ tiền làm công đức, đến khi bỏ tiền ra thì bảo gởi đến Tứ Xuyên, tiền ấy do lão sư phân phối. Bất luận Đường Hoán Chương, bất luận Đặng Thiệu Vân[16] đi nữa, đều là phường yêu ma quỷ quái, dẫn hết thảy thiện nam tín nữ cùng hãm vào hầm sâu tà kiến.

Phật pháp đâu có dạy người luyện tinh - khí - thần! Bất luận loại ngoại đạo nào, hễ bỏ luyện đan vận khí đi thì chúng không còn đạo gì để nói nữa. Nếu người chân chánh tu pháp ấy thì cũng có thể kéo dài tuổi thọ, chứ liễu sanh tử thành Phật thì chính là nói mớ. Bọn họ trọn chẳng biết sanh tử là như thế nào, Phật là như thế nào, toàn rập khuôn nói nhăng nói càn để lừa nam nữ nhà người ta. Nếu là bọn tà dâm sẽ mượn những danh từ "khảm ly giao cấu, anh nhi xá nữ giao cấu v.v." để dụ những phụ nữ trẻ tuổi làm chuyện dâm ô. Lại còn coi điều ấy là truyền đạo; kẻ vô trí tuy bị ô nhục vẫn chẳng xem đấy là phi pháp, cho đó là "được truyền đạo", chẳng giống như vợ chồng những kẻ không theo đạo hành dâm. Buồn thay! Sao mà người đời mê muội đến thế?

Linh học[17] cầu cơ cũng chính là tác dụng của linh quỷ, cũng có khi chân tiên giáng đàn, nhưng trong trăm ngàn trường hợp chỉ được một hai, còn thường thì là linh quỷ mạo danh, trọn chớ nên tưởng đó là thật. Trong Văn Sao, Quang cũng đã nói đại lược rồi. Đạo đức của Giang Thần Đồng cũng là do cầu cơ mà có, cũng là cùng một kiểu thối tha như Linh Học Hội[18]. Người học Phật chớ nên dự vào loại hội ấy, nhưng người học Phật hiện nay có bao nhiêu kẻ nương theo Phật pháp mà biết Phật pháp? Do vậy, hễ nghe nói những chuyện quỷ quái, lạ lùng, đặc biệt của bọn chúng bèn như chim kiến xúm xít, ếch nhái góp giọng gây náo nhiệt mà thôi. Đáng than hết sức!

---

[16] Đây là những chức sắc trong Đồng Thiện Xã hoạt động truyền giáo mạnh mẽ ở Hoa Nam thời ấy.

[17] Linh học (Spiritualism) là một thứ phong trào thịnh hành ở châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 tin vào sự cầu đồng (séance), xoay bàn cơ (ouji board) để giao tiếp với cõi âm. Khi qua Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, nó được pha trộn với tín ngưỡng cầu tiên giáng đàn (cơ tiên, thường được gọi là thiện đàn) để hỏi đạo, xướng họa thơ văn, tạo ra những giáo phái pha trộn lung tung những giáo thuyết của tam giáo và thường xưng là "tam giáo đại đồng, hòa đồng tôn giáo, Phật giáo chánh truyền, cơ phổ độ mới, phổ độ kỳ ba v.v.".

[18] Linh Học Hội nói ở đây chính là Thượng Hải Linh Học Hội, do các ông Dương Tuyền, Du Phúc, Lục Phí Quỳ, Đinh Phước Bảo, Nghiêm Phục v.v. sáng lập, xuất bản tờ Linh Học Tùng Chí để làm cơ quan tuyên truyền. Ngoài phương thức cầu cơ (phò loan) theo hình thức cổ truyền của Trung Hoa, họ còn áp dụng kỹ thuật cầu đồng bằng bàn xoay, lên đồng, và vận dụng tâm lý học, yêu quái học (demonology), thuật thôi miên, chụp ảnh bóng ma v.v. theo kiểu Tây Phương, nhằm nghiên cứu những hiện tượng tinh thần một cách "khoa học" để giải quyết những băn khoăn về thế giới bên kia.

Lệnh hữu là ông Vương bị lậm ma đã sâu, ví như con chó ăn phân bảo là vô thượng mỹ vị. Ông ta trọn chẳng biết Phật cũng là vì thiếu chánh tri chánh kiến, một mực như con chó tìm phân, như nhặng bu theo hơi thối, như kiến tìm đến chỗ tanh tưởi, gọi đó là học Phật, thật ra là học ma! Những kẻ xuất gia hiện thời có bao nhiêu kẻ biết Phật pháp, cũng thường học luyện đan, vận khí, cầu cơ v.v.. Cái thuyết "chỉ khiếu" (tức chỉ những huyệt quan trọng trên thân để luyện đan vận khí - chú thích của người dịch) chính là cái gốc để mê hoặc con người nhiều nhất. Nếu gặp phải phụ nữ trẻ tuổi, đa phần bị những kiểu cách ấy làm loạn, tội ác cực nặng. Tà chánh chẳng thể đứng chung, chánh pháp rạng ngời thì tà pháp tự bị tiêu diệt. Nay dòng giống ma trọn khắp thiên hạ, cũng là do đồng phận ác nghiệp của chúng sanh cảm nên.

Tịnh tọa nên đề khởi tinh thần, lắng lòng niệm Phật; nếu chẳng đề khởi tinh thần, hễ tịnh liền ngủ gục. Đấy là căn bệnh chung của chúng sanh. Chuyện quyên góp tu bổ cây hương nơi đại điện của Tử Trúc Lâm chính là do kẻ ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc không có vốn liếng nên làm chuyện ấy, mượn tiếng sửa sang Phật điện làm kế gạt tiền. Đấy là chủng tử địa ngục A-tỳ. Đại điện của Tử Trúc Lâm đã hoàn bị, cần gì phải sửa chữa? Ông hãy nên nhất tâm trì giới niệm Phật, mặc cho ma vương ngoại đạo hiển hiện bất cứ bản lãnh ma mãnh gì cũng đều chẳng quan tâm đến thì sẽ chẳng bị lũ ma lôi vào ma đảng.

Trước tháng 6 gởi thư đến thì được, sau tháng 6 chớ nên gởi thư tới, vì ông Thí Tỉnh Chi phát tâm tu bổ chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu (do Quang khuyên nhủ, phát khởi, nên Quang phải đến đó). Đấy chính đạo tràng của đại sư Tề (Tư Tề Thật Hiền Tỉnh Am), tức vị tổ thứ 11 trong Liên tông. Họ cần Quang đến đấy để lo liệu bàn bạc. Chưa đầy mười hay hai mươi hôm sau, lại phải tới chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, do chùa Pháp Vân được thành lập, ông Ngụy Mai Tôn cần Quang tới đấy, cho nên có thể sớm hay muộn sẽ theo Quang qua Nam Kinh. Ở đấy cũng chưa đầy mười hay hai mươi hôm, sẽ từ Nam Kinh đến Dương Châu để sắp xếp chuyện ấn tống Văn Sao. Văn Sao đã khắc xong, hễ in ra sách lại sắp chữ riêng bản khác. Đã có mấy người bạn chịu trách nhiệm in một vạn bộ, ước chừng nửa sau tháng 9 sẽ có thể về đến Phổ Đà. Nếu không, đầu tháng 10 ắt về đến, do khí trời chớm lạnh, ở bên ngoài chẳng tiện.

(Ngày 21 tháng 4 năm Dân Quốc 12 - 1923)

406. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ ba)

"Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành", nếu muốn học Phật đạo để thoát phàm

tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh mà mong bay cao. *"Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật"*, phàm phu sát đất muốn liễu sanh tử ngay trong đời này nếu chẳng y theo bốn câu này thì sẽ thành "không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái", muôn vàn chẳng có lẽ ấy. Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dự vào bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Xin ông hãy gắng lên!

407. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tư)

Nhận được thư và bưu phiếu 20 đồng, chẳng thất lạc, xin ông hãy yên tâm. Tôi quả thật muốn cho mọi người xem bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh rồi sẽ sanh lòng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, chứ không phải chỉ nhằm mục đích quyên mộ mà thôi! Ông trên có mẹ già, dưới có quyến thuộc, hãy nên siêng năng dốc sức chăm lo cửa tiệm. Nói tới chuyện tu trì thì tùy theo thân phận của từng người, nếu thân không rảnh rỗi thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, đọc đôi chút kinh sách Tịnh độ là được rồi. Vì thế chẳng cần phải đi sang nơi khác xa xôi để mong tịnh tu. Nhà ông có cửa tiệm, chủ tiệm chẳng ở tại nhà, chắc người hầu sẽ làm chuyện sai quấy (cờ bạc, ngủ lang v.v.), hoặc không chừng tiểu nhân sẽ thừa cơ trộm cắp. Ông đừng mang tâm cao xa, muốn làm vị cư sĩ đại thông gia! Chỉ nên nhất tâm niệm Phật và vào ban đêm ở trong nhà khuyên mẹ và quyến thuộc cùng niệm.

Ông biết sanh tử là chuyện lớn, vô thường mau chóng, sao chẳng nghĩ mẹ ta đã già, dám không dùng nhiều cách khuyên nhủ để mẹ cùng niệm Phật với ta, cũng như quyến thuộc đều cùng niệm Phật? Một là để làm vui lòng mẹ, hai là nếu một người niệm thì người chưa sanh lòng tin liền cảm thấy chẳng có hứng thú gì, nhưng do nhiều người niệm liền cảm thấy hứng thú. Lúc rảnh rỗi, đem Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, những điều hợp với kẻ sơ cơ trong bộ Văn Sao của Quang để giảng tường tận cho mẹ và các quyến thuộc. Nếu mẹ có thể sanh được lòng tin cầu sanh Tây Phương thì hiếu thuận chi hơn. Lại xin ông đừng đến chùa X…, hãy ở trong tiệm, trong nhà, tùy phận tùy sức tu trì thì sẽ có ích lợi, không gây tổn hại cho chính mình, mà còn có thể khiến cho mẹ và các quyến thuộc cũng như những kẻ hầu được huân tập lâu ngày sẽ dần dần gieo thiện căn. Nếu chẳng y theo lời tôi thì đối với thế gian lẫn xuất thế gian đều phạm lỗi ngỗ nghịch, sợ rằng lâu ngày sẽ có chuyện lo nghĩ ngoài ý muốn. Ông nên biết tốt xấu, đừng mặc tình theo ý mình, không sửa đổi!

Đối với 20 đồng ông đã gởi, đợi đến tháng 8 khi Quang sang Kim Lăng (Nam Kinh) sẽ cầm theo để giao. Ông nói đến bà cụ ăn chay, ông đã đọc Văn Sao của

Quang rồi đó: Nếu cụ có thể đến Phổ Đà thì cũng được; không đến càng tốt, khỏi bị khổ sở và hao tốn tiền tài. Quán Âm Bồ-tát tùy theo lòng cảm mà ứng hiện trọn khắp pháp giới, cúng dường lễ bái ngài trong nhà cũng giống hệt như lễ bái cúng dường ngài tại Phổ Đà. Cần gì phải đi xa đến tận Phổ Đà mới là "triều lễ" ư? Hãy nên đưa Tịnh Nghiệp Chỉ Nam cho bà ta xem. Pháp tắc dụng công niệm Phật trong Văn Sao đã nói đầy đủ. Dẫu gặp mặt Quang thì cũng chẳng qua là vẫn nói những lời ấy mà thôi, há nào có một bí quyết truyền dạy riêng tư nào đâu? Có bí quyết truyền dạy riêng tư tức không phải là Phật pháp, mà chính là ma vương ngoại đạo.

Bọn ma vương ngoại đạo kia hễ động đến là cả ngàn cả vạn, đều do mánh lới "có bí quyết truyền dạy riêng tư", và ai muốn nhập môn thì trước hết phải phát lời thề độc địa. Dùng mánh lới ấy để mê hoặc ngu phu ngu phụ cùng hãm vào hầm tri kiến lầm lạc sâu vạn trượng, không thể thoát ra được. Buồn thay! Phàm những ai có lòng tin đều nên nương theo Văn Sao để niệm Phật, sẽ liền có thể tùy duyên độ sanh vậy.

408. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ năm)

Tháng 10 năm ngoái, tôi đến Nam Kinh, gặp đúng lúc bạn bè là Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông v.v. mua đất làm đạo tràng phóng sanh. Họ bàn bạc vừa xong, Quang liền đưa 100 đồng của ông Đặng Khế Nhất để giúp sức. Bọn họ lôi kéo Quang làm người phát khởi, bảo Quang viết lời sớ, một là để quyên mộ, hai là để khuyên khắp hết thảy mọi người kiêng giết, phóng sanh. Mai Tôn cho khắc in để phổ biến lưu truyền, có ai chịu phát tâm trợ duyên thì cũng tốt, chẳng trợ duyên mà chịu nghe theo lời sớ ấy để kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cũng tốt. Hiện nay đạo tràng ấy đã hoạt động, đặt tên là Pháp Vân Tự, do phỏng theo ngài Vân Thê niệm Phật phóng sanh mà đặt tên như vậy.

Ông Mai Tôn đã 62 tuổi, làm quan Hàn lâm đời Thanh trước kia, phẩm hạnh đoan chánh, ngay thẳng, từ thời Dân Quốc trở đi, không ra làm việc nữa. Từ năm trước sau khi quen biết với Quang rồi, liền ăn chay trường niệm Phật. Do ông ta thấy hiện thời nạn đao binh, nạn thổ phỉ, thiên tai liên tục giáng xuống đều do sát nghiệp cảm vời, nên cực lực đề xướng chuyện kiêng giết, phóng sanh để mong vãn hồi sát kiếp. Pháp Vân Tự hiện đã cất được năm gian liên xã và ba gian ở bên cạnh, lại còn đào một cái ao lớn, hai cái ao nhỏ và còn có một cái ao lớn nữa chưa vét. Hiện thời đã dùng tới một vạn hai ba ngàn đồng. Chuyện sửa chữa đại điện v.v. còn đợi bậc đại từ thiện có đại tài lực giúp cho thành tựu.

Nay gởi cho ông mười tờ sớ, nếu ai chịu phát tâm trợ duyên thì tùy theo sức của từng người mà giúp. Khoản tiền đóng góp gởi về cư sĩ Ngụy Mai Tôn ở xóm Cao Cang thuộc cửa Nam thành Nam Kinh thu nhận. Ông ta nhận được, sẽ gởi biên lai tới. Cơ sở của hội ấy đặt tại am Quán Âm ở ngõ Dương Bì, Nam Kinh, vị trụ trì là sư Diệu Liên, vị đương gia là Tâm Tịnh. Pháp Vân Tự cũng thỉnh hai vị ấy làm trụ trì và đương gia. Cụ Phùng Mộng tuổi ngoài 70 chính là Phùng Mộng Hoa, thầy của ông Mai Tôn, đỗ thám hoa, hiện nay ở nhà không tham chánh, chuyên đề xướng sự nghiệp từ thiện. Vương Ấu Nông cùng quê với Quang, thời Dân Quốc làm Đạo đài huyện Cao Lôi tỉnh Quảng Đông, sau thăng làm Đạo đài huyện Mân Hải. Nghe Tôn Văn muốn độc lập nên vào mùa hè năm Dân Quốc thứ sáu (1917) liền xin nghỉ. Bàng Tánh Tồn làm Tri sự mấy nơi thuộc tỉnh Thiểm Tây, con người ăn ở khá có hậu, tánh từ thiện.

Pháp Vân Tự chỉ chú trọng niệm Phật, không thế độ, không phó pháp, không truyền giới, không làm kinh sám. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật, tham gia niệm Phật thất thì chấp nhận. Chương trình ấy đều do Quang lập ra. Mai Tôn hết sức muốn cho con người kiêng giết phóng sanh nên phàm những lời lẽ khuyên kiêng giết phóng sanh trong bộ Vân Thê Pháp Vựng đều tập hợp lại thành sách, đặt tên là Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục, đã cho khắc ván rồi. Bài sớ của Quang cũng được in kèm vào đó, khi được in ra sẽ lưu thông rộng khắp. Phòng lưu thông kinh sách của ông cũng nên thỉnh sách ấy về để lưu thông. Phóng Sanh Sớ khắc in ra xong, có một người bạn ở Sơn Đông xin đăng trên tờ Sơn Đông Báo (Mai Tôn gởi thư cho biết chuyện này), một người bạn ở Bắc Kinh cho in lại ở Bắc Kinh. Bản khắc gỗ của Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục được cất giữ ở am Quán Âm ngõ Dương Bì. Nơi ấy cũng là chỗ lưu thông kinh Phật.

409. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ sáu)

Lá thư gởi lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Tháng 8 năm nay Quang đến Thượng Hải. Các vị Phùng Mộng Hoa v.v. muốn lập thêm một viện mồ côi trong đạo tràng niệm Phật phóng sanh đã tậu trong năm ngoái. Do trong năm ngoái lúc bọn họ tậu miếng đất ấy, nhằm đúng dịp Quang đến Nam Kinh, bọn họ liền lôi kéo Quang tham dự. Năm nay bọn họ tính lập viện mồ côi, cũng lôi Quang vào đấy. Hôm trước họ đã gởi năm cuốn sổ quyên góp tới Phổ Đà, mong Quang đứng ra khuyên người trong núi quyên tặng. Quang là khách sống tại Pháp Vũ, chẳng thể nhắc đến chuyện quyên mộ, do vậy đem gởi cho bạn bè ngoài đời. Nay đem một cuốn gởi cho ông, xin ông cùng với Dương Chấn Nhân, Trần Đắc Lộc v.v. cùng tùy sức giúp quyên mộ và đối với những bạn bè có thể nói chuyện này thì cũng nên khuyên họ tùy duyên vui vẻ giúp đỡ.

Nếu có thể góp thành một khoản tiền lớn thì cũng hay. Nếu không, ắt cũng được trên trăm đồng. Khi đóng góp kha khá sẽ từ Hạ Môn gởi thẳng sang Quảng Nhân Thiện Đường ở ngõ số 1 phường Quảng Nhân, đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải (nơi này chính là một viện từ thiện do Thịnh Hạnh Tôn Cung Bảo một mình lập ra, cụ Phùng Mộng Hoa làm hội trưởng, ban trù tính kế hoạch lập viện mồ côi được lập nơi đấy. Dư Trĩ Liên chuyên lo giữ sổ sách kế toán. Người trong viện từ thiện nhiều, dẫu cho ông ta bận việc, những người khác sẽ đều có thể thay ông ta lo liệu, quyết chẳng đến nỗi thất lạc), giao cho tiên sinh Dư Trĩ Liên thu nhận. Khi ông ta nhận được sẽ gởi biên lai. Sổ quyên góp cũng nên để trong một gói khác chung với thư gởi cho ông Dư Trĩ Liên. Lại nên gởi cho Quang một bức thư để Quang được biết rõ. Quang một mực chẳng muốn làm chuyện này, nay bị các cụ ấy lôi kéo cũng chẳng biết làm sao! Chỉ có thể tùy duyên tùy phận để giúp đề xướng.

Phùng Mộng Hoa tên là Hú, thám hoa xuất thân, từng làm Phủ đài (Tuần phủ) tỉnh An Huy, từ thời Dân Quốc nhất quyết không tham chánh, chuyên lo hoạt động từ thiện. Tuổi đã 81, nhưng rất mạnh khỏe. Ngụy Mai Tôn tên là Gia Hoa, từng làm quan Hàn lâm đời Thanh, từ thời Dân Quốc cũng không tham chánh, ăn chay trường niệm Phật. Chuyện Pháp Vân Tự hoàn toàn do ông ta lo liệu, tuổi đã 62. Diệp Nhĩ Khải tự là Bá Cao, cũng từng làm quan Hàn lâm, cũng ẩn cư niệm Phật. Quan Quýnh, tự là Quýnh Chi, làm quan Hội thẩm ở Thượng Hải, ăn chay trường niệm Phật. Diêu Dục, tự Văn Phu, làm quan giám đốc Hải quan (sở quan thuế), cũng ăn chay trường niệm Phật. Hoàng Khánh Lan, tự Hàm Chi, làm Đạo doãn ở Cối Kê, cũng ăn chay trường niệm Phật. Vương Chấn, tự Nhất Đình, cũng ăn chay trường niệm Phật, không chuyện từ thiện nào ở Thượng Hải ông ta chẳng góp sức. Những vị ấy đều muốn nhân tâm thế đạo được vãn hồi, nên miệt mài khăng khắng tiến hành, tận tâm nơi nghĩa cử vậy!

410. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ bảy)

Nhận được thư, biết cảnh ngộ và sự lưu thông kinh sách gần đây đều chẳng tốt đẹp. Trong lá thư trước, do ông cho biết ông đứng ra lưu thông nên tôi bảo ông thỉnh Văn Sao. Đã chẳng thể lưu thông thì không cần phải thỉnh, Quang há ép buộc ông làm ư? Gia Ngôn Lục được in lần trước sai ngoa thật nhiều, lần này sẽ đích xác, nhưng chưa được sắp chữ vì cần phải sắp chữ Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú cho hoàn tất. Bạch Thoại Chú trước đây vốn được sắp theo cỡ chữ lớn, do người muốn thỉnh quá nhiều, không có sức để lưu thông rộng khắp, nên sắp xếp riêng một bản theo cách thức ấn loát của bộ Văn Sao cho đỡ tốn kém. Tác phẩm

này do một đệ tử là Hoàng Hàm Chi biên soạn, ông này chính là Hoàng Khánh Lan tác giả cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam.

Sách in lần trước đã không còn, in lần này còn chưa ra sách. Khi sách được in ra sẽ gởi tới cho ông, đừng lo! Hai loại sách này đều cho in trước một vạn cuốn, cho làm bốn bức chỉ bản để mong lợi ích khắp hết thảy. Ông chỉ cần đọc kỹ Văn Sao, gắng sức hành điều lành trong thế gian, kiêm tu tịnh nghiệp, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng giữ khuôn phép, ăn uống, nhậu nhẹt, phóng đãng, cờ bạc, và làm đủ thứ âm mưu này nọ giống như gã X… thì khi còn sống đã là tội nhân trong vòng trời đất, chết đi sẽ làm quỷ trong ngục vua Diêm-la. Chẳng những cô phụ ân Phật, mà còn phụ ân cha mẹ dưỡng dục nữa. Đó gọi là "sống uổng chết phí, vô ích cho đời, tổn hại cho mình", chẳng đáng buồn sao? Nếu có thể y giáo phụng hành thì sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, niềm vui sướng ấy không có gì ví dụ được. Ông đã coi tôi là thầy, tôi chẳng thể không nói kỹ càng lẽ lợi hại, được mất để trọn hết thiên chức, bổn phận của tôi. Xin ông hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

411. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tám)

Niệm kinh mà chẳng thể nhớ được thì hãy chí thành niệm Phật, hễ rảnh rỗi bèn chí thành lễ bái, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, tâm thức sẽ sáng suốt, chẳng những có thể ghi nhớ mà còn dễ lãnh hội nữa. Ông bận bịu nhiều việc, không rảnh rỗi để xem thì hãy đọc Văn Sao và kinh sách Tịnh độ tông, chứ không cần phải đọc khắp kinh sách của những tông khác. Chí thành khẩn thiết niệm Phật chính là đường tắt bậc nhất để liễu sanh tử, chớ nên không sốt sắng!

Bộ Văn Sao được khắc in lần này chẳng thể thỉnh để lưu thông trong năm nay được, vì in ra 600 bộ để biếu tặng thì trong một lúc chẳng thể in được. Tàng kinh viện còn chưa định giá. Thỉnh trong khoảng xuân - hạ năm sau thì được, nhưng Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ bản khác được một nửa rồi, năm nay chẳng in ra sách thì tháng 2 năm sau chắc chắn in được, hãy nên lưu thông sách ấy. So với bản khắc gỗ, sách in lần này nhiều hơn sáu bảy chục bài. Cỡ chữ và cách sắp xếp từng hàng thông thoáng giống như trong lần in trước, nhưng mỗi hàng tăng thêm năm chữ, mỗi trang dôi ra hai hàng, vẫn chia thành hai cuốn. Mỗi cuốn có một trăm năm mươi, sáu mươi trang, ước chừng một đồng sẽ thỉnh được hai bộ. Nếu muốn lưu thông, nên thỉnh nhiều sách in lần này sẽ đỡ tốn tiền mà dễ gởi đi.

Như gã họ X… kia chính là ma vương thừa nguyện tái lai, phá diệt Phật pháp. Hắn đã đả phá bài xích hết thảy các tông, các kinh, các luận, chẳng cần hỏi cũng biết hắn là ma vương ác tặc vào trong pháp của ta để phá hoại pháp ta, cần gì phải

hoài nghi nữa. Ông đã nói hoài nghi thì biết là trong tâm ông vẫn cho rằng "những lời gã ác tặc ấy nói chắc cũng không sai, có thể nương theo đó để tu trì được", tri kiến của gã ấy hèn kém chẳng thể kham nổi. Ví như ác tặc tuốt đao dựng cờ, nói là "bảo vệ, che chở địa phương", mà còn có kẻ đã cầu thỉnh khẩn thiết sẵn, xin được từ nay trở đi nương tựa vào hắn, chẳng biết hễ hắn vào nhà ta sẽ tấn công ta, sẽ bức đuổi ta phải bỏ nhà chạy đi; nếu không, sẽ liền bị sát hại. Gã X… nọ chính là kẻ muốn làm cao nhân bậc nhất trong thiên hạ từ xưa đến nay, cho nên mới tự xưng như thế, khiến cho những kẻ chẳng trọng thực hành, chuyện gì cũng đều là nói suông, liền xúm theo như kiến bu, ruồi đậu. Đủ thấy người học Phật hiện thời rất ít kẻ có chánh tri kiến! Nếu có chánh tri kiến thì gặp kẻ như vậy còn chẳng chịu ngó tới, huống là chịu học theo ư? Kẻ ấy tham sân si có thể nói là trong đời không có người thứ hai! Kẻ có chút tri kiến không ai chẳng thấy hắn là ác ma.

Học trò tôi là Y… ở nơi hắn ba năm, ông ta vẫn niệm Phật. Lúc mới tới, gã X… cực lực quở trách không chấp nhận, ông ta bèn cực lực phản đối vặn ngược lại, gã X… ấy chẳng làm sao được, để mặc cho ông ta niệm không hỏi tới nữa. Phật, Bồ-tát được thờ ở nơi hắn đều là những vị được tôn thờ trong tông nọ, nhưng suốt năm chẳng thắp một nén hương, suốt năm chẳng lễ một lần. Xem kinh cũng giống như đọc kịch bản, trọn chẳng cung kính. Những trước tác của cổ nhân hễ không hợp với mình liền bảo ngay là "thả rắm". Đã thế tâm tham không nhàm chán, do nhân duyên khắc toàn bộ Đại tạng bèn quyên góp tiền tài của khắp những người có tín tâm nhưng mù quáng. Hạng người như thế sẽ bị sét đánh; nếu sét không đánh, Phật pháp sẽ bị hắn diệt mất! Biết làm sao được?

412. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ chín)

Đã gọi là người học Phật, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, phổ độ hết thảy. Con người như thế tức là thiện nhân, là người khéo học Phật, chính là đệ tử chân thật của đức Phật. Như ông X… ngỗ nghịch bất hiếu, ôm lòng hiểm ác, bề ngoài tuy học Phật, nhưng trong tâm trái nghịch Phật, người ấy nếu lúc sống chẳng gặp phải tai ương ngang trái, chết đi cũng nhất định sẽ đọa lạc, cần gì phải nhắc tới? Những kinh nghiệm thực tế về niệm Phật há chẳng thể khuất phục được lời lẽ gièm siểm của kẻ sùng bái khoa học ư? Sao ông không đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục? Những kinh nghiệm thực tế khi lâm chung của những vị được nhắc đến trong bộ sách ấy nào cấm ai bàn luận? Người bàn luận Phật pháp hiện thời do cớ gì phải bỏ những kinh nghiệm thực tế ấy để rồi than

thở suông "phải chịu bó tay"? Đúng là ôm giữ *dạ minh châu,* uổng công tự hận tăm tối, chẳng đáng buồn sao?

Năm ngoái, Quán Âm Tụng đã quyên mộ được tám vạn bộ. Do đã lâu không nghe tin tức gì nơi ông, sợ ông đã thoái chí rồi nên cũng không bảo ông đứng ra chịu trách nhiệm. Tăng Quảng Văn Sao đã in ra, còn chưa đóng bìa xong (Tiền công sắp chữ ở Thượng Hải phải bỏ ra thêm 600 đồng nữa, mỗi bộ giá phải đến 8 cắc. Nếu dùng chỉ bản đã có sẵn để đúc bản kẽm thì mỗi bộ giá 5 cắc. Thượng Hải đòi thêm 1.200 đồng. Quang ước tính với 12.000 bộ sách đều định giá mỗi bộ là 6 cắc thì người thỉnh lẫn Quang đều chẳng bị thiệt thòi. Công sắp chữ, tạo chỉ bản phải tốn thêm 75 đồng nữa, cứ mỗi cuốn phải tốn thêm 1 cắc 1 xu; ở Hàng Châu mỗi cuốn là 8 xu, nên in ở Thượng Hải 5.000 bộ, in ở Hàng Châu 30.000 bộ).

Trong tháng 8, Thượng Hải in 2.000 bộ đã giao xong, Hàng Châu in 10.000 bộ, ngoài số sách đã giao cho người đứng in ra, còn được ba nghìn mấy bộ để kết duyên. Vì thế, bảo họ gởi cho ông Vương Chửng Bang ở Hạ Môn 30 gói, bảo phân phát 4 gói Thọ Khang Bảo Giám cho các ông, ước chừng trong tháng này hay tháng sau sẽ có thể gởi tới. Nếu ông muốn thỉnh để lưu thông thì mỗi bộ là 6 cắc, bưu phí tính riêng. Nếu muốn thỉnh bao nhiêu hãy gởi thư cho biết.

Lại còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (hai loại này đều mỗi tựa sách chỉ gồm một cuốn, ước chừng 1 cắc 5 hay 6 xu mỗi cuốn, do còn chưa sắp chữ xong nên chẳng biết số trang thật sự là bao nhiêu) đều có thể trong vòng năm nay hay năm sau in ra sách. Gia Ngôn Lục chính là những nghĩa trọng yếu được trích từ Văn Sao rồi chia môn phân loại, biên tập riêng thành sách để xem đọc những điều cần yếu một cách nhanh chóng. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú do Hoàng Hàm Chi biên soạn, khá rõ ràng, có lợi cho sơ cơ. Hai thứ sách này mỗi cuốn tôi cho làm bốn bức chỉ bản để mong sách được phổ cập.

413. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ mười)

Ngày 26 tháng 4, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải, thấy Quế Viên (Long Nhãn) và hương được gởi đến, cám ơn lắm. Tuy bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng đã được gởi tới, nhưng vẫn cần phải giảo chánh tường tận thì mới cho in được, sợ rằng năm nay chưa thể ra sách được. Sổ quyên mộ cho viện mồ côi cứ tùy duyên mà làm, quyên được nhiều cũng tốt, quyên ít cũng không sao. Nếu chẳng thể giúp được, cứ gởi sổ trả lại cũng không sao cả. Với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng dấy tâm phân biệt là nhiều ít, có hay không. Thầy Chân Đạt bảo tôi gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vưu Tích Âm còn chưa làm

gì, chẳng bao lâu sẽ xuống miền Nam, vẫn chưa định được địa chỉ cư trú. Đợi khi nào ông ta tiến hành cho Quang rồi, sẽ gởi thơ đến ông. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát lòng thành niệm Phật để mong được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời khắc tốt đẹp này. Nếu không, sẽ giống như vào trong biển cả, đã không có hoa tiêu, lại không có kim chỉ nam, muốn chẳng chìm đắm há có được chăng?

414. Thư trả lời cư sĩ Cố Đức Cốc

Khổng tử coi "cách vật trí tri" là cái gốc của thành ý chánh tâm. Trình - Chu hiểu lầm chữ vật là sự vật trong thiên hạ, chẳng biết chữ vật ấy vốn chỉ cho những tư dục chẳng hợp lẽ trong lòng người, chứ không phải là vật bên ngoài. Do tâm có những tư dục chẳng hợp lẽ nên tri kiến chẳng chánh, đúng đúng, sai sai đều chẳng thích đáng. Như gã yêu vợ yêu con, dẫu vợ con hắn chẳng tốt, hắn vẫn luôn cảm thấy là tốt đẹp. Do chánh trí bị tư dục chướng lấp nên trở thành lệch lạc, tà vạy. Nếu trừ bỏ được lòng yêu thương mù quáng ấy thì những điều không tốt đẹp của vợ con sẽ tự nhiên biết rành thấy rõ. "Cách vật trí tri" (trừ khử vật dục trong tâm để sự thấy biết được thông suốt đến tột cùng) thì mới có thể thành ý chánh tâm, tuy là kẻ chẳng biết một chữ nào vẫn có thể làm được. Nếu hiểu như Trình - Chu, "cách vật" là thúc đẩy tri thức của ta đến mức thấu hiểu tột cùng trọn hết cái lý của sự vật trong thiên hạ thì "trí tri" trở thành cái gốc của "cách vật"; như vậy thì trong cõi đời hiếm được mấy ai có thể "cách vật". Đừng nói kẻ bình thường chẳng làm được, dẫu là bậc thánh nhân cũng không thể làm được. Đã không do "cách vật" thì thành ý chánh tâm do đâu mà có? Vì thế, Trình - Chu bình thường chỉ nói "chánh tâm, thành ý", chẳng nói tới "trí tri cách vật", tức là coi cội gốc là cành nhánh, lấy cành nhánh làm cội gốc, đảo lộn cách thực hiện pháp "trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thánh nhân, đến nỗi thế giới loạn lạc, không có cách nào giải quyết. Nếu kẻ vì đất nước tâm chẳng có tư dục không hợp lẽ thì cái gốc tàn sát lẫn nhau đã không có, từ đâu mà còn có tàn sát chẳng có lúc nào ngơi nữa đây? Quang nói lời này, chẳng biết ông có cho là đúng hay không? Nếu ông vẫn chẳng thể hiểu rõ, xin hãy chí thành niệm Phật, sau này ắt sẽ chẳng thấy lời Quang là sai lầm.

Đang bị bệnh sốt rét thì trước đây Quang có một cách trị, không ai chẳng được trị lành; hiện thời có một đệ tử nằm mộng thấy một cụ già dạy viết năm chữ "ngược tật điều lý hoàn" (瘧疾調理丸) trên một tờ giấy trắng. Chừng một tiếng đồng hồ trước khi bệnh chưa phát ra, hãy đốt tờ giấy ấy hòa vào nước sôi, uống vô liền khỏi. Làm như vậy để kẻ vô tri khỏi vứt bỏ giấy có viết chữ, cách trị này cũng cực linh nghiệm. Hãy nên nói với hết thảy mọi người.

415. Thư trả lời cư sĩ Kim Chấn Khanh

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đấy chính là quy y, chẳng cần "phải làm lễ quy y thì mới là quy y"; đừng nghĩ không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y. Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đấy chính là "chân quy y". Hơn nữa, cần gì phải mỗi ngày đảnh lễ Bất Huệ? Nếu thay vì lễ Bất Huệ, hãy lễ Phật thì đôi bên đều được lợi ích lớn lao!

Chuyện giấy vàng bạc tuy không phát xuất từ kinh Phật, nhưng nguồn gốc của nó đã quá lâu. Ông Phạm Cổ Nông tuy chẳng biết nguồn gốc, nhưng lời ông ta bàn về chuyện đốt giấy vàng bạc vốn thuận theo lẽ trời, tình người, há nên tự cậy thông minh, chẳng cho là đúng? Xưa kia, Quang đọc Pháp Uyển Châu Lâm, quên mất là trong quyển số mấy, có hai ba trang nói tới chuyện giấy vàng bạc (ở đây là kim ngân (giấy vàng, giấy bạc)) và đốt quần áo, vật dụng (ở đây chính là loại vải lụa trong đồ mã). Bài văn ấy do quan Trung thư lệnh[19] Sầm Văn Bổn đời Đường ghi lại cuộc vấn đáp giữa thầy ông ta và một viên quỷ quan (quan cõi âm). Hình như người ấy là Lục Nhân Thiến[20], thoạt đầu chẳng tin Phật và quỷ thần;

---

[19] Trung thư lệnh là một chức quan đã có từ thời Tây Hán. Thoạt đầu chức quan này chuyên đảm trách việc quản trị, sao chép, lưu giữ hồ sơ, văn kiện của hoàng đế trong cung cấm, nên chỉ do các hoạn quan (thái giám) đảm nhiệm. Đến đời Đường, Trung thư lệnh trở thành một chức quan rất quan trọng, ngoài trách nhiệm quản thủ công văn, chiếu chỉ của hoàng đế, còn chủ trì những cuộc thảo luận quyết định chánh sách, đồng thời đóng vai trò cố vấn về nội trị, đối ngoại cho nhà vua. Công việc của Trung thư lệnh do cơ quan Trung thư tỉnh đảm nhiệm, đứng đầu bởi Tể tướng (chức danh Tể tướng cũng được gọi là Trung thư lệnh, và để phân biệt, các quan trực thuộc Trung thư tỉnh dưới quyền Trung thư lệnh được gọi là Trung thư giám). Nói cách khác, Trung thư tỉnh giống như một hội đồng cố vấn kiêm nhiệm nội các cho Tể tướng. Về sau, chức vụ Trung thư lệnh mất dần thực quyền, chỉ trở thành tước vị danh dự để gia phong cho các đại thần. Đến thời Minh - Thanh, vai trò của Trung thư lệnh hoàn toàn bị thay thế bởi chức vụ Nội các đại học sĩ.

Sầm Văn Bổn (595-645), tự Cảnh Nhân, người xứ Nam Dương, nổi tiếng thông minh học rộng. Năm 14 tuổi, khi cha ông ta là Sầm Chi Tượng bị vu cáo không thể biện bạch được, ông đích thân đến dinh quan Tư Lệ thân oan cho cha, biện bác lưu loát. Quan sai làm bài phú Hoa Sen, ông vung bút viết một mạch, khiến quan hết sức tán thưởng, hạ lệnh thả Sầm Chi Tượng. Cuối đời Tùy, khi Tiêu Tiễn chiếm cứ Giang Lăng, Kinh Châu, xưng vương, đã phong cho Sầm Văn Bổn giữ chức Trung thư thị lang, chuyên đặc trách văn thư. Khi Lý Uyên tấn công Kinh Châu, Sầm Văn Bổn khuyên Tiêu Tiễn ra hàng. Đến khi nhà Đường thành lập, ông được phong làm Bí thư lang, rồi thăng dần lên tới Trung thư lệnh (Tể tướng). Cùng với Lệnh Hồ Đức Phân, ông soạn bộ sử Bắc Chu Thư, được coi là bộ sử rất giá trị về thời Ngũ Đại. Ông làm rất nhiều thơ. Theo phần Nghệ Văn Chí trong Tân Đường Thư, các trước tác của ông được chép thành 60 quyển, nhưng nay đã thất lạc gần hết, chỉ còn lại được hai mươi bài.

[20] Theo Thái Bình Quảng Ký và Minh Báo Ký (Pháp Uyển Châu Lâm chép truyện này theo Thái Bình Quảng Ký), Lục Nhân Thiến là người chuộng nghiên cứu Kinh học (chuyên nghiên cứu kinh điển Nho gia), không tin quỷ thần, thường muốn thử xem thật sự có quỷ thần hay không, liền theo học với một người khoe là có pháp thuật thấy được quỷ, nhưng suốt mười mấy năm vẫn chẳng thấy. Về sau, trên đường lên huyện, họ Lục gặp một vị đại quan, áo mũ rực rỡ, năm mươi mấy người tùy tùng, nhìn Nhân Thiến đăm đăm không nói năng gì. Gặp nhau mấy lần như thế trong suốt mười năm. Cuối cùng, viên quan ấy dừng ngựa hỏi thăm Lục Nhân Thiến, cho biết ông ta là quỷ, tên là Thành Cảnh, làm Trưởng sứ cho nước Lâm Hồ thuộc phía Bắc sông Hoàng. Mỗi tháng viên quan ấy phải suất lãnh tùy tùng đi

sau này do làm bạn với viên quỷ quan ấy bèn tin tưởng, còn sai Sầm Văn Bổn bày tiệc để đãi đằng viên quan ấy và khắp những kẻ tùy tùng. Họ Lục hỏi: "Giữa cõi âm và cõi dương có thể dùng vật nào để trao đổi?" Viên quỷ quan nói: "Vàng, bạc, vải, lụa chúng tôi có thể dùng được, nhưng đồ thật chẳng bằng đồ giả. Nếu đem giấy trang kim dán trên giấy và dùng giấy làm the, đoạn v.v. thì sẽ có thể coi như là vàng và quần áo để sử dụng được." Tôi đọc chuyện này vào mười mấy năm trước đây, nay chẳng nhớ ở quyển nào, thiên nào. Nếu ông đọc kỹ sẽ có thể thấy được. Lúc ấy nhằm đầu đời Tùy, vì lúc đó Sầm Văn Bổn vẫn còn đang đi học, đến đời Đường mới làm Trung thư lệnh.

Tánh tình ông quá tự thị, tuy ông Cổ Nông chưa biết xuất xứ của tập tục đốt vàng mã nhưng lời ông ta nhận định khá phù hợp với thiên lý nhân tình, thế mà ông vẫn chẳng cho là đúng, cứ muốn người trong cả nước bỏ sạch chuyện ấy. Nếu ông thật sự đề xướng, chắc sẽ bị quỷ công kích. Trong cõi đời có kẻ ngu chẳng biết dùng vật để biểu lộ tấm lòng, chuyên đốt cho nhiều thì cũng không nên. Hãy nên dùng pháp lực, tâm lực để gia trì, khiến cho ít biến thành nhiều để thí khắp họ hàng, thân thuộc của chính mình và hết thảy cô hồn thì được, nhưng chớ nên đem vàng mã để cúng Phật, Bồ-tát. Há Phật, Bồ-tát thiếu thốn đồ dùng, vẫn cần được người đời cúng dường ư? Chỉ vì nếu người đời không dùng thức ăn, hương, hoa v.v. nhằm biểu lộ tấm lòng thành, sẽ chẳng có gì để thể hiện tấm lòng thành hòng cảm Phật, Bồ-tát. Kẻ ngu không hiểu biết, liền dùng những thứ đó để cúng Phật, nhưng luận trên phương diện nhất niệm thành tâm thì cũng có công đức. Ví như đứa trẻ cúng dường cát cho đức Phật (đây là chuyện tiền thân của vua A-dục) vẫn được hưởng báo Thiết Luân Vương[21].

Nếu kẻ ngu chẳng biết cầu sanh Tây Phương, dùng nhiều tiền tài, mua giấy vàng bạc đốt đi để gởi kho [dưới âm phủ] thì thật là si tâm vọng tưởng. Kẻ tục do cái tâm tự tư tự lợi muốn tính kế làm quỷ vĩnh viễn, gặp phải tăng sĩ phàm tục chẳng cần biết đúng sai, chỉ mong có ai thỉnh làm Phật sự để xoay tiền, bèn thuận theo ý của kẻ ấy mà làm. Vì thế thật có lắm kẻ phá địa ngục, phá huyết hồ, trả

chầu nhà vua ở Thái Sơn nên mới gặp được họ Lục, nay muốn cùng nhau kết bạn. Do Lục Nhân Thiến và Sầm Chi Tượng (cha của Sầm Văn Bổn) rất thân nên ông Sầm nhờ ông Lục kèm cặp Sầm Văn Bổn. Khi ấy Sầm Văn Bổn mới mười mấy tuổi. Viên quỷ quan được tổ Ấn Quang nhắc đến trong bức thư này chính là Thành Cảnh.

[21] Thiết Luân Vương là một trong bốn loại Luân Vương (Kim, Ngân, Đồng, Thiết). Theo luận Đại-tỳ-bà-sa và luận Câu-xá, Thiết Luân Vương xuất hiện khi con người thọ được hai vạn tuổi, chỉ thống trị cõi Nam Diêm-phù-đề. Trong bốn loại Luân Vương, Thiết Luân Vương công đức kém nhất, nhưng các vị Luân Vương đều chú trọng dùng thập thiện nghiệp khuyến hóa nhân dân.

tiền thọ sanh.[22] Nhưng quân tử suy nghĩ chẳng ra ngoài địa vị, chỉ nên tự giữ lý ấy và trình bày cùng người hiểu rõ lý. Nếu là kẻ cố chấp không giáo hóa được, cũng chẳng công kích đến nỗi chuốc lấy sự oán hận của người ta để rồi đối với chính mình, đối với người, đối với pháp đều không có lợi ích. Nếu ông thật sự muốn quy y, hãy nên lấy lời tôi làm chuẩn. Nếu không, dẫu đích thân đến quy y thì vẫn là hữu danh vô thực, làm sao có tình thầy trò và lợi ích quy y cho được. Xin hãy sáng suốt soi xét. Quang già rồi (nay đã 71 tuổi), tinh thần chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư tới!

(Ngày mồng 4 tháng 6 năm Dân Quốc 19 - 1930)

416. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Ngày hôm qua, thầy Minh Đạo sang đất Thân (Thượng Hải), tôi bảo gởi cho ông 160 đồng để cho xong chuyện của ông. Tuy ông quen biết Quang nhiều năm, rốt cuộc vẫn chẳng biết Quang làm người như thế nào! Vì thế nay không thể nói đại lược cùng ông. Quang vốn là kẻ khổ não phạm hai thứ tuyệt, hai thứ tuyệt là khi còn tại gia làm phận con tuyệt chẳng có người nối dõi, khi xuất gia làm đệ tử của người khác cũng tuyệt chẳng có người nối pháp, đấy là hai thứ tuyệt. Nói khổ não là vì những kẻ đọc sách ở quê Quang cả đời chẳng nghe đến tên Phật, chỉ biết đua nhau mù quáng vâng giữ những thuyết báng Phật của Hàn - Âu - Chu - Trình như khuôn thước, Quang càng cuồng vọng hơn họ cả trăm lần. May là năm mười mấy tuổi chán ngán vì lắm bệnh, nên sau đấy mới biết những lời người xưa nói chẳng đáng coi là khuôn phép (Quang chưa theo thầy học, từ đầu đến cuối là do anh dạy). Mấy năm trước đấy, do anh tôi ở Trường An nên chẳng có dịp thuận tiện bỏ nhà đi tu.

Năm Quang Tự thứ bảy (1881), anh tôi đang ở quê nhà, Quang sống ở Trường An (nhà cách Trường An 420 dặm), bèn xuất gia tại núi Nam Ngũ Đài. Tiên sư cho rằng Quang vốn có của ăn của để, bèn nói: "Xuất gia thì được, nhưng quần áo phải tự lo", chỉ cho Quang một cái áo tràng, một đôi giày, bất quá chỗ ở, cơm ăn chẳng cần phải trả tiền mà thôi. (Xứ ấy lạnh buốt, những thứ nấu nướng đều tự mình phải lo). Chưa đầy ba tháng, anh tôi đến tìm, muốn bắt tôi phải trở về nhà từ biệt mẹ rồi sẽ trở lại đi tu thì được. Quang biết là lừa gạt, nhưng theo nghĩa chẳng thể không về. Toàn bộ lời anh tôi nói đều là giả vờ, bởi lẽ mẹ tôi trọn chẳng bảo là được hay không được xuất gia. Ngày hôm sau, anh tôi bảo Quang: "Ai cho

[22] Đây là một hình thức mê tín, xuất phát từ ngụy kinh Thọ Sanh. Theo đó, mỗi người đầu thai làm người đều nợ một món tiền nơi âm phủ. Nếu không đốt tiền, làm "pháp sự" cúng bái để trả nợ ấy sẽ suốt đời phải khốn khổ, lao đao, không ngóc đầu lên được.

mày xuất gia? Mày có thể tự xuất gia được sao? Từ nay trở đi hãy buông bỏ ý định xuất gia đi! Nếu không, tao nhất định sẽ quở phạt nặng nề."

Quang chỉ đành gạt anh mình, trở về nhà ở hơn 80 ngày chẳng tìm được cơ hội. Một ngày nọ anh cả tôi sang thăm mẹ, người anh thứ hai của tôi phải trông nom lúa đang phơi ngoài sân vì sợ gà bươi. Biết cơ hội đã đến, ở trong thư phòng, Quang xin một quẻ Quán Âm, có câu: *"Cao minh cư lộc vị, lung điểu đắc đào sanh"* (Cao minh giữ ngôi cả, chim lồng được thoát thân), bèn lén lấy tăng bào (Trước kia, anh tôi muốn sửa lại cái áo ấy, Quang nói: "Muôn phần chớ nên sửa. Nếu nhà chùa phái người đến, đem nguyên vật hoàn trả thì không có chuyện gì. Nếu không, sợ bị thưa kiện, sẽ bị phiền phức chẳng nhỏ." Vì thế còn giữ được) và 200 đồng trốn đi, đến chỗ thầy tôi, vẫn sợ anh tôi lại tìm đến, chẳng dám ở lại, ngủ một đêm liền đi. Thầy tôi chỉ cho một đồng tiền ngoại quốc, khi ấy người ở Thiểm Tây còn chưa từng được thấy. Tiệm đổi tiền không nhận, tiệm nữ trang đổi cho 800 đồng, đấy là món tiền Quang có được từ nơi thầy.

Đến chùa Liên Hoa ở Hồ Bắc, xin nhập chúng với một nhiệm vụ khổ sở nhất (Lo than củi để đun nước sôi cho hơn 40 người, ngày đêm không ngớt. Nước phải tự đi gánh, than củi cũng phải tự gánh lấy. Còn chưa thọ giới mà đã được ở trong chùa, kể ra họ cũng từ bi lắm). Tháng 4 năm sau, thầy phó trụ trì trở về quê, khố đầu (vị sư coi nhà kho) bị bệnh, hòa thượng thấy Quang thành thật, sai trông nom nhà kho, còn tiền bạc, sổ sách, hòa thượng tự lo. Lúc Quang mới xuất gia, thấy câu đối: *"Dương Kỳ đăng trản minh thiên cổ, Bảo Thọ sanh khương lạt vạn niên"* (Ngọn đèn Dương Kỳ muôn đời sáng, gừng sống Bảo Thọ cay vạn năm), và Sa-di Luật Nghi nói về quả báo do lén dùng của cải thường trụ[23], lòng rất kinh sợ. Phàm mỗi khi phải sắp xếp những món có đường, tay dính nhằm hương vị của những món ấy đều chẳng dám dùng lưỡi để nếm ăn, chỉ dùng giấy lau đi mà thôi. "Ngọn đèn Dương Kỳ": Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội[24] làm giám viện trong hội của ngài Thạch Sương Sở Viên, ban đêm xem kinh, tự mình mua dầu riêng, chẳng dám dùng dầu của thường trụ một cách riêng tư. "Gừng sống Bảo Thọ":

[23] Trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược do tổ Vân Thê Liên Trì biên soạn, có đoạn văn như sau: "Kinh chép: Một sa-di ăn trộm bảy trái cây của thường trụ; một sa-di khác ăn trộm mấy tấm bánh của thường trụ; một sa-di khác ăn trộm một chút thạch mật của thường trụ, đều đọa địa ngục. Vì thế kinh nói: Thà chặt tay, chẳng lấy của cải một cách sai trái!"

[24] Dương Kỳ Phương Hội (996-1049) là khai tổ phái Dương Kỳ thuộc tông Lâm Tế. Ngài vốn là pháp tự (người nối dòng pháp, xin đừng lầm với chữ pháp tử) của ngài Thạch Sương Sở Viên, thuộc đời thứ 18 tính từ tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư là người huyện Nghi Xuân, Viên Châu (Giang Tây), pháp danh là Phương Hội. Thoạt đầu làm giám viện cho ngài Sở Viên. Sau này đến trụ trì thiền viện Phổ Thông trên núi Dương Kỳ, chấn hưng tông phong. Sư chỉ để lại một cuốn Ngữ Lục, đệ tử nối pháp có Bạch Vân Thủ Đoan, Bảo Ninh Nhân Dũng v.v. gồm 13 người, về sau tạo thành một phái đông đảo, được gọi là phái Dương Kỳ. Phái này cùng với phái Hoàng Long và năm tông Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn, được xưng tụng là "ngũ gia thất tông".

Thiền sư Động Sơn Tự Bảo (Bảo Thọ là biệt hiệu của ngài) làm giám viện trong hội của thiền sư Ngũ Tổ Sư Giới. Ngũ Tổ Giới bị bệnh hàn, hay dùng gừng tươi và đường đỏ nấu thành cao để thường uống. Thị giả xuống nhà kho xin hai món này, giám viện nói: "Vật chung của thường trụ há nên dùng riêng! Hãy đem tiền ra mua." Thiền sư Giới liền sai đem tiền xuống mua, rất mến mộ vị ấy. Về sau, Động Sơn thiếu người trụ trì, có đến xin thiền sư Giới tiến cử người sư nhận biết, sư Giới nói: "Gã bán gừng tươi làm được đấy."

Trong hai trang 54, 55 của quyển trung sách Thiền Lâm Bảo Huấn có chuyện thiền sư Tuyết Phong Đông Sơn Huệ Không đáp lời Dư Tài Mậu khi ông này tính lên kinh đô thi hội, đến chùa xin tiền thuê phu khiêng sách, đại ý như sau: "Ta tuy làm trụ trì, nhưng vẫn là một hòa thượng nghèo khổ. Tiền thuê phu khiêng vác ấy sẽ do thường trụ bỏ ra, hay do Huệ Không bỏ ra? Nếu do thường trụ bỏ ra, tức là ăn trộm của thường trụ; nếu do Huệ Không bỏ ra thì Huệ Không chẳng có một vật gì. Huống chi các hạ lên kinh đô cầu công danh, chớ nên cầu nơi tam bảo để đến nỗi đôi bên đều mắc tội. Dẫu chùa khác có lấy đem cho thì cũng lập tức cảm ơn không nhận, ấy mới là tạo phước cho tương lai vậy!"

Trong đời gần đây, những tăng sĩ phàm tục phần nhiều dùng tiền tài để kết giao với đồ chúng tục gia. Quang cả đời chẳng muốn kết giao, chẳng thu đồ đệ, chẳng trụ trì chùa miếu. Từ năm Quang Tự 19 (1893) đến Phổ Đà, làm một ông tăng nhàn nhã chỉ ăn cơm nuốt cháo (hơn 30 năm chưa từng giữ một chức vụ nào, chỉ theo chúng ăn một bữa cơm). Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong những giấy tờ viết thay cho người khác. Vì thế được yên vui suốt hai mươi mấy năm. Về sau, do Cao Hạc Niên đem mấy bài viết vặt vãnh đăng trên Phật Học Tùng Báo, vẫn chưa dùng cái tên Ấn Quang. Đến năm Dân Quốc thứ ba, thứ năm (1914, 1916) trở đi, bị Từ Úy Như, Chu Mạnh Do hỏi dò rồi lén thu thập những bài viết, thư từ của Quang cho in thành Văn Sao ở kinh đô (vào năm Dân Quốc thứ bảy - 1918). Từ đấy hằng ngày đọc thư từ, đúng là chuyên bận bịu vì người khác, đến nỗi có người lầm nghe lời kẻ khác đồn đại xin được quy y, Quang chấp thuận cho người ấy quy y cũng chẳng qua là thuận theo tín tâm của người ấy mà thôi! Với kẻ giàu, Quang cũng chẳng cầu người ta bỏ tiền làm công đức thì với kẻ nghèo làm sao Quang có thể giúp đỡ lớn lao cho được?

Năm Quang Tự 12 (1886) lên kinh đô, thầy tôi cũng không cho một đồng nào. Về sau, do đạo nghiệp chẳng tiến nên chẳng dám dâng thư lên thầy. Đến năm Dân Quốc 17 (1928) thầy tôi viên tịch, nhưng các sư huynh, sư đệ mỗi người theo chí hướng riêng nên bốn mươi mấy năm qua, đối với những đồng môn xuất gia không gởi cho nhau một chữ nào, cũng như chẳng gởi cho nhau vật nào dù chỉ đáng giá

một đồng. Đối với gia đình tôi thì trong năm Quang Tự 18 (1892), có một đồng hương từ kinh đô trở về quê, nhờ người ấy đích thân kính dâng lên gia đình tôi một bức thư. Nếu không, chẳng có cách gì gởi được, bởi lúc ấy chưa có bưu cục. Hơn nữa nhà tôi không ở nơi đường lớn (Hiện thời tuy có bưu cục, nhưng nếu không ai chuyển giùm thì cũng không cách nào gởi được). Năm sau xuống phương Nam, hoàn toàn chẳng biết tin gì nữa.

Đến năm Dân Quốc 13 (1924), một đứa cháu bên ngoại nghe người ta nói bèn đến núi thăm, mới biết gia đình đã không còn ai, nhà cửa do đứa cháu trong dòng họ kế thừa (Chuyện này Quang cho là may mắn, bởi lẽ mai sau không có kẻ nào vùi lấp đức hạnh của người đời trước. Dẫu có người thừa kế thì cũng chẳng phải là con cháu trực tiếp của cha mẹ tôi). Vì vậy cũng không gởi thư cho họ. Kể từ thời Dân Quốc đến nay, đất Thiểm Tây bị tai nạn nặng nhất. Nếu gởi thư cho họ, lỡ họ xuống miền Nam sẽ ở vào đâu? Không sắp xếp cho họ ở đâu được! Bảo họ quay về thì phải tốn mấy chục đồng. Họ tới lui trọn chẳng có ích gì, há chẳng phải đâm ra có hại cho họ? Vì thế, năm trước để cứu trợ tai nạn cho huyện Cáp Dương, tôi chỉ gởi tiền về giao cho huyện, chẳng dám nói đến quê tôi (thôn tôi cách huyện hơn 40 dặm). Nếu nhắc tới sẽ hại chết nhiều người lắm!

Mùa xuân năm nay, do ông Chu Tử Kiều (trong hai ba năm gần đây, ông này chuyên lo cứu trợ tại Thiểm Tây) đến đất Thân (Thượng Hải), sư Chân Đạt và ba bốn vị cư sĩ đóng góp một ngàn đồng, cậy Tử Kiều đặc biệt phái người đến cứu trợ thôn tôi. Tây thôn cũng chẳng thuộc trong đó, nhưng đối với mấy trăm nhà thì một ngàn đồng cũng chẳng có ích lớn lao cho lắm. Do vậy liền có người muốn xuống phương Nam. Một thương nhân vốn là cháu họ bên ngoại của tôi gởi thư cho Quang nói: "Có ông X… muốn xuống phương Nam thăm viếng, con nên trả lời như thế nào?" Quang nói: "Nếu ông có thể chăm sóc cho kẻ ấy khiến cho chuyện của người ta được thành tựu tốt đẹp thì hay lắm. Nếu không, hãy cực lực nói cho ông ta biết nỗi khổ của việc đi về, cũng như cái hại 'vô ích, bị hao tổn' ngõ hầu chẳng đến nỗi gây hại chết người cho người ta." Chuyện ấy là do một phen hảo ý của thầy Chân Đạt nhưng chưa xét kỹ nguyên do, cũng như chẳng nói với Quang. Đến khi Quang biết thì đã xong chuyện rồi, không thể vãn hồi được.

Nghe nói mấy chục năm trước, một đại phong ông[25] ở Hồ Nam làm lễ mừng thọ, tuyên bố trước: "Sẽ cho mỗi người 400 đồng." Lúc ấy đang nhằm mùa đông rét buốt, dân quê từ mấy chục dặm kéo đến lãnh món tiền ấy. Viên quản lý của ông ta chẳng khéo lập cách, người tụ tập đông đến mấy vạn mà cứ tà tà phát cho từng người. Những kẻ đứng đằng sau do đói quá mức liền liều mạng chen lên

[25] Đại phong ông: người giàu có, được triều đình phong tước hiệu cao quý.

trước. Do vậy, có hơn 200 người bị đè chết do chen lấn, còn những kẻ bị thương chẳng biết là bao nhiêu. Phủ huyện phải đích thân trấn áp cho họ khỏi bạo động: Gia đình của mỗi người bị chết được cấp 24 đồng, một cỗ quan tài, lãnh xác đem đi. Lão phong ông thấy mọi người đều kinh hoàng, run rẩy, hỏi ra biết chuyện, liền thở dài một hơi rồi chết luôn. Mấy bữa sau, con ông ta làm quan ở kinh đô cũng chết tại kinh thành. Do vậy, bất luận chuyện gì cũng phải đề phòng trước những điều tệ hại có thể xảy ra, chứ nào phải Quang không có lòng nghĩ tưởng tới nhà tôi, thôn tôi ư? Do sức không thể lo nổi nên chẳng thể mở ra đầu mối "chỉ có ích, không tổn hại" vậy!

Linh Nham trước kia chỉ có trên mười người, mọi người do thấy ông Diêu X… bị bệnh nên phương tiện cho ông ta sống tại đó. Chuyện ấy há nên lấy làm lệ? Chùa ấy năm nào được mùa thì hoa lợi thu được trên dưới một ngàn đồng. Năm nào mùa màng thất thu, hoa lợi sẽ kém hơn. Ngoài ra, không còn một khoản thu nhập nào khác nữa. Ba năm gần đây, do có những đồ đệ quy y biết Linh Nham là đạo tràng tu tập chân thật, thường cậy họ tổ chức niệm Phật thất nên đỡ hơn một chút, do vậy ở được hai ba chục người, nhưng Quang trọn chẳng cầu mong gì nơi Linh Nham. Các sư ở Linh Nham thường có thờ bài vị cha mẹ trong niệm Phật đường, thầy Đức Sâm là người giảo chánh sách thay cho Quang tại chùa Báo Quốc, và bạn thầy ấy là sư Liễu Nhiên (hiện cũng ở chùa Báo Quốc) đều do lòng hiếu mà thờ bài vị cha mẹ họ tại Linh Nham. Quang trọn chẳng nói đến chuyện ấy. Nếu Quang nói đến (tức bảo họ thờ bài vị cha mẹ của tổ Ấn Quang tại niệm Phật đường chùa Linh Nham - chú thích của người dịch) thì cố nhiên bọn họ sẽ hoan hỷ đến cùng cực. Nếu Quang có hành động như vậy tức là đã vướng vào hành vi cướp công và mang lòng riêng tư rồi[26]. Huống chi ông và Quang trọn chưa từng gặp mặt, chỉ vì một lá thư quy y mà ông liền có thể dưỡng lão tại đó ư? Như vậy thì những người khổ sở đã quy y với Quang đều xin Quang cho dưỡng lão tại Linh Nham hết! Nếu Quang có thể tự tay bỏ ra tiền bạc, thóc gạo thì cũng không phải là chẳng muốn tạo dịp cho những người quy y dưỡng lão. Tiếc là chẳng có đạo lực ấy nên làm sao có thể làm chuyện đại từ bi ấy cho được?

Xưa kia, ông Hoàng Huệ Phong ở Phước Kiến thường đem thơ gởi cho tôi, hơi có lòng tin mỏng manh. Quang gởi cho ông ta các thứ sách, ông ta lại xin quy y (ông này tuổi xấp xỉ tuổi Quang), về sau muốn xuất gia. Quang cực lực trình bày lợi ích do tu hành tại gia. Ông ta tự phụ là đã phát tâm Bồ-đề, chứ thật ra là cầu thanh nhàn, nhằm giảm tiền dưỡng lão cho con cháu. Quang bèn nói lời quyết

[26] Sở dĩ tổ nói là "cướp công" vì ngài không ở Linh Nham, không đích thân niệm Phật trong niệm Phật đường Linh Nham, mà cũng không cúng dường gì cho Linh Nham. Nếu đem thờ cha mẹ của mình tại đó, tức là đã khiến cho cha mẹ mình được hưởng suông công đức của các sư tu hành niệm Phật tại đó.

liệt đến cùng cực, bảo: "Tôi ở trong chùa của người ta 30 năm, một thân đã cảm thấy là nhiều quá rồi. Huống chi ông lại tới nương theo tôi xuất gia. Nếu ông quyết định muốn đến thì khi ông tới tôi sẽ xuống núi ngay! Vì sao vậy? Tôi tự lo cho tôi còn không xuể, làm sao có thể lo cho ông được?" Từ đấy, ông ta vĩnh viễn không gởi thư đến nữa. Đủ biết cái "đạo tâm" trước đó chính là cái tâm cầu lợi cho con cháu, chứ không phải là thật sự có đạo tâm vậy. Ông là người khá thông minh, nhưng cũng có khuyết điểm "chẳng đem tâm mình để thấu hiểu cho tâm người khác". Nơi phần mình thì biết là khó khăn, chứ với phần người khác lại bảo là dễ dàng.

Ông chẳng biết: So với ông, Quang còn khổ não hơn! Từ nay về sau, xin ông hãy tự lượng sức mình để làm việc. Nếu vẫn muốn Quang thay ông bỏ tiền ra thì sẽ khó khăn muôn phần như đòi mạng vậy. Vì sao thế? Quang chẳng phải chỉ quen biết một mình ông, cũng như không phải chỉ có một mình ông cầu xin Quang. Nếu chỉ có một mình ông thì phải bỏ ra dăm ba trăm đồng trong mấy năm thì cũng không ngặt nghèo cho lắm. Lại có chỗ này bị tai nạn phải cứu trợ, chỗ kia có những thiện cử (những hành động mang tính cách tốt lành), làm sao đáp ứng được? Ngay như chuyện in sách cũng chẳng thể tùy tiện bảo Hoằng Hóa Xã gởi đi được! Điều ấy vốn có chương trình, chắc ông đã xem qua rồi. Nếu như hễ người ta muốn liền gởi sách ngay, dẫu trong nhà sẵn có của cải mấy chục vạn cũng lo không xuể, huống là tiền do mọi người đóng góp để duy trì ư? Nếu cần, xin hãy chiếu theo giá vốn để xin thỉnh, như vậy thì sẽ được mãn nguyện. Nếu bảo: "Hễ sách có ích cho người mà nếu tôi cần thì phải gởi ngay", chắc Hoằng Hóa Xã đã đóng cửa mất rồi!

Phổ Đà Chí trước kia do chùa Pháp Vũ thỉnh một người chẳng biết Phật pháp, chẳng tin Phật tu chỉnh; ông ta lại còn viết tiểu truyện về Quang ghép vào đó, Quang cực lực quở trách thói sai trái ấy. Về sau, do ông ta một hai chuyện đều chẳng nghe lời Quang, Quang liền hoàn toàn bỏ mặc, không hỏi tới nữa. Đến khi ông ta tu chỉnh xong, giao cho vị trụ trì đã nghỉ hưu của chùa Pháp Vũ, bỏ xó hơn nửa năm rồi mới cậy Quang giám định. Do Quang không rảnh rỗi, nên chậm trễ mấy năm. Vì thế sách ấy trọn chẳng có tên tuổi của Quang, vì những phần ông ta sao lục thư từ và tên của Quang đều bỏ đi chẳng giữ lại. Thỉnh người chép lại, khắc ván ấn hành, chẳng tốn của Phổ Đà một đồng nào. Người trong núi hễ thỉnh sách thì đều chiếu theo tiền giấy và công thợ in mỗi bộ là 6 cắc, tổng cộng in được ba ngàn bộ. Trừ hơn một ngàn bộ giao cho người đứng bỏ tiền in ra, chỉ còn được hơn một ngàn bộ. Quang vẫn muốn gởi tặng cho người khác.

Ông bảo Quang gởi cho ông mấy gói Phổ Đà Chí để tặng lại cho người khác, tâm ấy rất tốt, nhưng cũng là chưa biết tới nỗi khó khăn. Chỉ xin ông từ nay về sau luôn giữ tấm lòng "điều gì ta chẳng muốn người khác làm cho mình thì cũng đừng làm cho người khác", phàm chuyện gì cũng đều đem lòng tính cho mình để nghĩ cho người khác, thì nhất định sau này ông đạt đến địa vị quang minh rạng rỡ, người lẫn thần đều vui thích vậy. Chẳng biết ông có coi loại thuốc đắng miệng này là đúng hay không? Xin hãy sáng suốt suy xét.

Hơn nữa, cuốn Giáo Hối Thiển Thuyết, vàn muôn phần chớ nên để tại Hoằng Hóa Xã, bởi chuyện này không chừng một hai năm nữa sẽ phải ngưng hoạt động. Không có quỹ bảo trợ, không có khoản tiền nhất định, thời cuộc không tốt, không ai giúp đỡ, làm sao có thể duy trì được mãi? Phật Học Thư Cục lưu hành kinh sách rộng rãi, mang tánh chất doanh nghiệp, có thể duy trì lâu dài được. Giao cho họ thì ông lẫn họ đều có lợi ích vậy!

417. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ hai)

Đọc sơ qua Giáo Hối Thiển Thuyết thấy văn lý, ý nghĩa đều rất hay, chỉ có điều ở cuối sách có bốn chữ *"hữu trước tác quyền"* (giữ bản quyền trước tác), Quang chẳng hiểu ý nghĩa. Cũng như giá bán của mỗi bộ là 1 đồng 2 cắc, Quang cũng không hiểu rõ lắm. Trộm nghĩ, học trò tôi mang cái tâm "tự lập lập người" của thánh hiền, làm chuyện tự lợi lợi tha của Phật Bồ-tát, soạn ra sách này chỉ mong lay tỉnh kẻ ngu muội mê mờ, lại được bộ Tư pháp chấp thuận cho lưu thông, nhà tù các tỉnh đều thỉnh về sử dụng, mà chẳng cho phép người khác khắc in lưu thông thì chẳng những khiến người lo toan việc công sanh lòng đau bực, hết muốn sử dụng, mà còn thật sợ rằng những phạm nhân trông thấy cũng sẽ cho rằng ông ăn nói kiểu "rao toa thật, bán thuốc giả"!

Vì sao vậy? Do dùng chuyện lợi người để làm căn cứ tự lợi! Như vậy thì tuy là làm chuyện vì đạo mà lại lui sụt thành chuyện kinh doanh. Quang thường nói: "Những kẻ chế ra bột ngọt và chế xà-phòng từ dầu thực vật tuy là kinh doanh nhưng đã tăng tấn nơi đạo[27]." Chẳng ngờ học trò tôi mang đại chí như vậy mà đâm ra lại kém hơn hai hạng người chế bột ngọt và chế xà-phòng bằng dầu thực vật ấy. Đấy là thánh hiền, Phật Bồ-tát phụ bạc con người, hay là con người phụ rẫy thánh hiền, Phật Bồ-tát vậy? Nếu chẳng coi lời Quang là sai, xin hãy mau sửa đổi! Lại còn soạn bài văn phát biểu để tự trách. Nếu chẳng coi là đúng, xin từ nay

[27] Tức là tuy kinh doanh nhưng lại giúp cho con người ăn chay, kiêng sát sanh nên việc kinh doanh của họ lại giúp ích rất nhiều cho đạo pháp nên được coi như là đang hành đạo.

về sau, nếu có bàn bạc, trình bày điều gì, đừng dùng kiểu cách thầy trò giả danh nữa. Cố nhiên Quang chẳng muốn can thiệp nhiều vào chuyện của người khác!

(Ngày 23 tháng 10)

418. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ ba)

Sách Tiểu Học Vận Ngữ[28] chính là dựa theo sách Tiểu Học mà soạn ra, trẻ nhỏ đọc đến có thể biết được những điều đại cương chánh yếu trong Nho lễ. Lợi ích đạt được bởi sách ấy cố nhiên chẳng rộng rãi sâu xa bằng Cảm Ứng Thiên Trực Giảng. Năm Dân Quốc 18 (1929), tôi đã giảo chánh từng câu từng chữ sách Tiểu Học Vận Ngữ ấy, nêu ra những tiết, những đoạn mang tánh chất hủy báng Phật, nhưng vẫn chưa sửa, do bị bệnh nên bỏ đó. Năm sau đến đất Tô, liền lo sắp chữ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ Tăng Tu Bản, Phổ Đà Sơn Chí và các sách nên quên khuấy luôn chuyện ấy.

Xin hãy dùng Cảm Ứng Thiên để dạy con cháu, bảo chúng suốt đời đọc tụng sẽ lợi lạc hơn đọc sách Tiểu Học Vận Ngữ nhiều lắm. Khéo sao chiều hôm qua sách Cảm Ứng Thiên mới gởi đến. Đối với thế đạo, nhân tâm, sách Giáo Hối Thiển Thuyết khá hữu ích, nhưng Quang in các sách cần khoản tiền rất lớn (Quang một mực chẳng quyên mộ, ai có tín tâm biếu tặng thì nhận, ngoài ra toàn là tiền hương kính của Quang), không sức đâu lo thêm chuyện in Giáo Hối Thiển Thuyết. Sách ấy (tức Cảm Ứng Thiên Trực Giảng) kẻ tục người nhã đều xem được, chỉ buồn không ai giúp đỡ in ra. Hiện thời tôi bận bịu cùng cực, đúng là vô thường sắp xảy đến, cấp bách không đợi được. Viết lời tựa cho sách Giáo Hối Thiển Thuyết thì đợi khi hơi rảnh rỗi sẽ gắng sức viết. Từ nay về sau bất luận là ai, bất luận chuyện gì đều nhất loạt đừng nên giới thiệu họ nhờ vả Quang viết lách, vì Quang bị ba bộ Sơn Chí bức bách chẳng thể chờ đợi được.

419. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ tư)

Thư nhận được đầy đủ, pháp danh của ba người Tăng, Đinh, Bành gởi kèm theo thư này. Pháp danh của Âu Dương Như Tam thì đã gởi trong thư viết cho Viên Phước Cầu rồi. Quang thật khó thể giúp đỡ cho khoản tiền in cuốn Giáo Hối

[28] Tiểu Học Vận Ngữ là sách dành cho trẻ học vỡ lòng do La Trạch Nam (1808-1856) soạn vào đời Thanh. La Trạch Nam từng làm thầy đồ gõ đầu trẻ, cho rằng sách Tiểu Học rất có giá trị, nhưng câu chữ dài ngắn không đều, trẻ khó nhớ, nên đã trích lấy những điểm đại cương, quan trọng, soạn theo lối văn vần, mỗi câu gồm bốn chữ. Tổng cộng là 2.944 chữ, hoàn tất vào năm Hàm Phong thứ sáu (1856). Tiểu Học vốn có nghĩa là những loại học vấn không thuộc về Kinh Học (nghiên cứu ý nghĩa kinh điển Nho gia) và phạm vi rất rộng bao gồm ngôn ngữ, văn chương, cú pháp, đặc biệt là âm vận. Về sau này mới có thêm ý nghĩa là những học vấn dành cho trẻ nhỏ. Dưới đời Ung Chánh, Lưu Tử Trừng đã tập hợp những câu nói dạy về lễ nghĩa Nho giáo của Chu Tử để soạn thành thiên sách đặt tên là Tiểu Học, với ngụ ý những điều phải học tập từ nhỏ để trở thành con người tốt đẹp.

Thiển Thuyết được! Báo Quốc không làm ra một đồng nào, mà nhu cầu mỗi năm là một ngàn năm sáu trăm đồng. Quang một mực chẳng hướng về ai quyên mộ, cũng rất khó khăn. Ông than các nhà tù thôi thúc muốn có được sách Giáo Hối Thiển Thuyết gấp như lửa xẹt, há có phải họ đều muốn ông tặng sách cho họ đọc? Muốn được người khác tặng sách miễn phí, lẽ đâu lại thôi thúc gấp như lửa xẹt? Xin hãy hướng về các nhà từ thiện ở Thượng Hải để thương lượng. Trong những năm trước, nội chuyện quyên góp cứu trợ tai nạn cho các xứ và Thiểm Tây, Quang đã không còn đủ sức để duy trì, do vậy ẩn cư. Nếu có cơ nghiệp thì sẽ tìm cách, chứ Quang chỉ là một ông tăng lẻ loi, lại còn ôm ý nguyện một mực chẳng hướng về người khác quyên mộ, cho nên không thể do đâu mà lập ra cách thức được.

420. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ năm)

Thư nhận được đầy đủ. Ông Tôn bị bệnh hãy bảo ông ta niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, xin gạo Đại Bi từ nơi pháp sư Đức Sâm chùa Thái Bình để nấu lấy nước uống. Nếu chí thành, ắt sẽ được lành bệnh. Mẹ ông Ngô Trạch Nam sắp mất, người nhà sang chùa Thái Bình thỉnh tăng trợ niệm, được thầy Đức Sâm tặng gạo Đại Bi. Về đến nhà, mẹ đã cứng lưỡi, chẳng thể nói năng được nữa, liền cấp tốc đem nấu lấy nước, chấm vào lưỡi, mẹ liền nói được, theo đại chúng niệm Phật, lúc lâm chung lớn tiếng niệm được ba câu rồi mới qua đời. Gạo ấy dùng chú Đại Bi gia trì hơn một vạn biến. Hai pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, lấy Một Lá Thư Trả Lời Khắp làm khai thị (đây là khai thị chu đáo nhất).

Hai sách Tiểu Học và Nhân Phổ chính là thiện thư khuyên đời, nhưng Tiểu Học có mấy chỗ báng Phật. Những lời hay hạnh đẹp trong thế gian con người thường chẳng chú ý, chứ lời lẽ báng Phật thì mỗi một kẻ muốn làm công thần cho Danh giáo đều toàn thân vâng nhận. Quyển thượng sách Nhân Phổ vay mượn Phật pháp để giải thích Thái Cực Đồ[29]; những lời văn báng Phật trong quyển thượng lẫn quyển hạ đều có, nhưng quyển thượng báng bổ dữ dội nhất. Trong lời tựa, trước hết dẫn chuyện Viên Liễu Phàm học Phật được cảm ứng lớn lao, tiếp đó báng bổ rằng: "Liễu Phàm là chánh nhân quân tử, há lẽ nào bị dị đoan mê hoặc? Đủ biết chuyện ấy do học trò ông ta bịa đặt ra!" Lời lẽ ấy do kẻ giảng giải chuyện

[29] Thái Cực Đồ là một đồ hình có hình tròn (☯), được chia thành hai phần đen và trắng (tượng trưng cho âm dương), trong phần đen có một chấm tròn trắng, trong phần trắng có một chấm tròn đen, tượng trưng trong âm ngầm chứa dương, trong dương ngầm chứa âm. Thái Cực Đồ theo truyền thuyết được Trần Đoàn (tổ sư môn tử vi) vẽ theo cách diễn giải khái niệm thái cực trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, được coi như cách diễn giải vũ trụ từ lúc hỗn mang (khi âm dương còn chưa phân ra). Thoạt đầu Thái Cực Đồ có tên là Vô Cực Đồ, sau này Chu Đôn Di đổi tên thành Thái Cực Đồ và vay mượn giáo nghĩa tánh tướng của nhà Phật, để đặt ra cái gọi là lý và khí, coi đó là hai biểu hiện quan trọng của âm và dương.

chánh tâm thành ý thốt ra, thề muốn khiến cho người trong khắp cõi đời đều hiểu rằng không có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì tâm mới sung sướng, ươm thành tình thế trước mắt ai nấy đều nguy ngập không chỗ nào để tránh né, đều là do thứ tri kiến ấy phát khởi vậy. Quang từng chia sách Tiểu Học Vận Ngữ thành khoa, thành đoạn, kế đó nghĩ: "Sách này vốn giống như trong món ăn ngon quý ngầm bỏ chất tỳ sương, chẳng thể để cho người khác thưởng thức được. Nếm vào ắt sẽ trúng độc!" Chúng ta chẳng thể tạo lợi ích cho người khác, quyết chẳng dám do muốn lợi người mà đâm ra hại người được.

421. Thư trả lời cư sĩ Ổ Sùng Âm

Ba hôm trước nhận được hai cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, thấy có đính kèm huy chương ở cuối sách, Quang chẳng cho là đúng lắm. Năm Dân Quốc thứ hai (1913), pháp sư Đạo Giai[30] ở chùa Pháp Nguyên, Bắc Kinh, lập Hội Kỷ Niệm Phật Đản, lấy tượng Phật Thích-ca làm huy chương, Quang trọn chẳng biết chuyện đó. Xong chuyện, sư Đạo Giai đến Phổ Đà, tặng Quang một huy chương, Quang thống trách ông ta khinh nhờn, nhưng đến năm Dân Quốc 12 (1923) vẫn làm như thế. Ở Thượng Hải cũng bắt chước làm theo, nay cư sĩ cũng bắt chước làm theo, đầu sỏ gây tội bắt nguồn từ sư Đạo Giai. Đạo Giai còn biết giảng kinh, nhưng cung kính, tôn trọng hoàn toàn chẳng nói tới, cũng đáng than thở thay! Hết thảy nhân viên tham dự hội ấy mỗi người đều phải đeo một huy chương. Nếu đeo để lễ Phật thì vẫn chẳng hợp lý, đeo để lễ người khác thì đôi bên đều bị tổn phước. Nhưng hiện thời do Đạo Giai đề xướng đã trở thành quy định chung rồi, Quang cũng biết chuyện ấy chẳng dễ gì dẹp bỏ được, nhưng do cư sĩ quá yêu mến nên chẳng thể không nói một lời.

Chuyện phóng sanh ngay như một xứ Thượng Hải cũng khó thể lo liệu được, há nên phô phang cái danh lớn lao là "toàn quốc?" Nhân dân cả nước đều đang ở trong cảnh nước sâu lửa nóng, không cách nào cứu được, huống là "hội phóng sanh toàn quốc" ư? Quang cho rằng: "Khuyên người khác ăn chay là phóng sanh

[30] Đạo Giai (1866-1932), người ở Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, pháp danh Thường Tiễn, pháp hiệu Hiểu Chung, còn có biệt hiệu là Bát Bất Đầu Đà. Xuất gia với ngài Chân Tế chùa Trí Thắng ở Hành Dương năm 19 tuổi. Năm sau, thọ giới cụ túc ở chùa Báo Ân tại Lỗi Dương. Sư bế quan tại chùa Nhị Đoan ở Giáp Sơn suốt 3 năm, chuyên chí tham thiền. Lại theo học với hòa thượng Mặc Am chùa Chúc Thánh tại Nam Nhạc, xem đọc Đại tạng kinh. Sau đó đi giảng kinh tại nhiều ngôi cổ tự nổi tiếng như Tây Thiền, Thiên Đồng, Thanh Lương, Hải Hội v.v.. Năm 1906, sư du hóa khắp các xứ Singapore, Mã Lai, Miến Điện, Indonesia. Sau về nước, làm trụ trì chùa Pháp Nguyên, nhận chức vụ đặc trách nội vụ cho Trung Hoa Phật Giáo Tổng Hội. Đồng thời, đề xướng tu chỉnh bộ Tân Tục Cao Tăng Truyện gồm 61 quyển, chép tiểu sử các danh tăng từ thời Bắc Tống đến thời Tuyên Thống nhà Thanh. Về sau, do chùa Pháp Nguyên xảy ra tranh chấp, sư bèn dẫn học trò là Đức Ngọc sang Ấn Độ trùng tu chùa Trung Hoa ở vườn Lộc Dã. Năm 1932, sư du hóa các tỉnh thành thuộc Mã Lai như Penang, Kuala Lumpur rồi thị tịch trong tháng 3 năm ấy tại Mã Lai.

thật sự.” Những sanh vật được nuôi trong những cơ sở phóng sanh lớn lao trước kia, một khi có lính đóng, liền biến thành thức ăn cho quân đội. Nếu sau này vĩnh viễn không có chiến tranh thì được. Nếu không, những con vật được nuôi trong cơ sở phóng sanh ấy sẽ đều là thức ăn được trữ sẵn cho quân đội.

Cư sĩ nhiệt tâm bảo vệ loài vật, có thể nói là bậc nhất, nhưng phải xét kỹ tình lý thì mới được lợi ích thật sự. Pháp sư Đế Nhàn hâm mộ thanh danh của Từ Vân Sám Chủ, xin ông Lư Tử Gia biến Tây Hồ thành ao phóng sanh, mọi người đều đến phóng sanh; kẻ xấu lén lút đánh bắt, chánh phủ phải nhiều lần mua lại, các cư sĩ phải nhiều lần chuộc, tốn đến mấy ngàn đồng rồi vẫn phải dời đi nơi khác. Đấy chính là tấm gương tày liếp mà ông vẫn chưa biết, cứ mong phô trương tạo danh tiếng cho to ư?

(*Ngày Rằm tháng 5 năm Ất Hợi - 1935)*

422. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất)

Bà nói “dùng văn tự, thư họa, âm nhạc để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào trong biển Phật pháp”, đấy chính là đại nguyện của Bồ-tát, nhưng cần phải xét xem chính mình có định lực chẳng bị cảnh duyên xoay chuyển thì đối với mình lẫn người mới đều có lợi ích lớn lao. Nếu không, cứ một mực dụng tâm nơi chuyện bên ngoài, sợ rằng sẽ khó thể thành tựu chuyện liễu sanh tử được. Người học Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Hãy nên chú ý nơi hai bài tựa trước sau trong Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ tự biết sự vi diệu rộng lớn của pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu chẳng bị dao động, mê hoặc bởi tri thức của các tông khác.

Bà nói đến chuyện nằm mộng thấy Quang hiện thân thuyết pháp trong giấc mộng thì đấy chính là cảnh do lòng thành của bà biến hiện, chứ Quang không có khả năng hiện thân trong giấc mộng ấy. Quang là phàm phu sát đất, nhưng thường có kẻ nói nằm mộng thấy Quang, đôi khi còn thấy Quang răn dạy nữa. Đấy đều là do lòng thành của bọn họ cảm Quán Thế Âm Bồ-tát ứng theo căn cơ thị hiện, đấy đúng là “nên hiện thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp”. Bồ-tát còn có thể hiện thành sông, núi, đại địa, lầu, đài, điện, gác, cầu, bến, đường sá, đồ đạc, vật dụng, huống là thân người ư? Mắt Quang không bị bệnh tật gì, xin hãy sáng suốt suy xét!

(Mồng 5 tháng 7 năm Dân Quốc 25 - 1936)

423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai)

Thư bà gởi đến tôi nhận được đầy đủ. Nay đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho bà bốn tờ tượng bán thân, bốn tờ tượng vẽ. Phía dưới tượng vẽ ấy có một phong thư dài, khá quan trọng đối với người mới phát tâm. Người vẽ tượng ấy chính là một người ở Vô Tích, Quang vốn không quen biết. Vẽ xong, giao cho một đệ tử quy y. Người ấy liền chụp bức thư dài đem ghép vào, tặng cho Hoằng Hóa Xã mấy tấm.

424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba)

Bà nói ảnh chụp giống như hình Quang bà được thấy trong giấc mộng, ở chỗ này có ý nghĩa sâu xa, chớ nên cậy vào ý mình rồi hiểu lầm. Quang là nghiệp lực phàm phu, sao có thể hiện thân trong giấc mộng cho được? Ấy là do lòng thành của bà cảm Quán Thế Âm Bồ-tát biến hiện hình tướng của Quang để khiến bà sanh lòng chánh tín. Ấy chính là "nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"! Cầu bến, đường sá, lầu, đài, điện, gác, núi, sông, cây cỏ, không một thứ nào chẳng hiện. Nên biết, thần thông diệu dụng ở nơi người hiện được cảnh, chứ không phải ở nơi cảnh được hiện. Bà coi tớ là chủ, chẳng khỏi đem phàm lạm thánh, khiến cho Quang lẫn bà đều cùng mắc tội lỗi không chi lớn hơn, cô phụ tấm lòng Đại sĩ vì bà hiện hình tướng quá lắm! Ngàn vạn phần chớ nên vẽ, mà cũng đừng nên ghi chép để những kẻ ham làm chuyện giả dối nhằm lôi cuốn người khác sẽ bắt chước làm theo. Loại giấc mộng như vậy thường hay xảy ra. Ấy là vì trong Phật môn không có người, Bồ-tát muốn cho bà tăng trưởng tín tâm nên mới lấy tướng gỗ chạm, đất đắp làm tướng thần thông diệu dụng để phát khởi tâm chánh tín, khiến cho tâm ấy chẳng bị lui sụt. Suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ thì sẽ thấy Bồ-tát từ bi chỉ dạy không gì chẳng xét đến vậy.

(Ngày 18 tháng 8 năm Dân Quốc 25 - 1936)

425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư)

Đối với chuyện vẽ hình tượng Ấn Quang toàn thân hay tượng đứng cũng không quan trọng. Chỉ có điều chớ nên đem phàm lạm thánh, lầm lạc suy tôn, ngõ hầu người đời sau chẳng đến nỗi ngờ là tiếm việt, mà cũng chẳng đến nỗi lầm lạc bắt chước theo.

(Ngày mồng 8 tháng 9 năm Dân Quốc 25 - 1936)

426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm)

Quang vốn là hình hài gỗ đất, bị bà tô vẽ trở thành vàng ngọc huy hoàng. Tuy có thể sướng tai khoái mắt mọi người, nhưng thật ra đã khiến tôi thường phải ôm lòng hổ thẹn.

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu)

Thư trước gởi đến nhằm lúc tôi đang phải gọt giũa bản Hộ Quốc Pháp Hội Khai Thị Lục, chẳng rảnh rỗi để phúc đáp. Tượng Phật lẫn hình Quang đều đẹp. Hôm trước, tôi đã bảo đem tượng Tam Thánh và hình Quang mỗi loại chụp thành 12 tấm, họ cho biết phải trả mỗi tấm 2 cắc. Nay lại gởi đi 10 tấm. Đôi liễn bà viết bên cạnh hình Quang văn lẫn ý đều hay, sẽ đem gởi cho nơi xa (gởi về quê tôi) là chỗ chẳng dễ có được.

428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy)

Hôm qua nhận được thư và nhận được mọi thứ đầy đủ. Chuyện vẽ tượng là do thầy Đương Gia chùa Linh Nham tính vẽ hình của 12 vị tổ sư Liên tông, bảo Quang làm một bài tán sáu câu để dùng trong ngày kỷ niệm các vị ấy quy Tây. Lại làm một bài tụng theo thể loại *thất ngôn bát cú*, tính viết vào hình vẽ ấy. Do Quang thấy thơ Đường Luật quá bó buộc, liền bắt chước cổ nhân viết bừa cho xong trách nhiệm. Thầy ấy vốn muốn thỉnh cư sĩ vẽ một hai bức, Quang nói: "Bà ấy tỵ nạn, ở đậu nhà người ta, sợ chẳng thể vẽ được. Nếu có thể vẽ được thì hãy nên bảo một người vẽ thôi, để khỏi bị khuyết điểm thể cách bất nhất." Nay đọc thư trả lời, tôi thấy nên bỏ chuyện ấy đi, tùy thầy đương gia thỉnh ai vẽ thì thỉnh.

Theo ý Quang, chuyện này cũng chẳng đáng tán thành. Vì sao vậy? Phương Nam ẩm thấp, chẳng được mười mấy năm lại phải vẽ bức khác, khoản tiền chi tiêu ấy chẳng phải nhỏ đâu! Nếu thờ bằng bài vị thì một hai trăm năm sau vẫn còn tốt. Do thầy ấy chuyện gì cũng muốn cho tốt đẹp, nên vẫn chẳng tiếc công nhiều lần cầu cạnh người khác. Về mặt trang nghiêm đạo tràng thì dường như có ích, nhưng trong thời cuộc, tình thế này, cũng có thể do vậy mà chuốc họa. Xét đến cùng, mọi chuyện thật chẳng nên làm cho lắm. Xin hãy gác lại chuyện này, nhất tâm niệm Phật để mong được lợi ích thật sự. Xin đem hai bức tượng vẽ gởi tới bằng thư bảo đảm.

(Ngày 12 tháng 2 năm Kỷ Mão - 1939)

429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám)

Từ lão thái do uống nước pha tro hương được gia trì bằng chú Đại Bi mà căn bệnh nguy hiểm được bớt hẳn, đấy cũng là do lòng thành của gia quyến cảm nên. Hà Đức Mục thích nói chuyện thơ ca, chẳng chú trọng niệm Phật là do bị nghiệp lực mê hoặc, nên chẳng biết phân biệt điều khinh lẽ trọng. Ví như trẻ thơ cho nó đồng tiền thì ưa thích, cho bảo châu ma-ni bèn chẳng nhận. Đem tiền dụ kẻ ăn

mày, hắn chịu niệm Phật là cũng đã gieo thiện căn không chi lớn bằng. Năm Quang Tự 18 (1892), Quang sống tại chùa Viên Quảng ở ngoài cửa Phụ Thành của thành phố Bắc Kinh. Một hôm cùng một vị tăng từ phía ngoài cửa thành Tây Trực đi về chùa Viên Quảng, một đứa ăn mày 15, 16 tuổi chẳng thấy có vẻ đói khát, đi theo xin tiền. Quang bảo nó: "Niệm Phật một câu, ta sẽ cho con một đồng", nó không niệm. Quang nói: "Niệm Phật mười câu ta sẽ cho con mười đồng", vẫn chẳng niệm. Quang lôi túi đựng tiền ra cho nó thấy, ước chừng hơn 400 đồng, bảo nó: "Con niệm Phật một câu ta sẽ cho con một đồng. Con tận lực niệm, ta sẽ cho đến khi hết túi tiền này mới thôi." Nó vẫn không niệm, khóc ầm lên, do vậy bèn quăng nó một đồng tiền rồi bỏ đi. Đứa ăn mày ấy quá thiếu thiện căn, đem tiền dụ cũng không chịu niệm. Nếu trẻ ăn mày phát thiện tâm mà niệm sẽ được lợi ích lớn lao. Dẫu là bị dụ tiền mà niệm Phật vẫn gieo được thiện căn lớn lao.

Trước kia, Quang chẳng trì chú Đại Bi. Năm Dân Quốc 21 (1932), Quang bế quan tại chùa Báo Quốc, mẹ ông Ngô Hằng Tôn ở ngõ cầu Tây Hoa bệnh tình nguy cấp. Ông Hằng Tôn đang ở Bắc Kinh, người nhà vội đánh điện gọi ông về. Vợ ông ta sai người đến chùa Báo Quốc xin Quang tụng cho một chén nước Đại Bi, Quang liền niệm ba biến, bảo cầm về. Uống vào, bà cụ liền tỉnh lại, không còn trong tình trạng nguy hiểm nữa. Sợ Hằng Tôn lo lắng, họ bèn đánh điện nói "bệnh đã không còn nguy ngập nữa", Hằng Tôn bèn không về. Có một đứa bé 9 tuổi khi sanh ra chưa đầy hai tháng, khắp mình sanh đầy mụt lở nhỏ, xuân đến càng thêm đau đớn. Trải nhiều năm vẫn không hết, uống thuốc cũng vô hiệu; do vậy bèn xin nước Đại Bi, uống vào liền lành. Vì thế thường có người đến xin, hằng ngày nói chung phải niệm mấy biến.

Về sau, người đến xin càng nhiều, liền dùng một đồ đựng lớn. Năm trước tỵ nạn đến Linh Nham, thầy Đương Gia nói vẫn cần phải trì chú Đại Bi vào nước. Quang nói: "Hiện thời không mua được bình, mà cũng không có tiền mua bình, hãy nên dùng gạo để thay." Trì chú Đại Bi vào tro hương thì trước kia ở Báo Quốc đã từng làm rồi, bởi lẽ đường xa chẳng thể gởi nước đi được, còn tro thì mọi lẽ đều không trở ngại gì. Nếu ở ngay địa phương này thì không dùng tro. Ông Tần Hiệu Lỗ ở Vô Tích bị ba thứ bệnh, chữa không lành, vừa uống vừa bôi nước Đại Bi liền được lành, bèn quy y.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét trọn chẳng phải là điều bí mật gì, phàm ai biết chữ đều có thể dựa theo đó mà viết. Một cựu quân nhân tánh tình xấu xa ở Vô Tích,

từng làm thân binh cho Tổng thống Viên[31] (Viên Thế Khải) nên tập quen thành tánh xấu, ăn nhậu, cờ bạc, chơi bời đủ cả, nghiện thuốc phiện rất nặng. Đến khi đói rách, mắt đã không thấy đường, tuổi đã 57 hay 58. Người anh ông ta chết đi, Tần Hiệu Lỗ đến phúng điếu, trông thấy tình huống khổ sở ấy, bèn cực lực khuyên răn. Ngay hôm ấy, ông ta bèn chừa sạch thuốc phiện, rượu thịt, hằng ngày thường niệm Phật, mắt liền sáng hơn, nghiễm nhiên thành một vị thiện nhân đề xướng niệm Phật. Trước kia người làng chẳng dám qua lại với ông ta. Sau này, bệnh sốt rét bùng phát, ông ta trị cho từng người một đều được lành bệnh. Từ đấy người

[31] Viên Thế Khải (1859-1916), tự là Úy Đình, hiệu Dung Am, người Hạng Thành, tỉnh Hà Nam, là một tay quân phiệt thời đầu Dân Quốc. Do không đỗ đạt, năm 22 tuổi y bèn xung quân phục vụ dưới trướng của Ngô Trường Khánh. Năm 1882, khi Triều Tiên gặp nội loạn, cầu viện triều đình nhà Thanh giúp đỡ. Viên Thế Khải theo Ngô Trường Khánh tấn công Triều Tiên, dẹp tan nội loạn, đưa Triều Tiên vào vòng lệ thuộc Trung Quốc. Họ Viên được cử giữ chức vụ Tổng đốc Triều Tiên, đặc trách huấn luyện quân đội Triều Tiên, kiêm trông coi nội vụ nước này. Khi đảng Khai Hóa của Triều Tiên đứng lên lật đổ hoàng gia Triều Tiên với sự trợ giúp của quân Nhật, Viên Thế Khải đã dẹp tan cuộc nội loạn này, khiến Triều Tiên càng bị lệ thuộc chặt hơn vào nhà Thanh. Tuy vậy, năm 1894, quân kháng chiến Triều Tiên vùng lên lần nữa, quân Thanh đại bại, Viên Thế Khải phải bỏ Triều Tiên tháo chạy về Thiên Tân, nhưng tài cầm quân của ông ta đã được Đại học sĩ Lý Hồng Chương biết đến, nên họ Viên được rút về phục vụ dưới trướng họ Lý. Trong cuộc Mậu Tuất Chánh Biến (1898), phe Duy Tân mưu toan lật đổ thái hậu Từ Hy, lãnh tụ Đàm Tự Đồng đã nhờ Viên Thế Khải bao vây tiêu diệt Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ). Họ Viên liền mật báo cho tay chân thân cận của Từ Hy là Vĩnh Lộc biết trước. Kết quả phe Duy Tân của vua Quang Tự thất bại thê thảm, vua bị giam lỏng, họ Viên được thăng chức, lần lượt leo lên các chức vụ cao hơn. Khi Lý Hồng Chương mất vào năm 1901, họ Viên được Thanh Triều cử làm Tổng đốc tỉnh Trực Lệ, trở thành thủ lãnh cả vùng biên giới phía Bắc, rồi được thăng lên thành Quân cơ đại thần. Khi Phổ Nghi lên kế vị Quang Tự, Thuần Thân Vương (Tải Phong) nhiếp chánh, do Viên Thế Khải và Thuần Thân Vương đã có mâu thuẫn từ trước nên Viên Thế Khải bị Thuần Thân Vương chèn ép, phải cáo bệnh rút về Hà Nam chờ thời. Khi cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra, Thanh Triều tuyên bố giải tán Nội các, cử Viên Thế Khải làm Nội các tổng lý đại thần, thống lãnh quân đội chống cự lại các thế lực cách mạng ở phương Nam. Họ Viên vừa dùng vũ lực đàn áp quân cách mạng, vừa ngầm đàm phán với lực lượng cách mạng. Ngày mồng 1 tháng Giêng năm 1912, Dân Quốc thành lập, Viên Thế Khải vừa thuyết phục vừa ép hoàng đế nhà Thanh thoái vị vào ngày 12 tháng 2 năm ấy. Ngày 15 tháng 2, nhân thấy thế lực của Viên Thế Khải quá mạnh, chánh quyền Dân Quốc ở Nam Kinh đã phải cử Viên Thế Khải làm Đại tổng thống lâm thời, nhưng sửa đổi chánh thể từ *Tổng thống chế* thành *Nội các chế* để giảm bớt quyền lực của họ Viên. Năm 1913, khi tổng tuyển cử lần thứ nhất được tiến hành, Quốc Dân Đảng đắc cử đa số nên Lý sự trưởng của đảng là Tống Giáo Nhân được cử làm Nội các tổng lý (Thủ tướng). Tuy vậy, ông ta bị đâm chết ngày 20 tháng 3 năm ấy tại Thượng Hải, họ Viên phủ nhận trách nhiệm. Tôn Văn tổ chức Trung Hoa Cách Mạng Đảng, toan dùng vũ lực đánh gục họ Viên nhưng thất bại. Tháng 10 năm ấy, Quốc hội lại phải suy cử họ Viên làm Tổng thống chánh thức. Họ Viên ra lệnh giải tán Quốc Dân Đảng vào tháng 11, phế trừ *Ước pháp lâm thời* của chánh quyền Dân Quốc, sửa đổi nhiệm kỳ Tổng thống thành vô hạn định. Với tham vọng nắm trọn quyền, họ Viên cho bọn tay chân như Dương Độ tổ chức Trù An Hội, dùng thế lực, tiền bạc mua chuộc ép buộc các nghị viên tán thành chế độ quân chủ lập hiến, tôn Viên Thế Khải làm vua. Năm 1916, dưới danh nghĩa tiếp nhận thư thỉnh cầu của quốc dân, họ Viên xưng đế, đổi năm ấy thành Hồng Hiến nguyên niên, đổi phủ Tổng Thống thành cung Tân Hoa, trọng dụng kẻ tâm phúc như Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v. vào những chức vụ trọng yếu. Tuy vậy, các tỉnh liên tiếp nổi lên tuyên bố độc lập, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ cát cứ, chống lại chánh quyền họ Viên. Thế cô lực kiệt, họ Viên phải tuyên bố giải tán đế chế, khai trừ đế hiệu vào ngày 22 tháng 3 năm 1916, tức là chỉ xưng đế được vỏn vẹn 83 ngày. Họ Viên muốn tiếp tục làm Tổng thống Dân Quốc cũng không được, đành ôm hận chết vì bệnh tiểu đường vào ngày mồng 6 tháng 6 năm ấy.

làng đều nghe theo. Trong tháng 4, từng dẫn mười mấy người đến quy y, nghiễm nhiên là một vị cư sĩ tu hành đã lâu. Người này họ Hoa, tên Quán Thiên, đã 64 tuổi. Như người này có thể gọi là "dũng mãnh sửa ác hướng lành".

Nay gởi cho bà một gói tro hương để tiện sử dụng cho mình lẫn người khi cần. Lại gởi cho bà năm cuốn Học Sinh Tu Dưỡng Đức Mục (những điều để học sinh tu dưỡng đức hạnh) để dùng dạy trẻ nhỏ, hai cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết về tang ma, cúng giỗ) bởi lẽ cậu, cô của bà, mẹ của Hà Đức Mục và lão thái Từ đều già rồi, có được quyển sách này cũng có thể dùng để tùy duyên chỉ dạy, đừng để họ thuận theo tập tục trong đời mà gây thêm tội lỗi cho cha mẹ, người thân, bạn bè. Hiện tại, người ta vứt bỏ cổ lễ, trong đám tang lại dùng rượu thịt, diễn tuồng, đúng là chẳng ra sự thể gì! Nghe nói thương nhân X… trong lúc làm lễ đại liệm[32] cho mẹ, người con cả và khách đến viếng uống rượu ăn thịt, đấu quyền làm trò vui, cái tâm đã chết mất rồi. Nếu còn có chút thiên lương, quyết chẳng thể như thế. Thật có thể nói là "thực hành chuyện biến con người thành cầm thú!" Thỏ chết cáo buồn, đâm ra những kẻ ấy chẳng bằng dị loại vậy!

430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín)

Nhận được thư hôm Rằm, biết bệnh của lão thái Từ đã đỡ rất nhiều. Phàm người lâm chung thần thức hôn loạn, nếu uống nước Đại Bi hoặc nước pha từ tro hương Đại Bi, hay nước nấu từ gạo Đại Bi, thần thức đều có thể sáng suốt. Nếu lại có người trợ niệm thì chắc chắn sẽ niệm Phật qua đời. Một hai năm qua, đã có ba người được như thế. Hôm 17 tôi đã gởi cho bà một bao tro hương, kể cả bao bì và toa thuốc nặng bốn lạng, chia làm tám bức thư gởi đi, chắc đã nhận được rồi.

Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu chỉ để gieo thiện căn, dẫu đùa bỡn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn. Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Lúc đức Phật tại thế, một cụ già muốn xuất gia đầu

[32] Đại liệm (còn gọi là nhập liệm, nhập quan, nhập mộc, lạc tài) là lễ đặt thân thể người đã chết vào quan tài, sau khi đã bó vải cẩn thận. Theo cổ lễ của Trung Hoa, sau khi đã bọc và quấn kín người chết trong vải liệm nhưng chừa mặt ra, dùng giấy hay vải đậy mặt người chết, người con trưởng phải nâng đầu người chết, ngoài ra còn phải có bốn đến sáu người, nâng xác chết lên, đưa chân đi trước, đầu đi sau. Trước tiên hạ xác người chết xuống sát đất với hy vọng nhờ âm khí người chết sẽ sống lại. Lúc đặt vào quan tài, phải đặt một miếng ván có đục hình sao Bắc Đẩu để yểm xuống dưới đáy hòm (có thể kèm theo một số bùa chú khác), rồi mới theo quy cách giống như trên, đưa chân vào hòm trước, đầu vào sau. Khi đặt xong, dùng vải đỏ phủ kín từ đầu đến chân, tấm vải ấy phải do người con gái đã gả chồng phủ lên. Khi đã đóng chặt nắp hòm, phát tang rồi mới đồng loạt "cử ai" (cất tiếng gào khóc).

Phật, năm trăm vị thánh chúng quán sát, thấy từ tám vạn kiếp đến nay, ông cụ trọn chẳng có một mảy may thiện căn nào, bèn cự tuyệt chẳng thu nhận. Ông cụ liền gào khóc ở phía ngoài Kỳ Viên, Phật cho gọi vào, thuyết pháp cho ông cụ, cụ liền chứng đạo quả. Năm trăm vị thánh chúng đều chẳng hiểu được nguyên nhân, hỏi Phật, Phật dạy: "Người này trong vô lượng kiếp trước, do bị hổ đuổi phải trèo lên cây, niệm một câu Nam-mô Phật, gặp ta bèn đắc đạo. Đạo nhãn của hàng Thanh văn các ông chẳng thể thấy được!"

Do vậy biết rằng, chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu người ta không chịu niệm, hãy bảo người ấy: "Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao." Gần đây, ở Vô Tích người niệm Phật rất đông, có một người biết nấu món chay, hễ mở Phật thất đều gọi người ấy đến nấu. Người ấy hằng ngày nghe tiếng niệm Phật, về sau đứa con ông ta sắp chết, liền nói: "Con sắp chết, nhưng chẳng thể đến được chỗ tốt lành. Cha hãy cho con Phật của cha, con sẽ đến được chỗ tốt lành." Người cha nói: "Cha chẳng niệm Phật, làm sao có Phật được?" Đứa con nói: "Phật của cha nhiều lắm, chỉ cần cha nói một tiếng, con sẽ chết an lành." Người cha nói: "Vậy thì tùy con, muốn bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu." Đứa con liền chết. Ông ta tự nhủ: "Mình chẳng hề niệm Phật, sao lại có Phật?" Người hiểu biết bảo: "Lúc ông nấu cỗ chay ở trong căn nhà gần chỗ niệm Phật, hằng ngày thường nghe mọi người niệm Phật. Cho nên cũng có công đức lớn." Đấy là kẻ vô tâm nghe, chứ nếu lưu tâm nghe thì công đức càng lớn hơn. Niệm kinh thì không có câu văn được lập lại, chẳng thể nghe từng câu rõ ràng, minh bạch được. Dẫu lưu tâm lắng nghe cũng khó thể nghe cho rõ ràng, huống là kẻ vô tâm ư? Đủ biết công đức niệm Phật thù thắng!

431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười)

Hôm qua, lúc tôi sắp đem thư gởi cho bưu điện, thầy Đương Gia Linh Nham đến nói: "Nhờ cư sĩ Trương vẽ mấy bức hình 12 vị tổ trong Liên tông, chẳng biết bà ta có thời gian, sức lực để làm được hay chăng?" Nếu bà tâm tình phân vân, chẳng thể cất bút thì cũng không sao. Nếu vẫn có thể vận dụng ngòi bút khéo léo như trước đây, xin hãy vẽ trước một bức, gởi tới Linh Nham bằng thư bảo đảm rồi mới châm chước quy tắc. Bức thứ hai thứ ba sẽ vẽ giống như vậy, dùng loại giấy tuyên[33] rộng bốn thước, phía trên viết bài thơ ca tụng theo Cổ Thể Thất Ngôn

[33] Tuyên chỉ (giấy tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gẫy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v. đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là tuyên chỉ (giấy tuyên). Giấy tuyên được chế bằng vỏ cây thanh đàn, pha lẫn với bột của một loại cỏ có tên là thủy đạo. Từ đời Tống

Bát Cú. Trước hết, đề tên tổ sư, kế đến ghi niên đại, ghi trong một tờ giấy khác, gắn lên đầu bức tranh. Tên bài tụng, tên họa sĩ đều viết phía dưới bức chân dung, ngõ hầu chẳng đến nỗi mắc lỗi "tên của phàm phu được đặt phía trên tượng tổ sư". Về giấy, xin cư sĩ hãy mua giùm, để khỏi bị nhăn gãy khi gởi tới. Mười hai vị tổ, chính là những vị thường được cõi đời gọi là *Liên tông cửu tổ* (chín vị tổ của Liên tông), phía dưới vị tổ thứ 8 là đại sư Liên Trì, thêm ngài Ngẫu Ích vào thành vị tổ thứ 9, nên ngài Triệt Lưu thành tổ thứ 10. Do vậy, ngài Tư Tề Thật Hiền từ vị tổ thứ 9 trở thành vị tổ thứ 11, tiếp đó lại thêm thiền sư Triệt Ngộ thành vị tổ thứ 12.

Phía sau ảnh tượng của Phật, của tổ, phụ thêm tượng chín vị tổ. Chỉ có các ngài Ngẫu Ích và Triệt Lưu không có tượng (nay đều đã có), ngài Triệt Ngộ thì ở Hồng Loa có hình chụp. Trộm nghĩ hình tượng thời cổ đều từ ý tưởng của người đời sau vẽ ra. Theo đúng lý, chư tổ không để râu, chỉ có ngài Thiện Đạo là râu dài, tóc dài, sợ rằng cũng là do tưởng tượng, chưa thấy có chỗ nào đề cập đến chuyện ngài để râu dài tóc dài. Cũng có tượng vẽ ngài râu ngắn củn. Chỉ có ngài Triệt Ngộ râu vừa thanh tú vừa dài. Nếu luận theo giới cấm của Phật thì có lẽ chẳng để râu mới nên, nhưng luận theo phương diện thế gian thì cũng chẳng trở ngại gì. Chỉ có ngài Thiện Đạo để râu dài tóc dài là đáng nghi. Chuyện này hãy để từ từ, đợi sau này quyết định. Xin hãy sáng suốt suy xét rồi trả lời như thế nào.

(Tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)

432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một)

Nay gởi cho bà một bức tượng bán thân của Sơ tổ, một bức tượng ngồi toàn thân của thiền sư Triệt Ngộ. Tượng của 12 vị tổ đều lấy tượng của ngài Triệt Ngộ làm chuẩn, nhưng chỉ y theo dáng ngồi mà thôi, bất tất đều phải vẽ đắp y. Cái vòng treo y của ngài Triệt Ngộ quá thấp, cần phải vẽ cao lên hai ba phân mới nên. Đối với những thứ trang nghiêm được vẽ thêm bên cạnh tượng chẳng cần phải vẽ quá nhiều, càng đơn giản càng hay, đều vẽ sao cho nhất trí. Nếu tượng này được vẽ ra, chắc sẽ được chụp ra để truyền bá. Không nhất định phải viết bài tán của Quang vào tranh, do chư tổ đều có một bài tụng theo lối *thất ngôn bát cú* đề vào phần giấy ở phía trên tượng như cách thường làm trong cõi đời. Xin hãy tận hết tâm lực vẽ trước hai bức tượng này gởi tới Linh Nham để chúng tôi xem thử rồi mới lại quyết định, cân nhắc. Nếu bà chịu vẽ hết 12 bức thì cũng hay lắm, nhưng không cần gấp. Dẫu phải mất mấy tháng cũng không sao cả. Nếu chẳng thể vẽ

- Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại bột gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy tuyên khác nhau, nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

hết, thì vẽ hai ba bức cũng được; chúng tôi sẽ đem cách thức bà đã vẽ để cầu người biết vẽ vẽ tiếp.

(Ngày 26 tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)

433. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất)

Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh; về sau lậm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được. Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực.

Hơn nữa, pháp môn Tịnh độ khác với các pháp môn khác, các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là "Thiền Tịnh song tu". Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu *"người niệm Phật là ai"* để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến "tín nguyện cầu sanh". Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm Phật thì chỉ được kể là ngộ, còn cách liễu sanh tử rất xa. Nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận tình không", chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được.

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được. Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực[34]. Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ,

[34] Xin chú ý ở đây tổ không có ý đả kích Mật tông, mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa "hiện thân thành Phật", tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là thượng sư, thu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thần thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật quả.

động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối làm chánh, ngõ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Quang già rồi, không có sức để thù tiếp, xin đừng thường gởi thư đến.

(Ngày 20 tháng 6 năm Dân Quốc 20 - 1931)

434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này chỉ nên giữ bổn phận, mặc kệ những kẻ mất trí điên cuồng làm gì thì làm, trọn chẳng tranh luận hoặc bắt bẻ bọn chúng. Bởi lẽ người hiểu lý thì ít, kẻ hồ đồ thì nhiều. Nếu có tranh biện xảy ra, do bọn ma thế mạnh, sẽ đâm ra càng làm tăng thế lực của chúng. Đối với người biết tốt xấu, hãy gắng khuyên họ đừng theo bọn chúng; nếu là kẻ chẳng biết tà chánh thì chỉ đành bỏ mặc. Ví như con chó ăn phân cho là thơm ngon, nếu bảo là hôi thối, ngăn trở nó đừng ăn, ắt nó sẽ ôm lòng giận dữ, cho là muốn đoạt món ăn ngon lành của nó. Chẳng những vô ích mà còn có thể chuốc lấy họa lớn!

Pháp của ngoại đạo bí mật chẳng truyền. Muốn nói ra sợ bẩn miệng tôi, muốn viết ra sợ bẩn tay tôi. Chỉ nên dùng lòng chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để xoay chuyển pháp của bọn chúng. Dẫu chẳng thể chuyển được, há để bị bọn chúng xoay chuyển ta ư? Sở dĩ ngoại đạo được truyền khắp cả thế giới là do dùng hai thứ biện pháp bí mật và thốt lời thề độc. Nếu bỏ hai cách ấy đi, ắt sẽ băng tan, ngói vỡ liền! Quang vốn muốn nói sơ lược, nhưng sợ kẻ đố kỵ giáng họa, nên chỉ nói tóm tắt mà thôi. Lũ ma rất đông đảo, không tìm được cách nào ngăn chặn, nay gởi cho ông bài tựa về Cư sĩ lâm ở Triều Dương, xin hãy chép lại treo trong Lâm để những ai hiểu văn lý xem đến ắt sẽ sanh lòng chánh tín rồi hộ trì. Quang già rồi, sáng chẳng bảo đảm được tối, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, bởi tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết chuyện Thái Vũ Thanh quy y. Ông nói đã gởi thư đến trong hạ tuần tháng trước, nhưng tôi chưa từng nhận được thư ấy. Xét cảnh ngộ của ông Thái, đáng gọi là "khổ sở đến cùng cực". Nhưng khổ vui, họa phước vốn chẳng nhất định, người khéo dụng tâm có thể biến khổ thành vui, biến họa thành phước. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, phần nhiều do vui mà bị khổ, do phước mà mắc họa! Vũ Thanh đã biết tướng thế gian vô thường, gấp muốn quy y tam bảo để tu trì tịnh nghiệp, để cầu nương vào Phật từ lực hòng liễu sanh thoát tử. Đây có thể nói là: "Cảnh khổ là cơ hội quý báu để thành tựu đại thiện căn liễu thoát sanh tử

cho ông ta.” Nếu không, con cháu đầy nhà, gia đình hòa thuận, chỉ biết những sự sung sướng trước mắt, ai tính đến chuyện sau khi chết sẽ đi về đâu.

Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Tịnh, nghĩa là chuyên chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nhưng cần phải cởi gỡ những điều canh cánh trong lòng, đừng nên thường ngậm ngùi “tuổi già xộc đến mà con chết cháu mất”, càng thêm sanh lòng oán trời hận người, chỉ nên tự oán, tự phản tỉnh: “Chính mình đời trước ít vun bồi thiện căn đến nỗi đời này bị kết quả ấy!” Lại hãy nên thường sanh lòng hoan hỷ: “Nếu chẳng vì bọn họ chết mất, ta quyết khó thể phát tâm xuất thế. Tâm này chẳng phát, dẫu cho chết đi vẫn được tái sanh trong loài người, quyết khó thể vĩnh viễn chẳng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, sẽ đọa trong tam ác đạo, chịu các sự khổ lâu dài cả kiếp trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nay do cái chết của bọn họ khiến cho ta phát tâm xuất thế, đúng là trời dùng cái chết của bọn chúng để hoàn thành tốt đẹp thiện quả xuất thế cho ta. Ấy chính là thiện căn đời trước của ta phát hiện.”

Hãy giữ yên bổn phận, chẳng sanh oán hờn, cùng với người con dâu góa bụa, cháu gái đều tu tịnh nghiệp để mong cùng sanh Tây Phương. Nếu làm được như vậy thì chẳng những chính mình, dâu, cháu được sanh về Tây Phương, mà người vợ đã khuất, hai đứa con, hai đứa cháu, một đứa dâu đều sẽ nhờ vào pháp ích ấy mà cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chớ nên mang tri kiến ngu si vô tri, thường ôm lòng sầu lo, than thở, đến nỗi tuy niệm Phật mà tâm đâm ra bị chướng ngại, đến nỗi chẳng tương ứng với Phật, làm hỏng đại sự của chính mình.

Nay gởi thêm cho ông ta hai tờ Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy nương theo đó để tự hành, lại dùng những điều ấy để giáo hóa người khác, ắt người ta sẽ biết mình tri thức cao minh, tu trì tinh tấn, sẽ vui vẻ thuận theo, công đức ấy lớn lắm. Tất cả phương pháp tu trì sợ ông ta chưa hiểu rõ, nay gởi cho ông ta một cuốn Gia Ngôn Lục, xin hãy lắng lòng đọc kỹ thì sự mầu nhiệm thù thắng nơi cõi Tây Phương, pháp tắc tu hành, trợ niệm khi lâm chung, giáo dục trong gia đình sẽ đều biết rõ phương hướng vậy. Cháu gái còn thơ ấu, hãy nên nghiêm túc răn dạy, vun bồi tư cách hiền huệ lương thiện cho nó, ngõ hầu nó sẽ trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới trong mai sau. Ấy chính là rạng mày nở mặt, cao trỗi hơn chuyện con cháu làm quan to, giàu có lớn rất nhiều. Vì sao vậy? Do hiền nữ ắt sẽ có thể là hiền thê, hiền mẫu của người khác, khiến cho cả chồng lẫn con cháu đều thành hiền nhân. Xin hãy đưa những điều này cho ông ta coi để ông ta làm theo đó thì may mắn thay!

436. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết trong một năm nay, ông đã du lịch mấy vạn dặm, khai thông tri kiến và tu trì tịnh nghiệp, chiết phục ngã mạn; so với trước kia, tâm gấp cầu sanh Tây Phương càng chân thật thiết tha gấp trăm lần. Nỗi khổ trong Sa-bà chẳng thể chịu đựng được một buổi, hãy nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật và khuyên quyến thuộc nhất tâm niệm Phật. Sự nghiệp trước kia là giấc mộng, nay chẳng nên làm nữa, hãy chuyên thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương. Đến khi giấc mộng ấy đã thành, lại nương vào Phật từ, trở lại Sa-bà, phổ độ oán thân đều cùng sanh Tịnh độ, ngõ hầu chẳng phụ cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Nếu chẳng buông xuống được thì sau này chỉ có ác mộng, quyết chẳng có hảo mộng. Loại ác mộng ấy còn chẳng muốn nghe, huống là mộng thấy ư? Nếu vẫn muốn mộng thấy thì chính là gã điên! May mắn là quyến thuộc bình yên, hãy nên suất lãnh mọi người cùng thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương để mong được cùng với các vị thượng thiện nhân cùng hội ngộ nơi liên trì.

(Ngày 12 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai)

Năm ngoái nhận được thư ông, ông ngờ Quang không gởi thư. Biết ông học nghiệp tăng tấn lớn lao, thấy được chỗ người khác chưa thể thấy, vì thế chẳng muốn trả lời. Còn như hòa thượng X… nói Quang đã chết, đấy là lời thật đó, bởi nhân cách đã mất, chỉ là sống trộm. Nay lại nghĩ đến, chẳng nói gì khác. Niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, so với những kẻ sanh lên trời Đâu-suất, khó - dễ, an ổn - nguy hiểm sẽ khác biệt gấp trăm ngàn vạn ức lần sự cách biệt vời vợi giữa trời và vực. Ông tên là Mộ Nho, Quang tuy theo đạo Thích vẫn còn có khí phận của Nho, chỉ hai câu nói ấy đã chính là lời mổ tim vẩy máu rồi, những điều khác đều chẳng nói tới nữa!

(Ngày 23 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

438. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh

Từ quý ấp có ông Tống và trụ trì chùa Cụ Giác là sư Nguyên Tràng đến núi thăm viếng, cho biết cư sĩ gảy đàn[35] trong ấp ấy, gió nhân dịu mát, cả vùng ca

[35] Đây là một cách nói dựa theo điển tích *"minh cầm nhi trị"* (gảy đàn cai trị). Điển tích này xuất phát từ bộ Lã Thị Xuân Thu, phần Sát Hiền: *"Mật Tử tiện trị Đơn Phụ, đản minh cầm, thân bất hạ đường, nhi Đơn Phụ trị"* (Mật Tử bị đày về trông xứ Đơn Phụ, chỉ đánh đàn, chẳng phải ra công đường xét án mà Đơn Phụ được bình trị). Do vậy, đời sau thường dùng từ ngữ "minh cầm nhi trị" để chỉ người có đức độ, dùng lễ nhạc, đạo nghĩa cảm hóa dân. Về sau, từ ngữ này trở thành một lối nói khách sáo nhằm ca ngợi một ông quan có tài cai trị.

tụng, Quang nghe vậy khôn ngăn hoan hỷ, an ủi. Người học Phật đều phải nên dùng tâm Bồ-tát để làm chuyện thánh hiền, huống chi ông thân làm ấp trưởng, làm cha mẹ của dân ư? Cư sĩ đã có thể dùng tâm Bồ-đề để cai trị bằng lòng nhân, thật đáng gọi là đệ tử chân thật của đức Phật, may mắn chi hơn? Sư Nguyên Tràng nói: "Xây cửa chùa mới, tính thỉnh cư sĩ đề một tấm biển ngạch hòng rạng rỡ pháp đạo, tăng lòng tín ngưỡng cho người khác", cậy Quang báo cho ông biết, chắc là ông chẳng đến nỗi tiếc công múa bút vậy. Do vậy bèn kèm theo thư, trình lên ông kích thước vừa vặn nhất để khắc lên bia đá. Trên tấm biển ngạch, hoặc đề *"bất nhị pháp môn"* hoặc *"đồng đăng giác lộ"* (cùng lên đường giác), hoặc *"nhất siêu trực nhập"*, hoặc *"tam giải thoát môn"*.

(Ngày mồng 1 tháng 9)

439. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất)

Nhận được thư ông từ núi chuyển đến, do tôi phải sắp đặt in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ nên hằng ngày chẳng rảnh rỗi, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng thể trả lời được. Các hạ đã sanh lòng tin sâu xa nơi Phật pháp và pháp môn Tịnh độ, lẽ ra phải nên bái bậc cao minh làm thầy; còn kẻ tầm thường, hèn kém như Quang chẳng được mấy ai coi trọng, nếu thờ làm thầy sẽ thành ra bị khuất lấp, nhục nhã vậy! Tuy nhiên, đã là hữu duyên, chẳng ngại gì đãi nhau bằng tình đạo. Nay đem những sách như Văn Sao… gởi tới, để làm căn cứ "tự hành, dạy người" trong mai sau.

Lệnh lang Ấu Điển muốn tiêu diệt tai chướng, tăng trưởng phước tuệ, hãy nên hằng ngày lễ bái trì niệm thánh hiệu Quán Âm, đấy chính là "tự cầu nhiều phước, phải sửa đức mình", há nên bắt chước lệ cũ của kẻ ngu tục, đem đãy đeo vào tay của tượng Bồ-tát để cầu ngài ngầm che chở ư? Hãy đối trước Bồ-tát bẩm rõ rồi đem cái đãy ấy đốt đi để sau này khỏi phải vứt bỏ.

Nếu vợ chồng các hạ và lệnh lang thường niệm Quán Âm thì tâm buộc nơi đức Quán Âm. Tâm buộc nơi đức Quán Âm sẽ tự được đức Quán Âm che chở gia hộ, do tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh tương thông trong từng hơi thở. Chỉ vì chúng sanh mê trái, tự hình thành chướng ngại, nên chẳng được che chở gia hộ. Lỗi nơi chính mình, nào phải Bồ-tát có lòng thiên vị riêng tư. Quang sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài, tất cả những vật chẳng khẩn yếu đã gác bỏ hết. Ông nói đến ảnh chụp của ông, sợ bạn bè ở Phổ Đà biết ý này nên giữ lại cũng không biết chừng. Sau này đừng đến Phổ Đà nữa, cũng chẳng thể nói rõ Quang sẽ ẩn dật tung tích ở chỗ nào để khỏi phải bị phiền nhiễu thù tiếp thư từ.

Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do thợ in chẳng cẩn thận, khi giảo đối để làm chỉ bản lần thứ hai, do những chữ đã được xếp khuôn phải được lèn thật chặt, hễ có chữ nào chênh vênh, hoặc trồi lên, họ đều thuận tay cắm bừa lại, đến nỗi sai ngoa quá nhiều. Mười mấy ngày sau nữa sẽ có bản đính chánh được in ra, ông sẽ biết chi tiết. Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng qua những sách ấy những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn? Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi.

(Mồng 8 tháng Chạp)

440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết tâm từ khá sâu, vì thế chẳng tiếc nhiều tiền, hễ thấy con vật sắp bị giết liền mua để thả, tôi cảm kích, bội phục cùng cực. Nếu nói niệm Đa Bảo Như Lai hoặc Thất Như Lai[36], hoặc chú Vãng Sanh, hoặc chú Chuẩn Đề, hoặc chú Đại Bi thì đều được, há nên tụng chú do người đời soạn ra? Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Các hạ đã hiểu sâu xa Phật lý, sao vẫn nghĩ những chú văn do người đời soạn ra ấy là hữu ích, còn những chú do đức Phật nói đâm ra chẳng có ích gì? Đấy cũng là tập khí trong đời trước tin đạo chẳng chuyên dốc mà ra. Khi tập khí hãy còn mà chính mình chẳng biết, chẳng hạn như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết. Tự mình có thói tập khí ấy, dẫu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra.

Người học đạo cần phải trừ tập khí, tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được, hễ biết thì còn có được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân thật cho nên lược thuật nguyên do.

441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba)

[36] Đây là danh hiệu của bảy đức Như Lai thường được xướng tụng trong khi thí thực hoặc cúng dường. Danh hiệu của bảy vị này xuất phát từ kinh Diệm Khẩu Du Già Đà La Ni, gồm: Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai và A-di-đà Như Lai. Nhưng theo nghi thức phổ biến hiện thời, danh hiệu của bảy vị Như Lai là Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai và A-di-đà Như Lai.

Nhận được thư, biết ông hằng ngày tụng niệm tinh ròng, siêng năng, tôi mừng rỡ, an ủi không chi bằng. Ông nói đến bóng đen thì đấy chẳng phải là ảnh của Phật, Bồ-tát, cũng chẳng phải là hình ảnh của oán thân đối đầu hiện ra. Do Phật, Bồ-tát đã hiện thì ắt phải có diện mục v.v. rõ ràng có thể thấy được, còn oán thân sẽ hiện ra tướng đáng sợ. Hình ảnh ấy chính là những cô hồn có duyên với ông trong đời trước, mong được nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khi hồi hướng cho họ trong khóa tụng, ông lại chuyên hồi hướng cho họ, khiến họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì sẽ hữu ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen khổ tâm hiện bóng ấy.

Hơn nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới chẳng tốt đẹp không sanh lòng kinh sợ. Làm được như thế thì những cảnh giới đã thấy đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành, hãy nên lấy chí thành, cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Tâm giữ được, thân hành được, tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng phải nỗ lực cố gắng để mong chẳng trái tâm Phật, hạnh Phật, sẽ đáng gọi là người tu hành chân thật, là đệ tử thật sự của đức Phật vậy.

(Ngày 19 tháng 7 năm Mậu Thìn - 1928)

442. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất)

Pháp danh của cha con và em gái (Chí Tiên), vợ chồng ông Trương, mẹ con ông Phạm được viết trong một tờ giấy khác. Giới u minh[37] sẽ truyền vào lúc bảy giờ tối hôm Rằm. Con muốn hoằng dương Tịnh độ để báo ơn cha mẹ, sao chỉ ăn chay ba năm? Chẳng biết sát kiếp trong mấy năm gần đây đều là do sát sanh ăn thịt dấy lên, con muốn giảng pháp môn Tịnh độ cho hết thảy mọi người mà chính mình vẫn chưa thôi ăn thịt thì người ta cũng bắt chước ăn thịt theo.

Quang già rồi, sáng chiều sẽ chết, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y, bởi không có mục lực lẫn tinh thần để thù

[37] Giới u minh: Truyền giới Bồ-tát cho người đã mất. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng về ý nghĩa giới u minh như sau: "Giới u minh chính là giới được thọ trì bởi hết thảy cô hồn, vong linh. Phàm ai mong vì người đã khuất cầu cho người ấy được thọ giới u minh, phải dốc lòng kiền thành, thay mặt cho người ấy cầu giới thì mới được Phật, Bồ-tát, thánh hiền giáng lâm pháp hội, chứng minh thọ giới. Người thay mặt người đã khuất cầu giới phải phát tâm rộng lớn, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong cõi u minh được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, thoát lìa mọi nỗi khổ trong chốn u minh, sanh về đường lành. Lại phải quán tưởng dung mạo của người đã khuất, phát lòng tin thiết tha thay cho người ấy đảnh lễ tam bảo. Có như vậy thì mới cảm được người đã khuất phát lòng chí thành, cầu thọ trì mười giới Đại thừa Bồ-tát."

tiếp. Nay gởi cho con một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp, dùng đó để tự lợi lợi tha thì sẽ là đệ tử chân thật của đức Phật. Chẳng cần phải gởi bù tiền hương kính, nơi đây chẳng theo lệ mua hàng hóa ở ngoài chợ búa. Từ nay về sau hễ gởi thư tới nữa, quyết chẳng phúc đáp!

(Ngày 11 tháng 9)

443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai)

Thư con gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu chẳng rảnh rỗi để lo đến. Hôm trước mới đem phiếu thỉnh sách giao cho Hoằng Hóa Xã, chắc họ đã gởi đến rồi. Con đã 18 tuổi, sao chẳng sốt sắng học chữ? Thêm nữa, cách xưng hô trong khi viết thư đều chẳng hợp lễ cho lắm. Con người sống trong thế gian, hễ siêng năng ắt có thành tựu, nếu lười nhác thì một chuyện cũng chẳng thành. Đừng nói là "kẻ tài năng chẳng hơn ai, vẫn còn có gia nghiệp để trông cậy!" Cần biết rằng: Càng phú quý, càng phải siêng học! Con em nhà phú quý phần nhiều bại hoại, ít có kẻ thành chánh khí, đều vì ỷ vào gia nghiệp. Rốt cuộc cái để ỷ vào lại chẳng đủ để ỷ y, tài đức của chính mình mới là cái có thể nương dựa được thì lại chẳng thành tựu gì. Đến nỗi cái có thể trông cậy lại chẳng đủ để trông mong được, mà tài đức của chính mình lại chẳng có gì, chẳng trở thành hạng làm thuê nghèo hèn, há có được chăng?

Con đã phát tâm quy y Phật pháp, ắt phải làm người tốt trước đã, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, nhất cử nhất động dẫu ở trong nhà tối vẫn chẳng buông lung, chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền người thiện trong thế gian. Làm được như thế thì mới đáng là đệ tử đức Phật! Đối với những kinh sách đã thỉnh, phải đặc biệt cung kính. Hiện thời hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, đừng bắt chước thói đọc sách lướt qua như cưỡi ngựa xem đèn thì sẽ được lợi ích, Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là khai thị. Từ nay trở đi đừng nên gởi thư tới nữa, do Quang tuổi già mắt quáng, chẳng thể thù tiếp được. Sách gởi lần này là do ta tặng, sau này muốn thỉnh nữa hãy chiếu theo bảng giá của Hoằng Hóa Xã mà thỉnh. Nếu cứ theo lệ tặng sách này, ta chẳng có tài lực ấy đâu!

(Ngày 18 tháng 10)

444. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất)

Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ ông cho rằng dịch kinh trọn chẳng

phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi. Nếu chỉ là một dịch giả [thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc], bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc. Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí tuệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được.[38] Do một người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp.

Ông hoàn toàn tưởng rằng dịch kinh giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, như vậy thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao. Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa. Quang một mực chẳng vì muốn làm sướng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đường ai nấy đi, chẳng sao cả. Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa.

445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai)

Một kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Bản dịch đầu tiên là do ngài Chi Lâu-ca-sấm[39] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán, gồm ba quyển, văn từ rườm rà, với tựa đề là kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Bản dịch kế tiếp do ngài Chi Khiêm[40] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Ngô

[38] Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê-hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết-bàn, Điều-đạt là cách gọi rút gọn tên Đề-bà-đạt-đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành "khéo đi" v.v..

[39] Chi Lâu-ca-sấm (Lokasema) sanh năm 147, không rõ năm mất, đôi khi còn được gọi tắt là Chi Sấm, người xứ Đại Nhục Chi (Kusana), tới kinh đô Lạc Dương vào thời Hán Hoàn Đế. Ngài dịch được các bộ kinh Đạo Hành Bát-nhã, Ban-chu Tam-muội, kinh A-xà-thế Vương, kinh Tạp Thí Dụ, kinh Thủ-lăng-nghiêm, kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và hơn 20 hội thuộc kinh Bảo Tích. Ngài là vị dịch kinh Bát-nhã sớm nhất tại Trung Hoa, gây nên hứng thú nghiên cứu kinh Bát-nhã suốt thời Ngụy - Tấn. Sơ tổ Huệ Viễn của tông Tịnh độ đã căn cứ vào kinh Ban-chu Tam-muội mà lập ra pháp ban-chu niệm Phật, lập liên xã, và khởi xướng truyền thống niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.

[40] Chi Khiêm, cũng là người xứ Đại Nhục Chi, sống vào cuối thế kỷ thứ ba. Ngài vốn là một vị cư sĩ tên Cung Minh theo mọi người trong bộ tộc di cư sang Đông, sống tại Hà Nam. Ngài thông hiểu ngôn ngữ của sáu nước Thiên Trúc, theo học với một đệ tử ngài Chi Lâu-ca-sấm là Chi Lượng, do thông hiểu

gồm hai quyển, với tựa đề kinh Phật Thuyết A-di-đà. Do trong kinh nhật tụng cũng có bản kinh tên kinh Phật Thuyết A-di-đà, nên phía ngoài thêm vào một chữ Đại để phân biệt.

Lại vào đời Triệu Tống[41] có cư sĩ Vương Long Thư sao lục những chỗ trọng yếu trong bốn bộ, tức hai bản dịch đầu tiên (tức bản của ngài Chi Lâu-ca-sấm và Chi Khiêm dịch) và bản dịch thứ ba (tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải) cũng như bản dịch thứ năm vào đời Triệu Tống (tức bản dịch của ngài Pháp Hiền) thành một bản hội tập, đặt tên là kinh Đại A-di-đà. Thuở ấy, bản này được lưu truyền mạnh mẽ, sau vì đại sư Liên Trì chỉ ra khuyết điểm "khi hội tập, ông Vương chẳng y theo kinh văn của các bản dịch"[42] nên từ đấy không có ai thọ trì nữa. Trong Đại tạng có bản kinh này. Các chỗ lưu thông đều chẳng lưu thông. Có người bảo kinh Vô Lượng Thọ, ngoài năm bản dịch còn có một loại nữa, tức là bản kinh hội tập này vậy.

Bản dịch thứ ba chính là kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ, gồm hai quyển, hiện thời ai nấy đều thọ trì bản kinh này, tức là bản do ngài Khang (tên nước) Tăng Khải[43] dịch vào đời Tào Ngụy[44]. Bản thứ tư chính là hội thứ mười bảy của

---

các kinh điển nên được người đời tặng mỹ hiệu Trí Nang (cái túi trí tuệ). Về sau, do tỵ loạn, ngài dời sang sống tại Đông Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền rất tôn trọng, phong chức quan Bác sĩ để dạy Thái tử Tôn Lượng học. Suốt thời gian 31 năm từ 222 đến 253 năm, ngài dốc sức dịch các bộ kinh Duy-ma-cật, kinh Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi, kinh Đại Minh Độ v.v., tổng cộng hơn 129 bộ kinh. Ngoài ra, ngài còn soạn Tán Bồ-tát Liên Cú, Phạm Bái Tam Khế, chú giải Liễu Bản Sanh Tử Kinh. Khi Thái tử lên ngôi, ngài ẩn cư tại núi Khung Ải, thọ giới với ngài Trúc Pháp Lan, trở thành tăng sĩ, lắng lòng tu niệm, viên tịch năm 60 tuổi.

[41] Triệu Tống là nhà Tống (927-1279) được sáng lập bởi Triệu Khuông Dẫn, gọi như vậy để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập.

[42] Xin xem thêm chi tiết về lời phê của tổ Liên Trì trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

[43] Khang Tăng Khải (Samghavarman), còn được phiên là Tăng-già-bạt-ma, sống vào thời Tam Quốc, người xứ Khang Cư (Sogdian), đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy (nhằm đời vua Tào Phương, tức Ngụy Phế Đế), trụ tại chùa Bạch Mã, dịch các bộ kinh Úc Già Trưởng Giả, kinh Vô Lượng Thọ, Tứ Phần Tạp Yết Ma v.v.. Ngoài ra, trong *Vạn tục tạng* còn có một bản kinh khác cũng đề tên ngài dịch là kinh Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên.

[44] Ngoại trừ nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vương triều lấy quốc hiệu là Ngụy như:

1. Tào Ngụy (222-260) là nước Ngụy đời Tam Quốc do Tào Phi, con trai Tào Tháo, sáng lập. Tuy Tào Phi xưng đế, nhưng chỉ là người thừa hưởng thành quả từ những thủ đoạn mưu bá đồ vương của Tào Tháo, nên Tào Tháo mới là người sáng lập triều đại Tào Ngụy thật sự. Khi lên ngôi, Tào Phi đã truy phong thụy hiệu cho Tào Tháo là Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

2. Nhiễm Ngụy (350-352) do Nhiễm Mẫn (con nuôi của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu) thừa dịp các con của Thạch Hổ tranh giành ngôi báu đã soán đoạt chánh quyền nhà Hậu Triệu, xưng đế, đổi tên nước thành Ngụy, nhưng chỉ hai năm sau lại bị nhà Tiền Yên diệt quốc.

3. Địch Ngụy (330-392) do Địch Liêu thuộc tộc người Đinh Linh chiếm cứ phía nam tỉnh Hà Nam sáng lập. Do lãnh thổ bị vây hãm giữa các nước Đông Tấn, Hậu Yên, Tây Yên nên suốt đời Địch Liêu phải luôn giao tranh. Cuối cùng phải bỏ kinh đô Hoạt Đài vượt sông trốn về Bắc, nhưng rốt cuộc vẫn bị Mộ Dung Thùy nhà Hậu Yên diệt quốc vào năm 392.

kinh Đại Bảo Tích, tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội. Bản kinh này ông Vương Long Thư chưa từng thấy, do ngài Bồ-đề-lưu-chí[45] dịch. Trước đó, vào thời Nguyên Ngụy có ngài Bồ-đề-lưu-chi[46], không phải người đời Đường; người đời thường viết sai tên ngài Lưu Chí thành Lưu Chi.

4. Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy hoặc Thác Bạt Ngụy, hoặc Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê thuộc sắc tộc Tiên Ty sáng lập. Năm 493, Thác Bạt Hoằng dời đô từ Bình Thành sang Lạc Dương, đổi họ thành Nguyên, nên sử thường gọi triều đại này là Nguyên Ngụy.

5. Tây Ngụy (535-557): Sau khi Hiếu Vũ Đế nhà Bắc Ngụy bị Cao Hoan đánh bại phải chạy vào Quan Trung nương nhờ Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái bèn lập mưu giết chết Hiếu Vũ Đế, đưa cháu nội của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Bảo Cự lên ngôi, đóng đô tại Trường An. Nhưng đến năm 557, Vũ Văn Giác (con trai Vũ Văn Thái) bức vua Cung Đế nhà Tây Ngụy thoái vị, tự mình xưng đế, lập ra nhà Bắc Chu.

6. Đông Ngụy (534-550): Khi Cao Hoan đánh bại Bắc Ngụy Hiếu Vũ Đế, vua phải chạy vào Quan Trung nhờ cậy thế lực của Vũ Văn Thái, Cao Hoan bèn lập đứa chắt mới mười một tuổi của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Thiện Kiến lên ngôi, lấy hiệu là Ngụy Hiếu Tịnh Đế, rồi tự mình làm Phụ Chánh Đại Thần, đóng đô tại Nghiệp Thành, nhằm đối kháng với nhà Tây Ngụy. Do Cao Hoan chỉ rắp tâm soán đoạt nên nước Đông Ngụy yếu thế hơn Tây Ngụy, nhiều lần bị Tây Ngụy đánh bại. Rốt cuộc, Cao Tường (con trai thứ của Cao Hoan) soán ngôi, lập ra nhà Bắc Tề (sử thường gọi là nhà Cao Tề).

[45] Bồ-đề-lưu-chí (Bodhiruci 562-727), dịch nghĩa là Giác Ái, vốn có tên là Đàm-ma-lưu-chi (Dharmaruci) người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng Bà-la-môn, thiên tư thông duệ, xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngoại đạo Bà-la-xà-la, thông hiểu thanh minh, số luận, lịch số, địa lý, thiên văn, chú thuật, y phương v.v.. Mãi tới năm 60 tuổi mới ngộ được chỗ cao sâu của Phật pháp bèn ẩn cư trong rừng núi tu hạnh đầu-đà. Sau đó, theo học Tam tạng với ngài Da-xá-cù-sa, chưa đầy 5 năm đã thông đạt tất cả, danh tiếng còn trỗi hơn thầy. Vua Đường Cao Tông nghe tiếng, sai sứ sang thỉnh. Năm Trường Thọ thứ hai (693), sư chống tích trượng đến Trường An, được Vũ Tắc Thiên cực kỳ tôn trọng, thỉnh sư trụ tích tại chùa Phật Thọ Ký, đồng thời dâng mỹ hiệu Bồ-đề-lưu-chí. Chỉ trong năm ấy, sư đã dịch được mười một bộ kinh như Phật Cảnh Giới, Vũ Bảo v.v.. Tới năm Thần Long thứ hai (706) sư dịch thêm được các bộ kinh Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn, kinh Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương. Công trình lớn nhất của sư là dịch bộ kinh Bảo Tích ròng rã 8 năm, dịch 26 hội mới, tu chỉnh 23 hội của các vị dịch kinh đời trước, tạo thành bộ kinh Đại Tích gồm 49 hội, tổng cộng 120 quyển. Dịch xong, sư chuyên tu thiền quán. Tới năm Khai Nguyên thứ 15 (727), sư tuyệt thực nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp như cũ. Tới ngày mồng 5 tháng 11 năm ấy bèn thị tịch, thọ 166 tuổi. Vua thương tiếc, truy tặng quan chức Hồng Lô Đại Khanh, thụy hiệu Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Điểm lại, sư đã dịch tổng cộng 53 bộ kinh, là vị dịch giả nổi tiếng ngang ngửa với ngài Huyền Trang.

[46] Bồ-đề-lưu-chi, dịch nghĩa là Đạo Hy, người xứ Bắc Ấn Độ, cao tăng học giả thuộc học phái Du-già (Duy Thức), là đệ tử thuộc đời thứ tư của ngài Thiên Thân Bồ-tát. Ngài cũng rất tinh thông Mật giáo, đến Lạc Dương vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Nguyên Ngụy, được Ngụy Tuyên Vũ Đế rất trọng vọng. Cùng với các vị cao tăng học giả thời ấy như Lặc-na-ma-đề (Bảo Ý), Phật-đà-phiến-đa (Giác Định) v.v. cùng dịch kinh điển. Các bộ luận nổi tiếng được các ngài dịch gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Bảo Tích Kinh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận. Khi nhà Nguyên Ngụy bị tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, dời đô về Nghiệp Thành, ngài ở lại Lạc Dương, đơn độc dịch kinh đến năm Thiên Bình thứ hai (535) mới thôi, không rõ mất năm nào. Căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, ngài dịch được 30 bộ kinh, quan trọng nhất là kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, kinh Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn, kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn, kinh Thâm Mật Giải Thoát, kinh Nhập Lăng-già, kinh Đại Tát Độ Ni Càn Tử Sở Thuyết, Di-lặc Bồ-tát Sở Vấn Kinh Luận, Văn-thù Vấn Bồ-đề Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Bách Tự Luận, Duy Thức Luận…

Bản dịch thứ năm tên là kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, do ngài Pháp Hiền[47] dịch vào đời Triệu Tống. Nguyên bản gồm hai quyển, do người đời Tống lấy số lượng kinh dịch được nhiều làm điều vinh dự nên chia thành hai quyển. Ở chỗ trọn chẳng nên chia ra lại chia, do vậy bản khắc hiện thời chỉ gồm một quyển. Trong những bản dịch ấy, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội văn lẫn lý đều hay, nhưng phần kinh văn khuyên đời ở cuối kinh lại chẳng sao lục. Vì thế, người đời đều lấy bản kinh Vô Lượng Thọ của ngài Khang Tăng Khải làm chuẩn vậy.

446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba)

Trong kinh Vô Lượng Thọ, có ba bậc (tam bối), kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có chín phẩm. Ba phẩm hạ đều là kẻ tạo ác nghiệp, lâm chung gặp thiện tri thức khai thị niệm Phật liền được vãng sanh. Vương Long Thư chấp chết cứng "ba bậc chính là chín phẩm", đấy chính là lầm lẫn căn bản cho nên coi bậc hạ trong kinh Vô Lượng Thọ chính là ba phẩm hạ trong Quán kinh, sai lầm quá đỗi!

Do vậy trong bản hội tập kinh Đại A-di-đà của ông Vương Long Thư, bậc thượng chẳng nói có phát tâm Bồ-đề, bậc trung có phát tâm Bồ-đề, bậc hạ thì nói "chẳng phát tâm Bồ-đề". Thật ra theo bản Ngụy dịch, ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều có phát tâm Bồ-đề. Ý cư sĩ Vương cho rằng bậc hạ tội nghiệp sâu nặng, làm sao có thể phát tâm Bồ-đề cho được? Ông ta chẳng nghĩ trong phần kinh văn giảng về bậc hạ của kinh Vô Lượng Thọ trọn chẳng có một chữ nào nói họ tạo nghiệp, họ vẫn là thiện nhân, nên bậc hạ trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ có thể thuộc vào ba phẩm trung trong chín phẩm của Quán kinh. Ông Vương ương ngạnh gán ghép bậc hạ của kinh Vô Lượng Thọ vào ba phẩm hạ của Quán kinh, nghịch kinh trái lý, rốt cuộc trở thành tùy tiện sửa kinh, mắc lỗi lớn lắm!

Ý ông ta cho rằng "Phật nhất định thâu nhiếp trọn hết thảy chúng sanh", nhưng không biết Phật chỉ có thể thâu nhiếp người lành, chứ không thể thâu nhiếp kẻ ác[48]. Ông ta đã coi người lành là kẻ ác, cho nên mới nói "chẳng phát tâm Bồ-đề"; chấp chết cứng bậc hạ là ba phẩm hạ, nên tưởng người lành là kẻ ác. Chẳng biết ba phẩm hạ trong chín phẩm lúc lâm chung khổ sở cùng cực, vừa nghe được danh

[47] Pháp Hiền (không rõ năm sanh, mất năm 1001), là danh tăng xuất thân từ học viện Na-lan-đà ở Thiên Trúc. Thoạt đầu sư có tên là Pháp Thiên, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973). Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn chùa Khai Nguyên cùng dịch kinh. Năm sau được ban tặng mỹ hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Khi mất sư được ban thụy hiệu là đại sư Huyền Giác. Sư dịch được 120 bộ kinh, những bộ nổi tiếng nhất là Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tán, kinh Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương, kinh Cát Tường Trì Thế v.v..

[48] Không phải là đức Phật thiếu lòng từ, mà là ngài không thể độ kẻ vô duyên. Kẻ ác nếu có thể cải hối, thống thiết phát nguyện cầu sanh vẫn được vãng sanh vì do tâm niệm ấy đã có duyên với Phật nên Phật độ được.

hiệu Phật liền quy mạng gieo lòng thành, tâm cầu Phật rủ lòng từ cứu vớt, dũng mãnh cảm kích, so với cái tâm lúc sắp bị hành hình mong được tha còn sâu đậm hơn gấp ngàn vạn lần. Tuy Quán kinh chưa nói là họ phát tâm Bồ-đề, nhưng tâm niệm ấy thiết tha, thành kính, quả thật đã đầy đủ tâm Bồ-đề.

Tiếc cho họ Vương chẳng dựa theo văn nghĩa của bản kinh gốc, mà cứ dựa theo cách hiểu Quán kinh qua lăng kính thiên kiến, ức đoán của ông ta để rồi ương ngạnh vu báng, miệt thị người hiền là kẻ ác, rốt cuộc phán đoán họ như kẻ ác. Họ Vương còn mắc phải khuyết điểm ấy, huống là người đời sau dối xưng là bậc thông gia ư? Đã có kinh Vô Lượng Thọ rồi thì cần gì phải vô sự lại sanh sự. Họ Vương phạm lầm lẫn, đại sư Liên Trì đã chỉ ra, nhưng ngài vẫn chưa nói vì sao lại như vậy. Nay tôi nói rõ nguyên do, ấy là vì ông Vương chấp chết cứng ba bậc chính là chín phẩm. Viết ra điều này để thấy hội tập khó khăn, nhằm ngăn ngừa người đời sau làm càn. Ngụy Mặc Thâm[49] lại càng chẳng đáng nói tới! Gan to, tâm thô, chẳng đáng để noi theo.

(Ngày 20 tháng 8 năm Dân Quốc 29 - 1940)

447. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất)

Cha ông đã cho phép ông xuất gia, hãy nên phát tâm chí thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiếm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành sẽ cảm thấy những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (Đây chính là do chân vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi). Lúc ấy, hãy nên tưởng A-di-đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm), ắt phải sao cho từng câu

[49] Ngụy Nguyên (1794-1857), còn có tên là Nguyên Đạt, tự là Mặc Thâm, hiệu Lương Đồ, đến già đổi tên là Thừa Quán, người làng Kim Đàm, huyện Thiệu Dương, đỗ thứ hai trong kỳ thi Hương vào năm Đạo Quang thứ hai (1822). Năm Đạo Quang thứ năm (1825), vâng lệnh Bố chánh sứ tỉnh Giang Tô biên tập bộ sách Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên gồm 120 quyển, rất được tán thưởng. Năm Đạo Quang thứ sáu (1826) lên kinh thi Hội, nhưng không đậu. Khi Lưu Phùng Lộc đọc quyển thi bị loại ra, đã than thở quốc gia bỏ mất tài năng. Năm sau lại đi thi Hội nữa, vẫn không đậu, Ngụy Nguyên bèn bỏ tiền mua chức quan Trung thư xá nhân. Ông từng theo Lâm Tắc Từ làm công tác phiên dịch khi cuộc chiến Nha Phiến nổ ra. Về sau, do thấy các đại thần trong triều khiếp nhược, chủ bại, hôn ám, ông bèn từ quan về nhà, chuyên soạn sách, dạy học, chủ trương "dùng người ngoại quốc để chế ngự ngoại quốc, lợi dụng kỹ thuật Tây Dương, đem quyền lợi nhử các nước Tây Phương đánh lẫn nhau". Ông để lại rất nhiều trước tác; tuy vậy những trước tác về Phật giáo của ông không được đánh giá cao, vì ông nghiên cứu kinh điển theo kiểu một học giả nghiên cứu văn bản thay vì là một hành giả Phật giáo nên có rất nhiều ý kiến vũ đoán, cực đoan, chấp trước văn tự, tùy ý diễn dịch, phê phán theo thiên kiến và sự ức đoán của chính mình.

từng chữ trong tâm niệm rõ ràng phân minh, miệng niệm rõ ràng phân minh, tai nghe rõ ràng phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thảy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dấy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút ý niệm thong thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là "chuyển phiền não thành Bồ-đề". Hiện thời ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí tuệ mở mang.

Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thảy mọi người đều là Bồ-tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. Ông đừng nghe lời người khác thì sẽ tự đạt được lợi ích tối thắng này!

448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai)

Ngày hôm qua, thầy đương gia đưa thư của ông cho Quang. Quang đọc xong, biết tuy cường đạo đến cướp đồ vật mà ông chẳng bị mất vật nào, còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng tam bảo gia hộ cho ông. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác. Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn!

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Phát ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y, Quang bảo ông ta: "Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên." Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải, chiến sự Thượng Hải nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được. Đến mùa xuân năm Dân Quốc 21 (1932), chẳng thể không trở về, do đường xe lửa bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc; Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm, không lâu sau cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một người mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta. Đủ biết niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát quyết định được Bồ-tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, nay muốn phúc đáp, nhưng tìm khắp nơi không thấy lá thư ấy; do vậy nghĩ đấy là do Bồ-tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ-tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi!

449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần

Phật nghĩ đến chúng sanh tha thiết hơn chúng sanh nghĩ tới Phật trăm ngàn vạn lần. Nếu ai chịu y theo lời Phật dạy, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn ở trong cõi Sa-bà, chứ nào phải chỉ có riêng mình Quang ư? Nói đến nghĩa "tịch chiếu bất nhị, chân tục viên dung" thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải

vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, ông hiểu rõ rồi thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ.

Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là tịch chiếu không hai, chân tục viên dung. Thế nào là tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta, hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là tịch. Thế nào là chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta, chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là chiếu. Thế nào là chân? Chính là tâm thể thường tịch thường chiếu, vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói "một pháp chẳng lập", nhưng "vạn pháp lại đều có đủ", vạn đức phô bày trọn vẹn (vạn pháp vạn đức chính là sự tướng, do là sự nên gọi là tục).

Tịch chính là thể, chiếu là tướng trạng và lực dụng của thể. Ba thứ thể - tướng - dụng này vốn là một pháp, có đủ ba nghĩa này nên gọi là "tịch chiếu bất nhị". Chân chính là lý tánh, tục chính là sự tu. Lý tánh ấy sẵn đủ đạo sự tu, do sự tu ấy mới hiển lộ được đức của lý tánh (đấy gọi là "toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh"). Vì thế nói là "chân tục viên dung" vậy.

Tiếp đó, kinh văn nói "ly niệm ly tình, bất sanh bất diệt" nghĩa là "thể tướng, sự lý tịch chiếu, chân tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt". Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có buổi nhìn vào mà bật cười.

Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A-nan giảng cho pháp tứ đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần sanh lên Lục Dục thiên[50], rồi mới sanh trong loài người, chứng A-la-hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục thiên. (Nhân gian 50 năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, chẳng hạn như cõi trời Đao-lợi một ngày đêm bằng 100 năm trong nhân gian, trời Dạ-ma bằng 200 năm, Đâu-suất bằng 400 năm, Hóa Lạc 800 năm, Tha Hóa 1.600 năm. Tuổi thọ cũng tăng gấp bội, Tứ Vương thọ 500 tuổi, Đao-

[50] Lục Dục thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ trời Tứ Vương cho đến trời Tha Hóa Tự Tại (tức trời Tứ Thiên Vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là trời Tha Hóa Tự Chuyển, trời Tha Hóa Lạc, trời Tha Ứng Thanh, trời Ba La Ni Mật, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

lợi 1.000 tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội). Đấy là pháp Tiểu thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong, hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh, khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau liễu sanh tử ngay trong đời này.

Tứ đế là *khổ, tập, diệt, đạo*, bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là đế. Đế (諦) có nghĩa là chân thật, lại có khi coi lý là đế, nên gọi là "lý chân thật chẳng dối". Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ. Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu chân không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham sân si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc lý tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo giới định tuệ liền có thể đoạn được tham sân si tập (tham sân si nhóm họp), chứng được lý tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này. Bốn điều này đều là nêu "quả trước, nhân sau": tập là nhân của khổ, khổ là quả của tập; đạo là nhân của diệt, diệt là quả của đạo. Nói như vậy để biết khổ mà đoạn tập, hâm mộ diệt mà tu đạo.

Hòa thượng Chân Đạt muốn in sách Tây Phương Công Cứ, chính thầy ấy tự biên tập, không theo đúng nguyên văn cho lắm. Phàm những đoạn trong Văn Sao nói về tam quy, ngũ giới, thập thiện v.v. đều sao lục. Lại sai Quang giải thích đại lược ý nghĩa Tam Chuyển Tứ Đế Pháp Luân, gần hai ngàn chữ. Lại có phần Lâm Chung Tam Đại Yếu (ba điều trọng yếu lúc lâm chung), cũng hơn hai ngàn chữ. Không lâu nữa sẽ cho sắp chữ, ấn hành biếu tặng. Đợi lúc sách được in ra, đọc rồi sẽ hiểu rõ ràng. Hiện thời đang sắp chữ bộ Tăng Tu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Nam Kinh lại cho khắc ván, hễ sắp chữ thì có thể ra sách trong năm nay, chứ khắc ván thì phải đợi đến cuối năm sau; lại còn cho sắp chữ nguyên bản bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Những chuyện này tuy có người lo liệu, nhưng cũng chẳng thể không ghé mắt vào và bàn bạc với họ. Vì thế hết sức bận rộn.

(Ngày mồng 2 tháng 10)

450. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy

Nhận được thư, biết ông tập khí đời trước sâu dày chẳng dễ tiêu diệt. Nhưng người học đạo phải lấy đối trị tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một

phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật. Ông đã biết chính mình tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ "ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác"; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác. Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa. Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên, đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác.

Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp, trong Phật pháp thì pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiền, Giáo, Mật v.v. đều cần phải đoạn hoặc chứng chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn hoặc chứng chân há nói dễ dàng ư? Mật tông tuy có nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được. Huống chi Mật tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần thông thật thiết tha, thật tột bực, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết. Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời, vì thế phải vứt sạch hết thảy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền, liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng. Ví như khẩu lệnh trong quân đội, người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ mà giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao?

Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, dẫu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy "người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta", như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn

chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, ôn (温) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v. đủ mọi khuyết điểm. Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. Ý nghĩa của Đức Cung là như thế đấy.

Nay gởi cho ông bốn gói sách để làm hướng dẫn tốt lành cho tiền đồ. Còn chuyện có ảnh chụp của Quang hay không đều chẳng quan hệ gì. Quang già rồi, đã sống uổng 69 năm, trong năm nay sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài. Từ rày chẳng cần phải gởi thư tới nữa, sợ sau khi Quang ẩn dật rồi, ông sẽ mất công vô ích. Hiện nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà chẳng đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ trọn chẳng thể được. Xin hãy thường nói với mọi người về hai chuyện này. Giáo dục trong gia đình phải bắt đầu từ lúc con mới vừa hiểu biết, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái, nếu con gái hiền thì sau này chồng và con cái cũng như con cháu của con cái sẽ đều là hiền thiện cả.

451. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân

Muốn cầu siêu cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, hãy nên suất lãnh người nhà, thân thuộc cùng niệm Phật hiệu thì mới là chân thật tu trì. Quán Thế Âm Kinh, Tâm Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cần phải hồi hướng công đức ấy cho cha mẹ. Pháp môn niệm Phật là pháp môn thường tu suốt đời, nhưng sao sau khi mẹ qua đời lại ngược ngạo chẳng chú trọng đến pháp tu này? Ông đã làm khách trọ tại thành Hàng Châu đã lâu, sao trọn chẳng biết có thể niệm Phật để cầu siêu cho cha mẹ vãng sanh Tây Phương vậy? Người biết Phật pháp chẳng nói đến kinh của Đạo giáo, vì sao vậy? Do kinh của Đạo giáo là pháp để cầu phước báo nhân thiên, trọn chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử.

Còn như ông nói niệm kinh còn thiếu phương pháp thay đổi hơi thở để giữ được nhịp là vì ông vốn chẳng biết quy củ niệm kinh. Niệm kinh chính là cứ một mực mà niệm, trọn chẳng cần tới cách thay đổi hơi thở đặc biệt để niệm, cứ thuận theo hơi thở ra vào, sao lại đến nỗi hụt hơi? Nhưng cậy người bình thường thiếu đạo tâm niệm kinh, dẫu cho kẻ ấy niệm từ đầu đến cuối hoàn toàn chẳng sót một chữ nào thì công đức vẫn rất hữu hạn, vẫn chẳng tốt bằng chính mình chí thành niệm Phật. Ngay như thỉnh tăng đến tụng niệm vẫn là bày vẽ phô trương, niệm Phật vẫn tốt hơn.

Chương trình niệm Phật thì trước hết tụng một biến kinh A-di-đà, rồi niệm ba biến chú Vãng Sanh, hoặc bảy biến, hay hai mươi mốt biến, tiếp đến niệm kệ tán Phật. Rồi niệm Phật, trước hết nhiễu niệm, kế đó ngồi niệm, rồi quỳ niệm danh hiệu ba vị Bồ-tát. Tiếp đấy, niệm bài văn phát nguyện, rồi niệm tam quy y xong, lễ Phật ba lạy, lui ra. Đây là pháp tắc lễ niệm cho lần thứ nhất; lần kế tiếp chiếu theo đây cũng được; hoặc chẳng niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, chỉ đốt hương lễ Phật xong liền niệm kệ tán Phật, sau đấy đều niệm giống như lần đầu. Nếu không biết, hãy nên hỏi cư sĩ niệm Phật sẽ tự biết rõ. Ông muốn cho cha mẹ đạt được lợi ích chân thật, hãy nên nghe theo lời tôi!

452. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu

Pháp danh được viết riêng trong một tờ giấy khác. Đã biết Đồng Thiện Xã vô ích có hại, hãy nên triệt để vứt bỏ tất cả những học thuyết, công phu của bọn chúng, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cần phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn khuyên cha mẹ, anh em, các quyến thuộc và những người cùng hàng trong xóm giềng làng nước đều cùng tu tịnh nghiệp. Hiện nay khoa học phát minh đủ mọi cách khéo léo để giết người chẳng thể kể xiết, nếu chẳng sanh Tây Phương, đời sau lại làm người, so với lúc này sẽ càng khổ sở hơn gấp trăm lần.

Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh độ. Đọc Văn Sao rồi đọc các kinh luận Tịnh độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy, hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bề!

(Ngày 24 tháng 7 năm Dân Quốc 26 - 1937)

453. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù

Cổ đức nói "chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi", bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được gia chủ tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được. Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiêm khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa

thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp của Quang chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước.

(Ngày mồng 3 tháng 5)

454. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín

Trúc Lâm Niệm Phật xã cũng hay, mà Tịnh Nghiệp Từ Thiện Xã càng hay hơn. Vợ ông bất hiếu, hãy nên vì bà ta sám hối nghiệp chướng, khi nghiệp tiêu bà ta sẽ tự hiếu thuận, đừng nên kết oán với bà ta! Thời cuộc không tốt, hãy khuyên mẹ ông đừng tới chùa Báo Quốc, ở nhà nhất tâm niệm Phật còn hơn gặp mặt Quang rất nhiều.

Tất cả kinh sách khó thể chẳng chép sai một chữ nào, bất quá nghiêm túc giảo chánh, đối chiếu cho ít sai ngoa. "An ẩn" (安隱) là chữ dùng trong hết thảy kinh[51], còn "an ổn" (安穩) chính là chữ được dùng ở nơi đây (Trung Hoa). Người chưa từng xem kinh sẽ bảo là sai, chớ nên sửa bừa! Ông chẳng phải là bậc thông gia, đừng nghe lời kẻ mạo nhận thông gia. Phàm trong các kinh sách, chẳng dám nói là không có một chữ nào bị chép lầm, nhưng cũng không nhiều, sao lại phải quá lo như thế? Khang Hy Tự Điển là sách do chính hoàng đế biên tập, những chữ chánh yếu thì không bị sai, nhưng vẫn có những chữ nét bút chẳng thích đáng cho lắm, chứ chữ không quan trọng (chữ hiếm gặp, ít dùng) thì bị sai lạc đến cả mấy trăm chữ, đủ biết giảo đối khó khăn lắm.

Ông muốn mở Phật thất để hộ quốc tức tai (bảo vệ đất nước, tiêu diệt tai nạn) thì gọi là Hộ Quốc Tức Tai Phật Thất. Một thất cho đến bảy thất, dẫu mấy chục thất, mấy chục nơi đều có thể gọi bằng tên ấy. Chớ nên lầm lạc đặt tên cho Phật thất, đâm ra vùi lấp ý nghĩa lý chánh yếu của việc hộ quốc tức tai. Đối với quy củ dùng trong Phật thất, hãy tùy theo sức mình mà lập, Quang đâu thể lập thay! Phải sao cho mọi người mọi việc đều ổn thỏa thích hợp thì mới nên.

Nay gởi cho ông pháp ngữ trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải vào năm ngoái, Chân An Bút Ký, mỗi thứ một gói, Phổ Khuyến Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, gộp thành một gói. Xin hãy đưa cho những người có tín tâm, hiểu văn lý, biết cung kính. Trong Phật thất Hộ Quốc Tức Tai chuyên chiếu theo cách thức đả thất thông thường cũng được. Hoặc sáng dậy

[51] Để diễn tả ý "an ổn", trong kinh thường dùng chữ an ẩn (安隱), thay vì phải viết là an ổn (安穩), nhưng vẫn đọc là an ổn, người không quen sẽ tưởng là chữ ổn bị viết sai thành ẩn.

niệm Đại Bi, Thập Tiểu Chú, niệm thánh hiệu Quán Âm, sau đấy mỗi lần niệm Phật liền dùng kệ Quán Âm để bắt đầu niệm danh hiệu Quán Âm, đến khóa tối niệm kinh Di-đà, niệm Phật hồi hướng là xong công khóa một ngày thì cũng được.

(Ngày 18 tháng 9)

455. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất)

Đối với chữ niệm (念) trong niệm Phật (念佛), muôn phần chớ nên thêm chữ khẩu (口), có rất nhiều người viết là niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng. Một pháp trì danh niệm Phật lợi khắp ba căn, còn quán tượng, quán tưởng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng trung hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm. Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đấy chính là trợ hạnh cho Tịnh độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích.

(Ngày mồng 6 tháng 7)

456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai)

Viết thư hãy nên dùng tên họ, chớ nên chỉ dùng pháp danh. Quang già rồi, làm sao có thể nhớ được là ai? Ông làm nghề y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi, người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dẫu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời, tôi thường nói: "Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt." Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao!

(Ngày 29 tháng 8)

457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba)

Trang tử nói: *"Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khư dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã"* (Với loài trùng chỉ sống trong mùa hạ chẳng thể nói đến băng, do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng chẳng thể nói đến biển cả, vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong quẹo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo chân chánh, vì hắn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm rõ gốc, rốt ráo thành Phật.

Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu. Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi mặt, ngụy tạo thành kinh của Đạo giáo. Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyển hóa được. Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo.

Rất ít người Hồi giáo tín phụng Phật pháp; mười mấy năm trước, ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam thích tặng sách Phật. Thoạt đầu, ông ta đem những sách do chính mình in gởi cho Quang, phần nhiều là những văn tự có được từ những đàn cầu cơ. Quang đem những sách An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao được in trước đây tặng cho ông ta. Ông ta đã tin tưởng sâu xa, bèn lắng lòng nghiên cứu. Hai vợ chồng họ và năm đứa con đều quy y. Mùa thu năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta gởi thư đến nói: "Vợ con sanh được năm đứa con, hai đứa đầu còn đỡ, chứ đứa thứ ba bị băng huyết, đứa thứ tư càng nguy kịch hơn, sanh đứa thứ năm càng nguy kịch hơn nữa. Nay chẳng lâu nữa sẽ sanh; nếu bị băng huyết nữa, sợ không còn mạng. Xin thầy rủ lòng cứu vớt và đặt pháp danh cho đứa con chưa sanh." Quang dạy họ niệm thánh hiệu Quán Âm, đến khi đang sanh vẫn niệm ắt sẽ không bị nguy hiểm gì. Họ nhận được thư hôm trước, liền niệm ngay, bữa hôm sau bà vợ liền sanh hết sức an lạc.

Trong bộ Văn Sao có mấy lá thư gởi cho Mã Thuấn Khanh là do vào năm Dân Quốc 15 (1926) ông ta biết Trung Hoa Thư Cục in riêng bộ sách ấy liền gởi thư đến cho họ kèm thêm vào. Quang một mực chẳng giữ lại bản nháp thư từ. Hiện thời thế đạo nguy hiểm, không ai chẳng mong an lạc, cha mẹ ông cũng chẳng thể không động tâm trước cảnh nguy hiểm, nếu bảo họ niệm Phật, chắc họ sẽ bảo là "phản giáo". Nếu nghe nói niệm Phật có thể tiêu tai tăng phước, gặp dữ hóa lành, chết đi sẽ vượt khỏi tam giới, do vậy tu dần dần cho đến khi thành Phật. Nếu có

chuyện chứng nghiệm nhỏ, họ sẽ dần dần sanh lòng chánh tín. Nếu chẳng uyển chuyển bày cách khuyên nhủ, tức là bỏ mặc cha mẹ vậy. Có thể dùng lời lẽ để giáo hóa thì rất tốt. Nếu không, hãy đối trước Phật và Quán Âm Bồ-tát để sám hối tội nghiệp thay cho cha mẹ. Nếu ông chí thành, ắt cha mẹ sẽ hồi tâm hướng đạo.

(Ngày 29 tháng 8)

458. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung

Chồng bà chết vì bệnh phổi, lại còn bị mù, sợ rằng trong khi bị bệnh chẳng chịu thôi ân ái mà ra. Bất luận bệnh gì, đều phải lấy chuyện ngưng ân ái làm cách trị căn bản. Nếu không, thần y cũng khó có hiệu quả được! Bà đã làm nghề y, hãy nên coi chuyện "trong lúc bệnh chưa được mười phần bình phục, vạn phần chớ nên ân ái" là chuyện cực trọng bậc nhất trong hết thảy những điều quan trọng. Bệnh phổi nên tịnh dưỡng, nhất là phải thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, sẽ có thể mau lành bệnh. Chồng bà hành nghề y mà trong khi bệnh chẳng chú trọng niệm Phật thì cũng là người hờ hững hời hợt, không có tín tâm chân thật. Do vậy, một nhà mấy người nếu không có bà sẽ chẳng thể sống được.

Do ông ta chưa gặp được người thật sự biết pháp môn niệm Phật nên nhất tâm tham thiền. Nếu nhất tâm niệm Phật, chắc chẳng đến nỗi bệnh phổi không lành, lại còn bị mù nữa. Nếu bà chết theo chồng, chắc sẽ có nhiều người không được ai nuôi dưỡng, lỗi ấy lớn lắm. Nay do cư sĩ Long dẫn dắt bà nhập đạo, hãy nên dẫn dắt người khác cải tà quy chánh, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để báo ân Phật và ân thiện tri thức, lấy tu tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm chuyện quan trọng bậc nhất. Bà hãy nên nương tựa vào Văn Sao, cần gì phải mạo hiểm đi xa đến gặp Quang? Gặp Quang thì Quang cũng chỉ nói những gì đã được thuật trong Văn Sao. Trong Phật pháp, trọn chẳng có chuyện bí mật chẳng truyền, cũng chẳng có chuyện phải "miệng truyền, tâm dạy". Ngoại đạo tà đồ vốn chẳng có đạo lý gì, dùng bí mật bất truyền để dụ người khác theo đạo của họ. Nếu công khai chẳng bí truyền thì ai nấy đều biết đạo ấy hèn tệ, sẽ không có ai nương theo chúng nó cả.

Bà hãy nên chú trọng hành nghề y, đừng kiêm thêm dạy học. Bởi nếu có thể thật sự tận tâm nơi nghề y, thời gian hằng ngày còn chẳng đủ, sao còn có thể dạy học cho được? Hễ nghiêm túc giảng dạy sẽ phải hao tốn tinh thần; nếu không sợ rằng sẽ làm hỏng con cái người ta. Hãy nghe theo lời tôi, chuyên coi trọng một môn, cần phải chú trọng niệm Phật, do nương vào Phật lực mà y đạo ắt được tiến triển lớn lao, nhưng chỉ nên lấy chuyện lợi người làm chí hướng sự nghiệp, đừng

mong mỏi phát tài lớn lao. Nếu y đạo không sai lầm thì ai nấy đều tin phục; khuyên người ta ăn chay niệm Phật, người ta sẽ vui vẻ nghe theo. Như vậy là cũng do nghề nghiệp mà đạo được tăng tấn vậy, đấy là chương trình dùng y thuật để hoằng pháp. Với bệnh nào cũng khuyên bệnh nhân thôi ân ái, trong mỗi năm chẳng biết sẽ làm cho bao nhiêu người đỡ phải chết. Công đức ấy chỉ riêng đức Phật là biết được mà thôi!

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở niệm thánh hiệu Quán Thế Âm chắc chắn không bị đau khổ. Dẫu khó sanh gần chết mà hễ niệm liền được an nhiên sanh nở. Huống hồ kẻ thường niệm từ nhỏ ư? Thêm nữa, con gái từ nhỏ cha mẹ phải dạy nó đừng nổi nóng, tập thành tánh chất nhu hòa, từ thiện thì những sự tốt đẹp trong cả một đời nó sẽ chẳng thể kể hết được. Nếu tánh tình nóng nảy bộp chộp, chưa lấy chồng thì cũng gặp phải chuyện khổ, nhưng vẫn còn chưa nhiều. Nếu đang có kinh mà nổi nóng, chắc sẽ bặt kinh, hoặc bị băng huyết. Lấy chồng rồi mà nổi nóng, sẽ bị sẩy thai, hoặc thai nhi sẽ thừa hưởng tánh tình nóng nảy bộp chộp. Lúc sanh xong, đang cho con bú mà nổi nóng đùng đùng, trẻ bú sữa vào sẽ chết ngay. Không nóng nảy dữ dội cho lắm thì hoặc nửa ngày hoặc một ngày mới chết, không có đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nho nhỏ thì con không chết cũng nhất định ngã bệnh. Nếu nhiều ngày liên tiếp thường nổi nóng vừa vừa thì chất độc khi trước chưa tiêu, chất độc lúc sau lại thêm vào, sẽ nguy hiểm đến cùng cực. Chuyện này danh y, thần y nước ta đều chưa nhắc đến, nay đã sáng tỏ, hãy nên nói với hết thảy mọi người sẽ cứu mạng được những đứa trẻ chưa sanh, công đức lớn lắm. Các thầy thuốc hãy nên chú ý! Chớ nên ăn trứng gà, kẻ tà kiến nói "trứng không có cồ thì ăn được". Đừng nghe, đừng tin lời nói ấy! Hơn nữa trứng có chất độc, do gà thường ăn trùng độc vậy.

459. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, ông vì Thần Chung Sơn mà thỉnh một bộ Đại tạng kinh đời Tống in theo lối ảnh ấn, công đức rất lớn. Hiện thời còn có thể ước định để thỉnh, chứ để trễ hơn nữa, chắc sẽ không còn. Tịnh Độ Ngũ Kinh mới in ra sách, nay viết một chữ, sai người đến chùa Thái Bình thỉnh hai gói để chia cho lệnh từ (mẹ), lệnh di trượng (dượng), lệnh di (dì), và những người tu trì chân thật. Những vị như dì Năm v.v. muốn quy y, nay tôi viết pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao lại cho họ. Nói đến tiền hương kính thì chẳng cần phải gởi đến, hãy dùng tiền đó để đóng góp một phần vạn vào chi phí thỉnh Đại tạng kinh cho Thần Chung Sơn, ngõ hầu bọn họ tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ.

Bệnh cùi ở quý địa chẳng biết có hay không? Nay đem gởi cho ông hai tờ truyền đơn, nếu ai bị mắc bệnh thì sang năm sau chiếu theo toa thuốc ấy mà chế

thuốc. Nếu không, cứ tùy tiện tặng cho người khác, hoặc cũng có thể giữ lại để làm căn cứ trị chứng bệnh ấy. Bệnh này từ trước đến nay các y sĩ Trung Hoa, ngoại quốc đều khó thể chữa hoàn toàn dứt tận gốc được. Toa thuốc này chẳng cần phải tốn tiền mua thuốc, chỉ tốn công sức, củi đốt, lại hoàn toàn trừ được tận gốc. Vì thế, ông Chương Giám Ngu cực lực đề xướng để mong khắp cõi đời đều biết.

Hơn nữa, phương Nam người bị chân sưng phù rất nhiều, dùng đu đủ tươi bọc vải buộc lên bắp đùi, bệnh thũng liền tiêu. Nếu không có loại tươi thì dùng đu đủ khô cắt miếng từ các tiệm thuốc để buộc cũng có hiệu quả lớn lao. Một cụ già dẫn người con gái (25 tuổi) cùng đến quy y, nói đùi con gái bị phù thũng đã bảy tám năm rồi. Quang bảo niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để tiêu túc nghiệp, lại bảo mua đu đủ, không có loại tươi thì dùng loại đu đủ khô cắt miếng để buộc. Chưa đầy bốn năm ngày đã hoàn toàn lành bệnh. Hơn nữa, cô gái ấy mắc bệnh này đã bảy tám năm, chắc cũng đã từng chữa trị, mà sao họ chẳng biết cách chữa tuyệt diệu này? Cư sĩ theo nghề y, chắc cũng đã biết rồi, nhưng cũng chẳng ngại gì thưa trình lại để làm phương tiện "hễ thấy liền làm" cho thuận tiện vậy.

(Ngày 12 tháng 6)

460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, trong thư ông quá khiêm hư khiến người ta phải hổ thẹn, từ nay về sau đừng nên như thế nữa. Chuyện viết thư có quan hệ rất nặng, nếu thường viết theo lối chữ thảo, chắc sẽ thành thói quen, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi hỏng việc. Phùng Mộng Hoa là bậc quân tử đức dày, nhưng con lẫn cháu đều chết sạch. Năm ngoái, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng lại chết mất, chỉ còn một đứa chắt mới một hay hai tuổi để nối dõi. Trong một nhà bốn năm bà góa, cũng có thể nói là tình cảnh thê thảm lắm! Há có phải là trời cao đối đãi đặc biệt tàn khốc với người đức dày ư? Duyên do là cả đời ông cụ này thích viết chữ thảo! Viết thư từ cho người khác, nếu người nhận thư chẳng tận hết tâm lực, dựa theo ý nghĩa của câu văn để suy lường, sẽ không hiểu được rất nhiều chữ. Trong số ấy, khó tránh khỏi người hiểu lầm. Do vậy mà đến nỗi phải gánh chịu quả báo ấy.

Ông theo nghề y, nếu quen thói viết nguệch ngoạc, chắc sau này khi kê toa cũng viết theo kiểu ấy thì nguy hiểm đến cùng cực. Vì thế, Quang vì mẹ ông mà bảo ông đừng học theo thói ấy, thật sợ sau này ông sẽ làm hỏng chuyện, chứ không phải chỉ vì ông chẳng cung kính mà kiểm điểm. Bữa trưa tuy là thức ăn nguội thì cũng phải hâm nóng mới nên, nếu thường ăn đồ lạnh ắt lâu ngày sẽ bị

bệnh, chẳng thể không biết. Thuốc men là cái gốc của việc trị bệnh, nhưng pháp dược của đấng Đại Y Vương lại trị nơi cái gốc là nghiệp. Bệnh do nghiệp sanh thì nhiều. Do ngoại cảm nội thương mà ngã bệnh thì thuốc men có thể trị được, chứ bệnh do nghiệp sanh ra thì thuốc chẳng thể trị được, chỉ có pháp dược là có thể trị được. Có thể dùng thế dược (thuốc men trong cõi đời) lẫn pháp dược để trị các bệnh thì dù mình hay người đều được lợi ích thật sự.

Ăn chay hay chỉ ăn ba thứ tịnh nhục, hãy nên châm chước mà thực hiện. Hễ ăn thuần đồ chay được thì hãy ăn chay thuần, nếu không thể thì chỉ ăn ba thứ tịnh nhục cũng được, chỉ nên ăn nhiều rau trái, bớt ăn thịt đi. Trong đời có kẻ ngu bảo chính mình chưa thể ăn thuần món chay bèn yên lòng ăn nhiều thịt, lỗi ấy chẳng cạn đâu! Hãy nên phát tâm Bồ-đề, thề độ những sanh vật bị ăn thịt này, chẳng an lòng ăn thịt chúng nhiều là được rồi.

Do pháp sư Tịnh Quyền rời khỏi chùa Quán Tông, pháp sư Đế Nhàn chẳng thể đến Thượng Hải giảng kinh, bởi lẽ Nghiên Cứu Xã và Hoằng Pháp Xã đều không có ai chủ trì. Ở Hồng Loa tôi đã từng thấy xương trắng, đầu lâu, thịt đã tiêu hết. Ấy là do một trăm năm trước, Thân Vương đem tặng cho thiền sư Mộng Đông. Nếu thường quán bộ xương ấy sẽ phá được ngã chấp, thành tựu tịnh nghiệp thì may mắn thay! Nếu không có chuyện gì cần thiết đừng nên gởi thư đến để đôi bên khỏi phải bận bịu.

(Ngày Rằm tháng 3)

461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba)

Trước kia, cư sĩ Lâm Đồng Vỹ mất rồi, Dư Toại Tân gởi thư cho Quang thuật đại lược tình hình, Quang trả lời thư, sợ đúng như ông ta nói "tại am ông ta ở, đường bưu điện chẳng thể gởi tới được", nên gởi cho thím Tư của ông là Huệ Uyên nhờ chuyển giùm. Gởi cho Toại Tân một gói sách, trong thư cho biết: Trong khóa tụng sáng tối, Quang sẽ hồi hướng cho bà Lâm một thất để trọn hết tình thầy trò. Do quá ít thời gian rảnh rỗi nên chưa viết thư cho anh bà ta là Địch Am được. Hôm trước nhận được cáo phó, biết người ấy quá thông minh; nay nhận được thư ông, biết bà ta do thông minh mà bị lầm lạc chẳng cạn. Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu.

Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử. Do vậy,

có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng sự nghiệp. Bởi thế đánh mất nhân duyên vãng sanh tốt đẹp, nhưng được Bồ-tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta sanh trong nhân đạo.

Ông nói bà Lâm hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp. Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu cho bà Lâm được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ khó được như pháp, chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi.

Nói tới Một Lá Thư Trả Lời Khắp, quả thật nó liên quan cực lớn với mọi người tại gia. Nhưng ông chỉ cần mấy chục tờ, há nên hỏi tới ấn phí và chi phí gởi thư? Ăn nói như vậy đúng là coi Quang như con buôn ngoài chợ, nếu là mấy ngàn trang thì có thể nói như vậy được. Hay là chữ mười chính là ngàn[52] bị viết sai. Nay tôi bảo gởi cho ông một gói, chỉ có 480 tờ, hãy thay Quang kết duyên. Nếu là chữ ngàn bị viết sai thành chữ mười, xin hãy gởi thư cho biết để tôi bảo Quốc Quang Thư Cục in thêm nữa. Năm ngoái in lần đầu là bốn vạn bản, tốn 80 đồng, tổng cộng in hai lần. Năm nay chắc ấn phí sẽ chẳng tăng giá quá mức. Bức thư này được in trong phần phụ lục của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, sau cuốn Tây Phương Công Cứ và trong cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo để mong được vĩnh viễn truyền bá.

Trong tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú thuộc cuốn hạ của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, nơi dòng 11 của trang 25 sót mất 8 chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na"* (như nay đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na), đấy là vì ông Hứa Chỉ Tịnh dựa theo sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ của ngài Đế Nhàn để soạn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú, nhưng chưa từng đối chiếu phần kinh văn đã dẫn trong Tập Yếu Sớ với chánh kinh, mà lúc Quang cho sắp chữ ấn hành cũng chẳng đối chiếu. Vì thế mới có sai sót ấy. Đến khi biết, bèn đem sách Tập Yếu Sớ do Phật Học Thư Cục ấn hành ra xem, mới biết là do ngài Đế Nhàn vô tình bỏ sót đến nỗi "một người sai trở thành mấy vạn người sai". Do

[52] Do chữ Thập (十: Mười) và Thiên (千: một ngàn) hơi giống nhau nên có thể vô ý viết sai.

vậy biết rằng: Càng là đại thông gia thì càng phải chú tâm! Tôi đã cho in một trang ấy, cũng bảo Phật Học Thư Cục in trang ấy. Nay tôi nói rõ chuyện bổ khuyết, xin ông hãy đem những sách đã được gởi đến viết thêm những chữ ấy vào. Nếu dòng 11 quá hẹp thì chẳng cần phải chép thêm vào đó. Xin hãy chép vào dòng thứ 12 tức câu *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) của trang ấy. Hàng ấy chỉ có 6 chữ, khoảng trống khá rộng, chép bù vào đấy là tốt nhất. Trang in bổ khuyết vẫn ghi 8 chữ ấy nơi hàng thứ 11. Nếu có sách ấy, cũng nên bổ túc. Tôi cũng đã cho đăng trên bán nguyệt san Phật Học, vì đã giao cho Phật Học Thư Cục hai ngàn lẻ một trăm hay hai trăm bộ sách này để kết duyên.

Hiện thời đang nhằm tháng hạ, bệnh sốt rét phát tác, nên tôi cho gởi đi toa thuốc tuyệt diệu trị chứng sốt rét. Mười mấy bữa trước, lại nhận được thư thầy Đạt Nhất cho biết ông sắp sang nước Đức du học, đến chỗ thầy ấy chào từ biệt để ra đi, có chuyện ấy hay chăng? Con người nên tri túc, chỉ học nghề cho tinh, chớ nên lấy cái danh du học làm mục đích cho tương lai. Như vậy thì không du học cũng được, mà du học cũng chẳng sao! Nếu muốn nhờ vào đó để được tiếng tăm thì Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm. Vì sợ sẽ do danh mà bị sai lầm nên chẳng thể không tính toán cặn kẽ sẵn.

Lâm nữ sĩ (tức bà Lâm Đồng Vỹ) tự phụ thông minh, muốn gánh vác chuyện hoằng pháp lợi sanh, nhưng chẳng biết "cầu sanh Tây Phương thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh được". Chẳng coi trọng cầu sanh Tây Phương thì cô phụ Phật ân cũng lớn lắm! Trong đời có lắm kẻ chẳng tự lượng, thường coi chuyện để bậc Bồ-tát thực hiện giống hệt như trách nhiệm của chính mình, chẳng biết chính mình còn đang ở trong biển khổ chưa thoát ra được, làm sao có thể cứu khắp mọi người trong biển khổ? Nếu Đồng Vỹ nghĩ đến điều này, ắt sẽ siêu phàm nhập thánh ngay lập tức.

462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư)

Đã nhận được sách Kim Cang Tân Sớ do ông gởi trước đây. Do bận bịu nên chưa phúc đáp, đừng bận tâm! Nay biết Bảo Giám, Văn Sao đều đã được gởi đến, vui mừng, an ủi lắm. Ngài Đế Nhàn được lợi ích sâu xa nơi giảng diễn, vì thế tuổi đã bảy mươi vẫn vừa giảng vừa soạn sớ, chẳng thấy nhọc nhằn. Đủ thấy Phật pháp lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Lúc ấn hành cuốn Kim Cang Tân Sớ nên dùng kiểu chữ đời Tống được lưu hành trong hiện thời, còn kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống[53] muôn phần chớ nên dùng. Chẳng những kiểu chữ mô phỏng lối viết

[53] Kiểu chữ này mô phỏng lối viết chữ bằng tay nên có những nét khắc bay bướm hoặc bớt nét, nếu không quen sẽ dễ nhận lầm mặt chữ.

đời Tống nét chữ dễ bị sứt, khó giảo chánh, mà công in còn đắt gấp bội. Sao lại khổ sở đem tiền làm chuyện vô ích, chỉ nhằm để công nhân khen ngợi, vui sướng đấy chăng?

Hãy nên bảo họ in phần thư căn[54]. Trung Hoa Thư Cục có loại máy ấy, chứ các nhà in khác có lẽ không có, hãy bảo họ đặc biệt lo liệu chuyện này. Làm bản kẽm phải tốn hơn 200 đồng. Năm ngoái, Chiết Giang Ấn Loát Công Ty chế ra một cái máy bằng khung gỗ để in phần thư căn, nói chỉ tốn 3 đồng. Quang bảo họ làm một cái, giao sang chùa Thái Bình, nhờ chuyển đến nhà giam ở Tào Hà Kính. Nếu chịu mua máy bằng sắt, cố nhiên là tốt. Nếu không, hãy chiếu theo cách thức của cái máy ở nhà giam Tào Hà Kính, làm một hai cái. Quang cũng cần một cái để phòng khi bất ngờ cần đến. Phần thư căn in chữ thì dễ kiểm tra, chẳng đến nỗi lâu ngày quên mất, rất hữu ích. Phàm những sách được in ra, đều bảo họ in phần thư căn. Do Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, Trung Hoa Thư Cục mới bắt đầu có máy để in phần thư căn, chứ trước kia cũng không có.

Chị dâu của ông đáng gọi là "bậc trượng phu trong nữ giới", trong 5 năm thực hiện khá nhiều công khóa, sẽ nương vào công đức ấy mà vãng sanh Tây Phương. Tuy nói là chết trẻ, nhưng chẳng thể gọi là chết yểu. Do cô ta niệm Phật vãng sanh nên nhất định sẽ chứng vô lượng thọ, sáng ngời cửa đức, chẳng thể dùng tình cảm thông tục của thế gian để luận đoán được. Xin hãy khuyên lệnh huynh cũng nên chú ý đến pháp niệm Phật. Hễ bị bệnh nặng thuốc men chẳng thể chữa được thì trong lúc chữa trị, hãy khuyên niệm thêm Phật hiệu. Do cậy vào Phật lực, ắt sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Đối với mình lẫn người đều có lợi ích. Nếu bình thời tu trì trọn vẹn thì đợi đến khi báo thân trăm năm đã hết, sẽ về thẳng Tây Phương, sẽ trọn chẳng phải thẹn thùng khi chạm mặt nguyên phối[55] là Lục Thị. Nếu không, do cô ta là nữ nhi mà đã siêu phàm nhập thánh, còn ta là trượng phu mà vẫn ở trong sanh tử luân hồi, bậc nam tử hào hùng há chẳng thẹn đến chết ư?

(Ngày 13 tháng Giêng)

463. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đảnh lễ, [phẩm vật dâng cúng tam bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu, sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư? Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm kinh A-di-đà một biến,

[54] Tức phần ghi tên sách, tên tác giả, chương, số quyển, số trang ở cuối mỗi trang.
[55] Nguyên phối: vợ cả, vợ chánh.

chú Vãng Sanh ba biến hoặc bảy biến, niệm kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam-mô Thế Giới Tây Phương Cực Lạc Đại Từ Đại Bi A-di-đà Phật (liền vừa đi nhiễu vừa niệm), niệm Nam-mô A-di-đà Phật hoặc 1.000 câu, hoặc 500 câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong hãy lạy. Lạy Phật 24 lạy hoặc 48 lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm tam quy y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời tụng niệm, hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình sẽ khó tinh tấn được. Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiễu niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng.

Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ, chẳng để cho có hết thảy ý niệm khởi lên, giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới[56]. Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. Anh ông đã hộ quan thì ông ta ở vòng ngoài cũng nên niệm Phật, nhưng tiếng niệm chớ nên quá to mà thôi.

[56] Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhung họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được.

(Ngày 29 tháng 11)

464. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện

Đời mạt, ngoại đạo lừng lẫy, dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn. Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu giới định tuệ hòng đoạn tham sân si. Nếu đoạn sạch tham sân si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoạn chưa hết sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị, chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiền tông, Tướng tông, Mật tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật tông tuy có giáo nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị hoạt Phật[57] truyền dạy Mật tông cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được.

---

[57] Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (Thường được biết dưới dạng phiên âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm diễn dịch chữ Nirmanakaya (hóa thân) của tiếng Phạn). Tiếng Mông Cổ tương ứng là Khutukhu (hoặc Khutukutu, Hobilghan. Do vậy đại sư Chương Gia thường được gọi là Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ). Truyền thống này được bắt nguồn từ thời ngài Tsongkhapa cải cách tôn giáo tại Tây Tạng: Tăng sĩ không được lấy vợ, nên phải chọn người kế vị các ngôi tu viện trưởng hoặc trưởng dòng tu từ hóa thân. Ngoại trừ phái Sakya vẫn theo lệ truyền ngôi pháp vương cho con cháu trong dòng họ, các phái khác dẫu là Hoàng Giáo (Gelugpa), Cổ Mật (Nyingmapa), hoặc Cát Cư (Kargyupa) đều theo lệ này tuy các lạt-ma thuộc phái Nyingmapa hay Kargyupa vẫn được phép lấy vợ. Người Tây Tạng tin rằng các vị lạt-ma cao cấp có khả năng tự tại chuyển sanh, liên tục trở lại thế gian này để hóa độ chúng sanh. Trước khi mất, vị lạt-ma ấy sẽ để lại những sấm ngữ hoặc huyền ký dự báo mình sẽ tái sanh ở nơi nào. Các đệ tử đi tìm, thấy đứa bé nào phù hợp với sấm ký, sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết, rồi đưa về tu viện, đào tạo và tấn phong để bảo đảm ngôi lãnh đạo của dòng tu được truyền thừa liên tục. Đồng thời để tạo sự chánh thống cho ngôi vị và thu hút tín đồ, các vị Hóa Thân nổi tiếng thường tự xưng hóa thân của các vị Phật, Bồ-tát, thánh tăng, như Đại-lai Lạt-ma thứ 5 tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, ban chỉ dụ công nhận Ban-thiền Lạt-ma là hóa thân của A-di-đà Phật, Karmapa tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, trưởng dòng tu Sakyapa tự xưng là hóa thân của Văn-thù Bồ-tát, Tai Situpa Rinpoche tự xưng là hóa thân của Di-lặc Bồ-tát v.v.. Có lẽ vì thế người Trung Hoa đã gọi các vị này là hoạt Phật (Phật sống). Hiện thời tại Tây Tạng, Mông Cổ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Khang, Buriat, Kalmyk v.v., tức những nơi theo truyền

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi lợi tha vậy. Nếu luân thường khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu nghe theo lời ta nói. Đấy chính là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo).

Phàm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, huống chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? Nay pháp danh đặt cho các ông được viết trong một tờ giấy khác. Sợ các ông chưa thể tin nhận ngay, nay gởi cho các ông mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết Phật nguyện rộng sâu, pháp môn rộng lớn: Dẫu là kẻ nghịch ác mà nhất niệm hồi quang (tự phản tỉnh, tự tỉnh ngộ hướng về đường lành), vẫn có thể vãng sanh! Đọc Gia Ngôn Lục sẽ biết chỗ thù thắng mầu nhiệm của pháp môn và pháp tắc tu trì. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết: Lúc bình thường kêu gọi quyến thuộc niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ chẳng bị phá hoại. Ngoài ra còn có Một Lá Thư Trả Lời Khắp, [áp dụng những điều được nói trong lá thư ấy] thì đối trước hết thảy mọi người sẽ đều đề xướng được. Lúc sanh nở niệm Quán Âm quả thật là chuyện quan trọng nhất trong đời người. Chuyện lớn trong thế gian chỉ có sanh và tử. Đề xướng được như vậy thì lợi ích lớn thay!

(Ngày 18 tháng 6)

465. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp

Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thê thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy, học vấn sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bấy bớt hoặc khó khôn lớn, thành người được. Mà

---

thống Phật Giáo Tây Tạng đều có những hóa thân. Hầu như các tu viện lớn nhỏ đều có hóa thân; nổi tiếng nhất là Đại-lai Lạt-ma, Ban-thiền Lạt-ma, Karmapa, Sakyapa của Tây Tạng, Jetsundampa của Ngoại Mông Cổ, Chương Gia thuộc Nội Mông (dòng truyền thừa của vị này đã chấm dứt). Thậm chí tài tử Steven Seagal của Mỹ cũng được Drubwang Pema Norbu Rinpoche (tu viện trưởng tu viện Palyul Ling, người được coi như là trưởng tông phái Nyingmapa hiện thời) công nhận là hóa thân của lạt-ma Chungdrag Dorje, một vị tăng chuyên phát hiện những Mật điển (Terton) sống vào thế kỷ 17 ở Tây Tạng, gây nên rất nhiều tranh luận ồn ào trong giới Phật tử Tây Phương theo Mật tông Tây Tạng.

thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? Ta sợ con cũng phạm những bệnh trên đây! Hễ có nên sửa đổi, không có thì cố gắng. Đã có thể trì danh hiệu Bồ-tát lâu dài ắt cần phải khẩn thiết, chí thành, mọi mong muốn sẽ được toại nguyện. Nếu vẫn hờ hững hời hợt thì cũng chỉ được cảm ứng hờ hững hời hợt, quyết chẳng thể "ắt được như nguyện". Quang bận bịu quá sức, chẳng thể đáp ứng mong cầu thêm được nữa. Hiện thời phải lo toan chuyện in sách, đến mùa thu xong xuôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; bởi lẽ tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, không có sức để chống đỡ được.

Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ loài vật, dứt bỏ rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người hòng trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều được gội ân Phật giáo hóa, cùng tu tịnh nghiệp, thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, chết đi sẽ về cõi Cực Lạc. Mong con hãy thận trọng!

466. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa

Thư nhận được đầy đủ. Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống. Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lăm lăm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt lõi: Dùng công phu tam mật trì chú để tiêu trừ phiền hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được? Các lạt-ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì ở những nơi ấy không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật tông hiện thời phần nhiều ngã mặn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là "ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó". Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa.

Mật tông đề xướng "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi "liễu sanh tử chính là thành Phật". Những kẻ vô tri liền tưởng hễ liễu sanh tử là đã trở thành đức Phật phước tuệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm

kèo rường bởi gỗ cây ấy có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X… đề xướng Mật tông "một trăm ngày thành Phật". Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). [Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học] sẽ thành Phật trong 48 ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc truyền đạo tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng!

Trong những pháp liễu sanh tử, pháp môn Tịnh độ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận căn tánh như thế nào, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, khi lâm chung ắt được Phật lực gia bị vãng sanh Tây Phương. Pháp môn này chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật. Hết thảy pháp môn đều phải lấy đạo lực giới định tuệ để đoạn phiền não tham sân si, phiền não đoạn sạch thì mới có thể thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử. Xưa kia còn có những người như vậy, chứ ngày nay thì sợ rằng cả thế giới cũng không tìm được một hai người. Do vậy càng về sau này, càng phải nên chuyên tu tịnh nghiệp.

467. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ tín nguyện hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than: "Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?" Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận? Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh hèn tệ, dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu!

Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung (dung là "dung chỉ" tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng "dung" là dung mạo xinh đẹp, đáng than thay), phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). Dạy cho con đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn dạy cho chúng nó biết nhân rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng

sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra. Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng, dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư?

Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chăng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông[58] thì cháu trai[59] cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa. Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa-bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã bận lòng như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng?

Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay. Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đấy chính là quyến thuộc Bồ-đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đấy là hiếu, là lòng từ lớn lao. Sao ông chẳng viết họ tên? Liễu Duyên cũng chẳng biết là ai? An Sĩ Toàn Thư hiện thời đã giao hết, mùa xuân năm sau nếu đường bưu điện thông suốt sẽ gởi Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám, Di-đà Bạch Thoại Giải, Gia Ngôn Lục v.v.. Nhưng hai ba năm qua, chẳng dễ gởi kinh sách sang Thiểm Tây cho lắm, mong các hạ hãy cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng và giữ vẹn luân thường, tu trì tịnh nghiệp, để dân chúng cả vùng nhìn theo nhau làm lành, công đức ấy há diễn tả được ư? Quang là người xứ Tần (Thiểm Tây), hai ba năm qua quả thật chưa gởi được nhiều sách về đất Tần, gần đây tuy có viết danh sách

[58] Nguyên văn "tông diêu", nói đủ là "tông diêu thừa kế": Tông là nhà thờ tổ, diêu (祧 đúng ra theo chánh âm phải đọc là thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: "Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ."

[59] Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác.

bảo họ gởi sách, nhưng chẳng biết có gởi được đến nơi hay không? Chẳng đến được thì đã lạc mất rồi, thật đáng tiếc!

468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai)

Trước kia, ông Lận Bá Thao có tới đây, nói ông muốn quy y, lại đưa những bài ông đã viết cho tôi xem. Nói đến thủ tục quy y thì cố nhiên không có nghi thức nhất định. Nếu như tận mặt quy y, pháp sư truyền giới thăng tòa tuyên nói thì thời gian phải mất từ một tiếng đồng hồ trở lên, người thọ giới ở dưới pháp tòa đảnh lễ quỳ nhận. Nếu muốn đơn giản hơn thì cũng có thể phương tiện tuyên nói, thời gian chẳng lâu.

Ông là người ở ngoài xa mấy ngàn dặm, vọng hướng về đây cầu được quy y, theo lễ thì trong ba ngày trước đó, hãy sáng tối chí tâm lễ Phật, hoặc 24 lạy, hoặc 48 lạy, hoặc 108, hoặc bao nhiêu đó lạy, để sám hối túc nghiệp. Đến sáng sớm ngày hôm ấy, liền đối trước Phật, đảnh lễ xong, bèn tự nói: *"Đệ tử con tên là... từ xa vâng mạng thầy con là Ấn Quang quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. Từ nay trở đi cho đến hết tuổi thọ, quyết chẳng quy y thiên ma, ngoại đạo và kinh điển, sách vở của ngoại đạo cũng như đồ chúng ngoại đạo."* Đảnh lễ một lượt. Nói như thế ba lần, lại lễ bao nhiêu đó lạy là xong.

Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, hai gói Quán Âm Tụng, hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải, thường đọc những sách này thì sẽ có cái để bắt chước theo, không cách chi đọa vào loài ma được. Đối với những sách đã gởi, ngoài những cuốn giữ lại để tự thọ trì, những cuốn khác nên tặng cho người thông văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Nếu là văn nhân tà kiến, luông tuồng không kỵ húy thì đừng đưa cho họ, sợ họ khinh nhờn đến nỗi mắc tội. Sự giáo hóa Phật pháp ở đất Tần ta hết sức trắc trở, lao đao! Ông đã phát tâm, hãy nên dốc sức nơi tu hành chân thật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Ngộ, nghĩa là dùng trí tuệ để liễu ngộ pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tự hành, dạy người, để mong lìa khỏi nỗi khổ sanh tử thế gian, được hưởng niềm vui chân thường xuất thế gian. Pháp xuất thế gian vô lượng vô biên, nhưng chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Muốn vãng sanh Tây Phương, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện chân thật thiết tha, quyết chí cầu sanh, chẳng được có một tâm niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì mới mong được lợi ích thật sự. Lại còn đem những chuyện vừa nói trên đây để trên là khuyên cha mẹ, giữa là khuyên anh

em trai, chị em gái, dưới là khuyên vợ con. Đấy là nói theo phía gia đình. Ngoài là khuyên thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước và hết thảy những người quen biết thì công đức của chính mình sẽ càng rộng lớn, phẩm vị vãng sanh sẽ có thể tăng cao.

469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba)

Bài thuốc trị bệnh sốt rét, không một ai chẳng được lành bệnh. Một đệ tử dùng bài thuốc ấy trị cho mấy trăm người, thường khuyên họ đừng vất đi những tờ giấy có viết chữ đã dùng, nhưng vẫn có người vứt đi, tâm khá buồn phiền. Mộng thấy một cụ già nói: "Chỉ dùng một tờ giấy trắng viết năm chữ *'ngược tật điều lý hoàn'* (瘧疾調理丸), đem đốt rồi pha vào nước sôi, uống xong bệnh chẳng phát nữa." Đem thử thấy hiệu nghiệm lạ kỳ! Cũng cần phải uống khoảng một tiếng đồng hồ trước khi cơn sốt rét phát ra. Khi đốt mảnh giấy có viết chữ nên dùng kim dài hoặc cái dùi để ghim vào đầu tờ giấy cho khỏi bị lửa táp tay đến nỗi chữ cháy không hết.

Thế gian có rất nhiều chuyện chẳng thể dùng tình lý để suy lường được. Một đệ tử ở Quảng Đông đem phương thuốc trị bệnh sốt rét trị lành vô số người. Lỡ có ai hỏi: "Là do đạo lý nào, chẳng phải là chú, chẳng phải là bùa, chẳng phải là thuốc, mà trị được bệnh?" Ông ta nói: "Đấy chính là đạo lý nơi vô đạo lý, gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy!"

Hơn nữa nữ nhân sanh nở, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát chắc chắn sẽ được an nhiên sanh nở. Một người đàn bà nghèo ở Tô Châu, đang sanh con liền bị chết, chồng bà ta đến bệnh viện mời bác sĩ Tây y đến mổ bụng ra. Bác sĩ Tây y đòi 200 đồng mới chịu mổ. Nhà ấy lo không nổi, bác sĩ Tây y bỏ đi. Cách vách có một vị quán trưởng mở Y Học Quán, vợ chồng ông ta đều quy y Quang. Bà vợ ông ta nghe tiếng, bèn sang thăm, bảo cả nhà niệm Quán Âm, bà ta cũng niệm giúp. Không lâu sau, sản phụ sống lại, sanh con ra. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói, xin hãy nói với hết thảy mọi người. Đây cũng là một đầu mối để tự lợi, lợi người vậy!

(Ngày 29 tháng 6)

470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư)

Hiện thời hạo kiếp[60] đang hiện tiền, mọi người đều phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Dẫu được

[60] Hạo kiếp: hạo（浩）có nghĩa là rộng lớn, mênh mông. Chữ hạo được dùng ở đây nhằm diễn tả ý nghĩa tai kiếp dồn dập, xảy ra với mức độ rộng lớn, dày đặc.

phước báo, cũng chỉ tạm thời. Phước lớn sẽ tạo nghiệp lớn, đã tạo nghiệp lớn, ắt phải chịu khổ lớn. Nếu sanh về Tây Phương sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Pháp danh của Vương Huệ Như được ghi trong một tờ giấy khác, khai thị thì dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

471. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình

Y dược thế gian chỉ trị được thân bệnh, chẳng trị được tâm bệnh và các bệnh sanh tử v.v.. Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh thân tâm, sanh tử v.v.. Ông đã có thể lấy "giúp đời, cứu sống người" làm chí hướng, sự nghiệp, hãy nên kiêm dùng Phật pháp thì lợi ích lớn lao. Do vậy đặt pháp danh cho ông là Huệ Y. Quang già rồi, sáng tối sẽ chết, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Nay gởi cho ông các bản Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Dược Phương v.v. để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có một cuốn Khai Thị Lục, một tờ thông cáo rộng rãi "Sữa độc giết trẻ con", hãy nên nói với hết thảy mọi người.

472. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn

Thư nhận được đầy đủ, Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được. Giấy trắng ngần lóa mắt chẳng thể viết được! Nay gởi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khắp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v.. Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên dựa theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì. Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính sách thì hễ là người đọc sách đều là bậc mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này?

Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế thì nghiệp chướng ngày một tiêu, trí tuệ ngày một tăng trưởng. Dùng những điều mình biết được để hướng dẫn, làm lợi hết thảy, đấy chính là Huệ Mậu. Mậu (懋) là cố gắng, dùng pháp môn Tịnh độ để tự hành, dạy người, tự gắng sức, khuyên người khác gắng sức, sẽ trong đời này thoát khỏi cõi ngũ trược đây, lên cõi sen chín phẩm kia. Đấy chính là như kinh Thư đã nói *"đức mậu, mậu tu; công mậu, mậu thưởng"* (đức tốt đẹp là do tu hành siêng gắng, ra công gắng sức sẽ được ban thưởng tốt đẹp) vậy. Nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành (hai câu này chính là giới kinh đại lược trong kinh Phật; Âm Chất Văn dẫn dụng hai câu này) thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật, mới làm cho người khác nhìn theo làm lành, nên nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (Dùng lời nói để dạy thì bị

tranh cãi; dùng thân để dạy, kẻ khác sẽ thuận theo). Pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc.

473. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm

Nhận được thư đầy đủ, pháp môn Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiền giả lấy "kiến tánh thành Phật" để tự khoe tài, Giảng giả (người học giáo) lấy hoằng dương Giáo quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng pháp môn Tịnh độ, mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời mạt pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh độ dẫu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn phiền hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt 180 ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Chu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi. Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Úy Như và Chu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gởi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Úy Như in Văn Sao, từ đấy hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi "vô tri vô thức". Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v., hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh độ như chuyện vặt vãnh, đâm ra chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì cứ nhất tâm niệm Phật. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ nay nếu không có chuyện gì hết sức cần thiết, đừng gởi thư tới, bởi không có mục lực để xem và trả lời được.

Nay đặt pháp danh cho ông là Sư Viễn. Viễn chính là đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn vào đời Tống, tức là vị tổ sáng lập tông Tịnh độ. Lấy Viễn công để tôn thờ, học theo, sẽ chẳng đến nỗi bị tri thức các tông trong hiện tại lay động mê hoặc.

Những kẻ học Phật trong cõi đời đều lấy khai ngộ làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng biết "tuy ngộ nhưng chưa chứng thì vẫn chẳng thể liễu thoát được". Dẫu là bậc đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả, vẫn khó thể trong đời sau chẳng do phước tạo nghiệp, hoặc đến nỗi đọa lạc trong ác đạo, bậc chứng Tứ quả mới liễu sanh tử. Đây là nương theo Tiểu thừa mà nói. Chứ nếu luận theo Viên giáo trong Đại thừa mà nói thì Sơ tín đoạn kiến hoặc giống như Sơ quả trong Tiểu thừa; Thất tín đoạn sạch tư hoặc, mới liễu sanh tử. Từ Sơ tín đến Lục tín vẫn chưa thể liễu sanh tử. Phàm tình chẳng thể suy lường được thần thông trí tuệ của bậc Bồ-tát thuộc địa vị Sơ tín, huống là các địa vị Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục tín ư?

Người tham thiền thường vì người học Tịnh tông lẫn Giáo tông chẳng đáp được cơ phong chuyển ngữ mà cho là đạo Thiền cao siêu huyền diệu, người khác chẳng thể biết được. Thật ra kẻ khởi lên tri kiến như thế cũng chẳng hiểu ý cổ nhân. Nếu là người thật sự biết, ắt sẽ không có thái độ tự khoe tài, tự kiêu căng. Vì sao vậy? Do lời tuyệt diệu cũng là lời cực bình thường, chẳng những hiểu [những câu cơ phong chuyển ngữ ấy] cũng không giúp được gì, ngay cả đại triệt đại ngộ vẫn chẳng giải quyết được gì. Cần phải hoàn toàn chứng đắc mới giải quyết được việc. Trong đời sau, quả thật chẳng thấy được mấy ai chứng đắc.

Vào đầu đời Tống, thiền sư Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa, thiền sư Sư Giới làm trụ trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới) danh lừng lẫy vũ trụ, môn đình cao ngất tựa long môn, chết đi tái sanh làm Tô Đông Pha (có sự tích chứng minh hẳn hoi). Do huệ lực đời trước, văn tự lẫn kiến địa của Đông Pha đều chẳng tầm thường, nhưng lại chẳng câu nệ tiểu tiết. Lúc ông Tô trấn thủ Hàng Châu vẫn thường kiếm kỹ nữ về vui thú. Đủ biết Sư Giới ngay cả Sơ quả còn chưa chứng được! Vì sao vậy? Do bậc Sơ quả đắc *đạo cộng giới*[61] (tự nhiên là như vậy), tùy ý chẳng phạm giới. Nếu không xuất gia thì cũng lập gia đình. Dẫu đem cái chết uy hiếp để ép buộc vị ấy phạm tà dâm, vị ấy bèn thà chịu chết chứ quyết chẳng chịu phạm. Nếu thiền giả biết nghĩa này, đâu dám miệt thị Tịnh độ, đề cao Thiền tông, nhường cho ngu phu ngu phụ nương theo Phật từ lực để vãng sanh, còn chính mình cam phận ở trong luân hồi, chẳng muốn thoát khỏi ư? Quang nói lời này là vì sợ ông chẳng biết nguyên do, bị thiền giả áp đảo, bèn bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, đến nỗi sẽ liễu sanh tử trong năm con lừa (cho đến hết đời vị lai cũng không có năm con lừa).

Lời kệ đính kèm theo Một Lá Thư Trả Lời Khắp đề cao Quang quá lố, khiến Quang hổ thẹn khôn ngằn! Nay gởi cho ông một trang dược phương, do giấy

[61] Đạo cộng giới: giới tương ứng với đạo, có năng lực tự nhiên giữ giới thanh tịnh không cần phải tác ý chú tâm giữ giới mà không bao giờ phạm giới.

trắng chẳng thể phê được, nên nay đem kèm vào đây. Toa thuốc trị bệnh sốt rét, chẳng nệ bệnh đã một hai năm, hoặc mười mấy năm, đều hễ trị liền lành. Toa thuốc cai nghiện á phiện còn có thể trị bệnh khí thống nơi gan và bao tử. Tuy bệnh đã mười mấy năm cũng hễ trị liền lành, chẳng cần phải bỏ thêm thuốc phiện vào[62].

Loại cao trị bệnh cùi còn có tên là thương nhĩ cao. Nếu dùng nồi lớn để sắc thuốc, thì phải dùng một miếng tre hoặc miếng ván rộng bốn tấc, dày nửa tấc, dài bảy tám thước để làm đũa khuấy (ngắn thì người ta phải ghìm chặt miếng ván để khuấy mạnh, quá tốn sức; đũa dài thì chỉ cần khuấy nhẹ, đỡ tốn sức), phía dưới vát xéo góc sao cho đụng đáy nồi; không ngừng khuấy vét đáy nồi để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy đến nỗi mất dược tánh. Nồi nhỏ thì cũng dùng miếng ván nhỏ để khuấy vét. Đây chính là cách thắng đường. Do cao này phải nấu lâu, nếu không làm như thế nhất định sẽ bị cháy ở dưới đáy, chẳng thể không biết điều này. Ở phương Bắc ít bị bệnh này, phương Nam và các nước Tây Dương đều có. Các xứ chữa trị chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể trừ tận gốc. Thuốc này trừ được tận gốc, nên đặc biệt nói rõ cách nấu cao để mong có lợi, không điều tệ.

474. Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn

Xá-lợi chưa tới chỗ cũ[63], càng đúng là thần biến khôn ngằn. Ấy chính là Phật, Bồ-tát muốn làm cho ông và hết thảy những ai thấy nghe đều gieo thiện căn sâu xa, nên đặc biệt thị hiện như vậy. Tiếng Phạn xá-lợi (śarīra), cũng có khi phiên là thiết-lợi-la (danh từ này hiện thời tuyệt chẳng dùng đến), ở đây (Trung Hoa) dịch là thân cốt (xương nơi thân), cũng có khi dịch là linh cốt. Đây chính là ước theo sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, thiêu thân hóa hiện tám hộc bốn đấu[64] xá-lợi mà nói. Đấy chính là ước theo đa số để nói.

---

[62] Toa thuốc này vốn để dùng trị nghiện thuốc phiện. Trong cách uống có nói bệnh nhân vừa uống thuốc vừa giảm bớt liều lượng thuốc phiện, nên nếu không nói rõ người dùng toa thuốc ấy để trị bệnh khí thống sẽ tưởng là phải hút thuốc phiện theo phân lượng giảm dần như trong toa thuốc đã chỉ.

[63] Trong lá thư gởi cho cư sĩ Phương Diệu Đình (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, thư số 269), tổ Ấn Quang cho biết: "Hôm trước, am Quán Âm ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy, nói là viên xá-lợi ấy kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem; xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi. Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy." Như vậy là khi tổ viết thư cho Dương Bội Văn, viên xá-lợi ấy vẫn chưa trở về am Quán Âm. Xin xem thêm chi tiết về chuyện này trong "Bài ký về chuyện cư sĩ Dương Bội Văn được xá-lợi" thuộc Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 3.

[64] Hộc và đấu là những đơn vị đo lường thời cổ, có dung lượng biến đổi theo triều đại. Thời Tần, một hộc bằng mười đấu, mỗi đấu là 2 lít. Từ đời Tống trở đi, một hộc bằng năm đấu và

Cũng có loại xá-lợi không phải từ xương trên thân đức Phật mà có, như người đời Tống khắc ván in cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn tìm được ba hạt xá-lợi trong tấm ván, ba hạt xá-lợi tìm được ở ba chỗ. Lại nữa, thiện nữ nhân thêu kinh, đâm kim xuống bị vướng, nhìn vào tìm được xá-lợi. Lại có người niệm Phật, từ trong miệng có được xá-lợi. Có vị cao tăng tắm gội, bảo học trò kỳ lưng, nghe có vật lanh canh rơi xuống, nhìn xem thì thấy được xá-lợi. Thiền sư Tuyết Nham Khâm[65] cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi. Thiền sư Trường Khánh Nhàn đời Tống viên tịch, ngày hỏa thiêu ngài, trời nổi cơn gió lốc lớn, khói bay xa ngoài 40 dặm. Khói lan đến đâu, trên nóc nhà, ngọn cây, ngọn cỏ, đều có xá-lợi, nhặt được hơn 4 thạch[66].

Ngoại đạo chẳng biết xá-lợi chính là do sức của giới định tuệ tạo thành, bèn bảo xá-lợi là do tinh - khí - thần[67] luyện thành. Đây là ăn trộm danh từ của Phật giáo, chứ tuyệt chẳng biết nghĩa lý trong Phật giáo, liền đơm đặt bịa chuyện. Xá-lợi phần nhiều do dời chuyển mà có được, như khắc ván, thêu kinh và do miệng niệm Phật mà có, cũng như xá-lợi của ông do từ hoa đèn mà được, đều là vì lòng thành chuyên ròng đến cùng cực nên đức Phật rủ lòng từ gia bị, thị hiện. Hơn nữa, xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngằn. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên)

---

dung lượng của đấu lớn dần lên, đến đời Thanh, một đấu bằng 10 lít. Do kinh Phật đa số được dịch từ thời Hán đến giữa đời Tống, nên ta có thể ước lượng một hộc bằng mười đấu, và mỗi đấu từ 2 đến 3 lít.

[65] Tuyết Nham Khâm chính là hòa thượng Tuyết Nham Tổ Khâm (?-1287), thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế, người xứ Vụ Châu, pháp hiệu Tuyết Nham. Làm sa-di lúc 5 tuổi, được thọ cụ túc năm 16 tuổi, trước sau từng tham học với các vị Diệu Phong Chi Thiện, Diệt Ông Văn Lễ (chùa Tịnh Từ) v.v.. Sau đến Kính Sơn tham học với ngài Vô Chuẩn Sư Phạm, về sau làm người nối pháp của vị này. Từng được vua tặng ca-sa tía, thanh danh lừng lẫy một thời. Sư thị tịch vào năm Chí Nguyên 24 đời Nguyên (1287), còn để lại Tuyết Nham Hòa Thượng Ngữ Lục (bốn quyển). Người nối pháp của sư là ngài Cao Phong Nguyên Diệu (vị này chính là thầy thế độ cho ngài Trung Phong Minh Bổn).

[66] Thạch: Có hai đơn vị đo lường cùng gọi là thạch.

1. Để đo dung tích thì một thạch là 67 lít.
2. Để đo trọng lượng thì một thạch bằng 76 kg.

[67] Tinh - khí - thần vốn là những khái niệm y học, được nhắc đến trong bộ sách y khoa cổ nhất của Trung Quốc là Hoàng Đế Nội Kinh, bọn đạo sĩ đã thần bí hóa khái niệm ấy và gán ghép rất nhiều cách giải thích phức tạp. Ông Thái Nhật Sơ trong bài "Tinh - khí - thần và hoạt động sống còn" đã giải thích khá rõ ràng như sau: "Theo Trung y học, cái gọi là tinh tức là những vật chất tinh vi trong cơ thể con người, tức là những vật chất cơ sở cấu tạo thành thân thể con người, là cái gốc của sanh mạng. Khí chính là những công năng, động lực duy trì cuộc sống con người. Tánh mạng và sự hoạt động của con người được duy trì bởi khí, thần là biểu hiện của khí. Nói cách khác, thần là những gì được biểu hiện ra ngoài của sanh mạng và công năng của động lực sống của con người như âm thanh, dáng vẻ, hình vóc, thái độ, tình cảm v.v.. Như vậy, tinh là vật chất nuôi sống, khí là vật chất có tác dụng dinh dưỡng được chuyển hóa thành những năng lượng cần thiết cho cuộc sống, thần bao gồm những hoạt động sinh lý (bioglogical) và tâm lý của con người."

chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn 50 tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A-dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy xá-lợi chuyển biến lớn nhỏ, cao thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích.

Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tiềm, nghĩa là tâm ngầm khế hợp với trí tuệ của Phật, đấy chính là như cổ nhân đã bảo ngu phu, ngu phụ cắm đầu hùng hục niệm Phật, liền có thể ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo" vậy! Hiện thời sắp xảy ra cơn đại kiếp, bất luận là người trong nhà hay người ngoài, đều nên khuyên họ chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Nếu không, họa hoạn xảy tới, trọn chẳng nương tựa vào đâu được. Đừng nói niệm Phật ắt chẳng bị táng thân tổn mạng, dẫu táng thân tổn mạng nhưng linh hồn đi về đâu mỗi người mỗi khác. Vì thế, chớ nên vì niệm Phật không thể cứu vãn được kiếp nạn mà bảo: "Niệm cũng vô ích!" Nay gởi cho ông một gói sách, lại có một tờ Một Lá Thư Gởi Khắp. Dù phiền toái hay đơn giản đều có thể nương theo đó để hành được. Chớ nên gởi thư tới nữa khiến tự phiền, rộn người vậy.

475. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư các ông, biết cha các ông bệnh hết sức trầm trọng, chớ nên làm theo cách si tâm vọng tưởng của thế gian, mà hãy nương theo Phật pháp dùng câu Nam-mô A-di-đà Phật để trợ niệm và cầu cho cha: "Nếu tuổi thọ đã tận sẽ mau được đức Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh." Cha các ông tuổi đã ngoài bảy mươi, đang trong thời thế nguy hiểm này, cả nhà hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn cụ vãng sanh Tây Phương. Nếu cụ tuổi thọ chưa hết, cũng sẽ do công đức trợ niệm mà chóng được lành bệnh. Nhưng chớ nên chỉ cầu lành bệnh, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ của cụ đã hết, cầu như thế sẽ làm hỏng đại sự. Hãy vì cha các ông mà nhất tâm trợ niệm. Nếu cụ niệm được thì niệm theo; chẳng thể niệm, hãy nhất tâm nghe các ông niệm.

Phàm những chuyện khẩn yếu thì phải hỏi han trước, chuyện chẳng khẩn yếu đều nhất loạt chớ nên nhắc tới. Nếu có những cư sĩ chí thành khẩn thiết, hãy nên thỉnh mấy vị cùng với các ông chia phiên trợ niệm liên tục chẳng ngớt. Niệm mãi cho đến khi cụ tắt hơi vẫn cứ niệm giống như thế. Niệm tiếp tục như vậy cho đến ba tiếng đồng hồ sau mới ngừng niệm. Hơn nữa, trước khi cụ chưa chết và lúc

vừa mới tắt thở, đừng nên lau rửa thân thể, thay áo, khóc lóc, những hành vi ấy đều là lôi cụ xuống biển. Người thế gian tưởng đấy là hiếu, nhưng thật ra đã phá hoại chánh niệm, khiến cho người đã mất chẳng thể vãng sanh mà đâm ra bị đọa lạc. Tội giống như giết cha mẹ, khẩn yếu đến cùng cực!

Bữa nay ở Linh Nham liền thỉnh mười vị tăng mở một Phật thất, Phật thất tốn một trăm đồng; lại lập cho cụ một bài vị bằng gỗ để thờ vĩnh viễn trong niệm Phật đường. Niệm Phật quanh năm, lợi ích rất lớn, phải tốn năm mươi đồng. Một trăm năm mươi đồng ấy nên gởi qua bưu điện, chuyển thẳng cho đại sư Diệu Chân thuộc Linh Nham Sơn Tự ở trấn Mộc Độc. Phật thất cũng là để cầu Phật tiếp dẫn, nếu tuổi thọ chưa hết cũng sẽ mau được lành. Các ông muốn giảm tuổi thọ của chính mình để cầu tăng tuổi thọ cho cha, Quang chẳng nghĩ như thế là đúng. Vì sao vậy? Đang trong lúc cụ tuổi đã cao này, lại nhằm đời loạn lạc, chuyện mai sau chẳng biết như thế nào. Cố nhiên, hãy nên cầu cho cha mẹ mau được sanh về Tây Phương, để khỏi gặp cảnh mai sau chẳng bằng hiện thời, sẽ càng khó thể trợ niệm.

Nay gởi kèm cho ông một ít tro hương Đại Bi, hãy đem tro hòa vào nước, gạn lấy phần nước lắng trong để uống. Dẫu cụ đã đến lúc chết, uống vào thì thần thức cũng sáng suốt, chánh niệm vãng sanh. Nếu chưa đến lúc chết, sẽ mau được lành bệnh. Đối với chuyện sau khi cụ đã mất, đừng bày vẽ mù quáng, làm lễ phúng điếu, nhóm họp thân hữu. Dẫu cho bạn bè thân thiết tìm đến cũng nên đãi cỗ chay, vĩnh viễn chấm dứt rượu thịt. Ma chay, kính thần, đãi khách đều dùng món chay. Vàn muôn phần chớ nên dùng rượu thịt! Trong đám tang chẳng dùng rượu thịt, cổ lễ Nho gia đã là như vậy đó, chứ không riêng gì Phật giáo mới vậy. Nếu Hoàng thái tử đang cư tang mà lén lút uống rượu thì sử quan ắt phải ghi chép chuyện ấy để truyền cho hậu thế.

Hiện thời lễ giáo bỏ phế, đang cư tang vẫn tấu nhạc, sát sanh để giữ thể diện. Các ông đừng học theo thói cực ác ấy! Lại có kẻ còn đem hành trạng của người đã khuất in ra, thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, tặng cho khắp mọi thân hữu. Chuyện ấy cũng hết sức vô lễ! Đem hình ảnh của cha mẹ in trên đấy, người ta nhận được xem qua một lần rồi quăng vô đống giấy lộn, chẳng biết đã khinh nhờn đến đâu! Các ông muốn làm cho cha mẹ được nở mày nở mặt, hãy nên trong mỗi niệm luôn tự phản tỉnh, khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng dám có một niệm không xứng đáng với Phật Bồ-tát, thiên địa quỷ thần. Nếu có thể giữ được như thế suốt đời thì mới là đại hiếu, tôn kính cha mẹ. Nếu không, do hành vi bất thiện, ắt người ta sẽ nói cha các ông tổn đức nên mới có đứa con không ra gì như vậy. Do đó con người chẳng thể không tự trọng.

476. Thư trả lời anh em Khai Sanh, Ninh Sanh (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ làm con cái trong thế gian khi cha mẹ lâm chung phần nhiều là "đã rớt xuống giếng còn quăng đá". Anh em ông chịu nghe theo lời tôi, cho nên cha các ông vãng sanh Tây Phương, đấy là chân hiếu. Ông nên biết rằng, bất luận già trẻ trai gái lâm chung đều nên trợ niệm như thế. Đều phải là sau khi đã tắt hơi rồi, tối thiểu là trong vòng ba tiếng đồng hồ chẳng được đụng vào thân thể người ấy, chẳng ngớt tiếng niệm Phật, chẳng được khóc lóc, để càng lâu càng hay (Do nếu khuyên để lâu thì sợ kẻ chẳng hiểu việc sẽ khó thể nghe theo được, nên chỉ nói là "ba tiếng đồng hồ"). Cha các ông thần thức không sáng suốt, sau khi uống nước Đại Bi, thần thức liền sáng suốt; đủ biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn (tức là lòng thành của các ông).

Mẹ ông Ngô Trạch Nam lâm chung, lưỡi cứng không động đậy được. Trạch Nam đem nước Đại Bi chấm vào lưỡi, trong khoảnh khắc lưỡi của bà cụ liền mềm mại có thể niệm Phật được. Bình thường cụ luôn niệm Phật cực nhỏ, lúc ấy lớn giọng niệm liên tiếp ba câu rồi qua đời. Cảnh tượng lúc cha ông lâm chung nếu chẳng phải là thêu dệt thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Người bình thường chết rồi chẳng có tí hơi nóng nào, thân thể cứng đờ. Người niệm Phật mấy ngày xác chẳng cứng, đấy là chuyện thường. Chuyện "hồi sát"[68] là kiến thức phàm tục của người đời, phàm ai chết trong chùa miếu đều không có chuyện hồi sát. Quê tôi gọi là "xuất ương" (thoát tai nạn).

Người niệm Phật vãng sanh Tây Phương chẳng thể làm theo cách lo toan mù quáng của tục nhân. Nay tôi lập cho các ông một biện pháp thích hợp với cả đạo Nho lẫn đạo Thích. Nhằm hôm hồi sát, cả nhà hãy chí thành niệm Phật, hoặc một tiếng đồng hồ, hoặc hai ba tiếng đồng hồ là được; chớ nên làm theo cách thức hồi sát của người đời thì người chết lẫn kẻ sống đều được lợi ích lớn lao. Đối với

---

[68] "Hồi sát" (回煞) là một thứ tín ngưỡng thông tục trong tang ma Trung Hoa đã có từ trước thời Tần. Sát (煞) có nghĩa là tính ngày người chết trở về thăm nhà, mà sát cũng có nghĩa là các hung thần, tai vạ. Do vậy, hồi sát thường được hiểu thành "đẩy lùi hung tai, hung thần". Theo tín ngưỡng dân gian, linh hồn người chết sẽ quay trở lại nhà do *sảnh thần* (倩神) dẫn đường trong một thời gian ngắn sau khi chết. Ngày giờ ấy thường được giới đạo sĩ tính ra, gọi là ngày hồi sát hay tiếp sảnh (接倩: thường trong vòng từ 7 ngày đến 14 ngày sau khi chết). Ngày hôm ấy, phải mời đạo sĩ cử hành cúng tế, yểm đảo với mục đích ngăn ngừa những tà thần theo hồn người chết về bắt người thân chết theo (người Việt thường gọi là thần trùng), đồng thời thân nhân người chết đêm ấy phải ăn một số côn trùng đã hấp và biếu tặng một loại bánh gọi là bánh trạng nguyên (hay *tiếp bài cao*) cho những hàng xóm thân thích để họ khỏi bị thần trùng quấy nhiễu. Có những trường hợp theo bói toán, bị kỵ tuổi quá nặng, đến tối hôm hồi sát, cả nhà phải bỏ trốn đi nơi khác mấy ngày.

chuyện thiết lễ phúng điếu, đãi tiệc khách đến phúng điếu, quả thật đã thất lễ đến cùng cực. Hãy nên dùng khoản tiền ấy để làm chi phí cứu trợ tai nạn, đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương thì là tốt lành nhất. Nếu chẳng thể không có một người khách nào đến viếng, quyết chớ nên dùng rượu thịt, ngay như cúng thần cũng dùng cỗ chay. Khi các ông gởi tới lá thư lần trước, trong khóa tụng sớm tối, Quang đã hồi hướng vãng sanh cho cha ông. Nay sẽ hồi hướng thêm ba thất nữa để trọn hết tình thầy trò. Còn chuyện thỉnh danh nhân đề lời tán tụng, viết điếu văn đều là bày vẽ rỗng tuếch bề ngoài, trọn chẳng ích gì cho người đã khuất cả.

Đang trong lúc nước nhà tan hoang, dân chúng khốn đốn này, đừng nên làm những chuyện lòe loẹt rỗng tuếch ấy thì mới là đúng. Các ông nên biết, làm phận con chẳng gây nhục cho cha mẹ chính là lòng hiếu thảo suốt đời. Nếu thực hành chuyện "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" thì người ta do thấy những hành vi của các ông luôn tốt đẹp, dẫu miệng họ chẳng ca ngợi đức hạnh của cha mẹ các ông, nhưng trong lòng họ đã ngưỡng mộ, khâm phục đức hạnh của cha mẹ các ông. Đấy là chuyện làm rạng danh cha mẹ lớn lao. Chứ nếu ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc, không gì chẳng làm, dẫu có đem đức hạnh của cha mẹ ra khoe cho nhiều, trong lòng người ta ắt nghĩ: "Cha mẹ ngươi ắt làm chuyện tổn đức, nếu không thì sao lại sanh thứ con chẳng xứng đáng như ngươi cơ chứ?" Khiến cho cha mẹ nhục nhã quá sức! Vì cha các ông mà Quang nói với các ông như thế, các ông có chịu nghe theo hay không, tôi chẳng thể ép buộc được. Các ông hãy thử suy nghĩ chín chắn, suy xét cặn kẽ xem lời này có đáng nghe theo hay chăng?

477. Thư trả lời cư sĩ Ngô Kính Nhân

Thư nhận được đầy đủ, muốn cho quốc dân giàu mạnh, phải bắt đầu từ đề xướng nhân quả báo ứng. Nếu con người đều biết đến nhân quả, sẽ tự chẳng làm chuyện vượt lý, phạm phận, cũng chẳng chịu chuyên trọng cầu hoa mỹ, hao phí tiền bạc hữu dụng, vung vãi tiền bạc trong sự sưu tập những món vật ưa thích, chôn vùi ý chí. Mấy chục năm qua, đem mỡ màng của nhân dân để mua khí giới tự sát, mỗi năm chẳng biết đã chở ra ngoại quốc mấy ngàn vạn vạn đồng. Đấy chính là cái gốc khiến cho nước ta tự tàn hại, cướp bóc lẫn nhau. Quyền ấy tuy chẳng nằm trong tay người không có địa vị, nhưng nào ngại nói với hết thảy mọi người để họ đừng ngả theo thói ấy.

Ông đã cầu quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Đôn Bổn. Kính là gốc của đức, hễ kính thì sẽ kìm nén được giận dữ, ngăn chặn lòng dục, chẳng làm các điều ác. Nhân là gốc của đạo, hễ nhân thì sẽ có thể nhân từ với dân, yêu thương loài vật, vâng làm các điều lành. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu

sanh Tây Phương, khuyên hết thảy mọi người đừng tạo cái nhân giết chóc để khỏi phải chịu sát báo. Hễ vãng sanh Tây Phương thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Phong thái ấy sẽ từ nhà lan đến làng, đến ấp, chẳng tiếc tâm lực để kính khuyên, ấy chính là "làm nghề mà cũng tăng tấn đạo" vậy! Đối với chỗ trọng yếu nơi tu trì thì Văn Sao đã có nói đủ, xin hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ. Chỗ cốt yếu nằm nơi thực hành và chí thành. Nếu không, sẽ chẳng phải là Đôn Bổn (đôn đốc, vun quén cái gốc), mà là Hại Bổn. Nay gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp và toa thuốc để mong lợi khắp các đồng nhân.

478. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ nhất)

Ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mại, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của Phật để tu, sẽ liền có thể vượt ra ngoài tam giới sanh tử, vì thế gọi là Huệ Mại[69]. Ông đã có các sách như Văn Sao v.v., chỉ nên y theo những sách đó để tu trì sẽ liền được lợi ích chân thật. Quang mục lực chẳng đủ, không thể viết tường tận được. Đã quy y tam bảo, ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn thuần đồ chay. Nếu trong nhất thời chẳng thể ăn thuần đồ chay được, cũng nên trì thập trai hoặc lục trai, nhất là phải biết sâu xa những lỗi lầm do ăn thịt. Dẫu chẳng phải là ngày ăn chay, cũng nên cực lực giảm thiểu ăn thịt, càng phải nên nhất tâm niệm Phật. Nếu có tượng Phật thì sớm chiều đối trước tượng Phật thắp hương lễ niệm. Trừ những lúc ấy ra, đi đứng nằm ngồi đều niệm. Dẫu nhằm ngày ăn mặn cũng vẫn phải niệm, phải ngày ngày, giờ giờ thường niệm. Lại phải dạy hết thảy mọi người trong nhà và hết thảy những người ngoài đều niệm. Lại còn phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật, mới có tư cách vãng sanh Tây Phương. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

479. Thư trả lời cư sĩ Chấn Hạc (thư thứ hai)

Thư tháng Chạp năm ngoái tôi chưa nhận được. Nay viết pháp danh cho vợ ông, lại gởi hai gói sách. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay về sau vĩnh viễn đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, bởi không có mục lực lẫn sức lực để thù tiếp. Dẫu thỉnh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng gởi kèm thư cho Quang qua thư ấy, hễ gởi kèm cũng nhất quyết không trả lời. Hai gói sách này tôi tặng cho ông, cũng đừng gởi tiền đến để đôi bên khỏi phải mệt trí. Nữ nhân lấy "giúp chồng dạy con" làm thiên chức, trong Văn Sao,

[69] Mại（邁）là vượt xa, bước đi.

Gia Ngôn Lục đã nói nhiều lần, trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp cũng nói đại lược, chịu hành theo đó thì thọ dụng cả đời cũng chẳng hết!

480. Thư trả lời các cư sĩ thuộc hội niệm Phật

Bạch Huệ Tu đến đây cầm theo thư, cậy tôi ước định chương trình của đoàn trợ niệm. Đối với điều này thì trong Sức Chung Tân Lương đã có định chương trình rồi, có thể châm chước theo đó để áp dụng. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, trong mùa đông năm ngoái đã cực lực cự tuyệt hết thảy thư từ, viết lách. Phàm thư gởi đến đều dặn: "Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, gởi đến quyết không trả lời, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y", để khỏi bị mệt nhọc quá đến nỗi mù mắt lẫn tổn mạng. Tất cả mười một pháp danh đều viết ra cả rồi. Sáu đồng hương kính và hai đồng của Bạch Huệ Tu, Bạch Phước Kính cộng lại thành tám đồng, đều dùng để gởi cho quý hội những sách dành cho người sơ cơ và Tịnh Nghiệp Nhật Khóa. Từ nay về sau nếu vẫn gởi thư đến nữa, chắc chắn không trả lời. Xin ai nấy hãy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để chẳng thẹn là đệ tử Phật. Trong đời này bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Xin hãy nói với các vị ấy thì may mắn lắm. Một Lá Thư Trả Lời Khắp quan hệ thật lớn, hết thảy mọi người đều y theo đó mà hành thì lợi ích lớn lao lắm!

481. Thư trả lời cư sĩ Kiều Tuân

Mùa đông năm ngoái nhận được thư, biết ông ở chùa Thái Bình viết sách thay cho cụ Chân (hòa thượng Chân Đạt) đã có thành tích, khôn ngăn vui mừng an ủi. Phàm mọi chuyện bất luận lớn nhỏ hễ thuộc về bổn phận của ta đều nên tận tâm tận lực mà làm, ấy gọi là "sư tử bắt thỏ cũng dùng toàn lực". Con người sống trong thế gian, chớp mắt liền qua, hễ may mắn còn sống trong thế gian đều phải sốt sắng mà làm. Nếu không, thời thế, tuổi tác đã qua, muốn làm nhưng chẳng thể làm được. Quang đã 80 tuổi, chẳng thành được chuyện nào, chỉ biết mặc áo, ăn cơm. Đấy gọi là *"thiếu tráng bất nỗ lực, lão đại đồ thương bi"* (trẻ khỏe chẳng gắng sức, già lụn luống buồn đau). Ông tuổi trẻ, chí nguyện, sức lực mạnh mẽ, hãy nên gắng sức theo đuổi để khỏi phải uổng công tiếc nuối bi thương.

482. Thư trả lời cư sĩ Bạch Tĩnh Tu

Thư nhận được đầy đủ. Trời nóng, công việc bận bịu, chẳng rảnh rỗi để viết nhiều, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tu, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật để tu Tịnh độ, tự lợi lợi tha. Những điều khác hãy chiếu theo những gì đã nói

trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp để làm thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đôi đằng đều được đầy đủ, không thiếu sót. Sợ ông thấy nghe chưa rộng nên nay gởi cho ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Chúng sanh đời mạt chẳng y theo pháp này để tu thì tuy tu hành vẫn đáng thương lắm thay! Do chẳng biết cậy vào Phật lực, cứ lệch lạc muốn cậy vào tự lực, sợ rằng bao kiếp cũng không có ngày thoát khỏi sanh tử. Một bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Sức Chung Tân Lương, có những sách này để làm người hướng dẫn cho tương lai, sẽ tự chẳng đến nỗi bị lầm lạc vì những kẻ tự phụ thông minh vậy.

483. Thư trả lời cư sĩ Tiết Huệ Trúc

Kẻ ngu trong thế gian thích tự lập môn đình, ăn trộm những lời lẽ trong tam giáo, lập ra đạo bí mật "chẳng được nói với người khác". Do bí mật nên những kẻ không biết nội dung đều như nhặng bu theo mùi thối, vì trước khi được truyền đạo đã phát lời thề độc địa nên kẻ ngu đến chết cũng chẳng dám trái nghịch. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai biện pháp này để truyền khắp thiên hạ, không thể nào diệt được. Nếu bọn chúng không có hai biện pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại, đứng vững trong thế gian. Các ông may đã thoát khỏi đường tà, trở về chánh đạo, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác, gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách để làm khai thị, xin hãy nói với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi đến chừng đó cuốn sách.

(Ngày 13 tháng 8)

484. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Quang thuở bé thiếu học vấn, tuổi già chẳng biết gì, ai nấy đều đem sai ngoa lan truyền sai ngoa, lầm bảo Quang là tri thức. Lọt vào thế bất đắc dĩ, chỉ đành góp nhặt lời quê mùa cho xong trách nhiệm. Nào ngờ các hạ cũng vì thấy muôn người đồn đãi như thật mà tưởng là thật, chẳng suy xét [Quang được tiếng thiện tri thức như vậy] thật ra là do một người lan truyền hư giả. Quang viết lời tựa cho Tâm Kinh, ông chẳng bắt tội thì là đã rộng dung rồi, huống chi lại còn khen ngợi quá đỗi. Xấu hổ há thể nào cùng cực! Tờ báo của quý vị đổi thành nguyệt san, rất hữu ích. Còn những bài viết hủ bại của Quang đâu đáng để chiếm chỗ tốt đẹp ấy. Huống chi tôi bận việc đa đoan, không có ai chịu nhọc nhằn giùm tôi, dẫu có một hai bài hơi đáng để mắt đến thì cũng đâu rảnh rang để sao ra gởi tới.

Còn như các hạ nói "xuất gia để chuyên tu", Quang trọn chẳng nghĩ như thế là đúng; bởi các hạ tài trí đủ để hoằng pháp, suất lãnh người nhà cùng tu tịnh nghiệp thì đôi bên đều được lợi ích. Nếu xuất gia thì người nhà khốn khổ, ắt sẽ dấy lòng báng pháp. Như vậy là chưa thể tự lợi mà đã hại người nhà trước, nỡ lòng làm chăng? Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết "chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được". Do vậy, xót mình xót người, thương ta thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này. So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt vời vợi như trời với đất? Đang trong thời buổi hoại loạn đến tột cùng này, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm thì càng phải coi sự lý nhân quả báo ứng là chuyện quan tâm bậc nhất. Biết nhân quả báo ứng, sẽ tự gắng sức làm người lương thiện. Nếu chỉ bàn nói điều huyền lẽ diệu, chẳng chú trọng nhân quả, chắc sẽ trở thành phường "miệng miệng nói không, bước bước làm có". Lợi ích sẽ đạt được cũng chẳng qua là gieo hạt giống trong tương lai mà thôi! Nếu chú trọng nhân quả sẽ giữ được tấm lòng "sửa lỗi, hướng lành", đấy chính là điều phải gấp rút bàn đến khi hoằng pháp trong thuở hiện tại này.

485. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ hai)

Nhận được thư hôm 24, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Văn của Quang hệt như gom lá mà các hạ và Lý Khế Nguyên lại phỏng theo lầm lạc, cho là "có thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng", Quang cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc. Hiềm rằng mấy hôm gần đây công chuyện quá nhiều, thật chẳng có buổi rảnh rỗi, vì thế lần khân đến nay, chịu lỗi khôn cùng. Tôi vốn muốn đọc cuốn Phật Pháp Yếu Luận hai lượt nhưng không có thời gian và sức lực, chỉ đọc được một lần. Do trong bản giảo chánh gốc, những chữ được viết theo lối phá thể đều được liệt kê, nên tôi cũng bắt chước theo, trong sách ấy có mấy chữ đáng nên thương lượng, châm chước thì tôi cũng nêu ra. Xin hãy cân nhắc!

Soạn được lời tựa gồm sáu trăm mấy chục chữ, chi ly, dông dài, thật chẳng đáng xem, chẳng qua cậy vào đó cho xong trách nhiệm. Nếu ghép bài tựa ấy vào đầu cuốn sách thì cũng chỉ là thêm thắt râu ria, chứ trọn chẳng có chỗ nào nêu bật được những ý nghĩa trọng yếu của cuốn sách. Hôm 26, do Phương Viễn Phàm thấy các hạ từ đầu đến cuối sẵn lòng muốn sao chép lại, liền gởi tới hai bản, cậy Quang giảo chánh một lượt. Do vậy liền đọc hai lần, ngày hôm sau liền gởi đi. Do lúc sắp xếp, giảo chánh còn có chỗ sai sót, sợ rằng ông ta sẽ phải in bản đính chánh, nên chẳng dám để lâu. Ngày 28, cư sĩ Liên Hàng cũng gởi đến một bản, chắc các hạ đã xem qua rồi. Những chữ bị sai chắc các hạ cũng đã biết hết rồi,

nên không gởi đi. Chỉ có dòng 17 trong trang 19 và dòng thứ 2 trong trang 20 tựa hồ bị sót câu văn, xin hãy xem kỹ. Nếu thật sự bị sai sót, xin hãy gởi sang cho cư sĩ Phương Viễn Phàm ở số 74, ngõ Hằng Dũ, đường Thanh Vân, thuộc Áp Bắc, Thượng Hải, ông ta ở nhà người em rể. Thư của Lý Khế Nguyên gởi trả lại theo thư này.

486. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ ba)

Nhận được thư và bài văn đã sửa đổi rất hay, cuốn sách ấy (tức Phật Pháp Yếu Luận) văn lẫn nghĩa đều hay, chỉ có mình chỗ ấy dường như bị khiếm khuyết. Vì thế, Quang xin các hạ thêm vào nguyên bản để lúc tái bản sẽ in thêm vào. Ngoài ra đều không có gì khiếm khuyết cả. Tất cả hai mươi mấy chữ sai đều do kẻ sao chép vô ý gây ra. Quang đang tính cách tái bản, nên với những chữ sai, chữ viết theo lối tục thể và đa số là những chỗ thiếu dấu chấm câu, mỗi mỗi đều ghi ra, gởi cho ông Phương Viễn Phàm. Nay tôi đem bản liệt kê những chỗ sai ấy gởi cho ông, xin hãy xem qua. Đây là chuyện giảo chánh, đối chiếu nhỏ nhặt, nào dám gọi là "giám đính"[70]! Sách đã có lời tựa của ngài Đế Nhàn thì đã đủ để phát khởi lòng kính ngưỡng cho người ta rồi, đâu cần lời tựa của Quang.

Huống chi Quang lắm việc bận bịu, không lâu sau phải sang Thượng Hải để lo liệu chuyện ấn tống Quán Âm Bổn Tích Tụng. Lại còn phải sắp đặt một bản Văn Sao khác, tính sắp xếp sao cho mỗi trang tăng thêm hai hàng, mỗi hàng thêm hai ba chữ, thành ra thêm ba vạn chữ vào lời văn. Nếu chẳng thể mở rộng diện tích in chữ trong một trang thì cũng là một cách để giảm bớt chi phí.

Thêm nữa, do thanh niên không biết tiết dục cũng như chẳng biết những chuyện cần phải kiêng kỵ trong ăn nằm, do vậy mất mạng không biết là bao nhiêu, hoặc trở thành tàn tật cũng không đếm xuể. Bởi vậy, tôi phát tâm in cuốn Bất Khả Lục, tăng thêm một vạn chữ, đổi tên thành Thọ Khang Bảo Giám. Một vị cư sĩ bỏ ra 1.600 đồng để ấn tống, có thể in gần tới ba vạn bản. Lần này sang Thượng

[70] Giám đính phức tạp hơn giám định. Giám đính bao gồm đính chánh những lỗi sai ngoa, kể cả ý tưởng, sửa đổi câu văn cho gãy gọn, gọt giũa, sắp xếp lại văn bản nếu cần thiết, lược bỏ những ý kiến vũ đoán, thiên chấp, tăng thêm những ý kiến, lý luận, chứng cứ để vấn đề trình bày mang tính cách thuyết phục hơn, cũng như đưa ra ý kiến quyết định nếu một vấn đề được nêu trong tác phẩm chưa rõ ràng, dứt khoát. Giám định phần nhiều là sửa sai, nhuận sắc câu văn cho gãy gọn nhưng phải đảm bảo không sai ý tác giả. Giám định thường áp dụng cho những tác phẩm của chính mình viết hoặc là do người khác sao chép lại những lời mình nói để nhằm bảo đảm người biên tập, ấn hành sao chép tuân thủ trung thành với ý tưởng của mình. Giám định đôi khi chỉ đơn giản là sửa cho đúng những chỗ sai ngoa trong những tác phẩm cổ do sao chép, khắc in để bảo đảm khôi phục đúng diện mục của các văn bản cổ. Ở đây, tổ chỉ nêu ra những lỗi do thiếu chấm câu, chữ bị sai nét, không đúng quy cách, hoặc bị sót chữ cho cuốn Phật Pháp Yếu Luận nên chỉ gọi là "giảo đối".

Hải để lo liệu sắp chữ. Cuối thu, Văn Sao lẫn Thọ Khang đều có thể in ra sách, do vậy bận túi bụi. Ước chừng giữa tháng 5 chắc sẽ quay về núi. Tâm Kinh Thiển Thuyết chưa thấy gởi đến, không cần phải lo chuyện này. Dẫu có một hai chữ bị sai cũng không ảnh hưởng lớn lao, người thông hiểu văn nghĩa sẽ đều nhận biết.

487. Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa (thư thứ tư)

Thư hôm 11 chắc ông đã nhận được rồi. Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Đôi bên tâm giao, há cần phải khiêm hư quá mức như vậy? Tâm Kinh Thiển Giải không bị sai ngoa nhiều lắm, do thấy có lúc các hạ dùng chữ theo kiểu phá thể nên Quang bèn căn cứ theo đó để nêu ra cặn kẽ; nếu có một hai chỗ thay đổi, xin hãy xem xét kỹ để chẳng đến nỗi "khoét thịt thành vết thương". Do năm ngoái có chiến tranh nên chẳng dám phát hành bản đính chính cho cuốn Đại Sĩ Tụng (có hơn hai ngàn cuốn ở Trung Hoa Thư Cục). Sau đấy do nước cạn, chẳng thể ra khỏi núi được. Nay bản chánh vẫn chưa gởi đến, do vậy tạm thời dùng giấy mao thái[71] in một vạn tờ cho mọi người xem, nội trong tháng này sẽ phát ra.

Các hạ dùng câu "có thể rộng lòng ban cho mấy bộ được chăng", sao mà xem Quang hẹp lượng đến thế? Quang tính quyên góp in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Tuy chưa thể như nguyện, nhưng đã được sáu vạn bộ rồi. Tuy hoàn toàn giao cho người bỏ tiền ra in tự biếu tặng, nhưng cũng có hơn một vạn bộ cậy Quang biếu tặng. Các hạ đã hỏi xuất bản hay chưa thì được, chứ nói "có thể rộng lòng ban cho hay chăng" thì quá khiêm hư, đâm ra coi nhẹ Ấn Quang! Quang bận bịu quá nhiều chuyện, không rảnh rang để soạn văn. Vào ngày 21, 22 sẽ sang Thượng Hải để lo liệu chuyện ấn tống Quán Âm Tụng và nhờ Trung Hoa Thư Cục sắp chữ để in một bản Văn Sao khác.

Lại còn cho sắp chữ bản tăng đính cuốn Bất Khả Lục, ước chừng trong năm nay đều có thể in ra sách. Bất Khả Lục là do một cư sĩ được tam bảo gia bị, chẳng dùng thuốc mà căn bệnh ngặt nghèo suốt mấy tháng được lành (do vợ ông ta cầu nguyện suốt đời ăn chay nên ngay hôm ấy liền có chuyển biến, chẳng thuốc men mà được lành); do bệnh đã lâu chưa được bình phục hoàn toàn mà đã phạm "phòng sự" (ăn nằm) liền đến nỗi mất mạng[72]. Quang nghĩ, người đời chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi người tử vong chẳng biết là bao nhiêu, liền phát tâm in sách này nhằm cứu giúp bọn thanh niên một cách vô hình, đạt đến bình trị khi chưa loạn,

[71] Mao thái là một loại giấy có màu ngà, hơi tối, không dày lắm, sản xuất chủ yếu tại hai tỉnh Giang Tây, Phước Kiến vào đầu thời Dân Quốc

[72] Vị cư sĩ này tên là La Tế Đồng, xin coi chi tiết trong bài "Lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám" (số 95) trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3.

giữ yên đất nước khi còn chưa nguy. Nếu vị cư sĩ ấy biết được chuyện này sẽ trọn chẳng đến nỗi gặp phải kết quả ấy. Người ấy còn là người thành thật ưa thích điều nghĩa, chứ không phải là kẻ đớn hèn, tiếc là do chẳng biết kiêng kỵ đến nỗi mất mạng. Do vậy, người vợ hiền chí thành cầu đảo cho chồng được lành bệnh rốt cuộc trở thành ác phụ giết chồng, đều là do lúc thường ngày chẳng hiểu biết về đạo ăn nằm giữa vợ chồng nên mới đến nỗi như thế. Các hạ hành nghề y, càng phải nên răn nhắc bệnh nhân về chuyện kỵ húy này để hết thảy mọi người chẳng đến nỗi lầm lạc mất mạng. Công đức ấy so với công dùng thuốc trị bệnh sẽ càng rộng lớn hơn nhiều.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì khẩn yếu đừng gởi thư đến, bởi tôi ra khỏi cửa bận bịu lắm việc, không rảnh rỗi để phúc đáp được đâu! Ước chừng giữa tháng 5 tôi sẽ trở về núi, vì trong tháng 3 năm ngoái, vị trụ trì đã thoái ẩn của ngôi chùa tôi ở đã giao cho tôi giám đính Phổ Đà Sơn Chí (do một Nho sĩ tu chỉnh), đã cả năm rồi nhưng vẫn chưa rảnh rỗi để xem đến. Khi về núi, phải lo chuyện này trước để sách được lưu thông.

(Ngày 14 tháng 3)

488. Thư trả lời cư sĩ Bàng Khế Thành

Toa thuốc cai á phiện gởi kèm theo thư cực hay, trong hai bản khắc gỗ và đúc kẽm bộ An Sĩ Toàn Thư và Văn Sao, Quang đều có đính kèm toa thuốc này. Lại còn gởi khắp cho những bạn bè quen biết các nơi, mong toa thuốc ấy được lưu truyền. Y theo toa thuốc ấy để cai nghiện, trong mười người có đến tám chín người khỏi nghiện. Những kẻ không cai nghiện được quá nửa là do thân thể người ấy trước đó đã sẵn bệnh, hễ cai hút liền đổ ra bệnh khác. Đây chẳng phải là thuốc không linh nghiệm, mà là do cơ thể người ấy thiếu căn bản (tức không đủ mạnh để có sức chịu đựng những vật vã khi cai nghiện - chú thích của người dịch). Ấy là tánh chất đặc biệt, chứ không phải là điều phổ cập tổng quát. Sợ có một hai kẻ thấy toa thuốc không linh nghiệm bèn nói toa thuốc ấy chẳng hay, nên tôi giãi bày nguyên do. Ôi, người nước ta mê muội đến thế, coi chất trầm độc[73] là bổ dưỡng, nào biết nó đã khiến cho nhà tan, nước nghèo, nhân dân suy đồi, tàn phế. Chao ôi, buồn thay!

489. Thư trả lời cư sĩ Bách Linh

[73] Trầm độc: Theo truyền thuyết trầm (鴆, còn đọc là trấm hoặc trậm) là một giống chim rất độc, một cái lông của nó rớt xuống nước thì cả dòng nước liền hóa độc.

Học đường hiện thời đúng là hầm bẫy người, chẳng hãm trong tà thuyết thì cũng hãm trong tự do luyến ái, mặc tình ăn chơi bừa bãi. Phải biết rằng con người chỉ là một động vật cao bốn năm thước mà cùng với trời đất xưng thành tam tài, vậy cái danh xưng con người tôn quý không chi bằng! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất tôn quý thì mới đáng gọi là người. Nếu không, sẽ thành "cầm thú đội mũ, mặc áo", do không có hơi hướng của con người. "Tài" (才) là khả năng, trời có khả năng sanh ra vật, đất có khả năng chở vật, con người có khả năng kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ những chỗ trời đất chẳng thể sanh thành, trưởng dưỡng. Vì thế mới cùng với trời đất xưng là tam tài. Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì so ra còn xấu hèn hơn cầm thú. Người như thế chỉ mang suông cái thân người suốt cả một đời, trọn chẳng có một điểm nào mang hơi hướng con người. Khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có thuở thoát ra. Muốn làm cầm thú còn chưa thể được, huống là lại được làm thân người ư?

Thuở ban đầu ông không biết nghĩa này, nghe bạn xấu xúi giục bèn ăn chơi bừa bãi, đến khi bị mắc bệnh phong tình đau đớn không thể chịu đựng nổi. Lành bệnh rồi lại ăn chơi, lại đổ bệnh, lại phạm, cũng là kẻ chẳng biết tốt xấu quá mức, quá thiếu chí hướng, khí tiết. Cần biết rằng đàn ông ăn chơi bừa bãi và nữ giới lén lút tằng tịu với người khác trọn chẳng hơn kém nhau. Người đời thường coi chuyện nữ giới lén lút tằng tịu với người khác là hèn hạ, chẳng chê trách nam giới ăn chơi bừa bãi. Đấy đều là chẳng biết đến ý nghĩa tên gọi con người, cho nên mới có tri kiến kém hèn như thế. May là ông đã nhiều lần chịu khổ, mới biết quay đầu, cũng là do thiện căn trong đời trước xui khiến. Nhưng Quang vẫn phải nói rõ nguyên do, vì sợ ông chưa chết hẳn cái tâm ấy, chắc sau này sẽ lại giẫm theo vết xe đổ ấy.

Vì thế, muốn làm cho ông biết danh hiệu con người tôn quý, chẳng đến nỗi tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ. Và còn dùng những điều này để khuyên nhủ hết thảy thanh niên nam nữ cùng vâng giữ danh xưng con người tôn quý, thực hành điều lành thế gian là "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Lại còn phát tâm Bồ-đề, làm lợi khắp ta lẫn người, đều cùng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để tu điều lành xuất thế. Như vậy sẽ đáng gọi là con người, tuy chưa thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang lối học cho người đời sau, giúp đỡ quyền sanh thành trưởng dưỡng của trời đất giống như bậc thánh hiền thời cổ, nhưng đã có chút phần công đức "kế thừa, mở mang, giúp đỡ" thì cái danh xưng con người mới có thực tế, chẳng thành nói suông.

Nay đặt cho ông pháp danh là Tông Thành, tông là chủ, là gốc, nghĩa là dùng lòng chí thành chân thật để tự hành, dạy người, chẳng để một mảy may ý niệm hư giả và xấu hèn nẩy sanh, đến nỗi cô phụ một chữ người vậy. Hãy nên tự trì ngũ giới trước, đã có thể trì thật sự lâu ngày rồi mới thọ, sẽ chẳng khó khăn gì. Nếu tâm vẫn còn do dự sẽ gọi là "trò đùa trẻ nít", chẳng những ông tự mắc tội lỗi mà Quang cũng cùng phạm tội lỗi.

(Ngày mồng 8 tháng 6)

490. Thư trả lời cư sĩ Huệ Tài

Nhiều lần mơ thấy giấc mộng tốt đẹp, ấy chính là do nhân trong đời trước lẫn lòng khẩn thiết trong đời này cảm vời. Đại tự viện trong giấc mộng chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do ông chưa phá phiền hoặc, chỉ thấy được tướng tầm thường, chẳng thấy được tướng thù thắng, nhưng thấy được cảnh giới ấy cũng đã chẳng dễ dàng gì. Đối với chuyện ông nằm mộng thấy vị trưởng giả đưa nước cho uống, ấy chính là Văn-thù Bồ-tát đem cam lộ ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để khỏi phụ một phen ân đức gia bị.

Ấy là vì phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển. Vì thế nên Tăng tử khi sắp mất mới nói: "Kinh Thi có câu: 'Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Chưa đến lúc lâm chung, vẫn sợ có khi bị vây hãm, chìm đắm, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Những kẻ thích ăn nói lớn lối hiện thời đều là những gã cuồng trọn chẳng dụng công nơi những điều họ có thể thực hiện được. Lệnh hữu thiệt căn (lưỡi) không nhanh nhạy chính là vì túc nghiệp. Niệm kinh Pháp Hoa cố nhiên là tốt, nhưng niệm Phật, niệm Quán Âm cũng có thể tiêu nghiệp, tăng huệ; chớ nên cố chấp, cho là "chỉ có niệm kinh Pháp Hoa mới được như thế". Nếu thật sự chí thành niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, nào phải chỉ khiến cho thiệt căn được lanh lợi mà thôi ư?

(Ngày 25 tháng Giêng năm Đinh Sửu - 1937)

491. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa

Mấy hôm trước nhận được thư ông, khôn ngăn khiến người khác đau lòng! Thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống các tỉnh nước ta, dân không lẽ sống, thật đáng đau đớn thở than. Truy tìm nguyên nhân thì cái nhân xa là do Trình - Chu đả phá nhân quả luân hồi, cái nhân gần là do nhà cầm quyền đương thời vứt bỏ pháp tắc của bậc thánh nhân thời cổ, noi theo đường lối của người Tây Phương, đến nỗi cả nước như cuồng, lòng người ngày càng bại hoại, thiên tai thường giáng xuống. Nhà ông ở gần bờ sông, chẳng những nhà cửa đã không còn, chỉ sợ ruộng

nương cũng tan nát. Suy tính đến kế sách cho tương lai, hãy nên đưa mẹ già và gia quyến dọn đến sống nơi tỉnh thành, có tiền lương của ông thì cũng còn có thể duy trì được. Nếu lòng mơ tưởng xa xỉ quá mức, muốn khôi phục lại nhà cửa, ruộng đất như xưa, sợ không có sức làm như vậy được đâu!

Nếu cứ cưỡng làm, chắc sẽ không thể nào chẳng noi theo hành vi của con người hiện thời, tức là vẫn hiềm tai ương còn bé nhỏ, càng tạo cái nhân cho tai họa lớn lao hơn, đấy chính là cách suy nghĩ tính toán của kẻ si vậy. Nếu có thể toàn thân buông xuống, chỉ quan tâm đến tình trạng hiện thời, quyết chẳng dám lại tạo cái nhân gây ra tai họa nữa thì mai sau sẽ hưởng tình cảnh tốt đẹp không ngờ. Quân tử hành xử theo đúng địa vị (chính là lúc hiện tại vậy), đấy chính là cách tốt lành "gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn". Còn chuyện lập cách để cứu giúp thì Quang đâu có sức lực lớn lao ấy. Năm nay, tôi đã tiêu lặt vặt vào chuyện cứu tế tai nạn và công ích hơn một ngàn đồng. Với những khoản tiền do người khác quyên tặng để in sách, tôi đã bảo họ đem cứu tế tai nạn tại Thiểm Tây tới hơn hai ngàn đồng. Huống chi Quang một mực chẳng chịu hướng về người khác quyên mộ, chẳng qua họ đã phát tâm, liền bảo họ chuyển khoản tiền ấy sang làm chuyện khác mà thôi.

Điều đáng nên dốc sức là phải cực lực đề xướng nề nếp đạo đức cũ, nhân quả báo ứng. Trước mắt, tôi cho ấn hành cuốn Bát Đức Tu Tri, đợi khi sách được in ra sẽ gởi cho ông mấy gói để làm căn cứ đề xướng. Hiện thời, Quang bận bịu cùng cực, hết thảy chuyện thù tiếp đều tạ tuyệt. Do kể từ mùa xuân năm ngoái phải tu chỉnh ba bộ Sơn Chí Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa, thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn những ý chánh, còn chuyện sửa chữa, sắp đặt đều giao về cho Quang. Gần hết một năm rồi mà chưa xong được bộ nào cả! Nay Thanh Lương Chí đã cho sắp chữ, nếu không cự tuyệt hết thảy thì thật khó thể nào như pháp được. Ước chừng năm sau vào thời điểm này chắc sẽ đều xong xuôi hết. Nếu có bộ nào được in ra, cũng sẽ gởi cho ông. Xin đừng gởi thư tới, dẫu nhận được sách cũng chỉ ghi giản lược là "đã nhận được" mà thôi!

492. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh nghiêm[74] gặp rất nhiều chuyện linh cảm, khôn ngăn khâm phục, an ủi. Nếu ước theo lúc nhận lãnh pháp thì Đại sĩ và thiên long bát bộ đều hiện, nhưng chắc là do có giới cấm của Mật tông không cho phép tuyên truyền cảnh giới nhiệm mầu [cho nên cụ không nói ra]. Đấy có phải là vì Bồ-tát thuận lòng người chuyên phụng thờ Cơ Đốc (Christ) mà thị hiện đó chăng? Nếu

[74] Từ ngữ để gọi cha người khác nhằm thể hiện lòng kính trọng.

ước theo nghĩa này để phán định thì cụ nhất định có sở chứng. Nếu cụ không có sở chứng, chắc chắn bậc thánh chẳng khinh suất ứng hiện suông được! Nếu nói để khơi gợi lòng tin mà thấy ứng thân thì đấy chính là tướng trạng khi người niệm Phật lâm chung, do chưa phá vô minh nên thân của Phật, Bồ-tát, thánh chúng được thấy đều là ứng thân; bởi lẽ do thiện căn của người ấy chưa thể thấy được pháp thân và báo thân. Đối với cảnh tượng được thấy nơi động Phạm Âm ở Phổ Đà, ấy chính là Bồ-tát thuận theo lòng chúng sanh để tăng trưởng tín tâm cho họ. Ai nấy đều được thấy, nên chẳng thể lấy đó để làm lệ được! Nếu lấy đó làm lệ, sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều dựa vào đấy để bịa đặt rêu rao.

Người thời cổ thấy được đức Văn-thù ở Ngũ Đài khá nhiều, nhưng mỗi vị ấy đều có đại nhân duyên hoặc có công phu sâu xa. Ai thấy được ngài bèn ngộ giải, chứng nhập. Năm Quang Tự mười hai (1886), Quang triều bái Ngũ Đài. Trước khi lên núi đã tìm nát cả con đường Lưu Ly Xưởng ở Bắc Kinh nhưng chỉ kiếm được một bộ Thanh Lương Sơn Chí, hằng ngày thường đọc. Do trời lạnh nên đến đầu tháng 3 mới tới được núi, ở lại núi hơn 40 ngày, thấy người đến núi triều bái phần nhiều bảo đã thấy được Văn-thù Bồ-tát, nhưng rất ít người chân thật hành trì, nên biết rằng những kẻ đến núi bảo "thấy được Bồ-tát" đều là nói hùa theo sự tích của cổ nhân để khoe khoang. Nếu thật sự thấy thì người ấy ắt phải vàng - thau khác hẳn với những kẻ thuận dòng vỗ sóng. Nếu không, đức Văn-thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân để làm gì cơ chứ? Từ ngữ "lý tức Phật"[75] để chỉ hết thảy chúng sanh, chứ không phải chỉ nói về kẻ trái trần hiệp giác. Nếu trái trần hiệp giác thì đã thuộc về danh tự tức Phật.

Ông X… lúc nhập định giống như đức Tỳ-lô-giá-na, xuất định vẫn là phàm phu mà còn chẳng biết hổ thẹn, ăn nói lớn lối gạt người! Nếu thật sự giống như đức Tỳ-lô-giá-na, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu. Ông ta vốn muốn dùng Mật tông để ép người, chẳng biết Quang tuy chẳng biết Mật tông, há chẳng biết đúng sai đến nỗi ông ta liền có thể lung lạc Quang hay sao?

Cha ông cả đời gặp chuyện linh cảm quá nhiều, dẫu người ở ngoài ngàn dặm hay trăm dặm nghe thấy cũng sẽ phát sanh lòng tin. Huống chi lúc mẹ ông mất, hiện tướng lành đài vàng, lại còn trở lại báo tin cho anh em ông và các nàng dâu biết ư? Nếu chẳng sanh lòng tin, các ông cũng đáng gọi là "hạng cứng cổ đến cùng cực". Cha mẹ ông lúc còn sống hay sau khi đã mất đều có dấu tích siêu phàm nhập thánh, nhưng ông chẳng sanh lòng cảm kích nơi lợi ích lớn lao ấy mà vẫn cứ lo so đo gia đạo giàu nghèo, bảo là "thờ Chúa thì giàu, thờ Phật thì nghèo".

[75] Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh (hay còn gọi là sẵn có vị Phật thiên chân trong tâm) nên xét về lý đều là Phật. Do vậy gọi là lý tức Phật.

Do vậy chẳng sanh khởi tín tâm. Chuyện này trọn chẳng khác gì kẻ trông thấy bảo châu ma-ni có thể thuận theo lòng người mà tuôn ra các món báu, nhưng vẫn khinh rẻ bảo châu, quý trọng mắt cá, coi như của báu tột cùng. Mất trí điên cuồng cùng cực đến mức ấy, đến nỗi mẹ ông lại phải nhọc công hiện thân mới hơi ngớt lời gièm báng. Thật đúng là *"phụ hữu trường thiệt, duy lệ chi giai"* (tạm dịch: mụ vợ lưỡi dài, cội nguồn mối họa[76]), cô phụ ân Phật, cô phụ ân mẹ.

Nghịch cảnh, tình huống khổ sở tuy xấu xa, nhưng muốn thành tựu đạo nghiệp thì vẫn phải nhờ vào đấy để nhắc nhở. Nếu không, hằng ngày sẽ rong ruổi trong chốn thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, rảnh đâu để đoái hoài "chính ta sẵn có Phật tánh" để hòng miệt mài muốn được đích thân chứng nhập ngõ hầu được thọ dụng. Chúng sanh sống chết không ngơi đều vì có ngã, nếu vô ngã thì tham sân si, giết trộm dâm sẽ do đâu sanh khởi? Do lầm nhận cái ngã do tứ đại giả hợp này, nên chân ngã trọn đủ bốn tịnh đức "thường - lạc - ngã - tịnh" hoàn toàn bị mai một. Do vậy thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, giết người đầy đồng ngập thành chẳng sanh xót thương, đều là vì ngã gây ra. Quang vốn là kẻ lòng dạ thẳng băng, chẳng thể không nói thật tình với ông.

(Ngày 26 tháng 10 năm Ất Sửu - 1925)

493. Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt (thư thứ hai)

Ông nói: "Để tự lợi thì phải xuất gia, còn làm lợi người khác thì đừng xuất gia!" Chẳng biết, tu giới định tuệ chỉ có xuất gia là dễ dàng, chứ nếu tu pháp môn Tịnh độ thì tại gia càng dễ đắc lực hơn. Nếu cho rằng "tại gia quyết khó thể tu hành", thì xuất gia cũng chẳng thể tu hành được! Vì sao vậy? Do khi còn tại gia chẳng dốc sức thì khi xuất gia làm sao sốt sắng cho được? Đây là tình thế "quyết chẳng thể thực hiện" có thể dự đoán được. Nhà ông có vợ con, nếu ông xuất gia thì họ sẽ không nơi nương tựa, há nên khởi ra vọng tưởng ấy? Đấy chính là tình kiến chần chừ, so đo vậy. Nếu ông thật sự xuất gia thì vẫn là kẻ lười trễ biếng nhác, chẳng có thành tựu gì. Quang đã thấy nhiều lắm rồi!

Đối với chuyện thọ giới, "không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" chính là giới tổng quát của ba đời chư Phật, ai chẳng chấp nhận cho ông tự phát tâm thọ? Ngay cả ngũ giới, ai không cho phép ông đối trước đức Phật tự thệ thọ giới? Cần gì phải đến Phổ Đà mới thọ được ư? Ngàn vạn phần đừng tới Phổ Đà,

[76] Đây là một câu trích từ bài Chiêm Ngưỡng thuộc phần Đại Nhã trong kinh Thi. Theo từ điển Hán Tự Thành Ngữ, lệ（癘）là tai họa, rắc rối, hoạn nạn, giai（階）là bậc thềm, đầu mối dẫn dắt. Do vậy, câu này có thể tạm hiểu theo mặt chữ là "vợ lưỡi dài chỉ tổ dẫn đến tai họa rắc rối". Từ đó mới có thành ngữ "trường thiệt chi phụ" để chê những người vợ lắm điều, thích bàn tán thị phi, gièm xiểm, càm ràm suốt ngày.

do tới đây phải tốn chừng đó tiền tàu xe, mất chừng đó ngày, chẳng qua vị thầy truyền giới chỉ truyền danh tướng của ngũ giới mà thôi. Nếu cứ muốn phải thọ từ thầy thì ở Thường Thục cũng có tăng nhân thanh tu, há vị ấy chẳng thể truyền giới mà cứ muốn phải thọ từ Quang mới được ư?

Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp. Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đằng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đấy chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời. Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

Cõi đời hiện thời chính là đời hoạn nạn. Trước kia, Quang thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh soạn cuốn Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng đã cho sắp chữ. Nay gởi cho ông một trang thuyết minh [cách đứng ra chịu trách nhiệm in], có ai muốn lợi người thì chẳng ngại gì bảo họ đứng ra chịu trách nhiệm ấn hành để lưu truyền. Hiện thời đã có người chịu trách nhiệm đến năm sáu vạn bộ. Quang tính in mấy chục vạn cuốn để lưu truyền khắp trong ngoài nước. Sợ chẳng dễ gì đạt đến như vậy. Trên mười vạn bộ chắc sẽ làm được!

(Mồng 7 tháng 11 năm Ất Sửu - 1925)

494. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ nhất)

Chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn sẽ chẳng thể đạt được! Vì sao vậy? Do không có sức để đoạn hoặc. Do niệm Phật cầu sanh Tây Phương là cậy vào Phật từ lực nên kẻ chưa đoạn hoặc cũng có thể vãng sanh, đã vãng sanh rồi thì ba thứ hoặc - nghiệp - khổ đều cùng tiêu diệt. Ví như mảnh tuyết rớt vào lò luyện lớn, chưa đến nơi đã tan mất. Do Tây Phương là cảnh giới của Phật, Bồ-tát, nên phàm phu hễ sanh đến đó, phàm những gì chẳng mong đoạn đều tự đoạn.

Nếu ông muốn liễu sanh tử hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao (có bán ở Phật Học Thư Cục tại Thượng Hải) đọc kỹ sẽ tự nhiên hiểu rõ ràng. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay đừng gởi thư đến nữa, gởi đến cũng không trả lời. Do Văn Sao là một bộ sách khai thị, cần gì phải có một lá thư để khai thị nữa? Hơn nữa, Quang sẽ chết trong sáng tối, chẳng thể thù tiếp được ư?

(Ngày 12 tháng 8)

495. Thư trả lời cư sĩ Chu Văn San (thư thứ hai)

Thư gởi hôm 14 đã nhận được, do bận việc chẳng thể trả lời ngay. Năm đồng sẽ dùng làm tiền in Văn Sao Tục Biên. Quang vốn chẳng muốn in nữa, cho nên từ năm Dân Quốc 15 (1926), sau khi Trung Hoa Thư Cục ấn hành bản Tăng Quảng Văn Sao hoàn chỉnh, tất cả văn tự thù tiếp đều nhất loạt chẳng giữ lại bản thảo, nhưng đương gia chùa Báo Quốc là thầy Minh Đạo sai người lén sao chép. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy mất, những bản thảo sao chép được giao cho đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân. Thầy ấy lại sưu tập những lá thư từ các tờ bán nguyệt san v.v., Quang chỉ đành thuận theo ý thầy ấy; hiện thời đã cử người sao lại theo lối chân thư[77] để khỏi bị sai ngoa khi sắp chữ.

Ông quyết định muốn cầu sanh Tây Phương, hãy nên thỉnh Ấn Quang Pháp Sư Tăng Quảng Văn Sao và Gia Ngôn Lục từ Phật Học Thư Cục tại ngay nơi mình ở. Nếu có lúc rảnh rỗi thì thỉnh Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục (hai loại sách này đều do Quang đứng ra ấn hành), Tịnh Độ Ngũ Kinh (thuộc loại kinh sách để đọc tụng, cũng do Quang ấn hành) để xem thì những điểm chánh yếu của pháp môn Tịnh độ sẽ đều biết rõ. Đã muốn sanh về Tây Phương, ắt phải ba nghiệp thanh tịnh, hãy nên kiêng giết, ăn chay, cũng khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con đều cùng ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Sanh về Tây Phương sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao nỡ để bậc sanh ra ta và những người "đồng khí liên chi"[78] với ta chẳng được hưởng lợi ích thù thắng này? Đối với người chung quanh, người trong cõi đời còn phải nên khuyên họ tu trì, huống là cha mẹ quyến thuộc của chính mình ư?

Cần biết rằng, niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là pháp môn đặc biệt trong nhà Phật, đa số kẻ tham thiền giảng kinh chẳng đề xướng pháp này, hãy nên lập chí quyết định, bất luận họ nói như thế nào, ông trọn chẳng nghe theo lời họ rồi tu pháp khác. Vì sao vậy? Do niệm Phật là cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết niệm thì ai nấy đều giải quyết xong xuôi sanh tử. Những pháp môn khác đều phải đoạn sạch phiền não (tức kiến hoặc và tư hoặc trong tam giới) rồi mới có thể liễu được. Sự khó dễ giữa pháp môn này và các pháp môn khác giống như sự cách biệt giữa trời và vực vậy.

---

[77] Nguyên văn "chân thể", tức lối viết theo kiểu chân thư, viết đầy đủ nét, không dùng cách viết tắt theo kiểu tục thể, phá thể, hoặc cổ thể để người đọc không bị hiểu lầm hoặc đọc sai.

[78] "Đồng khí liên chi" hay còn gọi là "đồng khí liên căn" là thành ngữ dùng để chỉ tình thân thiết giữa anh chị em ruột thịt giống như những cành nhánh mọc từ cùng một cái cây, cùng được hưởng sự vun bồi, nuôi dưỡng từ thân cây.

(Ngày 17 tháng 8)

496. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết niệm mỗi ngày một thuần, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Năm nay loạn lạc quả là từ ngàn xưa chưa hề nghe nói tới, đấy đều là vì ác nghiệp của chúng ta từ trong những kiếp xa xưa cảm vời, nên tuy chưa thật sự chịu khổ mà sự kinh hoảng, thê thảm đã chẳng thể nào diễn tả được. Các hạ đã biết nóng giận có hại, sao trong lúc nổi nóng chẳng nghĩ mình đã chết? Chết rồi thì mặc cho ai làm gì thì làm, trọn chẳng tranh chấp với họ! Nếu luôn nghĩ sẽ chết thì đạo niệm sẽ tự thiết tha, tình niệm sẽ tự dứt.

Người đời nay thích lập ra chương trình mới, những kẻ phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v. còn công khai đề xướng, muốn thúc đẩy tiến hành trên khắp toàn quốc. Chúng ta tuân theo giáo giới của đức Phật, kiêng giết, ăn chay, há còn sợ những người cùng một tôn giáo dị nghị? "Gặp chuyện nhân chẳng nhường, thấy chuyện nghĩa liền dũng mãnh làm", vẫn mong lấy thân làm gương để dẫn dắt những kẻ câu nệ nơi giáo vào được pháp môn Đại thừa ngõ hầu chẳng phụ ân Phật, chẳng phụ tánh linh của chính mình thì mới là đạo cứu thế.

Người cao tuổi cố nhiên nên nhất tâm niệm Phật, đọc kinh luận Đại thừa chẳng qua là để hiểu rõ lý tánh, gieo thiện căn mà thôi. Nếu đã muốn liễu thoát ngay trong đời này, xin hãy như đã đến lúc lâm chung, như đọa trong nước lửa lớn mong được cứu vớt mà niệm Phật, ắt sẽ có thể cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Nếu không, sẽ khó giữ vững được. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Người đời thường câu nệ vào giới hạn giữa các giáo đến nỗi suốt đời chẳng nghe đại pháp, mà vẫn tự cho là có công tuân thủ bổn giáo (giáo pháp của chính mình đang tu học). Nếu vị nào thật sự là thánh hiền của bổn giáo mà chỉ cho phép người khác nương theo những lý lẽ trong bổn giáo để luận giáo, còn những lý thuộc các giáo khác dẫu có hay hơn bổn giáo cũng chẳng chấp nhận đưa vào; nếu có đưa vào đi nữa thì cũng không tán thành. Nếu vậy thì thật sự chẳng khác gì tri kiến của lũ trẻ nhỏ ở ngoài chợ búa, há còn đáng gọi là thánh hiền nữa ư? Do vậy biết rằng, tự ràng buộc mình bởi giáo điều đều là trái nghịch tâm của các vị thánh hiền trong bổn giáo.

Ông vốn là Hồi giáo, tín phụng Phật pháp, quy y tam bảo, đáng gọi là bậc hào kiệt, nhưng phải gắng sức giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người, chắc chắn sẽ tự có thể thoát khỏi đời ác ngũ trược này, sanh sang

cõi sen thanh tịnh kia, chẳng đến nỗi trên phụ ân Phật, dưới phụ tánh linh của chính mình.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Đạo, vợ ông là Tông Đức, Văn Khánh có pháp danh là Huệ Sướng, Văn Dũ có pháp danh là Huệ Phong, Văn Trí có pháp danh là Huệ Thuần, Văn Hinh pháp danh là Huệ Phức để bọn họ đều cùng ăn chay niệm Phật. Nếu chẳng thể ăn chay thuần thì đừng mặc sức ăn mặn. Một là gìn giữ tâm từ, hai là bảo vệ thân thể. Tôn giáo của ông ăn thịt trâu bò, hãy nên kiêng tránh, bởi trâu bò có công đối với con người, ăn vào sẽ càng thêm tội lỗi.

Người Hồ Nam ăn cơm có thói quen không ăn hết, phong tục ấy thật tệ. Đối với người dân, thức ăn trọng như trời, sao dám phung phí? Hãy nên nói với con cái và tôi tớ về nguyên do này, dẫu một hạt hay nửa hạt cũng không nên phí. Nếu con người quăng vứt ngũ cốc, chắc chắn đời sau sẽ không có cơm ăn, cũng có kẻ bị quả báo chết đói ngay trong đời này. Nếu con người giẫm đạp giấy viết chữ, chắc chắn đời sau sẽ không mắt, ngu si, vô tri.

Hãy nên dạy con cái v.v. cùng đọc Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên, giảng nói cho bọn họ hiểu để họ biết tới đạo làm người và lý nhân quả ba đời, tương lai sẽ chẳng đến nỗi trở thành phường bạo ác. Kẻ giết cha, giết mẹ, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn đều do từ lúc ban đầu đã chẳng biết đạo làm người và nhân quả báo ứng. Vừa được nghe tà thuyết bèn cực lực nương theo để thỏa cái tâm phóng túng không kiêng dè, đáng buồn thay! Nay gởi cho ông Di-đà Kinh Bạch Thoại, Tâm Kinh Chú, Học Phật Thiển Thuyết, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, gộp chung thành một gói để ông lấy đó làm căn cứ giáo huấn lũ con về đạo lập thân tu đức.

Ông chưa hết lòng đọc kỹ Văn Sao, nếu có đọc cũng chỉ hời hợt lướt mắt qua mà thôi!

1. Ông nói "thoạt đầu, từ thập niệm mà tiến hành", chẳng biết pháp thập niệm vì người cực bận rộn mà lập ra. Do họ suốt ngày không được rảnh rang, chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu là người có thời gian và sức lực, há phải chỉ có mười niệm là xong ư? Nếu trước hết niệm mười niệm, rồi dựa theo thân phận của chính mình mà lập ra công khóa để thực hiện thì được. Nếu chỉ mười niệm rồi thôi, sẽ không được. Huống chi đang trong tình thế hoạn nạn này, nguy cơ họa hại mai phục bốn phía. Nếu chẳng chuyên dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, lỡ một mai họa hoạn xảy tới, còn có cách nào để được yên vui nữa đây? Huống chi gia đình ông còn mang tiếng là "có của ăn, của để", tuy hiện thời đã kém trước kia, nhưng những kẻ si dại thường muốn đoạt lấy. Ông không biết pháp môn Tịnh độ thì thôi, nay đã biết rồi há nên tu trì hờ hững? Nếu nói "duyên thế

gian khó thể vô ngại" thì chỉ nên "hễ có chuyện bèn giảm lần". Lúc vô sự, sao không chuẩn bị sẵn cho lúc hữu sự để khỏi mắc lỗi gián đoạn chẳng tu tập vậy?

2. Xét theo lý, nên ăn chay thuần, dẫu gặp tình thế khó thể ăn chay ngay, cũng nên bớt ăn mặn. Dẫu ăn mặn thì cũng nên giữ tấm lòng thương xót, độ thoát, chứ không phải là "người ăn mặn chẳng được niệm Phật".

3. Niệm Phật há có chương trình nhất định, chỉ nên chọn sao cho thích nghi. Lúc sáng suốt, tỉnh táo thì niệm theo lối kim cang trì hoặc niệm thầm. Lúc hôn trầm thì niệm nhỏ tiếng hoặc niệm lớn tiếng.

4. Lễ Phật một lạy diệt tội hà sa. Hãy nên lượng theo khả năng của chính mình, đừng chỉ mong sao an nhàn, thảnh thơi.

5. Lễ Phật chỉ cốt sao chí thành, cung kính; cố nhiên chẳng phải chấp chặt theo hình thức lễ nghi thế gian hay xuất thế gian.

6. Nên lấy kinh Di-đà làm công khóa sáng tối. Nếu có thời gian rảnh rang, lúc sáng sớm rửa ráy, súc miệng xong xuôi, trước hết dùng pháp thập niệm. Kế đó lại lễ Phật ba lạy, niệm kinh Di-đà một biến, chú Vãng Sanh ba biến, niệm kệ Tán Phật, niệm Phật năm trăm câu hoặc một ngàn câu rồi niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba câu. Tiếp đó niệm văn hồi hướng, tam quy y. Hãy chiếu theo cách tu hành được nêu ra trong Văn Sao hoặc trong phần phụ lục ở cuối cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú. Những kinh khác như Kim Cang Kinh v.v. hãy nên tụng vào một thời khác tùy theo khả năng của chính mình.

7. Phật hiệu lẫn kinh Di-đà đều không có chữ nào cần đọc theo âm khác. Chữ "phạn thực" (飯食) đọc thành "phản tự" (反寺) là âm đọc thế gian, Tứ Thư, Ngũ Kinh đều đọc như thế. Do người ta thường vô ý nên tưởng là cách đọc đặc biệt. Ông hãy thử tra trong tự điển; nhưng chữ phạn thực đọc theo âm gốc của nó cũng được. Đọc theo âm gốc thì phạn (飯) chính là cơm, thực (食) là ăn, đọc theo âm đặc biệt thì phản (飯) chính là ăn, tự (食) chính là cơm[79], cho nên hai nghĩa này đều thông với nhau. Chỉ có trong Phật hiệu thì hai chữ Nam-mô (南無) phải đọc

[79] Đây là chỉ cách đọc thuận hay nghịch tùy theo cách hiểu khác nhau của vai trò từng chữ trong câu:

1. Chữ 飯 nếu dùng như danh từ thì đọc là Phạn có nghĩa là cơm. Nếu hiểu là động từ thì phải đọc thành phản (có nghĩa là ăn).

2. Chữ 食 nếu hiểu như động từ thì đọc là thực (ăn), còn hiểu là danh từ thì đọc thành tự (đồ ăn), cho nên tổ mới nói tự là cơm.

là Nạp-mạc (納莫)[80]. Cuối sách Bạch Thoại Chú đã giải thích tường tận ý nghĩa này, chớ nên đọc theo âm gốc của nó.

8. Niệm Phật hãy nên dựa theo phòng ốc của chính mình để cân nhắc khoảng không gian rộng hay hẹp. Nếu có thể đi nhiễu được (đi vòng quanh) thì trước hết nên đi nhiễu, hoặc đi nhiễu ngoài phòng cũng được. Khi nhiễu cũng nên hít thở thong thả, điều hòa (nhiễu Phật nhằm thể hiện sự tùy thuận ý Phật), chẳng phải chỉ nhằm biểu thị đi theo chiều thuận mà thôi. Hãy nên giữ sao cho sự tu trì của chính mình được thành kính, còn quỳ, đứng, ngồi, đi nhiễu để niệm Phật đều được, miễn sao thuận tiện.

Nếu muốn như pháp thì khi tụng kinh Di-đà nên quỳ, đứng tụng cũng được. Đến khi niệm Phật thì trước hết đi nhiễu, nhiễu niệm được một nửa số câu hạn định bèn ngồi niệm. Lúc ngồi niệm sắp xong, bèn quỳ niệm Phật mười tiếng, lại niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu mười tiếng, hoặc mỗi danh hiệu ba tiếng, cốt sao thân tâm thư thái, chẳng quá sức buông lung, hơi thở thông suốt, thân thể thoải mái, sẽ có ích mà không bị tổn hại.

Ông cho biết hãy còn mẹ, cố nhiên hãy nên đem lý này kính khuyên mẹ khiến cụ sanh lòng tin niệm Phật để mong cụ thoát khỏi biển sanh tử; há nên nói là "làm như vậy quá xấc xược?" Lòng cha mẹ yêu con không đâu chẳng thấu tới. Nếu cụ biết là hữu ích, há lẽ nào chẳng chịu tán thành, chấp nhận ư? Nếu cụ chẳng biết đến ích lợi này thì càng phải dùng nhiều cách khơi gợi, hướng dẫn để đấng sanh ra ta được hưởng lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Đấy gọi là hiếu. Nếu bà cụ cố chấp ý kiến của chính mình, chẳng chịu sanh lòng tin, hãy nên sám hối tội nghiệp thay cho cụ. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống chi mẹ con vốn sẵn mối liên quan thiên tánh. Nếu ông thật sự chân thành sám hối thay cho mẹ thì mẹ sẽ được tam bảo gia bị, sẽ có ngày chuyển lòng sanh tin tưởng. Lại nên khuyên Tông Đức, Huệ Sướng v.v. đều hành như thế thì tình thân cốt nhục một nhà đều cùng thành thượng thiện nhân trong cõi sen, may mắn nào bằng!

Thế sự ngày càng nhiễu nhương, hãy nên siêng niệm Phật và niệm Quán Âm. Thầy Chân Đạt đi triều bái núi Cửu Hoa. Ngày 25 tháng 7, Quang đến chùa Thái Bình để lo chuyện in sách, sợ phải trong khoảng tháng 10 mới trở về núi được. Sách Nho Thích Nhất Quán của Dương Lệ Đường vẫn chưa in ra được. Sách ấy

[80] Cho đến giữa đời Đường chữ vô vẫn đọc với vận mẫu m trong Hoa ngữ nên chữ 南無 thường được dùng để phiên âm chữ Namo trong tiếng Phạn. Về sau, do âm Quan Thoại đọc hai chữ này thành Nán-wú nên để ghi âm đọc cho đúng với âm Phạn, người Hoa thường phải dùng chữ Nạp-mạc (âm Quan Thoại là Nán-muó; vì thế khi gặp chữ này, người Việt thường đọc trại thành Nạp-mồ) để mô phỏng cách đọc trong tiếng Phạn.

in ra chậm trễ thì sự chọn lựa ắt sẽ kỹ càng, nhưng nhiệm vụ quan trọng trong hiện thời chỉ là sốt sắng niệm Phật mà thôi.

Phàm mọi chuyện cần phải dựa theo thời tiết, nhân duyên và năng lực của chính mình để luận. Ví như kẻ gặp nạn muốn trốn đi xa, tuy vàng ngọc đầy nhà đều chẳng dám cầm theo; thứ chẳng thể không đem theo chỉ là lương thực, bởi lẽ một ngày không có cái ăn, ắt sẽ chẳng thể sống được. Nếu cầm theo vàng ngọc, chắc sẽ đến nỗi chuốc lấy cái họa mất mạng. Ông muốn được lợi ích trong thời thế này mà có các sách Tịnh độ thì đã có thể không băn khoăn gì. Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí, nếu lại coi rộng các sách đến tột cùng, chắc sẽ đến nỗi coi rẻ Tịnh độ.

Sáng tối nên tụng kinh Di-đà, chớ nên chỉ thập niệm. Vào lúc khởi đầu nên lễ Phật Thích-ca ba lạy. Niệm Phật xong, đọc nguyện văn tùy ý, ắt phải nên dựa theo bài văn ấy mà phát tâm thì mới là nguyện. Nếu xét theo những cảnh tượng của phu nhân Nghê như đã nói thì bà ta chắc chắn được vãng sanh. Trước tiên, bà ta thấy một cụ già râu bạc, chẳng thấy Phật và hoa sen, ấy là do công hạnh còn cạn nên thấy được cảnh tượng khá kém cỏi. Nói tới phẩm vị thì sẽ là thuộc vào khoảng trung phẩm trung sanh hay trung phẩm hạ sanh. Nhưng chín phẩm vãng sanh của Tây Phương chỉ là nói đại khái, chứ thật ra trong mỗi phẩm đều có vô lượng trăm ngàn vạn ức phẩm. Chỉ cần được vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Tuy vãng sanh trong hạ phẩm hạ sanh, đã cao trỗi sanh lên cõi trời trăm ngàn vạn lần!

Gần đây, tôi lại in Cảm Ứng Thiên Trực Giảng hai vạn bộ, vẫn chưa đóng bìa xong, khi hoàn tất sẽ gởi cho ông một gói. Hãy bảo con cái ông đều cùng đọc tụng, thọ trì thì khi chúng lớn khôn quyết chẳng đến nỗi chạy theo trào lưu làm những chuyện phế bỏ luân thường, vứt bỏ lòng thẹn v.v.. Muốn cho con cái đều thành hiền thiện mà chẳng bắt tay thực hiện từ đây sẽ không có cách nào cả! Sách Khuê Phạm do ông Ngụy Mai Tôn đề xướng in một ngàn bộ vào năm ngoái, Quang cũng chịu tiền in năm mươi bộ. Năm nay Quang tự đề xướng in ba ngàn bộ. Sách này in theo lối thạch bản, không có bản khắc ván, không có ai bán, nay gởi tới cho ông một gói. Lại có một gói Học Phật Thiển Thuyết, một gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, hãy nên bảo con cái đều đọc sách này sẽ chẳng đến nỗi bị trào lưu xấu ác xoay chuyển.

Ông hãy nên đọc kỹ lưỡng kinh điển và các trước thuật Tịnh độ, còn các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v. nếu cứ một mực nghiên cứu chắc sẽ ngược ngạo coi thường pháp môn Tịnh độ, thì pháp được nghiên cứu sẽ chẳng phải là pháp để nương cậy được, mà pháp đáng để nương cậy thì do chẳng chuyên

nghiên cứu tìm tòi, chắc sẽ đâm ra không thể nương cậy được. Như vậy thì sẽ do đâu mà thoát khỏi biển khổ mịt mờ đây? Há chẳng phải là "cầu thăng hóa đọa, khéo quá thành vụng" ư?

Nếu thánh nhân giáng lâm vào cõi Phàm thánh đồng cư trong thế giới Sa-bà thì cũng vẫn thị hiện làm phàm phu, ắt họ phải tận tụy thực hành luân thường còn hơn người khác để người ta thấy họ đáng khâm phục, đáng bội phục. Sau đấy chắc sẽ thị hiện tướng trạng "từ mê đắc ngộ, cực lực tu trì", hoặc suốt đời chẳng thị hiện tướng trạng tu trì Phật đạo, chết rồi mới thị hiện chuyện lạ lùng khiến cho người khác sanh lòng tỉnh ngộ sâu đậm.

Bốn giáo Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi đều có thánh hiền, nhưng lý tánh được họ nêu tỏ chỉ là Nhân thừa hay Thiên thừa trong Phật giáo mà thôi, đối với bản tánh của tự tâm đều chưa thể nêu tỏ rốt ráo. Có kẻ chẳng hiểu nghĩa này, cho rằng: "Họ đều là thánh nhân nên sẽ đều là bình đẳng, chẳng có cao thấp!" Hoặc cho rằng: "Do họ chưa nói đến tột cùng nguồn đạo, nên họ chẳng phải là thánh nhân!" Đối với tôn giáo của họ, họ đáng là bậc thánh nhân, nhưng đều chưa luận nói tâm tánh, quả vị giải thoát triệt để. Người giảng đạo luận đức trong cõi đời phần nhiều là như vậy.

Tìm lấy một giáo pháp chỉ bày trọn hết, trọn chẳng thừa sót gì "cội nguồn của chân vọng, nguyên do sanh tử, chỗ cùng cực nơi tâm tánh, chúng sanh và Phật giống nhau, khác nhau như thế nào" mà loại Phật giáo ra thì sẽ không còn tôn giáo nào khác nữa. Bồ-tát thệ nguyện độ thoát chúng sanh vô cùng vô tận, tùy loại hiện hình, đủ mọi phương tiện để cảm hóa. Ấy gọi là "nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp". Nói tới "thuyết pháp", cũng không phải chỉ riêng cho sự thuyết pháp bằng miệng, mà còn là dùng thân để nói; hoặc sau khi mất đi liền thị hiện những chuyện lạ lùng để thuyết pháp. Con dâu ông Mã Ngọc Cao và người đàn bà ăn mày xưa kia suốt đời tận tụy thực hiện [giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành luân thường, tuân giữ đạo đức], đáng gọi là bậc "giữ vững đức hạnh nữ giới, nêu gương mẫu cho giới khuê các". Ở đây tôi nêu lên những dấu tích con người có thể thấy nghe, còn sau khi chết đi, hiện ra các tướng thì trong kinh của Nho, Đạo, Gia Tô, Hồi chẳng thể có được. Ấy chính là tướng chứng quả ngay trong hiện đời của Phật giáo.

Tiếc là trong cõi đời kẻ biết đạo ít ỏi, không thể nêu rõ chuyện này, [nên sự thị hiện các tướng nhằm biểu thị người vừa mất ấy đã chứng quả ngay trong đời này] chỉ trở thành một thứ sự tích lạ lùng được lưu truyền. Bồ-tát muốn hóa độ ngoại đạo khiến cho họ theo Phật đạo mà nếu chẳng thị hiện hình tích của ngoại

đạo thì kẻ ngoại đạo ấy không cách chi sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ để bắt đầu tu trì được. Những hình tích được thị hiện cũng là những phương tiện chẳng thể nói trọn hết, những gì được nói trong phẩm Phổ Môn bất quá là thuật bày đại khái mà thôi. Hiện nay thế đạo bại hoại đến cùng cực, kẻ tín phụng Phật giáo niệm Phật, niệm Quán Âm được linh cảm rất nhiều. Quang do bận bịu, tinh thần chẳng đủ, cho nên không ghi chép, nếu ghi chép sẽ thành một quyển sách lớn.

Ông tương đối có của ăn của để, gặp nhằm thời thế này hãy nên cạn lòng thành, tận lòng kính cùng với Tông Đức, Huệ Sướng v.v. niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy. Đối với việc nghiên cứu giáo nghĩa và các nghĩa lý trong Mật tông, cũng chẳng qua nhằm để mở mang, phát khởi trí thức mà thôi. Nếu muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử, sẽ trọn chẳng thể được đâu! Vì sao vậy? Do trong các tông khác đều phải cậy vào tự lực để tu đến mức "nghiệp tận tình không" thì mới có phần liễu sanh tử. Nếu không, dẫu cho ngộ xứ sâu xa, công phu cao cả, công đức lớn lao, vẫn đều chẳng thể liễu được. Chỉ có một pháp Tịnh độ là chẳng đoạn hoặc nghiệp mà có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh, hết thảy các pháp môn khác chẳng thể sánh với pháp này! Nếu không có thiện căn thật sự, chắc chắn khó thể tin tưởng triệt để.

Nói tới "Quán kinh" thì đấy chính là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong Văn Sao đã dẫn hoặc trích lục hai ba câu, những câu tiếp đó là phần giảng rõ ý nghĩa. Ông đã không chỉ rõ trang số mấy nên cũng chẳng tiện để tra duyệt. *"Phật cáo A-nan và Vi-đề-hy"* chính là phần kinh văn của Quán kinh, hai chữ "Quán kinh" chính là tựa đề của kinh nhưng viết giản lược.

Cũng chớ nên hiểu lầm câu nói "các giáo chẳng chia môn đình", nếu để lẫn lộn không phân biệt thì đại, tiểu, tà, chánh, làm sao phán đoán được! Nếu xét tới cái gốc rốt ráo để các giáo quy nạp về thì chẳng quy vào Phật giáo sẽ quy về đâu? Ví như sông to, rạch lớn đã tự rộng lớn, sâu thẳm, nhưng nếu chẳng quy về biển cả thì sẽ từ đâu mà có? Biển đã tồn tại kể từ lúc có trời đất, ngày ngày vẫn như thế, thu nhận các dòng nước đổ vào vẫn chẳng thấy tăng thêm; còn sông to thì khi mưa thu trút xuống sẽ mênh mông, tràn ngập. Ông nói *"*khi chết sẽ theo cùng một đường" cũng không thích đáng lắm! Chỉ có chết là giống nhau, nhưng sanh trong lục đạo và chứng tứ thánh, khổ vui khác biệt một trời một vực, sao lại nói là *"*cùng một đường" cho được?

Ông nói: "Các giáo tùy theo sự tu tập mà mắc tội, được phước. Thiên đường, địa ngục cố nhiên không hai. Nhưng coi là một thì lẽ ra các giáo đều chẳng có chân nghĩa." Nói như vậy, ông vẫn chưa biết lẽ chân thật trong các giáo, mà cũng chưa thể mỗi mỗi đều bình đẳng. Những gì được coi là lẽ chân thật trong các giáo

ấy đều là chút phần của sự thật trong Phật giáo, chứ chưa thể hoàn toàn chân thật, trọn chẳng có sai khác. Nếu đã hoàn toàn đều là thật thì cần gì phải "nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"? Trương Thuần Nhất chính là đầu lãnh Gia Tô giáo, do ông ta học vấn uyên bác nên sau đấy mới biết đến Phật, năm sáu năm trước đây đã cùng vợ quy y với Quang. Ông ta có pháp danh là Chứng Lý, bà vợ pháp danh là Chứng Từ. Dương Lệ Đường gởi cho Thuần Nhất một cuốn sách là vì Thuần Nhất trước đó tin tưởng đạo Cơ Đốc, sau theo Phật giáo.

Ông lẫn lộn, tưởng "hiện thân" là thật nghĩa, chẳng hiểu "hiện thân là rủ lòng tiếp dẫn [khiến cho người được hóa độ] cùng lên nẻo giác". Đủ thấy, đối với đạo lý, ông còn chưa hiểu rõ nên mới ăn nói lẫn lộn, không chọn lựa, phân biệt. Nếu chấp đó là đúng sẽ tự lầm, lầm người chẳng cạn đấy! Xin hãy sốt sắng sửa lỗi hướng lành, niệm danh hiệu Phật, lâu ngày sẽ tự bật cười.

Cổ nhân giải thích câu "Như Lai chẳng bỏ kẻ chỉ có phước nhỏ nhoi vừa lọt đầu mũi kim" như sau: "Như ông lão tám mươi múa may để dạy con cháu", hiện thân thuyết pháp cũng giống như thế đấy! Nếu ông tưởng hiện những thân ấy là đắc đạo rốt ráo thì sẽ hoàn toàn trái nghịch với ý nghĩa hiện thân của Bồ-tát. Nếu như ông nói thì các giáo đều có người đắc đạo, cần gì Bồ-tát phải rủ lòng hiện thân trong giáo của họ để hoằng dương giáo ấy nữa? Ông chẳng biết Bồ-tát biến hiện chính là phương tiện quyền xảo, thị hiện đồng sự[81] để dẫn bọn họ vào trong Phật thừa. Đối với văn mà ông còn chưa hiểu rõ rệt, huống là hiểu ý nghĩa ư? Nhưng ông tự cho là đã biết, đã hiểu rõ, nên mới có thứ ngôn luận ấy. Nếu Quang chẳng chỉ ra, đả phá, sợ ông gặp phải một vị tri thức vướng mắc nơi phương diện tình kiến cứ hàm hồ phân tích, giải thích thì sự bưng bít nơi kiến giải của ông sẽ khó thể đục phá được.

Quang già rồi, không làm được gì, hơn 10 năm qua thù tiếp hết sức bận rộn; nay thì thù tiếp ngày càng nhiều, tinh thần ngày một giảm. Cứ kéo dài như thế này ắt sẽ mệt nhọc chết mất. Đã vô ích cho người, mà chính mình còn bị tổn hại! Vì thế dự định xuống núi vào cuối tháng 2, qua chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, lo liệu chuyện in sách; đến tháng 6 vẫn trở về núi, vì ở Thượng Hải quá nóng. Tháng 7 xuống núi không trở về nữa. Đến tháng 8, tháng 9 chuyện in sách kết thúc, lưu chỉ bản ở chỗ cất giữ thuộc thư cục để tùy ý ai muốn ấn loát thì

[81] Đồng sự (samānārthatā-samgraha) gọi đủ là đồng sự nhiếp (hoặc đồng sự nhiếp sự, đồng sự tùy thuận phương tiện, tùy chuyển phương tiện), là một trong bốn nhiếp pháp của bậc Bồ-tát. Bồ-tát tùy thuận theo cơ duyên của chúng sanh mà thị hiện, sống cùng với họ, có hoàn cảnh giống như họ, làm việc chung với họ để nhằm tạo lợi ích cho họ hòng dẫn dắt họ nhập Phật đạo, tiến nhập Đại thừa.

giao thiệp với Thư Cục. Sắp xếp thoả đáng mọi chuyện xong sẽ ẩn náu, diệt tung tích lâu dài. Từ đấy vĩnh viễn chẳng qua lại, giao thiệp với hết thảy mọi người nữa.

Ông chỉ nên y theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục mà tu, quyết chẳng đến nỗi không được liễu thoát. Nếu lầm lạc muốn làm đại thông gia, coi pháp môn Tịnh độ là thừa thãi, theo thiện tri thức các tông học các pháp môn Tông, Giáo, Mật v.v. thì làm đại thông gia chắc đạt được một hai phần, nhưng muốn nhờ vào sự hiểu biết nửa vời ấy để mong liễu sanh tử thì có mộng cũng chẳng mơ thấy đâu. Đấy là lời cuối cùng Quang dành cho ông, chẳng biết ông có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

Dùng niệm Phật để cầu nguyện chánh đáng thì mọi sở cầu đều được thỏa, cầu phước thọ cho cha mẹ hiện tại, cầu cho tổ tông quá khứ được siêu thăng đều được cả, nhưng cần phải chí thành đến cùng cực thì mới có cảm ứng, nếu hời hợt hờ hững thì cũng sẽ được lợi ích hời hợt hờ hững. Đối với bài văn hồi hướng thì hãy nên ngay sau phần chánh hồi hướng[82], tùy theo ý mong cầu của mình mà đọc mấy câu, chỉ nhằm biểu lộ tấm lòng, chẳng cần phải phô phang. Ông đã biết pháp môn Tịnh độ thì càng phải nên nói với hết thảy mọi người về lợi ích ấy khiến cho họ tu trì, huống là cha mẹ sanh ra ta ư? Hồi hướng cho cha mẹ cố nhiên là chuyện hợp lẽ đến tột cùng, nhưng chẳng khuyên lơn cha mẹ, chỉ tự mình tu trì là đã đánh mất ý nghĩa hiếu thảo chân thật với cha mẹ vậy.

Nếu tánh tình cha mẹ trái nghịch với Phật, hãy nên chí thành trì niệm hồi hướng thay cho cha mẹ để họ được tiêu trừ túc nghiệp. Lâu ngày chầy tháng, cha mẹ sẽ tự sanh lòng tin tưởng tu trì. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống chi cha con sẵn mối liên quan tự nhiên, lẽ nào chẳng thể chuyển dời được ư? Hãy nên nghiêm túc dạy dỗ con cái bằng lý nhân quả báo ứng và đạo làm người, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính v.v., ai nấy tự trọn hết bổn phận của chính mình. Nếu ông có thể nghe theo lời tôi thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, ấy chính là chuyện quyết định không còn nghi ngờ vậy.

Cõi đời hiện thời nguy hiểm vạn phần, hãy nên suất lãnh người nhà niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm lâu dài, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Chuyện ăn chay thật ra cực dễ dàng, chỉ vì chưa thấu hiểu suy xét sâu xa nên mới cảm thấy rất khó khăn. Chúng ta đã sợ tai nạn đao binh, hãy nghĩ hết thảy sanh

[82] Gọi là chánh hồi hướng, vì người niệm Phật phải cầu mình và hết thảy hữu tình đều được vãng sanh Tây Phương, không mong cầu phước báo đời sau. Những điều cầu nguyện khác như cầu siêu cho cha mẹ tổ tông đã quá vãng được siêu thăng chỉ là điều cầu nguyện thêm.

vật có tự chịu mổ, chặt, nấu, thui để thỏa sự ham muốn phát xuất từ miệng bụng của chúng ta hay chăng? Há chúng nó có muốn chết, vui vẻ chịu làm thức ăn cho con người hay chăng? Thánh nhân dạy "trung hậu, khoan thứ là cách đạo chẳng xa; điều gì ta chẳng muốn người khác làm cho ta thì cũng đừng làm điều ấy cho người khác" nhằm giảng rõ ý nghĩa này. Thử nghĩ ta và chúng cùng được phú bẩm cái tâm này, cùng biết "tham sống sợ chết", cùng biết "hướng lành tránh dữ", cùng biết "cảm ơn ôm hận", há nên hằng ngày vẫn ăn thịt bọn chúng ư? Đã nhẫn tâm ăn thịt bọn chúng, tức là cùng một tâm hạnh với lũ thổ phỉ, giặc cướp. Đã chẳng muốn bị bọn thổ phỉ cướp đoạt, sát thương, sao lại yên tâm khoái ý giết chóc, nấu nướng, ăn nuốt hết thảy sanh mạng trên đất dưới nước? Nguyên do đều là vì chẳng chịu phản tỉnh nên đến nỗi cách xa đạo vời vợi.

Chỉ sợ không tin pháp môn Tịnh độ tới nơi tới chốn, chứ nếu tin đến nơi đến chốn thì hết thảy mọi người đều được vãng sanh. Đã có sức đại từ bi của Phật, cần gì đến Quang? Con người gần đây phần đông thấy lạ, nghĩ khác, kẻ có tín tâm thường chẳng biết cội nguồn của pháp môn Tịnh độ, hoặc học những pháp Thiền, Giáo, Mật v.v.. Nếu muốn làm vị thiện tri thức đại thông gia thì được, chứ nếu muốn cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này thì do sở học quá nhiều, chắc sẽ coi thường Tịnh độ. Do đã chẳng thể đoạn hoặc chứng chân để tự lực liễu thoát, lại không có tín nguyện niệm Phật để cậy vào Phật lực hòng liễu thoát thì nỗi khổ nơi tam đồ lục đạo trong tương lai so với nỗi khổ hiện thời sẽ còn gấp trăm ngàn vạn lần.

Nhân dân hiện thời không ai chẳng trong cảnh nước sâu lửa bỏng, nhưng những kẻ có thế lực ai nấy đều muốn cho con cháu mình được phú quý tôn vinh vĩnh cửu, chẳng đoái hoài nhân dân nghèo nàn, khốn khổ, tử vong. Cái gốc họa ấy đều là do Trình - Chu và bọn Lý học đả phá bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi ươm thành. Nếu bọn họ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi thì những nhà Nho đời sau đều chẳng dám bảo nhân quả báo ứng, luân hồi đều là không có. Dẫu bọn họ muốn làm chuyện tổn người lợi mình, thương thiên hại lý đi nữa, nhưng do thấy có ác báo, sợ mai sau chịu khổ khó kham, do đấy sẽ chẳng dám. Vì Trình - Chu cho là không có những chuyện ấy, nên những kẻ xấu hèn, tàn nhẫn dám làm ác không kiêng dè gì. Lại thêm gió Âu vừa thổi tới thì chuyện phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, gian mẹ đều cùng được cực lực đề xướng nhằm mong được thực hiện. Nguồn gốc của mối họa này bắt nguồn từ Lý học, chẳng đáng buồn sao? Do vậy hãy nên sốt sắng sanh lòng tin phát nguyện để cầu sanh Tây Phương.

Chữ "phạn thực" (飯食) trong kinh Kim Cang được đọc thành "phản tự" cũng chẳng phải là nghĩa trong nhà Phật, mà là theo nghĩa của sách Nho, nhưng con người chẳng tự suy xét. [Trong các bản kinh Kim Cang được lưu hành], câu chữ có một đôi chỗ khác nhau, như "tức" (即) và "tắc" (則) các bản thường dùng thay thế cho nhau. Điều này không khẩn yếu lắm. Nếu kinh ghi là tức thì đọc là tức, ghi là tắc thì đọc là tắc, bởi tắc có nghĩa là tức, không sai biệt cho lắm. Có kẻ bịa chuyện quốc vương Cao Ly húy là tắc (稷: tên một loại lúa) nên đổi chữ tức thành tắc, đây là lời bàn luận mù quáng của kẻ chẳng biết sự việc.

Thêm nữa, đoạn *"nhẫn nhục ba-la-mật…"* có bản chép thành hai câu, có bản chép thành ba câu. Nên biết rằng, ghi thành hai câu thì ý nghĩa cũng hoàn toàn là ba câu, chứ không phải là "hai câu hoàn toàn chẳng có nghĩa của ba câu", nhưng dựa theo bản kinh mà niệm hai câu hay ba câu đều không trở ngại gì. Bản kinh chép là ba câu liền niệm ba câu, chép là hai câu liền niệm hai câu.

Trong các câu *"nguyện nhạo dục văn"* (nguyện ưa thích muốn nghe), *"thị nhạo a-lan-na hạnh giả"* (là kẻ ưa thích hạnh tịch tĩnh), chữ nhạo (樂) đọc giọng Khứ Thanh, giống như chữ yếu[83] (要). Trong kinh, hễ chữ hành (行) được dùng để chỉ cho hành động của người làm thì nhà Nho đọc là hưng (興), Khứ thanh, đều đọc như âm hạn (限)[84], tức là biến âm của chữ "thực hành". Những bản in các bài chú như Đại Bi v.v. hơi khác nhau, cứ chiếu theo bản in để đọc sẽ chẳng trở ngại gì, bởi lẽ chú là tiếng Phạn, con người không thể biết được nghĩa, chỉ chí tâm niệm ắt có lợi ích lớn lao, chẳng cần phải suy luận theo mặt chữ. Bản chú Đại Bi được lưu thông ở Hồ Nam tôi cũng chưa được thấy, chẳng thể nói là đúng hay sai. Chỉ cần chí thành trì tụng thì sẽ tự được công đức chẳng thể nghĩ bàn, muôn phần chớ nên hoài nghi bản kinh có sai ngoa thì sẽ đạt được lợi ích. Theo lý phải nên niệm tựa đề kinh.

Ước theo mặt sự, quả thật Tịnh độ có cảnh tượng trang nghiêm đến cùng cực. Ước về mặt lý thì duy tâm sở hiện, do tâm thanh tịnh nên các cảnh giới ấy đều

---

[83] Khứ Thanh là một trong bốn âm điệu chánh của âm Quan Thoại, hơi tựa tựa như dấu sắc của tiếng Việt nhưng nhẹ hơn, thường được chú âm giống như dấu huyền. Chữ 樂 có ba âm đọc là lạc (lè: vui), nhạc (yuè: âm nhạc) và nhạo (yào: ưa thích). Do ở đây được dùng với ý nghĩa "ưa thích" nên phải đọc là nhạo. Do trong tiếng Quan Thoại, nhạo và yếu có cùng một âm đọc là yào (lên giọng) nên tổ mượn chữ yếu để chỉ cách đọc chữ nhạo.

[84] Trong tiếng Quan Thoại, chữ 行 có bốn âm đọc là xíng (động từ, có nghĩa là "làm", âm Hán Việt tương ứng là hành, cùng âm Quan Thoại với chữ hưng), háng (hãng xưởng, âm Hán Việt tương ứng là hàng hoặc hãng), hàng (hàng, dãy, âm Hán Việt là hàng), héng (việc làm, đạo hạnh, âm Hán Việt là hạnh). Chữ hạn (限:xiàn) cũng có âm đọc na ná như chữ hưng và hành nên tổ dùng chữ hạn để mô phỏng âm đọc chữ hành.

thanh tịnh. Cố nhiên, lý và sự chẳng thể tách rời, chẳng qua nhấn mạnh nơi nghĩa nào mà chia ra thành sự hay thành lý. Ông chỉ nên đọc kỹ bài Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận trong bộ Văn Sao Chánh Biên, sẽ tự biết rõ văn và lý của chân đế và tục đế, cũng như nghĩa lý ước theo cảnh để thí dụ vậy. Kiến địa của ông đã như thế thì chỉ nên học theo kẻ thật thà chất phác nhất tâm niệm Phật. Nếu do lòng ham cao chuộng xa rồi lầm lạc sanh cái tâm ức kiến (đoán mò, tự dựa theo những ý kiến phỏng đoán của chính mình) thì chỉ sợ chưa được lợi ích mà đã bị tổn hại trước.

Đang trong lúc thiên tai nhân họa ngập tràn này, cố nhiên hãy nên suất lãnh người nhà sốt sắng niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, còn hết thảy những nghĩa khác dẫu chưa hiểu rõ ràng đều chẳng bận tâm, đợi khi nào nghiệp tiêu trí rạng sẽ tự có thể "vừa đọc liền hiểu rõ ngay". Nếu không, dẫu có hiểu rõ rệt văn lẫn lý, cũng chỉ là ăn nói lưu loát, chứ khi tai nạn giáng xuống, sanh tử xảy đến, nhất định chẳng dùng được gì. Hai pháp sự và lý chẳng tách rời nhau, bởi có tịnh tâm thì mới có tịnh cảnh. Nếu không có tịnh cảnh, làm sao hiển được tịnh tâm? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đấy gọi là "tâm có đủ". Nếu tâm không có đủ thì nhân chẳng cảm được quả.

Ông nghĩ sự chỉ là sự tướng trang nghiêm, lý chỉ là tâm tánh lý thể; nếu lý ở ngoài sự, sự ở ngoài lý thì làm sao gọi là lý sự cho được? Ví như dựng nhà, kèo, xà, rường, cột, tường, vách là sự, khoảng không trong nhà chính là lý. Chỉ vì có kèo, xà, rường, cột nên mới có được khoảng không trong nhà; do có khoảng không ấy nên có thể xếp đặt kèo, xà, rường, cột. Lý sự dùng lẫn cho nhau, cũng như không và hữu dùng lẫn cho nhau; há nên chấp chết cứng vào thiên kiến, cho là hữu thì chẳng có không, đã không thì chẳng có hữu? Nếu chẳng hiểu rõ ràng thứ nghĩa lý này, hãy nên siêng năng trì tụng, đừng suy lường xằng bậy. Lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạng, sẽ tự có thể [thấy những suy đoán xằng bậy ấy] ví như một trò cười. Lúc ban đầu, cổ nhân luôn sốt sắng dụng công dốc sức, chứ chẳng bận tâm suy lường. Bởi vậy, cổ nhân nhất cử nhất động không gì đều chẳng phải nhằm làm cho mọi người đều thực hiện được.

497. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ hai)

Đã nhận được thư trước, do không có chuyện gì quan trọng, khẩn yếu nên không trả lời.

Ông hỏi ông X… là người như thế nào? Ông ta vốn sẵn có nhân duyên từ đời trước, nhưng tánh cách do dự, chẳng sốt sắng. Ông ta là đệ tử của Phùng Mộng Hoa ở Kim Đàn (tỉnh Giang Tô), là đồng môn với ông Ngụy Mai Tôn. Mấy năm

trước đã từng gặp Quang. Năm ngoái do có chuyện nọ nên rất cảm kích Quang, bèn nói với ông Mai Tôn muốn quy y, từng nhờ ông Mai Tôn cầu xin với Quang; đã vì kinh ở tháp Lôi Phong[85] mà đề mấy câu làm kỷ niệm, nhưng do chần chừ, nên chưa hành ngay. Còn như nói "thân tộc kinh hãi", ấy là mượn cớ đó để lấp liếm dấu vết biếng nhác, lười trễ, chẳng chịu tu trì. Ông cũng mượn cớ đó để nghi ngờ, bàn định!

Phàm người học Phật pháp há nên vứt bỏ bổn tông (tông mình đang theo)[86]. Chỉ ngoài bổn tông, lấy thêm lời Phật dạy để tu trì. Người đời làm đủ mọi chuyện ác, chẳng sợ thân tộc kinh hãi. Nay học đại pháp của Như Lai lại ngược ngạo sợ thân tộc kinh hãi, đấy có còn gọi là "chân tâm học đạo" ư? Cả cõi đời đều đục, riêng ta trong, mọi người đều say, riêng ta tỉnh, ta làm theo chí ta, ai khống chế được ta? Nại cớ như vậy thì còn chưa phải là học trò của thánh hiền, huống là học đại đạo xuất thế ư? Quang diệt tung tích, trọn chẳng gây trở ngại cho người khác, bởi tuổi tác lẫn cơ hội đều đã qua, tinh thần ngày một suy, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều, sức chẳng thể chống chọi được. Nếu hiểu Quang ẩn dật là vì lý do khác, tức là đã hiểu lầm rồi!

Chuyện niệm Phật cố nhiên quý ở chỗ thuần nhất không gián đoạn, do vậy trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều phải nên niệm. Tụng kinh chẳng thể thường xuyên không gián đoạn như niệm Phật được. Hơn nữa, cớ gì phải tụng kinh nơi chỗ ô uế? Nếu trì danh đến mức cùng cực thì chẳng quán tưởng mà tịnh cảnh đều hiện cả. Nếu kẻ nào công phu không thuần, cứ lầm lạc muốn thấy thánh cảnh, chắc sẽ phải lo bị ma dựa. Do vậy, cổ đức phần nhiều chú trọng trì danh, bởi pháp này thực hiện dễ mà thành công cao.

Nếu thật sự đã tin tưởng pháp môn Tịnh độ tới nơi tới chốn, giữ được tín nguyện vững vàng rồi thì đối với các kinh luận Đại thừa sẽ đều có thể tùy theo sự ưa thích của chính mình mà đọc tụng. Nhưng nếu chưa hiểu rốt ráo đạo này, cứ một mực đọc rộng, sợ rằng sẽ bỏ pháp này lấy pháp kia thì muốn liễu sanh tử sẽ trở thành chuyện khó nhất trong các chuyện khó. Có kẻ nói Quang cấm người

[85] Lôi Phong Tháp vốn có tên là Hoàng Phi Tháp, do Tiền Thục (vua nước Ngô Việt thời Ngũ Đại) xây vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (997) để cầu quốc thái dân an. Tháp nằm tại phía Nam của Tây Hồ, Hàng Châu, được coi là một thắng cảnh của vùng Hoa Nam. Dưới đáy tháp có lập địa cung tàng trữ xá-lợi Phật, tượng Phật, và những phẩm vật trân quý khác của Phật giáo thời ấy. Nổi tiếng nhất trong số ấy là bản kinh Nhất Thiết Như Lai Tâm Bí Mật Toàn Thân Xá-lợi Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni, thường được gọi là Lôi Phong Tháp Kinh, dài đến 2 mét, nét chữ khắc cực kỳ tinh xảo, cũng như những hình vẽ, họa tiết trang trí, Phạn tự trong bản kinh đều không có một bản nào khác sánh bằng nên được coi là quốc bảo của Trung Hoa.

[86] Do ông Mã là người Hồi giáo nên tổ khuyên cứ thực hành Phật pháp, đừng bỏ đạo vì sẽ gây nên những tranh biện, mâu thuẫn trong thân tộc.

khác đọc kinh Đại thừa, nói như vậy là đã hiểu lầm ý Quang, vì lời nói ấy vốn dành cho kẻ chẳng biết lợi hại, cứ lầm lạc muốn làm bậc thông gia. Có kẻ nói: "Y theo pháp của họ, tu một trăm ngày hoặc bốn mươi tám ngày sẽ có thể thành Phật!" Ông hãy nhường cho người khác thành. Nếu ông cũng muốn cùng được "thành" như họ thì thành Phật hay thành ma, Quang chẳng thể nào biết được!

Lâm chung là chuyện khẩn yếu nhất, dẫu ông chẳng thể giáo hóa được người khác, vẫn nên thường nói cặn kẽ nguyên do với vợ con ngõ hầu họ đều tin đến nơi đến chốn và giữ cho chắc. Như lúc mẹ ông lâm chung, khai thị niệm Phật cho cụ và trợ niệm, ắt có lợi ích lớn lao. Pháp này bất luận già trẻ trai gái đều nên trợ niệm, dẫu là kẻ lúc thường ngày chẳng niệm Phật, được trợ niệm cũng có lợi ích lớn lao. Hãy nên chiếu theo tiểu đoạn "lâm chung thiết yếu" thuộc phần "sanh tử chuyện lớn" trong Gia Ngôn Lục để hành thì tuy chẳng sanh Tây Phương vẫn gieo được thiện căn lớn lao. Đây là nghĩa tối thiết yếu.

Nếu bảo tôn giáo ấy trói buộc thì chính là ông tự trói buộc, chứ tôn giáo đâu có trói buộc được ông? Nếu nói "trong cõi đời có đạo vượt trỗi tôn giáo của ta thì cũng chẳng chịu học", ấy chính là tâm hạnh của kẻ nhỏ nhen trong thế gian, chứ đâu phải là tâm hạnh đáng có của một vị sáng lập một tôn giáo. Nếu có ý ấy, còn đáng gọi là giáo chủ ư? Đấy chính là cách "đem tớ thay cho chủ, đem lính thay cho tướng soái." Đối với việc học Phật, ông ôm lòng nghi ngờ, kinh sợ, tức là cái tâm học Phật chẳng cứng cỏi, mạnh mẽ, quyết liệt như cái tâm tạo nghiệp. Há có phải là người thật sự tin Phật ư?

Tông Đức đã sanh hay chưa? Nay đặt pháp danh cho đứa bé sắp sanh là Huệ Ý. Ý (懿) là đức tốt đẹp, chỉ có trí tuệ thì mọi việc làm đều tốt đẹp, dùng ngay cái tên này để đặt, không cần phải chọn tên khác. Phàm người niệm Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều phải nên thầm giữ một câu Phật hiệu nơi tâm. Nếu áo mũ chỉnh tề, nơi chốn sạch sẽ, niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Nếu không được như thế thì chỉ nên niệm thầm trong tâm. Còn như phụ nữ lúc sanh con, hãy nên niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát ra tiếng, chắc chắn sẽ không có những nỗi khổ như bị tai nạn khi sanh nở v.v..

Nếu nói "lúc ấy lõa lồ bất tịnh, niệm sẽ mắc tội" thì đấy là chẳng biết đạo "giữ lễ thường, thông đạt quyền biến". Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể không lõa lồ ô uế, không thể đem so với chuyện cố ý khinh nhờn. Hơn nữa, Bồ-tát sẵn tâm cứu khổ, ví như con cái té trong lửa - nước, kêu cầu cha mẹ cứu giúp, cha mẹ trọn chẳng đến nỗi vì con cái thân thể không khiết tịnh, áo mũ không chỉnh tề mà chẳng chịu rủ lòng cứu vớt.

Từ nay về sau, hễ có ai sanh nở đều nên bảo họ niệm sẵn. Đến khi sanh nở đúng là lúc phải nên sốt sắng niệm, chẳng những dễ sanh mà còn gieo đại thiện căn. Hãy nên nói cặn kẽ điều này với Tông Đức và các con gái của ông, đấy chính là vô thượng diệu pháp để cứu sẵn tánh mạng họ khỏi bị khổ ách.

Một người bạn cậy Quang ấn hành cuốn Đạt Sanh Biên, phụ lục cách trị kinh phong mạn chứng, sẽ in tám vạn cuốn; hai vạn cuốn giao cho Quang để kết duyên hoặc cho người khác thỉnh, đợi khi in ra sẽ gởi cho ông một gói. Trong lời tựa cũng có nói đến chuyện niệm Quán Âm.

Quang vốn tính diệt tung tích vào cuối tháng 9, hiện thời do phải sắp chữ bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, chỉ đành chậm lại một tháng. Sách này có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm, do ông Hứa Chỉ Tịnh chọn lọc những sự tích cảm ứng từ 24 bộ sử, kèm thêm lời bình luận; quả thật là bộ sách có sức khuyến thiện mạnh mẽ nhất, bởi lẽ những chuyện trong ấy đều được ghi trong chánh sử, kẻ tà kiến chẳng dám bảo là hư cấu. Lần này sắp chữ xong xuôi liền in hai vạn bộ. Lại in một bản khác bằng giấy báo với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự để tiện cho con em đang độ thanh niên cũng có thể mua đọc.

Con người sống trong thế gian phải trọn hết đạo làm người. Nếu giữ được hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ thì mới đáng gọi là người. Nếu không, tuy mang hình dáng con người, nhưng tâm là cầm thú. Hãy nên cực lực dạy dỗ Huệ Sướng v.v., khiến cho chúng đều biết đạo làm người và biết nhân quả báo ứng thì gia phong của ông sẽ chẳng đến nỗi dần dần đọa lạc. Đối với chữ Phong (豐) trong cái tên Huệ Phong, há nên hiểu là 豊[87] (phong: thịnh vượng)? [Nếu hiểu như vậy thì] chính là đọc theo âm dùng trong Lễ Ký, mà cũng là ý nghĩa được dùng trong Lễ Ký, chứ không phải là ý nghĩa Quang định chọn, hãy nên sửa cho đúng: Huệ Phong nghĩa là trí tuệ dồi dào, không điều nhỏ nhặt nào chẳng chiếu tới.

498. Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo (thư thứ ba)

Hai lần nhận được thư biết ông vừa sanh được đứa con tốt lành, lại trọn không bị tai hoạn gì. Do vậy biết đấy chính là Phật, Bồ-tát từ bi gia bị nên có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn được. Điều đáng chú ý nhất là hãy khéo dạy dỗ, khiến cho các con đều thành người hiền, người lành thì đối với gia đình ông, đối với nước nhà, đều có lợi lớn lao không chi bằng. Quang thường nói: "Dạy con là căn

[87] Chữ phong（豊）là cách viết theo lối cổ của chữ phong（豐）, âm đọc theo Lễ Ký hơi khác, nhưng âm đọc hiện thời đều là fēng. Trong âm Hán Việt, chỉ có một cách đọc là phong. Phong（豊）chỉ có nghĩa là thịnh vượng, còn phong（豐）có nhiều nghĩa hơn.

bản để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái càng cần thiết hơn, do con người được thành chánh khí hay chăng, quá nửa là do được mẹ un đúc, giáo hóa từ lúc mới hiểu biết cho đến lúc trưởng thành.” Đạo nghĩa, đức hạnh là căn bản của con người, từ thuở bé đã dạy nó noi theo pháp tắc thì khi lớn lên sẽ tự chẳng trái vượt, ngỗ nghịch, cũng như có đủ mọi hành vi xấu hèn.

Giấc mộng của Tông Đức chính là do Bồ-tát ngầm báo cho biết điềm sẽ có giặc kéo đến. Nếu không, sẽ bị mất mát lớn lắm. Bà ta mộng thấy Bồ-tát đòi cây mơ (mai tử) của mẹ, đấy chính là có kẻ khác muốn đoạt lấy. Lời này có ý nghĩa khá sâu, thật khó suy lường được! Nay tôi chỉ suy đoán mò, tuy chẳng phải là bổn ý của Bồ-tát, cũng chẳng trái nghịch ý của Bồ-tát. Theo tôi nghĩ Bồ-tát nghĩ thương người trong tôn giáo của ông chẳng biết tới đại đạo, muốn cho ông và Tông Đức tùy theo cơ duyên mà giáo huấn, khiến cho họ đều sanh lòng tin, gieo thiện căn nơi Phật pháp. Chữ mai (梅) một nửa là chữ mộc (木), nửa kia là chữ mỗi (每); chữ mỗi là một nửa của chữ hối (誨)[88], chữ mộc là một nửa của chữ căn (根). Cả nhà ông đã được nhuần gội sự giáo hóa của Phật, lại còn được cảm ứng như thế, về mặt lý lẫn mặt sự đều đáng tự tin tưởng, há nên lặng thinh chẳng tuyên nói ra, chẳng làm cho người hữu duyên đều cùng được nhuần gội lợi ích lớn lao không chi bằng này? Phàm mọi chuyện vào lúc ban đầu đều do một hai người phát khởi, sau đấy mới dần dần được mở rộng. Đã có nhiều người tụ họp trong nhà ông để cầu hiện tướng, đủ biết là u hiển cảm ứng quyết khó hình dung được. Nếu vợ chồng ông có thể phát tâm Bồ-đề, vì những kẻ câu nệ hẹp hòi kia mà chỉ bày bầu trời vô lượng vô biên, họ sẽ tự có thể thoát khỏi chỗ hẹp hòi ấy, thấy được mặt trời và biển cả.

Ông chỉ nên nhất tâm niệm Phật, sao lại hỏi ngày giờ sanh của Quang? Biết ngày giờ sanh của Quang thì rốt cuộc có ích gì đâu? Trước hết, hãy nên đem lợi ích này uyển chuyển khuyên nhủ mẹ ông, tiếp đó khuyên lơn những kẻ thân thích bằng hữu hiểu lý. Hiểu lý rồi lại biết chuyện cảm ứng thì họ sẽ sanh lòng tin.

Hơn nữa, ông đã có năm đứa con, Tông Đức đã mang thai tám lần, khí huyết đều hư nhược. Từ nay hãy nên đoạn dục chuyên tu tịnh nghiệp ngõ hầu chẳng đến nỗi gây lụy cho Tông Đức càng thêm hư nhược, hao tổn. Nam nữ lập gia đình vốn là cuộc hôn nhân thơm thảo để nối tiếp dòng dõi cho tổ tông, phụ mẫu. Đã có mấy đứa con rồi, tức là chẳng đến nỗi phải lo không có người nối dõi. Nếu vẫn không chịu đoạn dâm dục, tức là kẻ chẳng biết yêu mình và nhẫn tâm chẳng biết

[88] Hối（誨）là giáo huấn, khuyên răn. Như vậy ở đây có thể hiểu điềm mộng của bà Tông Đức là Bồ-tát khuyên dạy vợ chồng ông Mã Tông Đạo hãy nên khuyên lơn mẹ khiến cho thiện căn của bà cụ được nẩy nở, nên Bồ-tát mới đòi lấy cây mơ của mẹ ông Mã.

yêu thương vợ. Huống chi, ông và Tông Đức đều muốn tu tịnh nghiệp sanh Tây Phương, nếu tình dục nam nữ chẳng thể đoạn được thì tịnh niệm bị dục niệm xen tạp, chẳng dễ gì được lợi ích. Ông đừng nói Quang là tăng nhân sao vẫn bàn chuyện ăn nằm giữa vợ chồng người khác, hãy nên biết rằng: Những người có thành tựu trong thế gian đều phải tiết dục, huống là người học Phật ư? Huống chi Tông Đức do sanh nở đã bị tổn thương, chẳng kham sanh nở thêm nữa ư?

499. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ nhất)

Lúc vọng tưởng dấy lên chỉ mặc kệ nó thì sẽ chẳng đến nỗi "trên vọng lại sanh thêm vọng". Ví như đứa nhỏ làm mình làm mẩy, nếu người lớn không ngó ngàng tới, nó chẳng cậy vào đâu để tiếp tục giở chứng được. Nếu dùng biện pháp cứng rắn để trấn áp, nó cũng dùng cách cứng rắn để đối phó. Nếu dùng biện pháp mềm mỏng để vỗ về nó, ắt nó sẽ tưởng người lớn sợ nó, lại càng quyết liệt hơn. Cả hai đằng đều tổn nhiều ích ít, chỉ bỏ mặc vờ như không thấy, không nghe. Nó đã không có đà làm tới chỉ đành tần ngần bỏ đi.

Ông vẫn chưa có thể tự lợi, sao lại trù tính chuyện làm lợi cho người khác được! Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị. Cần biết rằng, tâm ấy tuy tốt nhưng cũng là chướng ngại cho việc học đạo, cổ nhân nói: *"Chỉ phạ bất thành Phật, vật sầu Phật bất hội thuyết pháp"* (Chỉ sợ chẳng thành Phật, chẳng lo Phật không thể thuyết pháp). Ông chỉ nên tự hành có chứng đắc thì sẽ giống như thần long được một giọt nước bèn có thể mưa khắp toàn quốc. Nếu chẳng phải là thần long, dẫu được nước của cả con sông cũng không thể tuôn mưa trọn khắp được.

Làm ác có nhân duyên: tự tâm là nhân, ngoại cảnh là duyên. Nếu tin sâu nhân quả, biết "do điều ác nhỏ, ắt chịu khổ lớn" thì tuy gặp duyên cực lớn cũng chẳng thể làm ác. Những kẻ làm ác xưa nay đều là do cái tâm tin nhân quả nhỏ nhoi yếu kém mà ra. Nếu không, dẫu ngoại duyên mạnh mẽ, dữ dội đến đâu cũng chẳng làm gì được ta. Niệm Phật biết có vọng, đấy chính là chỗ hay của niệm Phật. Nếu không niệm Phật, bằng cách nào mà ông biết được chính mình có lắm vọng như thế?

Mật tông quả thật là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, thật sự có chuyện "thành Phật trong thân hiện tại", nhưng những người hoằng truyền Mật tông đều chẳng phải là hạng người ấy. Có mấy ai thật sự là thượng căn? Đều toàn tự xưng là thượng căn! Giả dối mượn chuyện ấy để dụ dỗ những phường ham cao chuộng xa, ngạo nghễ ngã mạn, tạo thành tự lầm, lầm người, gây hại há có thể nào cùng cực? Những điều khác chẳng cần phải nhắc tới!

Gã X… và gã Y… nọ quá sức to gan, tự xưng đã vượt trỗi các bậc thượng căn. Họ chửi bới Khổng - Mạnh còn hơn đứa trẻ đầu đường xó chợ chửi người khác, chẳng biết chửi Khổng tử tức là chửi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, chính là diệt chánh lý luân thường của thế gian. Tôi chẳng biết họ học Mật tông kiểu nào, muốn ứng dụng Mật tông như thế nào: Để làm kẻ tận lực truyền bá phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng thẹn, giết cha, giết mẹ? Hay là vẫn làm người truyền bá hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ vậy?

Nếu để làm kẻ truyền bá phế kinh điển, giết cha thì thuyết của bọn chúng còn có thể cưỡng lập được, chứ nếu để làm người truyền bá hiếu, đễ, trung, tín thì bọn chúng đã đả đảo phế diệt, cắt trừ đạo của nhị đế tam vương do Khổng tử vâng giữ, kế thừa mất rồi. Nếu vẫn bảo Mật tông của bọn chúng là dạy làm lành thì chính bọn chúng cũng chẳng thể tự hiểu được cách ăn nói ngược ngạo ấy. Những kẻ giống như gã X… và gã Y… thật có thể gọi là những tên đầu sỏ bại hoại Phật pháp! Hạng người ấy có thể thành Phật nơi thân hiện tại thì cũng chẳng ngại gì vào trong địa ngục A-tỳ để hưởng tự thụ dụng tam-muội của đức Tỳ-lô-giá-na nơi non đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than.

Hơn nữa, căn tánh của gã X… nếu luận theo con người hiện thời thì cũng có thể gọi là thượng căn: Tự mình phát tâm xuất gia, chưa đầy mấy năm mà yếu chỉ của Thai giáo (giáo pháp của tông Thiên Thai) thảy đều hiểu rõ. Qua Đông Dương (Nhật Bản) học Mật tông, người Đông Dương hết sức bội phục, tôn sùng, kính trọng, chết rồi còn được dựng tháp trên núi Cao Dã[89]. Nếu bảo là ông ta đã đắc chánh truyền của Mật tông thì cũng chẳng thể nói là ông ta không thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, nhưng đến lúc sắp chết, chẳng thể niệm Phật được mà cũng chẳng thể niệm chú được. So với ngu phu ngu phụ niệm Phật ngồi ngay ngắn qua đời đã kém cỏi hơn nhiều lắm. Đấy còn là kết quả của bậc thượng căn đắc chánh truyền nơi Mật tông, những kẻ khác đâu đáng để bàn tới nữa!

Cách nói "hiện thân thành Phật" của Mật tông và "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" của Tông môn khá giống nhau. Vẫn phải đoạn hoặc thì mới chứng chân, mới có thể liễu sanh thoát tử được. Nếu nói "ngay trong đời hiện tại, tam hoặc đã đoạn sạch, nhị tử vĩnh viễn mất, an trụ tịch quang, trọn không sự gì",

[89] Núi Cao Dã (Kōya-san) là rặng núi thiêng đối với Phật giáo Nhật Bản, thuộc huyện Hòa Ca Sơn (Wakayama ken) của Nhật Bản. Đây là nơi Sai Nga Thiên Hoàng (Saga-tennō) ban cho Hoằng Pháp Đại Sư Không Hải (Kobodashi Kūkai), sáng tổ Chân Ngôn tông (Shingon shu) Nhật Bản để lập đạo tràng tu hành sau khi sư đã dùng đạo đức, mật pháp thuyết phục triều đình chấp nhận Chân Ngôn tông (Mật tông) do sư du nhập từ Trung Quốc về Nhật Bản vào năm Hoằng Nhân thứ bảy (816). Toàn núi có đến 117 ngôi chùa, được coi là Tổng Bổn Sơn (đạo tràng gốc) của mọi chi phái Mật tông Nhật Bản. Ngôi chùa chánh yếu là Kim Cang Phong Tự (Kongōbu-ji).

sẽ thành tà thuyết, là lời lẽ của ma. Những ai chê "Tịnh độ dành cho bọn thiên chấp, tiểu căn, chậm lụt, độn căn", ta hãy nhường cho bọn họ tu pháp "viên, đại, thẳng, chóng, thành Phật trong thân hiện tại". Chúng ta chỉ y theo ngôn giáo Tịnh độ để tu trì, đôi bên chẳng gây trở ngại lẫn nhau; cần gì phải dẫn chứng chú Vãng Sanh, A-di-đà Phật chính là Mật tông của bọn họ.

Cần biết rằng, Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà nói ra các giáo, lời lẽ tuy khác nhau, nhưng tinh thần đều là dung thông. Ví như đại địa chia ra cho hết thảy nhân dân, tuy có cương vực này, biên giới kia, nhưng đây kia chẳng thể cắt đứt, chặt rời ra được, trọn chẳng chấp nhận ai đến trong cõi tôi. Bởi lẽ, nếu chặt rời thì họ cũng không có sanh lộ để đi nữa. Bọn họ đã bảo chú Vãng Sanh v.v. chính là Mật, sao lại bảo niệm Phật chẳng bằng tu Mật? Nay nói đơn giản, thẳng thừng: Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v. đều là bậc thượng căn, đều có thể chân thật thành Phật trong thân hiện tại. Nếu tự xét thấy ta chẳng bằng được các vị ấy thì đừng có dùng danh xưng thượng căn để tự lầm, lầm người, noi theo tà kiến của gã X… và kết quả là bị chết hồ đồ của ông Y… khiến cho ngu phu ngu phụ chê cười.

Tôi quên mất chuyện bà nội kế của ông là lão thái phu nhân Sài, nếu ông thật sự phát tâm hiếu, dẫu cho lão thái phu nhân Sài đọa trong ác đạo, do ông có thể dùng tâm chí thành niệm Phật cho cụ, cụ vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, huống hồ chưa chắc cụ đã đọa trong ác đạo ư? Điều cốt yếu là do ông có chí thành hay chăng! Chớ nên đem cảnh tượng lúc mất của lão thái phu nhân Sài để phán đoán.

Đặt pháp danh cho người đã mất cũng là chuyện bày vẽ, người thế tục do thuyết *u minh giới* cho người đã khuất bèn đặt pháp danh; nhưng ắt phải cạn lòng thành, kiệt lòng kính niệm Phật cho người ấy thì mới là kế sách tối thượng. Đừng nên chỉ lấy chuyện bày vẽ bề ngoài của thế tục để trọn lòng hiếu thì ông sẽ được hưởng lợi ích lớn lao, chứ không phải do niệm Phật cho lão thái phu nhân Sài mà ông chẳng được lợi ích. Nên biết rằng, ông do tấm lòng hiếu thảo báo ân, niệm Phật cho lão thái phu nhân Sài, so với chuyên niệm cho chính mình công đức càng lớn hơn. Do vậy, nhà Phật mong cho con người vì khắp tứ ân tam hữu pháp giới chúng sanh mà hồi hướng. Huống hồ lão thái phu nhân là người mà ta đã nhận đại ân ư? Ông cứ theo đó mà suy thì cũng có thể tùy theo cơ duyên để hướng dẫn vậy.

500. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ hai)

Nhận được thư ông đầy đủ. Ông vọng tưởng đến cùng cực, làm chuyện rất rạng rỡ, lớn lao, rộng lớn, nhưng chẳng biết đấy đều là những chuyện đi xuống, chứ không phải là hướng thượng. Đang trong thời thế này, ông có thần thông, đạo lực gì mà muốn làm chuyện kinh thiên động địa? Dẫu để làm việc trong chánh trường đi nữa, có ai không phải vận động bẩn thỉu để lọt vào. Đã do vận động bẩn thỉu mà đạt được địa vị ấy thì còn có thể hiên ngang, thẳng thắn, chẳng phải bợ đỡ cấp trên hay chăng? Quan văn chẳng mê tiền, nếu chẳng bóc lột mỡ màng của dân chúng thì tiền vốn vận động còn chưa thể có được, huống là có tiền để dâng cúng cấp trên ư? Dâng cúng thượng cấp vẫn chưa phải là chánh yếu, đối với những thuộc hạ của thượng cấp đều phải dựa theo thời, theo dịp để tặng quà, để mong họ nói tốt trước mặt thượng cấp, chẳng buông lời gièm xiểm. Nếu là người thật sự vì trăm họ, chẳng những không có tiền mà sợ còn khó giữ được tánh mạng.

Ông mơ giấc mộng to quá, đúng là chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng biết tài năng của chính mình ra sao cũng như đang ở trong thời nào. Hãy nên nói với họ về lợi hại của chuyện tiết dục và buông lung lòng dục thì về lý lẫn về tình đều được ổn thỏa. Ông chỉ biết ăn nói đao to búa lớn, chẳng biết lời lẽ lớn lao phải phát xuất từ thật hành thì mới có ích. Học vấn cần phải phát xuất từ thực tiễn thì mới có thể tự lợi lợi người. Nếu không, học vấn càng cao, càng dễ làm hỏng việc! Vì thế nói: *"Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức"* (Người có đức ắt thốt lời, kẻ thốt lời chưa chắc đã có đức).

Nếu chính mình chánh kiến chưa mở mang, lầm lạc học theo cái học ma quỷ của ngoại đạo, hiếm có ai chẳng bị biến đổi theo chúng. Ông còn chưa biết đến sự xấu xa của gã X…. Gã X… xấu xa không phải vì thiếu học vấn mà vì chẳng biết tự lượng, dối xưng là đại thông gia. Phận sự chánh yếu ông còn lo chưa rồi, há nên phát ra cái tâm ấy? Muốn vào hang hùm thì sẽ táng thân trong bụng hùm là điều đoán chắc.

Trước kia khi ông chưa có tiền tài thế lực, bèn hâm mộ sự vinh hiển, giàu có của những kẻ có thế lực, toan dùng đó để khoe khoang trong làng xóm, cho là đã làm rạng mày nở mặt tổ tiên. Nếu tổ tiên có thiêng, ắt sẽ khóc cạn nước mắt! Sợ ông hễ được đắc ý sẽ hoàn toàn chôn vùi cái chí ban đầu, chắc sẽ đến nỗi càng tệ hại hơn bọn họ. Vì sao vậy? Do nhiệt thành hâm mộ sự phú quý bất nghĩa, nên hễ được phú quý sẽ bị phú quý xoay chuyển. Chẳng đáng buồn ư?

Ông hoàn toàn là một kẻ không có chánh tri kiến, đã niệm Phật lâu ngày lại ngờ niệm Phật sẽ lôi kéo quỷ tới rồi sanh lòng sợ hãi. Có tri kiến như vậy há có thể nào chẳng ngả theo thế lực quan quyền phú quý, chẳng tạo nghiệp ác ư? Anh chàng X… và ông Y… đều là kẻ hiểu Duy thức, nếu dùng Duy thức để kiếm tiền,

sao dám bảo "noi theo dấu ngài Huyền Trang?" (Do trước đó ông đã nói đến việc dõi theo dấu chân của Huyền Trang Tam Tạng).

Ông muốn thấy người khác liền nói nhân quả để hết thảy mọi người đều tin nhận vâng làm, mà lại còn kiếm tiền được, bất luận vị đại lão quan hay gã trai khổ não nào, trai trai gái gái, đều cùng họ bàn luận kỹ càng, khiến họ đều sanh lòng vui thích thì chỉ có cách xem tướng là hữu ích nhất. Nếu nghề nghiệp thật sự tinh thông thì bất luận kẻ ương ngạnh khó giáo hóa đến đâu, hễ được ông chỉ bày tiền nhân hậu quả ắt sẽ nghe theo. Đấy là chuyện dễ làm nhất trong chốn giang hồ.

Nếu lại còn biết xem bát tự thì càng thu hút rộng rãi. Trong thời Hàm Phong - Đồng Trị nhà Thanh, có một người học xem tướng nhưng học không thành, xin học thuật Đạt-ma tướng pháp[90] cũng không hiểu được lẽ ảo diệu của nó. Sau đấy bèn dốc hết lòng thành lễ bái, lâu ngày liền sáng suốt, những chuyện trong nhà và đời trước của người ta đều biết rõ hết. Một buổi sáng gặp mấy tên lính, cầm lệnh phù sang kho đạn lãnh thuốc súng, bèn hỏi họ sẽ lãnh mấy thùng. Họ đáp sáu thùng; ông ta nói: "Sáu thùng không đủ đâu, nên lãnh bảy thùng." Bọn họ nói: "Quân lệnh nào dám trái!" Ông ta chỉ nói: "Tôi bảo các anh cứ lấy, sáng mai sẽ biết. Nếu không, tôi sẽ chịu phạt." Họ liền lấy bảy thùng. Đêm ấy khéo sao bọn giặc tới cướp doanh trại, dùng hết sáu thùng thuốc súng, giặc vẫn không lui, bèn khui thùng thứ bảy thì bọn giặc liền rút lui. Vị thầy xem tướng ấy do nhất tâm cầu tam bảo gia bị chuyển hóa mà biết được chuyện đời trước, đời sau.

Ông nên lưu tâm học xem tướng, lại còn chuyên chí lễ bái đức Đại Bi Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát. Tuy chưa thể cao minh như người ấy, nhưng đã có thể vượt trỗi những thầy tướng hiện thời, lại còn dùng sự lý nhân quả tội phước để bình luận thì tiền tài, danh dự, công đức đều có thể đạt được. Đấy là chuyện ổn thỏa nhất trong hiện tại, mượn thuật ấy để hành thì không đâu chẳng thông. Những câu giải đáp được liệt kê như sau:

1. Vương Dương Minh là nhà Nho. Dựa theo nghĩa lý của nhà Nho để giảng giải thì khá gần với đạo lý Phật pháp, nhưng nếu như lời ông nói thì có thể khiến cho nhà Nho đều hành theo hay chăng? Cổ nhân nêu tỏ đạo mầu phần nhiều mượn

[90] Đạt-ma tướng pháp là một trong các cách xem tướng người (nhân tướng) khá phổ biến ở Trung Hoa dựa theo một bài khẩu quyết có tên là Đạt-ma Tổ Sư Tướng Pháp Bí Quyết, tương truyền do tổ sư Bồ-đề-đạt-ma trong 9 năm diện bích tại động Thiếu Thất đã "ngộ" ra. Theo ngu ý, đây cũng là một thứ học thuật của người Trung Hoa chế ra rồi mạo nhận tên tổ sư để tăng uy tín cho thuật bói toán này. Cũng như Dịch Cân Kinh thường được coi là của tổ sư Bồ-đề-đạt-ma truyền, nhưng dựa trên văn phong, thuật ngữ, các nhà nghiên cứu cho biết Dịch Cân Kinh chỉ có thể xuất hiện sớm nhất vào đầu đời Minh.

thí dụ "tấm lòng của con đỏ, hồn nhiên không phân biệt"; do tấm lòng của con đỏ gần giống như sự không phân biệt bởi đã hết sạch nhân dục, thiên lý lưu hành. Ông bèn chấp trước, đem so sánh "cái tâm của con đỏ" với chân như bổn tánh, há có đáng gọi là "kẻ khéo dạy người khác nhập đạo" ư?

Người ta nêu cái quạt để ví mặt trăng, mượn sự lay động của cây cối để giải thích về gió, ông liền tìm ánh sáng nơi quạt, tìm sự phất phơ nơi cây, tức là hoàn toàn chẳng biết pháp phương tiện để dạy người. Dẫu nói cho thật hữu lý thì vẫn chẳng phải là pháp để làm lợi kẻ sơ tâm. Huống chi nhà Nho trọn chẳng biết đến chân như Phật tánh. Chẳng nêu bày ở chỗ ấy thì chẳng có cách nào nhập đạo được đâu!

2. Nhà Nho ăn nói phải dựa theo những điều vốn được Nho giáo đề cao. Nếu nói đến Phật tâm chính là xiển dương Phật pháp. Cố nhiên những kẻ ấy do học Phật mà có sở đắc, nhưng lời lẽ vẫn y theo khuôn mẫu của Nho gia. Chẳng qua là ý nghĩa gần gũi với nhà Phật, ông có biết hay chăng?

3. Sách của Vương Dương Minh, thoạt đầu tôi chưa xem qua. Bốn năm trước, do thỉnh một bộ Dương Minh Toàn Tập, giở xem đại lược, rảnh đâu để học theo ông ta. Năm trước, do tôi muốn ẩn dật tại Hương Cảng nên bèn gởi bộ sách ấy về tặng thư viện huyện Cáp Dương.

4. Trong thời buổi này, ông luôn niệm niệm mong thành danh để lập từ đường, coi đó là chuyện để rạng mặt nở mày cha mẹ. Chí ấy ô trược, hèn tệ, đã gây nhục cho bà nội kế là lão thái quân Sài nơi chín suối. Huống chi nếu thật sự có thể thỏa mãn mục đích của lão thái phu nhân Sài thì sợ rằng sẽ khiến cho ông bà nội và cha mẹ ông đều cùng đọa xuống tầng chót trong địa ngục A-tỳ. Buồn thay!

5. Viên Tử Tài là gã cuồng, thoạt đầu chẳng hề tin Phật, nếu tin Phật sao lại báng Phật? Đến tuổi già do từng trải sâu hơn, biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, nên các chuyện cảm ứng đều ghi chép lại, nhưng trọn chưa từng thân cận tri thức và đọc nhiều kinh luận Đại thừa nên những gì ông ta nói phần nhiều đều chẳng đúng pháp. Chẳng hạn như ông ta biện bác "giới luật chẳng cho tổn thương đến một cọng cỏ nên chẳng thể ăn chay, bởi lẽ ăn rau là sát sanh". Lời lẽ ấy đều là những lời lẽ cong vạy, hư vọng, nhằm ngăn cản người khác ăn chay, khuyên người ta ăn thịt. Sao không nói: "Ta cũng có thịt, xin hãy ăn thịt ta trước." Dẫu có giết ông ta, ông ta cũng chẳng chịu thốt lời ấy! Coi ăn rau là sát sanh cũng là tà thuyết giống như "khuyên ăn thịt" vậy, chẳng cần công kích mà tự bị phá.

Con người sống trong thế gian ai có thể chẳng hít thở? Coi hít thở gây tổn hại cho những loài trùng tí xíu là ăn thịt, sát sanh, nhưng lại khuyên người ta hằng

ngày giết những con vật lớn để ăn thịt. Loại tà thuyết ấy giống như kẻ ngu thấy người khác dùng phân để bón cho đất màu mỡ thì các loại hạt ngũ cốc mập chắc, rau cỏ tươi non, mập mạp, sởn sơ, thơm ngon, bèn bảo: "Phân là vật tốt nhất. Hãy nên chuyên ăn thứ này thì càng được tốt đẹp chẳng khác gì!" Người đời phần nhiều cậy vào thứ tà thuyết chẳng dựa theo đạo lý ấy để cản người khác ăn chay, khen ngợi kẻ sát sanh. Năm xưa có người đem chuyện này hỏi, tôi liền dùng một thí dụ để đáp lời. Chúng ta sống trong vòng trời đất, ai có thể không hít thở? Do hít thở gây tổn thương những sanh vật nhỏ bé liền nói "ăn chay không hợp lý", ấy chính là cái tâm xấu hèn của gã tiểu nhân ngăn trở người khác làm lành vậy.

Ví như có kẻ sanh trưởng trong nhà xí, thường nghĩ thức ăn trong nhà xí quả thật là cao sang nhất, ngon lành nhất. Nhưng ở chỗ ấy có vị trưởng giả giàu có lớn, hắn ta sợ vị trưởng giả đó chưa từng được hưởng qua những vị ngon lành ấy, do vậy đưa thư mời trưởng giả vào nhà xí dự tiệc. Vị trưởng giả kinh ngạc, mắng: "Ngươi đúng là kẻ chẳng biết hổ thẹn, toàn thân ngươi nằm trong hầm phân, hằng ngày lấy phân làm cơm áo, sao dám mời ta đến chỗ ngươi ở?" Kẻ ở trong hầm phân nghe vậy, nổi giận đùng đùng, chửi bới: "Đồ hầm cầu nhà ngươi sao dám chửi ta hằng ngày ăn phân nhơ? Trong bụng ngươi đầy ắp phân tiểu. Kè kè cái thùng đựng phân ấy mà còn muốn nói thanh tịnh! Muỗi, ve, chấy, rận xả phân vãi tiểu trên đầu ngươi, thân ngươi. Ngươi hoàn toàn là một cái hầm phân, sao dám chửi người khác? Hơn nữa, gạo nước ngươi ăn vào đó đều đã có trùng thải phân vãi tiểu lẫn trong ấy, chẳng phải ngươi đã ăn phân, uống nước tiểu ư? Sao dám chửi ta là ăn phân, uống nước tiểu?"

Vị trưởng giả ấy tuy khiết tịnh, nhưng những lời trách mắng của kẻ trong hầm phân đều chẳng tránh khỏi, vậy thì cứ theo đúng những gì mình có thể làm được mà nói đến chuyện khiết tịnh, hay là sẽ vâng theo lời kẻ sống trong hầm phân đến chỗ hắn dự tiệc ư? Đã chỉ nên dựa theo những gì mình có thể làm được để làm, sao lại đem chuyện không làm được để trách móc người khác ư? Cứ muốn buộc người khác ăn thịt, sao chẳng mời người khác ăn thịt mình? Lời nói này cũng có thể làm tấm gương sáng cho những kẻ tà kiến vậy. Ông đã soạn cuốn sách Khuyến Tu Hành Giới Sát Ngật Tố Văn (văn khuyên tu hành kiêng giết ăn chay); trong tương lai khi tái bản sách ấy, hãy nên đem ý này thêm vào để chỉ bày cho kẻ thiếu tri kiến trong thiên hạ đời sau.

6. Ông lập ra thuyết ấy khá hữu lý, nhưng ông đả phá Dương Minh, mà ở chỗ ấy ý ông và Dương Minh đâu có khác gì? *"Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi"*

(Lòng người nguy hiểm khó lường, đạo tâm nhỏ nhiệm[91]), nói suông thì dễ, thực hành khó lắm! Ông Ôn Quang Hy đừng mơ phát tài làm quan, nếu Ôn Quang Hy phát tài làm quan, quyết chẳng thể vượt trỗi hạng tầm thường, lập công nghiệp lớn lao được. Do ông còn chưa được phú quý, ở đậu tạm thời trong nhà họ Kê, mà trước hết đã không giữ được nổi cái tâm không ham muốn sự giàu sang của người ta thì sau này làm sao giữ được?

7. Coi lời thành thật từ kim khẩu của đức Phật là ngụ ngôn, đấy chính là tà kiến, báng Phật, báng pháp, làm sao nói nhân quả để cảm hóa người khác cho được? Phụ nữ nhà giàu có ở Trùng Khánh muốn làm gái làng chơi, cũng là do đã coi mối quan hệ vợ chồng do thánh nhân chế định như sự đặt bày trống rỗng. Trong ý họ há cũng có lý "vợ chồng nhất định chẳng được hỗn tạp" ư?

8. Các nhà khoa học nói như thế cũng phải là không có lý do, nhưng họ chẳng biết tới nghĩa "duy tâm sở cảm, duy tâm sở hiện". Vì thế trở thành tà thuyết dối dân, hủy báng Phật pháp, ngăn trở người khác tấn tu.

9. Ông nói như vậy thì tâm can của ông đã hoàn toàn lộ rõ hết ra, như vậy thì ông nói học đạo nhưng đâu phải là học đạo, mà chính là học nghề đấy chứ!

10. Cảm Ứng Thiên vốn xuất phát từ sách Bão Phác Tử, nhưng lời lẽ trong sách ấy (tức Cảm Ứng Thiên) có ích cho cõi đời, nên được tôn là "Thái Thượng quân tử" (bậc quân tử cao quý nhất), chứ không coi là lời lẽ vớ vẩn của con người. Có mấy ai biết được năm ngàn chữ? Người tầm thường hiểu biết năm ngàn chữ ấy sẽ không bằng một người tầm thường biết tới Cảm Ứng Thiên, do đã đạt được lợi ích thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia rất nhiều. Ông bàn luận "có nên đưa Cảm Ứng Thiên vào chánh sử hay không nên đưa vào", còn tôi chỉ quan tâm ở chỗ sách ấy có ích cho thân ta lẫn nước ta mà thôi!

11. Hai pháp định tuệ được bao quát trong việc học Phật đạo, nếu chỉ hiểu là một chữ tĩnh sẽ nhỏ nhoi lắm! Trần Bạch Sa, Chu Hối Am[92] cho là "rớt vào chỗ trống rỗng, mờ mịt" là vì họ tưởng "ngoan không" (trống không rỗng tuếch) chính

---

[91] Đây là một câu nói trích từ thiên Đại Vũ Mô, sách Thượng Thư. Câu này dịch theo cách giải thích của Hán Tự Thành Ngữ Từ Điển.

[92] Trần Bạch Sa (1428-1500) tên thật là Hiến Chương, tự Công Phủ, hiệu Thật Trai, do từng sống ở thôn Bạch Sa nên được gọi là tiên sinh Bạch Sa. Ông Trần chịu ảnh hưởng sâu đậm của Lý học, từng theo học với học giả Ngô Dữ Bật. Ông ta học rộng, có tài văn chương, rất được các danh nhân đương thời tán thưởng, nhưng suốt đời nghèo hèn, thường nói: "Có hai khoảnh ruộng để cày cấy là đủ rồi!" Ông ta đề xướng đường lối để thấu hiểu đạo Nho là "lấy tĩnh làm chủ, ngồi yên lắng lòng, trong sự yên tĩnh, dưỡng thần sẽ thấy được đầu mối". Những kẻ theo đường lối ấy được gọi là Giang Môn Học Phái.

Chu Hối Am chính là Chu Hy, tức một trong những người sáng lập Lý học.

là tĩnh của nhà Phật. Nếu không phải là ma mãnh cố ý hủy báng thì họ chẳng biết gì về ý nghĩa chân tĩnh trong nhà Phật cả. Chuyện "kính" chính là cửa ngõ để nhập đạo. Nếu lý luận một cách trái lẽ sẽ thành trái nghịch đạo trời, là đại bất kính. Những vị tiên sinh bên Lý học chú trọng vào "tiểu kính" (sự cung kính nhỏ nhặt, vụn vặt) nhưng đều phạm đại bất kính. Do những lời lẽ họ bàn luận về lý tột cùng của tâm tánh đều là trái trời nghịch lý, cho nên gọi họ là "họ phạm đại bất kính". Ông nên biết như vậy.

12. Chu tử (Chu Hy) dạy người khác đừng tụng kinh tức là báng Phật pháp, còn tôi dạy người khác đừng tụng kinh là vì thận trọng nơi chuyện ấy. Do ân cha mẹ sâu nặng, hãy nên nghiêm túc thỉnh tăng sĩ có đạo tâm niệm Phật, chớ nên thỉnh những ông tăng chuyên làm kinh sám đến tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục chỉ nhằm phô trương, hoa mỹ trống rỗng. Sao ông chẳng đọc những đoạn văn trên và dưới câu ấy, lại cắt lấy một câu ở chính giữa rồi luận đúng sai xằng bậy! Do vậy tôi biết ông tâm bộp chộp, tánh tình hời hợt, mọi chuyện đều cẩu thả. Từ nay ông đừng gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ không trả lời. Nếu trả lời thì không có tinh thần ấy, ông có biết hay chăng? Nguyện vợ chồng con cái ông siêng năng niệm Phật, xin hãy sáng suốt soi xét.

501. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ ba)

Lá thư ông tự thố lộ mình đã khởi dâm niệm ở Trùng Khánh Điện Ảnh Viện tôi đã nhận được rồi. Tình niệm của con người như nước, lễ pháp như đê. "Nam nữ thọ thọ bất thân"[93], chính là thánh nhân đã ngừa trước chuyện "do trao nhận đồ vật mà đụng chạm, chắc sẽ khởi lên ý niệm không trong sạch". Muốn nắm tay thì khi chưa nắm đã có chín phần dâm niệm rồi. Những nữ nhân khiêu vũ ấy mặc áo mỏng như the, như lượt, nam nữ ôm nhau mười mấy phút, tới lần thứ ba thì đèn vặn mờ đi gần như chẳng thấy được ai. Tình hình ấy hoàn toàn là hành vi cầm thú, nhưng khắp các ấp lớn đều ồ ạt dựng cờ gióng trống mở trường dạy khiêu vũ, chánh phủ và các nhà giáo dục đều chẳng hỏi tới. Thế đạo nhân tâm còn mong chi tốt lành được nữa? Hãy nên nỗ lực đoạn trừ những thứ tình niệm chẳng đúng pháp ấy, như người xưa đã nói: "Khử một phần tập khí nhơ bẩn, được một phần lợi ích."

[93] Đây là một câu nói trích từ thiên Ly Lâu sách Mạnh Tử: *"Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ dã"* (男女授受不親, 禮也). Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải: Chữ thọ (授) là trao, còn thọ (受) là nhận, thời xưa nam nữ trao đồ vật cho nhau chẳng thể đưa tay đụng chạm. Câu này hiểu theo nghĩa rộng là nam nữ chẳng thể tùy tiện đụng chạm nhau, chỉ trừ những trường hợp bất khả kháng như cứu người chết đuối, đỡ người bị ngã v.v..

Niệm Phật mà thấy các cảnh tượng thì đối với cảnh ác chớ nên sợ hãi, chỉ nhiếp tâm chánh niệm, cảnh ấy liền tiêu. Với thiện cảnh chớ nên hoan hỷ, chỉ nhiếp tâm chánh niệm, ắt sẽ có sở đắc, tức là nghiệp tiêu, trí rạng. Nhưng sở đắc có cạn, có sâu, chớ nên sanh ý tưởng thỏa mãn, cho là đã đầy đủ rồi, không tu tập nữa. Nhiếp tâm chánh niệm thì thiện cảnh càng rõ rệt hơn hoặc liền biến mất, đừng quan tâm đến nó. Chỉ cốt sao niệm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa niệm là được rồi. Thấy thiện cảnh tâm địa thanh lương, trọn chẳng có tâm vọng động, bộp chộp, chấp trước, cũng chẳng đoan chắc là đã nhập định. Biết rõ đấy chỉ là duy tâm sở hiện, chẳng phải là đối cảnh vô tâm.

"Chẳng nhờ đến phương tiện mà tâm tự được mở mang" nghĩa là niệm như con nhớ mẹ, đấy chính là phương tiện tối thượng, chẳng phải nhờ cậy vào các phương tiện khác. Ông hiểu lầm "không chấp trước" là "quét sạch" nên mới có nhận định tương phản với pháp được tạo lập ấy. "Như con nhớ mẹ" sao lại bảo là "quét sạch"? Nếu thánh cảnh hiện, biết cảnh ấy chỉ là duy tâm, hễ chấp trước thì không phải là duy tâm. Do kẻ sơ tâm hễ thấy thánh cảnh, phần nhiều chẳng biết là duy tâm, nên sanh lòng chấp trước. Hễ chấp trước thì nếu không phải là hạng "được chút ít đã cho là đủ" thì cũng là "bị ma dựa phát cuồng". Do đó kinh dạy: "Nếu tâm chẳng cho đó là thánh cảnh, bảo là mình đã chứng thì gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu tưởng là thánh cảnh, liền bị vướng trong lũ ma, bị ma dựa phát cuồng."

Ông là một gã si dại chẳng hiểu chuyện, há nên đem chuyện dụng công lúc thường ngày để sánh ví với sự đau xót, khẩn thiết dốc sức khi lâm chung lúc tướng địa ngục hiện. Như đứa con hiếu lúc bình thường nghĩ đến cha mẹ, tuy cực khẩn thiết, trọn chẳng thể buồn rầu, đau đớn bằng khi cha mẹ đã chết, chẳng màng đến thân mạng của chính mình nữa. Ông hãy nên dựa theo sự tướng, chí thành khẩn thiết để tu. Nếu nói lý mà tâm thật sự chẳng thông thì đã vừa vô ích mà còn tự bị tổn hại. Hễ cảnh hiện, bèn khám nghiệm, ông bảo đấy là phân biệt, nhưng ông đã thấy được cảnh thì khám nghiệm nó đâu có trở ngại gì? Người khám nghiệm chẳng khởi lên một phương pháp nào khác, vẫn là nhiếp tâm nơi Phật, chẳng cho niệm thứ hai khởi lên.

Do ông chẳng biết cách khám nghiệm, tưởng rằng có cách khám nghiệm khác, nên ngược ngạo biến thành phân biệt. Người niệm Phật trọn chẳng phải là kẻ lơ mơ, không phân biệt, hiểu biết. Như gương soi vật, vật đến liền hiện bóng, vật đi sẽ không còn hình bóng nữa. Lời ông nói đều là chưa bị ma dựa lại muốn bị ma dựa, chứ đâu phải là nói về cách ngăn ngừa cho khỏi bị ma dựa. Do ông dùng cái tâm bộp chộp, vọng động gấp gáp muốn đạt được cảnh ấy nên đâm ra trở thành

chướng ngại. Đang trong đại kiếp này, há nên chẳng chí tâm niệm Phật mà cứ vọng tưởng tơi bời, luận nói những lời suông rỗng ư? Sự nguy hiểm trong Mật tông quả thật chẳng có bút mực nào có thể diễn tả được. Xin hãy giữ chết cứng Tịnh độ để tu trì, nhường cho kẻ khác tu các pháp khác đều thành Phật. Xin hãy sáng suốt suy xét!

502. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tư)

Hôm mồng 2 tôi gởi sang Trùng Khánh một lá thư, chắc ông đã nhận được rồi. Phàm là người tu hành chỉ nên lắng lòng tịnh niệm, chớ nên dấy lên những mong mỏi vượt phận. Ngay như chuyện nhắm mắt thấy ánh sáng trắng, tâm chẳng nghĩ là có sở đắc, cố nhiên sẽ là dấu hiệu tốt lành. Nếu cho là đã đắc, thì nhẹ là lui sụt, lười nhác, mà nặng là phát cuồng. Người bệnh nhất tâm niệm Phật đợi chết, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Nếu tuổi thọ đã hết, chắc chắn được vãng sanh. Nếu lúc đang bệnh tật, mong chóng được lành, trọn chẳng có ý niệm cầu vãng sanh thì nếu tuổi thọ chưa hết, do cầu gấp được lành bệnh, sẽ chẳng chịu nhất tâm niệm Phật. Tuy niệm Phật, nhưng vọng niệm "cầu được lành bệnh" quá nặng, đâm ra chẳng tương ứng với Phật, quyết khó thể mau chóng lành bệnh được. Nếu tuổi thọ đã hết, do tâm cầu lành bệnh thiết tha, chắc chắn chẳng có chuyện vãng sanh, sẽ trở thành cầu đọa trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn chẳng thoát lìa vậy.

Người đời nay đa số khởi vọng tưởng vượt phận, mong được thần thông bèn học Mật tông (những người tu Mật tông chân thật không thuộc trong số này), như gã ma Phó X… chết ở Bắc Bình, các đệ tử của gã Y… có kẻ muốn phát tài lớn đâm ra bị hao hụt một hai trăm vạn. Có kẻ muốn được quyền lợi đâm ra mấy chục người bị nhốt trong lao ngục. Có kẻ muốn được thành Phật ngay tức khắc, đâm ra bị ma dựa phát cuồng. Gã A… nọ tôn lạt-ma B… làm thầy; vị thầy ấy có thần thông biết được quá khứ, vị lai. Gạn hỏi đến chuyện độc lập, thì liền mất mạng ngay trong hôm độc lập. Lạt-ma B… và thần thông của ông C… khiến cho nhiều đệ tử hết sức sùng phụng họ bị liên lụy, đủ biết thầy lẫn đệ tử đều chẳng giữ yên bổn phận. Không có thần thông, há nên mạo xưng thần thông! Học Phật pháp, há nên mù quáng quấy rối, mưu toan phát tài lớn lao, được quyền hành lớn lao ư? Nhân địa chẳng thật, sẽ chuốc lấy cái quả cong vẹo. Ông hãy nên giữ phận, mặc kệ cho người ta đều thành Phật. Dẫu cho ông chẳng đạt được điều gì lớn lao, nhưng đã có nhiều vị Phật như thế đấy thì họ sẽ chẳng thể nào không độ ông.

503. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ năm)

Nhận được cuốn sách Trúc Hư của lệnh nội[94] ở Thành Đô, biết rõ bà ta mang tâm lợi sanh sâu đậm, khôn ngăn cảm kích, khâm phục. Nhưng nói "Ấn Quang quả thật có thể lấy tri kiến của Phật làm tri kiến của chính mình" thì Quang là hạng người nào mà dám nhận sự khen ngợi quá lố như thế? Chẳng qua lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, nói ra những điều tôi thấy được mà thôi. Dẫu thích đáng hay không thích đáng, cứ mặc cho người đọc phán đoán mà thôi, Quang quyết chẳng suy tính đến điều ấy.

Từ xưa, chư tổ hoằng pháp đều dựa theo thời tiết, căn cơ để hướng dẫn cho hàng hậu học đạt được lợi ích, chớ nên bảo các ngài thiên chấp. Phải thấu hiểu nỗi khổ tâm của các ngài trong thời buổi ấy. "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà", lời ấy vốn không có khuyết điểm gì! Khuyết điểm là do người học chẳng hiểu ý nghĩa trọn vẹn, cứ chấp chết cứng vào một bên, bèn giống như gã thấy biết hẹp hòi, lệch lạc, chấp trước. Kẻ chưa chứng đắc trong nhà Thiền chỉ chấp vào "duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà", nói Tịnh độ lẫn Di-đà đều chẳng phải là thật có. Hạng người ấy vốn chẳng hiểu Thiền, huống hồ Tịnh độ?

"Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà" như các vị cổ đức Tịnh độ đã nói, chính là nói "Tây Phương Tịnh độ chẳng ra ngoài duy tâm, A-di-đà Phật chẳng rời ngoài tự tánh." Tánh tướng, lý sự, nhân quả đều được phô bày trọn vẹn trong ấy. Các hạ mắc bệnh thiên chấp, chẳng thể nhiếp trọn khắp được. Nếu bảo là người học do độn căn nên khó thể lãnh hội thì được, chứ nếu bảo lời ấy của cổ đức có khuyết điểm thì không được.

"Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi" và "sanh thì thật sự chẳng sanh, đi thì quyết định đi", đều là những lời khuôn phép nêu tỏ cả sự lẫn lý, cần gì phải suy lường quá lố? Chẳng qua là vì con người hiện thời phần nhiều đối với sự lẫn lý đều chưa hiểu trọn, chẳng thà cứ dựa theo sự mà nói, chứ chẳng nên dựa theo lý để nói, ngõ hầu họ khỏi bị hiểu lầm đến nỗi trở thành rộng rãi, khoáng đạt suông. Quang hổ thẹn đến cùng cực, đối với lý tánh tôi cũng chưa hiểu rõ lắm. Nếu bắt chước con két học nói tiếng người thì cũng chẳng phải là hoàn toàn không thể nói được, chỉ có điều chẳng dám nhận mình là bậc thông gia! Nếu ai chẳng chê Quang chưa thông suốt thì chẳng ngại gì đem sự không thông suốt của mình thưa với họ. Do vậy, tôi chẳng chủ trương nói tới lý tánh và những điều huyền diệu.

Các hạ tuổi trẻ nhập đạo, học thức uyên bác, tâm lợi sanh tha thiết, nhưng do chưa thấu hiểu sâu xa đạo "tùy theo căn cơ mà ban bố giáo pháp, do thời mà chế

[94] Danh xưng tỏ vẻ tôn kính vợ của người khác.

định những điều nên làm", đến nỗi chê cổ đức sai lầm. Đấy cũng là dấu hiệu chỉ rõ ông hàm dưỡng chưa đến nơi đến chốn. Đối với hạnh nguyện của Phật, Bồ-tát thì "một nhiếp hết thảy". Người đời sau khi nêu tỏ ai nấy đều tùy theo sự thấy biết của chính mình, lẽ đâu dựa vào đó để chê cổ đức kém cỏi! Nếu chấp vào nghĩa ấy để hành, dẫu cho đức Bổn sư Thích-ca, Di-đà Thế Tôn cũng khó thoát nạn được.

Quang bế quan trước, quả thật là vì sợ gây lầm lẫn cho người khác, chứ chẳng phải là muốn tự lợi. Xin hãy tâm bình khí hòa, chân thật thực hành thì sẽ có thể làm bậc đạo sư cho cõi đời lúc này. Nếu không, sợ rằng Ôn Quang Hy đúng hay sai tuy khác với Vương Canh Tâm, nhưng Ôn Quang Hy tự phụ chẳng khác gì Vương Canh Tâm vậy. Do các hạ là người tu đạo, Quang cũng là người tu đạo nên nói thẳng thừng chẳng úp mở gì!

504. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ sáu)

Đọc những gì ông nói, biết rõ ông tuy đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục mà vẫn y như cũ, chẳng chú ý tới chỗ khác biệt giữa Thiền và Tịnh. Nếu ông tin tưởng tới nơi tới chốn lời giải thích về giới hạn giữa Thiền và Tịnh, cần gì phải đi qua bảy tỉnh để cầu người quyết trạch[95] nữa ư? *"Triệu Châu bát thập do hành cước"* (Triệu Châu tám mươi tuổi vẫn hành cước[96]) là chuyện "quyết trạch kiến địa" trong nhà Thiền. Người niệm Phật chỉ nương theo ba kinh Tịnh độ do đức Phật đã dạy, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, cho nên chẳng cần phải lần lượt tìm người khai thị.

Cổ nhân lập ngôn, mỗi vị đều có hạnh riêng, do ứng với căn cơ bất đồng nên nói ra những lời bất đồng. Hãy nên tự lượng chính mình thuộc tư cách nào thì mới chẳng hiểu sai ý nghĩa thật sự của những lời cổ nhân đã nói ra nhằm tương ứng với từng căn cơ. Người đời nay trọn chẳng có duyên tu đạo như cổ nhân, thể lực của chính mình yếu đuối, tâm lượng hẹp hòi nhỏ nhen, hoặc lại cuồng ngạo trái nghịch; muốn kiếm được người hiểu biết, có đủ nhãn quan như cổ nhân thì trong ngàn vạn kẻ, khó kiếm được một hai!

Có được pháp môn "cậy vào Phật lực để liễu sanh tử" này mà vẫn cứ coi rẻ, toan hướng đến bậc tri thức thuộc những pháp môn cậy vào tự lực để tìm tòi

---

[95] Quyết trạch (nairvedhika), gọi đủ là "quyết đoán giản trạch", tức là dùng vô lậu thánh trí để giải quyết dứt khoát các mối nghi, phân biệt chọn lựa pháp thích đáng. Về sau, quyết trạch được dùng như một từ ngữ diễn tả sự chọn lựa, phân định một giáo nghĩa là chánh hay tà, giải trừ mối nghi, chọn lựa đường lối tu hành thích hợp.

[96] Hành cước, còn gọi là du phương, du hành, nghĩa là vị tăng không có nơi ở nhất định, nhằm tham phỏng các vị danh sư mà đi khắp bốn phương.

đường tắt liễu sanh tử thì đã là chẳng biết lợi hại. Huống hồ lỡ gặp phải các bậc đại quyền thị hiện những hạnh chẳng hợp với đạo ư? Nếu ông chết được si tâm vọng tưởng, chắc chắn sẽ có thể vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu chưa tu mà đã muốn thấy được cảnh tốt đẹp ngay, chắc chắn mai sau sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng đấy! Ví như mài gương, chất dơ mất đi, ánh sáng còn lại; lúc bụi nhơ chưa trừ sạch hết, làm sao có tướng tốt lành hiện ra cho được?

Ông nói "hiện thời chưa thể nhất tâm, khi lâm chung sẽ khó thể đắc lực", cũng là bàn luận theo kiểu chỉ biết nhặt nhạnh những lời cổ nhân đã nói, chứ chẳng tự lượng theo những gì chính mình làm được. Ông vừa mới phát tâm, chỉ mong không có hết thảy những tạp niệm vô vị đã là rất khó khăn rồi. Sao lại muốn ngay trong khi ấy sẽ thấy được những tướng tốt đẹp vậy? Ví như muốn cho trẻ gái mới vừa sanh ra liền đẻ được con, có lẽ ấy hay chăng? Nếu ông là hạng đại căn tánh túc căn đã chín muồi thì cố nhiên chẳng khó khăn cho lắm. Nếu không, do gấp gáp mong cầu sẽ phát cuồng, vĩnh viễn cắt đứt thiện căn.

Muốn báo ân bà nội là lão thái phu nhân Sài và ân cha mẹ, nhưng chẳng chú ý nơi một pháp niệm Phật, há chẳng phải là bỏ đại lợi ích để cầu tiểu lợi ích ư? Pháp niệm Phật trọng tại lòng từ của đức Phật gia bị, dẫu là hạng phàm phu đầy dẫy hoặc nghiệp vẫn có thể nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh; hết thảy những pháp khác trọn chẳng có nghĩa này!

Ông nói năm sáu năm qua, từ sau khi ra trường, mắc bệnh xương khớp rã rời, gần như đã chết một nửa người. Có phải vì trong thuở còn đi học ấy bạn bè đàn đúm tụ họp, cùng nhau đọc tiểu thuyết[97] đến nỗi chân tinh mất mát, thủ dâm liên tục, do vậy mới có hiện tượng ấy hay chăng? Đấy chính là căn bệnh chung của lũ học sinh trong hiện tại, trong mười đứa có đến tám chín đứa vướng phải. Do cha mẹ, thầy, bạn đều chẳng chịu nhắc đến, nên kẻ bị bệnh ngày thấy càng nhiều, chẳng thể ngăn dứt được. Do chuyện này, Quang liền cho in tám trăm cuốn Thọ Khang Bảo Giám. Hễ kẻ trẻ tuổi gặp Quang, Quang đều nói rõ lẽ lợi hại với họ, bảo họ giữ gìn thân thể đừng phạm. Dù là thủ dâm hay tà dâm đều phải nghiêm túc kiêng dè, đừng phạm; ngay như vợ chồng ăn nằm với nhau cũng phải có chừng mực, cũng như biết kiêng kỵ để khỏi đến nỗi bị mất mạng oan uổng. Nếu không, người cực tốt cũng vẫn có thể chết vì chuyện này. Xúm nhau đổ thừa cho số mạng, chẳng biết tự mình đã nộp mạng.

Ông còn rất trẻ mà đã bị bệnh, hãy nên thường đọc sách ấy, cũng như bảo Đức Chánh thường đọc. Đôi bên răn nhắc lẫn nhau, ngõ hầu những đứa con đã sanh

[97] Chữ "tiểu thuyết" ở đây nhằm chỉ những thứ tiểu thuyết bị coi là "dâm thư" do khơi gợi tình yêu trai gái suồng sã như Tây Sương Ký, Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng v.v..

như Quân Tốn v.v. đều được mũm mĩm, trưởng thành, tánh tình hiền thiện, vợ chồng ông sống hạnh phúc đến già, cùng sanh Tây Phương.

Nói tới chuyện làm quan lớn hay làm giáo viên có chức vụ cao, mà nếu có thể thay đổi phong tục, dẫn dắt dân hướng đến chỗ nhân từ, sống lâu theo đúng lẽ thánh hiền, cố nhiên là điều vinh hạnh. Chứ nếu chỉ có thể giúp cho những chuyện phế kinh điển, phế hiếu, phế luân thường v.v. thì địa vị càng lớn, tội nghiệp càng sâu, nhục nhã khôn cùng! Nếu ông vẫn coi chuyện bị kẻ khác đối xử lạnh nhạt là khổ thì ông sẽ trở thành một kẻ chẳng biết tốt xấu.

Ông muốn mưu tính [có được địa vị quan lớn hay một chức vụ lớn trong ngành giáo dục] là để cầu danh hay là để hành đạo vậy? Nếu để hành đạo thì hãy nên mưu tính, chứ để cầu danh thì đừng nên mưu toan. Do ông còn có cơm ăn, tổ phụ (ông nội) của ông là Hưng Toàn Công âm đức chẳng ít; há có nên vì cái danh suông ấy mà chịu quỵ lụy kẻ khác, dẫu chẳng muốn gây nghiệp, há có được chăng? Ông hãy nên bỏ cái tâm ấy đi để sau này khỏi phải hối hận "cắn rốn không kịp"[98]. May là Đức Chánh hiền huệ, hãy nên bảo cô ta đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Khuê Phạm, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, để trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, mà con cái sanh ra sẽ đều thành hiền nhân, thiện nhân, may mắn chi hơn?

Gia cảnh ông khá dư dả, hãy nên in Lịch Sử Thống Kỷ bao nhiêu đó bộ để tặng cho đất Xuyên (Tứ Xuyên), ngõ hầu những tay hào kiệt dấy lên sau này đều biết "nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi cũng là nhiệm vụ trọng yếu khiến cho đời yên dân lành". Nếu muốn in, hãy tiếp xúc với ông X… Mấy chục năm qua, Quang gởi cho Tứ Xuyên các thứ sách thật nhiều, một là vì đất Xuyên quá xa, cũng như do thầy tôi xuất gia tại núi Nga Mi.

"Tinh tinh" nghĩa là "tỉnh ngộ, hiểu rõ", ông dùng chữ ấy sao được? Ăn nói vẫn là lời lẽ hồ đồ, lại tự xưng là "chừng mực, tinh tinh đến cùng cực". Dùng chữ hãy nên lưu tâm! Nói chung, ông đã quy y Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn phải thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, quyết định cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật, đáng gọi "chẳng khiến đấng sanh ra ta phải hổ thẹn". Nguyện ông và Đức Chánh đều cùng cố gắng thì may mắn lắm thay!

505. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ bảy)

[98] Nguyên văn "phệ tễ bất cập" vốn là một thành ngữ ngụ ý: Giống như con thú tự mình cắn rốn lôi ruột ra, có hối hận cũng đã muộn rồi.

Tánh tình ông đúng là hệt như trẻ nít, lần trước tôi đã gởi cho ông một bức thư dài vì sợ ông ham danh sẽ gia nhập quân đội hay tham dự chánh trường. Trong lá thư ấy đã cực lực bày tỏ lẽ lợi hại, sao không lấy những lời bàn luận ấy để định hướng cho tương lai? Ông lại hận vì tôi bế quan nên chẳng thể chỉ dạy trọn khắp, lại than "mờ mịt không chỗ nương theo". Nếu ông nghe lời tôi, sao lại "mờ mịt không chỗ nương theo" cho được? Ông không nghe lời tôi thì sẽ mờ mịt không chỗ nương theo cho đến tận sau khi đã nhắm mắt.

Gia cảnh ông may mắn không thiếu hụt, lẽ ra hãy nên trong lúc này càng thêm gắng sức tu trì nhằm mong khỏi bị mắc họa, lại cứ muốn đâm đầu vào hang họa để được cái hư danh chẳng đáng một tiếng than ư? Chẳng tính tới cái họa cùng cực là "đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn đọa trong ác đạo", bệnh cuồng của ông có thể nói là cực cuồng!

Gia Ngôn Lục, Văn Sao chẳng phải là khai thị ư? Những sách trước kia và những cuốn sách rút gọn v.v. chẳng phải là khai thị ư? Nếu như ý ông, dẫu có bao nhiêu sách vở đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở tới chắc cũng chẳng vừa ý ông. Ông thật đúng là kẻ đáng thương! Xin hãy nhất tâm trì chú Đại Bi và danh hiệu Quán Âm để khỏi mắc phải các họa hoạn.

Gần đây ở đất Tô có mấy vị thiện nhân dạy người khác niệm Ma-lợi-chi Thiên Chú để bảo vệ chính mình lẫn gia đình, cầu thái bình. Họ đã in mười vạn tờ, tặng cho mỗi gia đình ở nơi đây một tờ, tặng cho mỗi cơ quan từ thiện các nơi khác mỗi nơi chừng đó tờ, mong những nơi ấy sẽ phân phát giùm, lại còn in thêm nữa. Lời Bạt trong tờ chú ấy do Quang sửa chữa giùm cho họ, họ muốn Quang ký tên cho người khác trông thấy sẽ tin tưởng, vì thế tôi thuận theo ý họ mà ký vào.

Họ lại mời 20 người lành nhưng nghèo khổ thiếu cơm ăn đến hội từ thiện của họ để niệm chú ấy trong một trăm ngày, mỗi ngày cung cấp thức ăn và trả tiền tụng chú để họ có cái nuôi nấng gia đình. Việc này đáng gọi là một hành động trọn đủ nhiều điều tốt đẹp. Đang trong cơn đại kiếp mênh mông này, chẳng phát tâm lợi người lợi vật một phen thì khi ngọc lẫn đá đều cháy, há chẳng đành than suông khi xưa đã lỡ làng ư? Nay gởi cho ông ba tờ, xin hãy niệm kèm thêm, ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Trong thư, ông thường than bận rộn, bận rộn vì lẽ gì vậy? Thật sự là bận rộn bởi những chuyện vô vị! Từ xa mấy ngàn dặm đến đây gặp Quang chỉ vì nghe danh, để rồi gặp xong một bữa bèn chẳng chịu ở lại nữa. Những điều cực chánh yếu trong suốt một đời Quang và đời ông, Quang đã đều chỉ hết cho ông rồi. Ngoài những điều ông xin hỏi ra, tôi còn giải đáp thêm bằng một bức thư dài, nhưng ông vẫn như chưa hề thấy một chữ nào, mà cũng chẳng buồn nhắc tới. Lại

cứ thường than thở thiếu duyên, đúng là nực cười đến cùng cực! Nếu có thể chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, y theo lời tôi thì từ đây sẽ được vui sướng vô cùng. Nếu không, sẽ giống như gã câm nuốt phải hoàng liên[99], chịu đắng nhưng chẳng thể nói được. Xin hãy sáng suốt suy xét, đây là lời dặn dò cuối cùng của Quang!

506. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ tám)

Ông vọng tưởng tơi bời mà vẫn gấp muốn được nhất tâm bất loạn, tâm ấy chính là cái gốc cho ma dựa. Vì thế Quang nói: "Pháp môn Tịnh độ trọng tại tín nguyện", nếu tín nguyện chân thật thiết tha, dẫu chưa đắc nhất tâm vẫn có thể vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dẫu đắc nhất tâm, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử! Vì thế chẳng khuyên ông miệt mài cầu nhất tâm. Do ông vọng tưởng tơi bời, hễ cầu nhất tâm, nhất định sẽ bị ma dựa. Ông chẳng xét hiểu ý Quang, bèn nghĩ là "mặc kệ, miễn sao thuận tiện thì thôi". Những kẻ đối với chuyện trước mắt bèn tùy tiện, chắc chắn chẳng phải là người tín nguyện chân thiết. Nếu tín nguyện chân thiết, quyết chẳng đến nỗi hờ hững, tùy tiện, để rồi đều chẳng được vãng sanh. Lý vốn chẳng chướng, do ông coi vô lý là hợp lý nên tự sanh chướng ngại thì còn oán trách ai?

Đại sĩ Quán Âm chính là cổ Phật quá khứ. Nhà khảo chứng tầm mắt nhỏ tí như hạt đậu nhưng cứ nói bừa đạo lý! Há ông chẳng từng đọc phẩm Phổ Môn trong quyển bảy kinh Pháp Hoa, chương Quán Âm Viên Thông trong quyển sáu kinh Lăng-nghiêm? Đọc hai kinh ấy sẽ bật cười trước những lời lẽ của bọn khảo chứng. Sách Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng không gì chẳng nói rõ, chỉ vì ông tâm khí thô phù, trọn chưa hề hiểu rõ ngữ khí và ý nghĩa của đoạn văn trước lẫn đoạn văn sau, nên mới mờ mịt, không biết theo hướng nào.

Ba cô con gái của vua Diệu Trang[100] là ngoa truyền. Kinh Cao Vương là ngụy kinh, tụng kinh này thì vẫn có công đức chẳng ít, do trong ấy có thật nhiều danh

[99] Hoàng liên (coptischinensis franch) vốn là một loại dược thảo, phần làm thuốc chính là phần củ (thân ngầm) vị rất đắng, được tin là có tác dụng giáng hỏa, tiêu độc, thường dùng để chữa các chứng bệnh tiêu chảy, ói mửa, đau răng, tai có mủ v.v..

[100] Dân gian Trung Hoa thường truyền tụng xưa kia tại Trung Hoa có vua Diệu Trang (nhưng không hề nói rõ vua Diệu Trang sống vào thời đại nào) có ba cô con gái. Hai người con đầu xa hoa, tham lam quyền thế, vật chất, tìm mọi cách lấy lòng cha, gièm xiểm người em út. Người con gái thứ ba tên là Diệu Thiện hâm mộ Phật pháp, nhạt mùi danh lợi, trốn hoàng cung đi tu, về sau chứng quả, trở thành Quán Thế Âm Bồ-tát. Thậm chí để giải thích hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm, có nơi còn vẽ rắn thêm chân như sau: Do làm nhiều chuyện ác, đốt chùa, đuổi tăng, vua Diệu Trang bị đọa địa ngục. Để cứu cha, Diệu Thiện xuống địa ngục, quỷ sứ đòi chuộc mạng, Diệu Thiện phải cắt một cánh tay biếu cho quỷ sứ ăn. Khi trở về dương gian, do cảm mộ tấm lòng từ bi của Diệu Thiện và thấy ngài mất một cánh tay, dân

hiệu Phật, kinh này đã lưu truyền từ thời Lục Triều[101]. Người thật sự thông hiểu Phật pháp chẳng đề xướng, nhưng muốn cho tục nhân gieo thiện căn nên cũng chẳng ra sức ngăn trở.

Ông thật đáng gọi là kẻ cuồng bậc nhất, tâm vinh hoa trong cõi đời như sóng biển vỗ đập ào ào mà muốn ngay lập tức gió yên sóng lặng, lắng trong bất động. Tâm gấp muốn cầu được bất động chính là cái gốc của mọi sự đua nhau dấy động đấy! Lại như nồi đã sôi trào, cứ tận lực tăng thêm lửa mà mong cho nó chẳng trào sùng sục, há có được chăng? Quang nói với ông toàn là những chuyện "lặng gió, rút bớt củi", nhưng ông chẳng xét kỹ, vẫn cho là khuấy sóng, sôi trào thêm, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Ông hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ắt sẽ chẳng đến nỗi tự phụ bạc ông. Nếu không, đừng coi tôi là thầy, hãy bái vị cao minh nào khác làm thầy, Quang cũng chẳng hỏi đến ông nữa!

507. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ chín)

Lá thư dài đã nhận được. Do ông nói sẽ đi ngay, tôi tính gởi thư sang cho Đức Chánh ở Trùng Khánh, nên trả lời chậm trễ. Hôm qua nhận được thư ông, biết ông vẫn chưa trở về Tứ Xuyên, nên tôi nói đại lược. Sát kiếp hiện thời có thể nói là "từ xưa đến nay chưa hề có", đang trong lúc thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực này, làm dân đen cố nhiên là khổ, nhưng nỗi khổ của trưởng quan còn sâu đậm hơn trăm họ gấp hằng hà sa lần. Cha ông là Hoàn Quân Ông có tầm nhìn gần giống như ông, đều chưa thấy thấu suốt. Quân nhân hiện thời nói chung phải chú trọng thắng địch, từ sáng đến tối luôn suy nghĩ cách đánh thắng địch. Ông muốn đắc nhất tâm, thấy được hảo tướng ngay mà vẫn còn có thứ vọng tưởng ấy. May mà ông được Quang nói toạc ra, nếu không thì chắc chắn bị ma dựa!

Ước theo thân phận ông để luận, hãy nên giữ vững lòng chí thành cung kính, lễ niệm là được rồi, đừng miệt mài cầu tương ứng thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Nếu không, sẽ nguy hiểm hơn vào vực sâu, bước trên băng mỏng đấy! Ông nói: "Làm sĩ quan thì người khác chẳng dám khinh khi." Hãy thử nghĩ xem quỷ có

---

chúng đã tự động dùng ngọc, đá, vàng, bạc làm thành cánh tay biếu tặng ngài. Do mạnh ai nấy phát tâm nên dân chúng đã đúc ra 999 cánh tay. Không thể phụ lòng tốt của người khác, Diệu Thiện phải tiếp nhận tất cả. Do vậy Bồ-tát có đến một ngàn cánh tay.

[101] Lục Triều có hai cách hiểu:

1. Sáu triều đại ở phương Nam tức Đông Ngô, Đông Tấn, Nam Tề, Lương, Trần đều đóng đô tại Kiến Khang Nam Kinh nên sử thường gọi là Nam Triều Lục Triều.

2. Sáu triều đại ở phương Bắc là Tào Ngụy, Tây Tấn, Bắc Ngụy, Bắc Tề, Tây Chu, Tùy đều ở phương Bắc nên sử gọi là Bắc Triều Lục Triều.

Dù hiểu theo cách nào thì kinh Cao Vương cũng xuất hiện trễ nhất vào thời Trần - Tùy, tức khoảng năm 581.

dám khinh ông hay chăng? Đã làm sĩ quan, há chẳng thể không chú trọng giết địch? Nếu giết cho đúng thì vẫn còn chưa đến nỗi bị trời phạt rành rành. Nếu không, sẽ như Bào Siêu[102] ở quý tỉnh, Quách Tử Mỹ ở Hồ Nam, chẳng đáng thương xót lắm ư? Đầu đời Tống, Tào Bân[103] làm nguyên soái, chẳng giết lầm một ai, nên con cháu mấy đời sang quý, vinh hiển. Tào Hàn là phó soái của Tào Bân, do Giang Châu đã lâu chưa chịu hàng bèn tàn sát cả thành. Không lâu sau, thân chết, con cháu tuyệt diệt, còn nhiều lần mang thân lợn (vào thời Vạn Lịch nhà Minh, ông ta từng báo mộng cho Lưu Ngọc Thụ[104]) bị người khác mổ xẻ. Những con vật nay làm thức ăn cho người khác, phần nhiều là do những đại nhân vật giống như vậy biến thành, há nên hâm mộ sự hống hách một thời ư?

Nếu chủ soái có lòng nhân như Tào Bân, chính mình đã biết nhân quả Phật pháp, hễ gia nhập quân đội, chánh trường sẽ có thể trừ bạo an dân, ngõ hầu đối

---

[102] Bào Siêu (1828-1886), tự Xuân Đình người xứ An Bình, tỉnh Tứ Xuyên, là một danh tướng có công bình định loạn Thái Bình Thiên Quốc, nhưng không biết chữ, là một hung thần đối với quân Thái Bình Thiên Quốc, từng được thăng tới chức Đề đốc tỉnh Chiết Giang. Tục truyền có lần đánh nhau với quân Thái Bình Thiên Quốc, ông ta bị giặc vây hãm không cách nào phá vòng vây được, phải viết thư cầu cứu, nhưng không biết chữ, đành viết một chữ Bào, vẽ vòng tròn khoanh lại, giao thư cho người chuyển cho Tăng Quốc Phiên. Nhận thư, Tăng Quốc Phiên mở ra đọc, cười lớn, biết ngay là Bào Siêu đang bị vây hãm, bèn phái quân đến cứu.

[103] Tào Bân (931-999) tự Quốc Hoa, người huyện Linh Thọ, Chân Định, là một đại tướng sống vào đầu thời Bắc Tống. Do có công đánh bại Khiết Đan và diệt nhà Bắc Hán, được thăng tới chức Khu mật trực chỉ, rồi do diệt được nhà Hậu Thục nên được thăng lên chức Đô giám. Trong những cuộc chinh phạt dẹp tan các vương triều đối lập với nhà Tống, ông giữ quân lệnh rất ngặt, nghiêm cấm binh sĩ không được lạm sát dân chúng vô tội, không được gian dâm, cướp bóc bừa bãi khi chiếm được thành.

[104] Tào Hàn (924-992): Thoạt đầu phục vụ dưới trướng Chu Thế Tông (Sài Vinh), từng theo Thế Tông đánh Cao Bình và Ngõa Kiều Quan. Khi Triệu Khuông Dẫn tạo binh biến, cướp ngôi của ấu chúa nhà Chu, lập ra nhà Tống, ông ta liền theo Tống, từng tham dự nhiều trận đánh. Trong khi theo Tống Thái Tổ diệt Nam Đường, vây thành Giang Châu (nay là huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tô), ông ta đã tàn sát cả thành. Năm 979, lại tùng chinh diệt Bắc Hán, đánh Khiết Đan, lập rất nhiều chiến công. Do sát nghiệp quá nặng, con cháu ông ta hoặc chết yểu, hoặc phá tan gia nghiệp, sống lang thang, vất vưởng, rất khổ sở. Đến thời Vạn Lịch nhà Minh, Lưu Tích Nguyên (tự Ngọc Thụ), vốn là người Tô Châu, làm Chủ Khảo khoa thi năm Nhâm Tý (1612) ở Quý Châu. Khi chấm thi xong, trở về quê, thuyền đi ngang một bến sông, chợt mộng thấy một người mặt mũi dài sọc đến thưa: "Tôi là tướng quân Tào Hàn triều Tống. Vào thời Đường làm thương nhân, từng đi qua một ngôi chùa thấy pháp sư giảng kinh, phát tâm thiết trai cúng dường, nghe kinh nửa ngày. Do thiện nhân ấy, từng làm những chức quan nhỏ mấy đời. Đến triều Tống làm tướng quân, tức là Tào Hàn, do vì đánh thành Giang Châu đã lâu không được, khi phá được thành liền tức giận tàn sát cả thành. Do sát nghiệp ấy, đời đời làm lợn. Khi sanh trong nhà một tá điền của ngài, từng được ngài cứu sống. Ở chỗ ngài dừng thuyền đây, con lợn bị giết đầu tiên vào sáng mai chính là tôi, có duyên gặp gỡ ngài, xin xót thương phát tâm từ bi cứu mạng cho tôi!" Lưu Tích Nguyên tỉnh giấc bèn lên bờ, quả nhiên thấy có một lò mổ gần đấy. Đồ tể khiêng ra một con lợn đang kêu ầm ĩ, Tích Nguyên bèn bỏ tiền ra mua, chở về Tô Châu, thả trong khu vườn phóng sanh của một ngôi chùa ở ngoài cửa Xương Môn. Hễ ai hô "Tào Hàn", lợn liền cúi đầu, ngoắt đuôi tỏ vẻ mừng rỡ.

với mình và đối với dân đều có công. Nếu nay coi mạng người như cỏ rác, binh sĩ lại không có kỷ luật, đến đâu cũng đều cướp bóc, gian dâm; ông đã bị người khác khống chế, há chẳng thể không tận hết chức trách ư? Hễ tận hết chức trách thì chẳng thể thuận theo lòng mình nghĩ mà phải hoàn toàn tuân theo mạng lệnh của người khác. Như vậy thì tuy có thể làm cho dân quê kính sợ, nhưng tôi trộm sợ quỷ thần chẳng kính sợ, sẽ muốn giáng họa, đến nỗi chính mình và người thân đều bị tổn hại đấy!

Cha ông tuy là một thiện nhân, nhưng tâm chuộng thể diện quá lớn, vì thế đang trong đời loạn này vẫn gấp muốn xây dựng từ đường. Thử nghĩ, người nghèo khổ không có từ đường mà vẫn làm người được, cần gì cứ phải kiếm một chức quan trong đời loạn, dựng ngay từ đường ư? Ông nghe theo hay không, Quang chẳng cản ông, chỉ không thể chẳng thuật lợi hại cùng ông. Nếu ông biết điều này thì ở trong cả hai giới quân sự lẫn chánh khách cũng đều rất có ích, chứ không phải là những lời nói thừa thãi vô dụng.

Ông không hiểu chuyện quá sức, Quang quở trách ông vẫn là vì ông không hiểu rõ cho nên chỉ dạy ông. Lời lẽ chẳng thống thiết sẽ không thể động tâm ông được. Ông lại tưởng là tôi giận dữ bèn hai lần dùng chữ *"vạn tử"* (đáng chết vạn lần), ba lượt dùng chữ *"vạn vọng vật giới ý"* (muôn vàn mong mỏi đừng để ý). Vậy là ông nghĩ tôi là hạng sân độc không thể hình dung được, là hạng người bỉ ổi, thô ác, hung tợn chẳng đáng tiếp xúc. Sao chẳng biết sự vụ đến mức như thế? Không có chuyện gì chớ nên gởi thư đến nữa!

508. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười)

Sao ông không biết sự vụ đến mức như thế, Quang là hạng người nào mà có thể sánh bàn với đại sư Liên Trì? Ông nói lời ấy nhằm tâng bốc Quang, chẳng biết là đã hủy báng Quang vậy! Từ nay về sau đừng dùng lời lẽ "đem phàm lạm thánh" để tâng bốc tôi như thế nữa. Tôi thấy lời ấy như bị đánh, như bị nhạo báng, hổ thẹn khôn ngằn!

1. "Tâm thanh, trăng hiện", há nên bàn luận theo kiểu chấp chết cứng? Cần biết rằng, phàm phu có sự trong lặng hiển hiện của phàm phu, Thanh văn có sự trong lặng hiển hiện của Thanh văn, Bồ-tát có sự trong lặng hiển hiện của Bồ-tát, chỉ có thành Phật mới có thể đạt tới sự trong lặng hiển hiện rốt ráo. Nếu nói đúng như pháp thì trong hết thảy những địa vị khác đều chẳng phải là trong lặng hiển hiện, chỉ có Phật mới là trong lặng hiển hiện. Do vậy, ông cho rằng lời đại sư Liên Trì trở thành sai ngoa, chẳng biết chính mình hoàn toàn chưa mở được chánh nhãn nên mới có thứ lập luận mù quáng ấy. Sao lại khổ sở như thế?

Sự trong lặng hiển hiện của phàm phu là sự trong lặng hiển hiện do quán hạnh. Thanh văn đoạn kiến hoặc, tư hoặc chính là sự trong lặng hiển hiện thuộc về địa vị tương tự. Bồ-tát thuộc địa vị nội phàm, tức là những địa vị từ Sơ tín đến Thất tín cũng giống như Thanh văn. Bát, Cửu, Thập tín phá trần sa, chứng pháp không, há nên nói là "phá pháp không"? Sơ trụ liền phá vô minh, chứng pháp thân. Đây chính là địa vị đầu tiên của bậc phần chứng. Cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác (Đẳng giác là địa vị cuối cùng thuộc phần chứng. Trong các địa vị thuộc phần chứng, phàm những gì Phật chứng được, họ đều chứng, nhưng chưa chứng được viên mãn rốt ráo). Bốn mươi mốt địa vị chính là sự trong lặng hiển hiện nơi phần chứng, chỉ có Phật mới là trong lặng hiển hiện rốt ráo.

Hơn nữa, ngay trong một địa vị còn có vô lượng vô biên tầng cấp chứng ngộ sâu cạn bất đồng. Ví như người nước ngoài đến Trung Quốc, vừa đến biên giới Trung Quốc liền có thể nói là "đã đến Trung Quốc", nhưng từ đấy vẫn còn có đường dài mấy ngàn dặm mới tới được kinh đô Trung Quốc. Ý ông cho rằng: "Đã đến rồi thì không cần bàn đến đường đi nữa; đã chưa đắc đạo mà nói sự hiển hiện trong lặng thì thành sai ngoa, trái nghịch với sự tướng cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh." Lỗi ấy là do ông thích xưng là bậc thông gia, chứ không phải vì đại sư Liên Trì nói lời chẳng thích đáng. Từ nay về sau, hãy nên sốt sắng niệm Phật, bớt nói lời phô trương! Nếu vẫn dùng lời lẽ đem phàm lạm thánh tâng bốc Quang như thế tức là khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ Quang, sao lại khổ sở làm những chuyện tổn hại vô ích như thế?

2. Lời của đại sư Liên Trì là lời viên dung vô ngại, nếu là người căn cơ sâu, y theo đó tu trì sẽ có đại lợi ích; nếu căn cơ nông cạn, hoặc mắc khuyết điểm chấp lý phế sự, chỉ nên chiếu theo sự tướng chí thành trì danh thì mới là ổn thỏa. Thuyết "lý nhất tâm" do không làm được, có nói cũng vô ích, chỉ không đề xướng là được rồi, chứ thốt ra hai chữ "bài xích" chẳng phải là ăn nói vớ vẩn hay sao? "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật", nếu chẳng làm Phật mà nói "tâm này là Phật" thì có thể bài xích được, nếu niệm Phật mà nói "tâm này là Phật" thì đấy chính là căn bản để khuyên người, há nên lẫn lộn thốt lời bài xích! Nếu bài xích sẽ trở thành tà kiến, tội cực nặng. Phàm quán tưởng hay trì danh đều gọi là "làm Phật".

3. Lời ấy của đại sư Liên Trì dành cho kẻ chuyên chí quán tưởng, ông đem cái tâm suy tưởng tán loạn của ông để so đo, nên trở thành lời lẽ chẳng biết thân phận. Phàm phu tâm như khỉ vượn, chẳng thể định được trong khoảnh khắc nào, há có thể tưởng tướng nào sẽ thấy được tướng ấy ư? Nếu thâm tâm quán tưởng, quán cái này lại thấy cái kia, tức là không tương ứng. Vì thế gọi là tà, là chẳng

tương ứng. Ông lại cho là ma thì là đã sai quá rồi! Nhưng nếu chẳng tương ứng mà chẳng nhận biết thì lâu ngày chắc sẽ có ma sự.

4. Ông thật sự là một gã hồ đồ chẳng biết trời cao đất dày nên mới dám dẫn chuyện đại sư Thiện Đạo xả thân để làm tiền lệ. Ngài Thiện Đạo niệm Phật miệng tỏa quang minh, chính là bậc thánh nhân đại thần thông. Lâm chung, ngài trèo lên cây liễu nói kệ, nhảy xuống bèn đứng qua đời, ông ngỡ là ngài từ trên cây té xuống chết! Ông đúng là tội lỗi, mắt quáng mà chuyên thích nói lời lẽ mù quáng. Ông muốn xả thân sẽ thành con quỷ chết oan, mong sanh Tây Phương thì có mộng cũng chẳng mơ được đâu! Trong những truyện ký về đại sư Thiện Đạo, đôi khi có những chỗ lời văn chưa thể hiện rõ ý nghĩa mầu nhiệm này cho nên ông tưởng là ngài xả thân mà chết.

Ông từng thấy chuyện của Chu Tiến Sĩ trong Kim Cang Kinh Cảm Ứng[105] hay chưa? Ông Chu nghe bốn câu kệ của kinh Kim Cang sanh lòng hoan hỷ, chẳng lâu sau mộng thấy theo năm kẻ tội nhân nọ ngồi xe đến một nhà. Năm người đều uống canh, ông ta muốn uống, nhưng người dẫn ông ta đi (tức gã quỷ sứ áp giải tội nhân) không cho uống, liền tỉnh giấc. Trong tâm hết sức lạ lùng, tìm đến nhà ấy, họ nói có sáu con chó vừa mới sanh, một con chết ngay. Do vậy, ông ta chuyên trì kinh Kim Cang, đến năm 89 tuổi trèo lên cây nói kệ, rồi buông mình xuống, đứng yên qua đời. Trong đời này, người ấy đáng lẽ biến thành chó, nhưng do mấy chục năm trì kinh Kim Cang nên vẫn có thể từ trên cao nhảy xuống qua đời như thế; huống hồ đại sư Thiện Đạo là bậc đại thánh nhân thần thông mầu nhiệm khôn lường ư? Ông tưởng là xả thân, đáng thương lắm thay! Điều này cũng là cùng một tri kiến với kẻ ngu, thấy Phật nhập Niết-bàn bèn bảo là "Phật chết".

5. Ông vọng tưởng tột cùng, so với sóng cuộn trong biển cả còn sôi sục hơn rất nhiều. Chỉ nên tự lượng thân phận của chính mình để hành, nào sợ kẻ khác chê cười! Nếu ông trở về nhà ở Thành Đô, hãy nên đem tâm tướng ấy khuyên cha ông là Hoàn Quân Ông hãy thong dong đôi chút để đôi bên đều được thành tựu. Nếu ông tinh thành niệm Phật thì quyến thuộc cũng sẽ có dịp chuyển biến. Ông nội ông là Hưng Toàn Ông còn để lại gia nghiệp, mà ông vẫn nói "khổ sở chẳng thể chịu đựng được". Nếu ông vốn là gã nghèo cùng, chắc sẽ chẳng còn muốn làm người nữa ư?

[105] Tác phẩm này có tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm Kinh Cảm Ứng Truyện, không rõ tác giả, được đánh số 1.632 trong Tục tạng kinh, ghi chép truyện của 40 người do trì kinh Kim Cang được cảm ứng, khởi đầu bằng pháp sư Diễm, kết thúc bằng truyện của Lục Ông.

Nay ông cực lực muốn chống đỡ thể diện suông, chính mình lại hoàn toàn khởi lên những vọng tưởng chẳng dựa theo đạo lý ấy. Vọng tưởng ấy có thể làm rạng mày nở mặt tổ tông, trọn hết phận con, báo đáp bà nội kế là lão thái phu nhân Sài, trọn hết trách nhiệm của một tín đồ Phật giáo hay không? Đã biết cảm kích ơn người dẫn dắt nhập đạo, sao chính mình lại làm những chuyện phụ bạc ơn của khắp mọi người thân lẫn ân Phật? Từ nay về sau, ông chỉ nên đọc Văn Sao, đừng gởi thư tới nữa. Tôi quả thật chẳng có tinh thần để thù tiếp những lời lẽ ma mị của ông!

509. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười một)

Nhận được thư và khoản tiền gởi đến. Đọc thư ông, biết ông cảnh ngộ khốn cùng, biết ông chẳng giữ yên bổn phận. Ông tiền bạc không dư dả, há nên vẫn ương ngạnh giữ thể diện đối với Quang? Quân tử hành xử theo đúng địa vị, hễ nghèo cùng thì chẳng lấy tiền tài làm lễ; huống hồ đối với vị thầy chính mình đã coi như cha như mẹ ư? Do vậy, biết ông một mực luôn mang thứ tình kiến này: "Do không chống giữ được thể diện, bèn muốn tìm cái chết!" Ông chẳng biết đã mang thứ tâm hạnh ấy, hễ chết rồi thì so với việc bị mất thể diện sẽ còn khó chịu đựng hơn vô lượng vô biên hằng hà sa lần.

Trước đây, ông từng nói Phật học xã Trùng Khánh khá chuộng Mật tông, ông muốn lập một cơ sở khác chuyên tu Tịnh độ. Đấy cũng là lời nói chẳng biết giữ yên bổn phận! Phàm tạo dựng cơ sở, điều thứ nhất là phải được mọi người tin phục, điều thứ hai là phải có tiền để ứng ra. Tuy quyên mộ mọi người, nhưng chính mình vẫn phải bỏ ra trước. Trong hai điều này, ông chẳng có được một điều nào! Há nên khởi lên những thứ suy tính vượt phận ấy ư?

Trong nhà đã có cơm ăn, chẳng cần phải mong phát tài nứt đố đổ vách nữa. Đối với hai giới quân sự và chánh khách hiện thời, nếu ông chẳng quan tâm đến đầu mặt[106] trong đời sau thì cứ gia nhập cũng chẳng sao. Nếu vẫn lo đến đầu mặt đời sau thì đừng gia nhập sẽ là kế sách tối thượng thượng. Hãy nên bảo cặn kẽ với Đức Chánh Kê thị[107] buông xuống tập khí phú quý, kiêu căng, xa xỉ, hãy ăn mặc, trang sức như phụ nữ nông dân chốn làng quê, cùng với bà ta trở về gia đình ở Thành Đô, nghiêm túc giữ gìn sản nghiệp của tổ phụ. Đấy sẽ là biện pháp rốt

[106] Do Trung Hoa thời đó loạn lạc đến cùng cực, quân phiệt chiếm lãnh các tỉnh, tự xưng hùng xưng bá, liên tục đánh phá, triệt hạ lẫn nhau, nếu làm quân nhân hay chánh khách thời đó sẽ tạo nghiệp rất lớn, đời sau sẽ bị đọa lạc trong tam đồ, sẽ thay đầu đổi mặt, làm ngạ quỷ, súc sanh hay đọa trong địa ngục.

[107] Vợ ông Ôn Quang Hy họ Kê, pháp danh là Đức Chánh.

ráo ổn thỏa, thích đáng nhất. Những điều khác trước đây tôi đã đều nói qua, nên không cần phải nhắc lại nữa.

510. Thư trả lời cư sĩ Ôn Quang Hy (thư thứ mười hai)

Đọc thư ông, khôn ngăn hoan hỷ! Bọn họ trong bảy ngày liền có thể vãng sanh, liền có thể thành Phật thì người trong khắp cả thế gian đều thành Phật. Chúng ta là nghiệp lực phàm phu, ắt sẽ có vô lượng vô biên Phật độ thoát, may mắn chi hơn? Nhưng chúng ta hãy giữ bổn phận ta, nhường cho bọn họ thành Phật độ thoát chúng ta, há chẳng phải là càng ổn thỏa hơn ư? Như bọn họ còn có nguy hiểm, chứ trong pháp môn này của ta trọn chẳng có nguy hiểm. Nếu nghe bọn họ nói thì thật bùi tai, khôn ngăn nhiệt tâm dấy lên. Nếu thành thì may mắn, nhưng bại sẽ thành quyến thuộc ma, thật khiến cho người ta nguội lạnh cõi lòng.

Thần thông của gã X… đã hoàn toàn thất bại, ngôn luận của gã X… và gã Y… đều đúng là vu báng, miệt thị thánh hiền. Bọn họ đã thành Phật, sao lại có hiện tượng ấy? Do vậy biết, bọn họ hoàn toàn chẳng khác gì lũ trẻ đầu đường xó chợ, nói chi có tâm Phật cho được? Những điều khác chẳng cần phải nhắc đến nữa!

511. Thư trả lời cư sĩ Ôn Kê Đức Chánh

Chồng bà là Đức Trung Ôn Quang Hy nói: "Bà phát tâm cúng dường tôi", tôi sẽ dùng món tiền ấy để in sách lợi người. Bà may mắn được gả vào gia đình giàu có, trọn chẳng biết đến những nỗi khổ trong đời người, lại không có ai khuyên dạy, khai thị nên sống uổng một đời. Như vậy thì sau này làm sao thoát khỏi luân hồi lục đạo cho được? May sao chồng bà là Quang Hy hơi biết Phật pháp, tuy bà chưa thể tin nhận ngay, nhưng đã dần dần được tiêm nhiễm, lâu dần sẽ có ngày thiện căn phát hiện.

Bà nằm mộng thấy cảnh tượng kỳ quái liền sanh lòng sợ hãi, cầu xin tôi nói cách cứu vớt, che chở. Bà chẳng biết, so với tướng trạng luân hồi trong tam đồ lục đạo, tướng khổ ấy nhỏ nhoi chẳng thể nào thí dụ được. Sự khổ trong luân hồi giống như đại địa, còn nỗi khổ bà cảm nhận trong giấc mộng ấy giống như vi trần. Chúng sanh tâm lượng hẹp hòi nên chỉ thấy được chuyện nhỏ nhoi, chẳng thể thấy được chuyện lớn lao. Bà sanh lòng sợ hãi nơi sự khổ nhỏ nhoi, cầu tôi nói pháp cứu khổ, sao lại trọn chẳng để ý tới nỗi khổ sanh tử lớn lao vậy?

Nay tôi nói cho bà một pháp để cứu chung đại khổ lẫn tiểu khổ, nếu bà có thể y theo lời tôi nói, chắc chắn trong hiện tại bà sẽ không gặp nỗi kinh sợ nhỏ nhoi ấy, tương lai nhất định thường an lạc. Pháp ấy ra sao? Chính là chí thành khẩn

thiết niệm Phật và niệm danh hiệu Quán Âm Bồ-tát. Pháp tắc niệm như thế nào hãy nên hỏi Quang Hy. Chớ nên chỉ biết an vui nhàn tản, bỏ uổng thời gian.

Lại còn nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, nghĩa là "hiếu thuận với cha mẹ ruột, với bố mẹ chồng, hòa thuận với anh em trai, chị em gái, chị em dâu, vợ chồng kính trọng nhau như khách, khuyên nhau làm lành, nhắc nhở nhau sửa lỗi, khéo dạy dỗ con cái, đối đãi khoan dung với kẻ dưới". Làm được như thế chính là hiền nhân. Lại còn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương; dẫu cho nỗi sợ hãi lớn lao là sanh tử cũng sẽ hoàn toàn tiêu diệt, huống hồ những nỗi sợ hãi nhỏ nhặt trong giấc ngủ mà chẳng lập tức ngưng mất ư?

Tôi là phàm phu, nhưng lời này của tôi có thể khiến cho hết thảy mọi người siêu phàm nhập thánh. Bà hãy nên chí tâm tin nhận sẽ có lợi ích lớn lao. Sách Khuê Phạm đã hết, đợi khi nào có người sang Thượng Hải sẽ bảo họ thỉnh Nữ Tử Nhị Thập Tứ Hiếu (hai mươi bốn tấm gương hiếu nữ), Nữ Tứ Thư[108], Liệt Nữ Truyện[109] v.v. gởi tới để tặng cho những phụ nữ thông hiểu văn lý, biết luân thường. Lại còn có Đạt Sanh Thiên cũng sẽ gởi tới một hai gói. Đối với những chuyện trước khi sanh, trong khi sanh và sau khi sanh, sách này đều nói tường tận. Trong lời tựa của Quang lại còn giảng rõ: "Trong khi sanh nở, niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát nhất định sẽ không bị sản nạn, mà mẹ lẫn con đều được vẹn toàn, gieo đại thiện căn."

---

[108] Nữ Tứ Thư là bốn bộ sách tương ứng với Tứ Thư của nam giới, gồm:

1. Nữ Giới (răn dạy nữ nhân) do nữ sử gia Ban Chiêu soạn dưới thời Đông Hán, giảng giải về tam tòng tứ đức, cũng như những lời khuyên răn, trau dồi những phẩm đức của phụ nữ như kính thuận, đạo làm vợ, hòa thuận, khiêm cung v.v..
2. Nội Huấn do hoàng hậu Nhân Hiếu (vợ vua Minh Thành Tổ, con gái Từ Đạt) biên soạn vào năm Vĩnh Lạc thứ hai (1404), trích lục những giáo huấn của cổ nhân về phẩm đức của phụ nữ, chẳng hạn trau dồi đức hạnh, tu thân, thận trọng trong lời ăn tiếng nói, tiết kiệm, tích thiện, hướng lành v.v..
3. Nữ Luận Ngữ do nữ học sĩ Tống Nhược Sân soạn vào thời Đường, mô phỏng theo văn phong Luận Ngữ, thác danh Tào đại gia (tức Ban Chiêu) v.v., ghi lại những lời vấn đáp giữa bà mẹ của quan Thái Thường Vĩ Trình thời Tiền Tần là Tống Thị đáp lời thưa hỏi của các bậc anh thư như Tào đại gia v.v., để thuyết minh về đức hạnh của nữ giới cũng như cách tu dưỡng các đức hạnh ấy.
4. Nữ Phạm Tiệp Lục do bà Lưu Thị, mẹ nhà học giả Vương Tướng soạn vào cuối đời Minh, cũng nói về các phẩm đức của phụ nữ, đồng thời bao gồm những lời chú giải ngắn gọn các tác phẩm trước đó như Nữ Giới, Nội Huấn v.v..

[109] Liệt Nữ Truyện do Lưu Hướng soạn vào thời Đông Hán, bao gồm những tấm gương trinh liệt của nữ giới. Sách gồm bảy quyển, bao gồm 105 tấm gương, được chia thành các tiểu loại như mẫu nghi, hiền minh, nhân trí, trinh thuận v.v..

Bà hãy nên thường đem chuyện niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để giáo hóa hàng phụ nữ quen biết, ngõ hầu ai nấy xoay vần khuyên chỉ lẫn nhau thì sẽ có lợi ích lớn lao cho bà lẫn những người quen biết. Bà chớ nên gìn giữ mãi thói kiêu ngạo lười nhác, thích làm chuyện vô ích như cờ bạc, la cà ngoạn cảnh, sẽ chẳng thể nào không đạt được lợi ích lớn lao. Đối với bệnh của Quân Tốn và hai cô con gái Quân Tĩnh, Cẩm Du, cũng có thể niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để trị. Quán Thế Âm Bồ-tát không ai cầu chẳng được ứng nghiệm, chỉ sợ con người chẳng chí tâm mà thôi. Xin hai vợ chồng bà khéo thấu hiểu lòng tôi thì may mắn lắm thay!

512. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết các hạ thường viết nhiều bài đề xướng sự lợi ích Tịnh độ, vui mừng an ủi tột bậc. Sẽ gởi cho Tịnh nghiệp xã Thượng Hải để họ đăng tải trong nguyệt san, ngõ hầu độc giả đều cùng sanh lòng tin. Ông nói khí lực, thể lực hết sức suy yếu, tợ hồ có lẽ nên chuyển lòng đau buồn thương xót thành niệm Phật cho mẹ để người mất lẫn kẻ còn đều được lợi ích lớn lao, cần gì cứ phải khăng khăng giữ lòng buồn đau, tiều tụy mới là hiếu!

Ngày 25 tháng 3, Quang đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, vào ngày 26 thì khoản tiền 200 đồng từ Nam Thông chuyển tới. Thoạt đầu do bận bịu đến nỗi quên báo cho thư cục, sau đấy bảo họ gởi chừng đó sách, chẳng biết họ đã gởi hay chưa? Nay lại từ Phổ Đà gởi tới cho ông một gói nữa, xin hãy xem qua. Đợi khi sách được in ra vào lần thứ hai, lần thứ ba, sẽ gởi thêm nữa; 100 đồng sẽ thỉnh được 300 bộ, dẫu các hạ không gởi tiền thì Quang cũng cần phải gởi ngần ấy bộ để mong ai nấy đều biết đến ân đức từ bi của Đại sĩ. Hiện thời đã có người đảm nhiệm in đến bảy vạn bộ. Do năm ngoái có chiến tranh, chưa đưa giấy ra khỏi núi được; năm nay lại bị hạn hán đến nỗi lần khân tới tháng 4.

Phật Quang Xã được các hạ đề xướng nào có thiếu sót gì mà cần Quang phải góp lời, người tu tịnh nghiệp chớ nên dính vào chút điểm xảo thuật nào. Nếu vẫn thích những chuyện kỳ lạ, không ưa chuyện bình thường, ắt sẽ biến khéo thành vụng. Do điều này, người thông Tông thông Giáo thường chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật lại được ích lợi thật sự. Nếu chịu giữ nề nếp bình thường, đạm bạc, chất phác, thật thà thì sanh về Cực Lạc sẽ là điều có thể dự đoán chắc chắn được. Nếu không, chẳng sanh về Cực Lạc cũng là điều có thể đoán chắc được. Xin hãy thiết thực khuyên xã hữu tin tưởng như thế, hành như thế thì lợi ích lớn lao thay!

513. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ hai)

Chưa trả lời thư đã lâu, thiếu sót quá! Trước đây tôi đã nhận được tờ đặc san kỷ niệm Phật Quang Xã tròn một tuổi được in bằng ronéo, thấy có in bài viết của Chu Mạnh Do ca ngợi Quang thật đáng khiến cho người ta hổ thẹn muốn chết. Mạnh Do vô tri làm càn, sao các hạ lại cho đăng tải bài ấy, khiến tội Quang sâu thêm? Xin từ nay về sau, hễ bài viết nào dính dấp thói ấy hãy đều loại bỏ để người đọc khỏi bàn ra tán vào.

Nay nhận được thư và khoản tiền của ông Ngô Điệp Khanh và tờ Phật Quang Xã San. Thái phu nhân Ngô phước lẫn thọ đều vẹn toàn, điều thiếu sót là chẳng biết tới pháp môn Tịnh độ. Nay con của cụ là Điệp Khanh thành tâm cầu siêu, ắt cụ sẽ nương theo Phật từ lực để được vãng sanh. Với món tiền 200 đồng ấy, tôi sẽ dùng 100 để cử hành Phật thất, thỉnh 16 vị tăng niệm Phật. Hiện thời khí trời nóng bức phi thường, Quang tính biếu riêng cho mỗi vị một đồng, tổng cộng là 16 đồng; 84 đồng còn lại thì đợi tới khi sắp chữ Văn Sao bản mới và Thọ Khang Bảo Giám (sách này chính là cuốn Bất Khả Lục được giảo chánh, sửa đổi, tăng thêm bài, tính in ra mấy vạn cuốn để cứu vớt những kẻ thanh niên trước khi họ bị bệnh) xong, năm sau khi in ra sẽ gởi sách vừa đúng với số tiền ấy đến nhà họ Ngô để mong kết duyên.

Quán Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng in lần thứ hai vừa được mười mấy hôm thì trong ngày mồng 2 tháng 7, toàn thể công nhân bãi công! Lần này, do họ đòi hỏi phi lý, chắc Trung Hoa Thư Cục khó thể đáp ứng được, sợ là trong nhất thời, chẳng thể giải quyết xong. Bởi vậy, dù in hay sắp chữ đều phải chậm trễ. Xã San (tờ báo của Phật Quang Xã) rất hay, nhưng chữ quá nhỏ, mắt già rất khó đọc. Giấy dày thì bưu phí sẽ đắt thêm chừng đó nữa.

Thư gởi cho ông Phùng Bất Cửu, Quang không có bản nháp, nay lá thư ấy đã được đăng tải trên Xã San, Quang sẽ cho chép lại để đưa vào Văn Sao[110]. Những điều khác chẳng có quan hệ lớn lao gì, chỉ có một đoạn nói *"nhưng tiên sinh Giang Thận Tu tạo ra thiên địa nhật nguyệt chẳng thể vận hành, nhờ được khí Âm của đứa tớ gái mới vận hành"* là rất có quan hệ. Đưa lá thư ấy vào Văn Sao cũng phá trừ được tà kiến, khiến cho người đọc biết được chánh pháp. Nhưng trong lá thư ấy, có nhiều chỗ bị sao lục thiếu sót câu văn; những đoạn khác đều chẳng quan trọng khẩn yếu cho lắm, chỉ có đoạn thứ hai *"một âm một dương gọi là đạo"*, nơi dòng thứ sáu ở phía trên đã chép lẫn lộn *"thành tức minh đức, minh*

[110] Lá thư này được đăng tải trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, đánh số 169.

tức minh minh đức chi minh thành minh"[111], trong mười ba chữ ấy cũng có chữ sai, nhưng không có quan hệ khẩn yếu lớn lao. Đọc sơ qua những bài khác thì thấy không bị sai ngoa nhiều lắm, chỉ có lá thư này bị sai khá nhiều.

Quang mục lực lẫn tâm lực đều thiếu, bận bịu quá sức, nên chẳng thể ra sức viết lách cho Phật Quang Xã được, thật thiếu sót! Các hạ đã cực lực đề xướng nên mọi người hiền đều nhóm tới, quả thật là một chuyện vui lớn lao trong đời người, mà cũng là một niềm đại hạnh phúc cho quý địa. Biên nhận mở Phật thất niệm Phật cho nhà ông Ngô gởi kèm theo thư, xin hãy báo với ông ta về chuyện sử dụng 100 đồng còn lại.

Thầy Chân Đạt tính giúp 100 đồng để thỉnh kinh điển cho Phật Quang Xã, sai Quang liệt kê một danh sách những kinh sách phổ biến thường được đọc nhiều, đợi tới cuối tháng lên Thượng Hải sẽ thỉnh rồi gởi tới, đừng lo! Trong năm sau, Quang in Tăng Quảng Văn Sao bản mới và Thọ Khang Bảo Giám bản tăng quảng xong, cũng sẽ gởi sang Phật Quang Xã chừng đó cuốn để kết tịnh duyên. Các hạ và bạn bè viết lời khen ngợi Bất Huệ tức là đã mắc tội "đem phàm lạm thánh". Xin từ nay về sau vàn muôn phần đừng dùng cách ấy nữa để đôi bên đều được thoải mái.

514. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ ba)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán, lệnh sư Sắc Am vì sanh kế chưa thể sốt sắng tu trì pháp môn Tịnh độ, nhưng các hạ đã đem lòng chí thành cầu siêu cho cụ, ắt cụ sẽ được nương theo Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Do thấy Đại Sĩ Tụng (tức Quán Thế Âm Bồ-tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng) bị chậm trễ đã lâu, trong mồng 1 tháng này Quang liền xuống núi. Mồng 3 tới Thượng Hải, tiếp xúc Thư Cục. Mồng 4 đến Ninh Ba, thương lượng chuyện xây cất đại điện chùa Pháp Vân (năm sau mới xây cất). Mồng 7 về Thượng Hải, thư của lệnh điệt[112] Tri Nguyên và khoản tiền gởi tới đều nhận được rồi.

---

[111] Theo lá thư gởi cho ông Phùng Bất Cửu trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên thì câu này phải là: *"Thành tức minh đức. Minh tức minh minh đức chi minh. Thành minh hợp nhất, tắc thị minh minh đức, tắc thị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu công, Khổng tử sở truyền chi đạo."* (Thành chính là minh đức, minh chính là sự sáng tỏ (minh) trong "minh minh đức". Thành và minh hợp nhất chính là "minh minh đức". Đấy chính là đạo được truyền bởi các vị Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ (vua Đại Vũ), Thang (vua Thành Thang), Văn (tức Chu Văn Vương), Võ (tức Chu Võ Vương), Chu công, Khổng tử).

[112] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính cháu trai bên nội của người khác. Điệt（姪）là cháu gọi ta bằng chú hay bác; nếu là cháu gọi bằng cậu sẽ gọi là sanh（甥）.

Chùa Thái Bình hiện đang có Phật thất, chẳng thể cùng tiến hành được. Do vậy, tôi đến Tịnh nghiệp xã thương lượng với ông Quan Quýnh Chi; ông ta rất hoan hỷ, quyết định sẽ khởi thất từ hôm mồng 10. Ở chỗ ông ta, tăng sĩ niệm Phật chỉ có mấy vị, nhưng cư sĩ rất đông. Quang cho rằng cư sĩ đến tham dự ắt cần phải cung cấp cơm nước, sợ đông người quá chắc họ phải bù thêm tiền. Ông ta nói: "Bù đắp chút ít cũng đâu có sao, nhờ vào đấy để mọi người gieo thiện căn." May mắn chi bằng! Thí Tỉnh Chi, Hoàng Hàm Chi v.v. lúc ban ngày bận việc, ban đêm khi nào được rảnh rỗi cũng đến niệm. Họ nhờ Quang khai thị hôm mồng 10[113]. Phật thất lần này so ra có ích hơn việc chỉ thỉnh mười mấy vị tăng niệm Phật nhiều lắm. Đây cũng là do lòng thành của các hạ cảm thành, và cũng do túc nhân của lệnh sư mà có.

Thầy Chân Đạt đã thỉnh cho Phật Quang Xã 107 đồng kinh sách, đợi khi có người thuận dịp trở về Vụ Nguyên sẽ nhờ họ mang đến, đừng lo! Tôi đã nhận được đầy đủ sách của các hạ đã từ Phổ Đà chuyển đến vào hôm mồng 8. Không lâu nữa Quang sẽ trở về Phổ Đà, đợi tháng 3 hay tháng 4 năm sau sẽ lại sang Thượng Hải để lo liệu các khoản chi phí in các bộ Đại Sĩ Tụng v.v..

515. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ tư)

Thư trả lời lần trước, chắc các hạ đã nhận được rồi. Năm giờ chiều hôm qua tôi đến Tịnh nghiệp xã, hỏi Quan Quýnh Chi có mấy vị tăng nhân tham dự Phật Thất, ông ta cho biết có chín vị, cư sĩ nam nữ hơn một trăm người. Chiều hôm qua do bọn họ thông báo, người đến tham dự càng nhiều hơn nữa. Quang trình bày đại lược duyên do và lợi ích của việc niệm Phật trong khoảng 1 tiếng 5 phút. Ngày hôm nay, bảo đem những kinh sách đã thỉnh từ trước giao sang chùa Thái Bình, tổng cộng là 25 gói nhỏ, phía ngoài dùng bao lác[114] bọc thành bốn bọc lớn. Phiếu giao sách tổng cộng là bốn trang được gởi kèm theo thư để tiện kiểm nhận.

Thầy Chân Đạt xin các hạ hãy cho người viết tên của từng loại kinh sách đã thỉnh vào phần thư căn như An Sĩ Toàn Thư v.v. thì sẽ chẳng đến nỗi tạp loạn khó tìm. Trong ấy có những kinh sách số lượng khác biệt một, hai, ba, bốn, năm bộ. Nếu đối với những sách dư ra mà dùng để kết duyên thì không cần phải phân biệt, chứ nếu đều lưu giữ trong Phật Quang Xã thì cần phải chép rõ mỗi bộ giống như thế để chẳng đến nỗi bộ này bộ kia so le không đều đến nỗi khó coi. Số sách

[113] Xin đọc bài Pháp Ngữ Khai Thị Tại Tịnh Nghiệp Xã trong quyển 4 của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, phần Pháp Ngữ.
[114] Nguyên văn "bồ bao", bồ là một thứ cỏ thường dùng để kết thành chiếu hay áo tơi, có thể đan thành bao để gói đồ vật nên gọi là "bồ bao". Chúng tôi tạm dịch là bao lác (bị cói) cho dễ hiểu.

ấy đợi có người tiện dịp trở về Vụ Nguyên sẽ cậy họ đem theo. Nay gởi trước phiếu giao sách kèm theo thư để khi sách gởi đến sẽ có cái để dựa theo đó mà kiểm nhận.

516. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ năm)

Nhận được thư hôm trước, biết lệnh từ niệm Phật vãng sanh, khôn ngăn mừng cho lệnh từ, xót cho các hạ. Tuy nhiên, lệnh từ đã siêu phàm nhập thánh, cố nhiên chẳng cần phải bi thương vô ích giống như kẻ thế tục. Các hạ đề xướng Tịnh độ, thoạt đầu lệnh phu nhân vãng sanh, nay thì lệnh từ vãng sanh. Đủ thấy "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh; đạo do người hoằng, hễ đề xướng ắt có người phụ họa". Nhưng do Quang bận bịu đến cùng cực, chẳng thể soạn thuật ngay, cảm thấy thiếu sót đến cùng cực.

Tôi sửa chữa đôi chút cuốn Tam Tự Kính[115], hôm trước Tuyết Tinh đến đây cầm đi, ông ta muốn sao lục, liền thay mặt gởi đi. Truyện của lệnh từ thật quá sơ sài, nay tôi đem nguyên cảo gởi trả lại kèm theo thư, xin hãy thêm thắt sửa đổi, sao cho truyện được hoàn bị. Lại nên bảo Hữu Bằng[116] sao ra mấy bản, gởi cho các tờ báo Phật giáo. Do gần đây Quang bận bịu quá nhiều việc, chẳng thể sửa chữa cặn kẽ được.

Tám gói sách đã gởi trước đây, ông đều nhận được rồi, tôi yên tâm lắm. Quang định sẽ diệt tung tích ẩn náu lâu dài vào cuối tháng 9 do chuyện thù tiếp ngày một nhiều, tinh thần ngày một giảm. Nếu chẳng ẩn dật lâu dài, chắc sẽ quanh năm suốt tháng bận bịu vì người khác, chẳng có lúc nào ngơi. Tất cả những bản gốc của các sách được in gần đây đều giao hết cho Cư sĩ lâm, họ tính mở Phật Học Thư Cục để lưu thông rộng rãi. Chẳng qua họ mang tánh chất doanh nghiệp, so với Hoằng Hóa Xã của Quang chỉ tính giá vốn thì giá sách của Phật Học Thư Cục sẽ đắt gần gấp rưỡi.

517. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ sáu)

Pháp danh của bảy người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác, thời cuộc nguy hiểm, hãy nên bảo ai nấy đều ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm để cầu Phật, Bồ-tát gia bị, khiến cho chiến sự sớm chấm dứt, ngõ hầu nước nhà đều được yên vui. Điều quan trọng nhất là phải biết nhân, hiểu quả. Nước ta loạn

[115] Tam Tự Kính (không phải là cuốn Tam Tự Kinh để dạy vỡ lòng cho trẻ của Nho gia) là một tác phẩm của Giang Dịch Viên nêu lên những gương niệm Phật, lợi ích do niệm Phật, cũng như khuyên nhủ nên niệm Phật, do mô phỏng theo lối văn vần ba chữ một của Tam Tự Kinh nên đặt tên như thế.
[116] Hữu Bằng là con trai của Giang Dịch Viên.

lạc đến cùng cực như thế này đều là do người đời trước cao giọng đề xướng học thuyết bài bác nhân quả, coi "hễ có làm gì để làm lành thì đấy là làm ác" mà ươm thành. Nếu vẫn chẳng chịu nói điều này mà muốn cho thiên hạ thái bình thì sợ rằng sẽ chẳng có ngày ấy đâu!

518. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (thư thứ bảy)

Đã lâu chưa gởi thư, tháng trước lệnh điệt Thủ Tiên đã gởi Tục Thi[117] đến, Quang do bận bịu cùng cực, phải đến hơn nửa tháng mới xem trọn hết đầu đuôi. Tôi cảm thấy Ấn Quang Văn Sao Tục Biên so ra còn quan hệ lớn lao hơn Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, do vậy gởi đi, chắc anh ta đã gởi thư báo tin rồi. Trước tác của các hạ có ích rộng lớn, thi văn đáng để dẫn dắt kẻ không có lòng tin sanh khởi lòng tin. Xin hãy giữ gìn sức khỏe để tu trì tịnh nghiệp.

519. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Thành

Nhận được thư đầy đủ. Trong khoảng xuân - thu năm sau, Quang vẫn còn có nhiều chuyện phải lo liệu, chẳng có lúc nào rảnh rỗi để đi tới một chỗ nào cả. Chỉ có vào mùa đông là muốn sang chỗ ấm áp để tránh rét, sau đấy sẽ hành tung bất định, đến đâu cũng là nhà. Chưa đầy dăm ba tháng sau, lại qua chỗ khác để khỏi phải thù tiếp thư từ đến nỗi tự hỏng chuyện liễu sanh tử của chính mình.

Trong bài kệ niệm Phật, có những đoạn văn nghĩa của phần trên và phần dưới chẳng liên quan mật thiết, hoặc âm vận chẳng phù hợp, hoặc có chỗ dùng chữ chưa khéo, tôi đều sửa đổi đôi chút. Bài kệ cuối cùng và bài kệ theo lối mỗi câu năm chữ tiếp ngay sau đó, ngữ ý quá ngạo mạn nên tôi sửa đổi. Phàm làm người chớ nên tự cao tự đại; tự đại thì người khác chẳng trọng, chớ nên không biết điều này!

Long Thư Tịnh Độ Văn chưa gởi, vì số sách tôi có thì đã gởi đi hết không còn. Tác phẩm này đắt lắm, mỗi cuốn là ba cắc, vì thế không đủ sức để in nhiều. Những vị như Vương Châu Thị v.v. đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho họ, Vương Châu Thị pháp danh là Huệ Thục, Mã Viên Thị pháp danh là Huệ Ý, Viên Tam Thư pháp danh là Huệ Trinh. Xin hãy bảo bọn họ đều y theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tự hành, lại còn dạy người thì sẽ chẳng thẹn là đệ tử đức Phật. Tôi bận bịu đa đoan, chẳng rảnh rỗi để nói cặn kẽ được.

(Mồng 10 tháng Chạp, viết dưới đèn)

---

[117] Tức tác phẩm Dương Phục Trai Thi Kệ Tụng Tập của Giang Dịch Viên, tổ Ấn Quang có viết lời đề từ cho tác phẩm này. Xin xem lời đề từ ấy trong cuốn 4 của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên.

520. Thư trả lời cư sĩ Vương Trí Trác

Chúng sanh trong đời mạt muốn liễu sanh tử mà chẳng cậy vào Phật lực quyết khó được như nguyện. Các pháp môn trong các tông đều nên nghiên cứu, nhưng kẻ trí thức nông cạn, ít ỏi, việc đời bận bịu làm sao lo trọn được? Muốn học các tông khác, ắt phải đã thông suốt hoàn toàn Tịnh độ, trọn chẳng có nghi hoặc gì thì mới được. Chứ nếu chưa thông Tịnh độ, vừa học các tông khác, hễ hơi có sở đắc sẽ gác bỏ Tịnh độ ra ngoài. Như vậy thì lợi ích đạt được trong tương lai chỉ có thể làm cái nhân đắc độ trong vị lai, chứ quyết chẳng thể thoát sanh tử ngay trong đời này! Đối với Tịnh độ ông còn chưa biết đường lối, sao lại muốn học Duy thức? Người học Phật hiện thời quá nửa đều thuộc hạng ham cao chuộng xa, muốn thành bậc thông gia trước mặt đại chúng, chứ trọn chẳng học Phật để liễu sanh tử.

Ông muốn học Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Người làm được như thế sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu hành vi trái nghịch với Phật, dẫu có tu chuyên ròng cũng khó thể cảm ứng được Phật, bởi tâm hạnh đã trái nghịch với Phật. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Trác, nghĩa là dùng trí tuệ để tự lập vững vàng thì sẽ tự được lợi ích chân thật.

Để dạy dỗ trẻ nhỏ, hãy thường lấy Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên làm cửa ngõ dẫn nhập đức hạnh, để cho trẻ ngay từ thơ ấu đã biết đạo làm người và lý nhân quả thì mai sau quyết định chẳng dám làm chuyện vượt lý phạm phận. Nếu không, chúng nó sẽ bị tà kiến dụ dỗ, chắc sẽ đến nỗi làm những chuyện giống những kẻ phế hiếu, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn như trong cõi đời hiện nay, vì trong hiện tại có quá nhiều những thứ tà thuyết như thế ấy! Nay gởi cho ông một gói sách, xin hãy đọc kỹ. Quang bận bịu đến tột cùng, đừng gởi thư đến nữa!

521. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm thán! Huệ Kính chí tâm hoằng pháp, đột nhiên qua đời, sợ rằng vẫn khó thể thật sự vãng sanh Tây Phương. Sanh tử nguy hiểm thật đáng kinh sợ, phải đề phòng sẵn. Tuy do người khác chôn cạnh mộ mẹ ông ta đến nỗi có chuyện xung phạm, nhưng nên biết rằng: Chuyện xung phạm ấy cũng là do túc nghiệp chiêu cảm. Nếu có đức lớn, chắc sẽ có chuyện bổ trợ bất ngờ để hóa giải sự xung phạm ấy. Chuyện này chỉ nên quy cho số mạng, đừng đổ lỗi cho người ta. Nếu đổ lỗi cho người ta, chắc đôi bên sẽ càng kết thêm oán nghiệp.

Xin hãy nói cặn kẽ cùng gia đình ông ấy: Ai nấy đều làm chủ đất của chính mình, chẳng thể làm chủ đất của người ta được. Nhà mình chôn trong đất của mình, chớ nên chôn trong đất của người khác. Đất của nhà người ta, há có thể ngăn người ta đừng chôn vào đấy ư? Đối với kẻ biết đạo lý ấy, dẫu thật sự xung phạm cũng chẳng dám oán người. Huống chi chưa thể phán quyết đích xác là do xung phạm mà chết ư? Do bởi lẽ này, quân tử chẳng oán trời hận người!

Ông nghe tiếng khánh trong trẻo vang động trong không trung, ấy chính là cảnh tượng được biến hiện khi thanh tĩnh đến cùng cực. Sau đấy, biết tiếng khánh trong trẻo ấy là do răng và lưỡi va vào nhau, chứ trọn chẳng phải cảnh được biến hiện ở bên ngoài. Biết được điều này thì mới chẳng đến nỗi sanh khởi ý tưởng hiếm lạ, huyền diệu rồi do đấy sẽ khởi tâm kiêu căng, chẳng được lợi ích.

Ông nói "có tiếng phát ra từ trong tai", nhưng các sách vở Tịnh độ chẳng đề xướng điều này. Bởi lẽ trong pháp môn Tịnh độ, điều cốt yếu là tín - nguyện - hạnh, những cảnh giới ấy vốn do mỗi người dụng công mà tự đạt được cảnh giới khác biệt, làm sao thiện tri thức có thể nêu rõ trước được. Nếu nêu rõ thì hành nhân sẽ được lợi ích ít ỏi, bị tổn hại lại nhiều.

Còn như sách Tự Tri Lục chuyên môn thuật bày những cảnh giới, nhưng thật ra những cảnh giới ấy vẫn là những cảnh giới biến hiện từ suy tưởng thuộc về mặt lý. Họ muốn dựa vào đó để khoe khoang môn đình bèn đặc biệt trình bày như những cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Quang không ngăn cản, chắc rằng họ sẽ in ra nhiều vạn cuốn để dẫn nhập người khác vào lối ma.

Công phu thanh tịnh của ông tuy tốt đẹp, nhưng đối với căn cơ và giáo vẫn còn thiếu từng trải nên mới nói lời ấy. Nếu từng trải, dẫu có sở đắc lớn lao, vẫn chẳng nghi cổ nhân giấu giếm! Lời dạy của Giang Công Vọng chính là nói về pháp phản văn (xoay tánh nghe lại để nghe nơi tự tánh). Khéo áp dụng sẽ có ích; không khéo áp dụng sẽ trở thành một môn chuyên cậy vào tự lực trong nhà Thiền. Phàm là người tu hành hãy nên giữ chánh niệm. Ngoại trừ Phật hiệu ra, tất cả các niệm đều chẳng để nẩy sanh, đó gọi là nhất tâm. Vì thế kinh Kim Cang dạy: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng."

Ông chỉ nhất tâm niệm Phật mà thôi, há nên lầm lạc muốn với cao pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Đại sĩ Quán Thế Âm. Ông phải biết, pháp phản văn của Đại sĩ hoàn toàn chẳng phải là nghe âm thanh, mà là nghe nơi tánh nghe. Vì thế nói: *"Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo"* (Xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo). Có âm thanh hay không đều nghe được cả. Nếu theo như ông nói thì ắt phải có âm thanh mới nghe được. Chúng ta niệm Phật, lắng nghe theo âm thanh niệm Phật ấy, cũng là mang hơi hướng phản văn,

đừng tự giữ lấy pháp Viên Thông mà hãy chuyên nhất lấy vãng sanh làm điều mong mỏi của chính mình thì sẽ có ích, không bị tổn hại. Nếu không, do hướng theo sự xoay lại nghe nơi tánh nghe, tâm bị chia chẻ bởi thói phân biệt pháp môn cao thấp thì vô lượng vô biên lợi ích chân thật sẽ bị đoạn hết bởi thói "biết nhiều, bàn lắm" ấy.

Bốn bài thơ ông đã soạn, thanh vận thanh tao, du dương, Quang vốn chẳng làm thơ nên không thể họa được. Hiện thời đang bận bịu trọn chẳng được rảnh rỗi, nên muốn diệt tung tích gấp. Lại còn có bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ khá có quan hệ đối với thế đạo nhân tâm vẫn chưa sắp chữ xong, chắc là suốt ngày lẫn đêm đều phải lo liệu. Hiện thời bản in theo cỡ chữ Tam Hiệu Tự đã sắp đặt xong, in ra một vạn bộ; sau hôm 20 sẽ có thể in ra sách, sẽ gởi tới mấy gói. Một vạn cuốn in trong lần hai đã được ấn hành. Lại còn ấn bản với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo vừa mới sắp chữ được một nửa. Nếu bản này sắp chữ xong, sẽ in một vạn bộ hoặc hai vạn bộ, rồi ra đi mãi mãi.

Ước chừng vào nửa sau tháng Chạp, tôi sẽ sang Hương Cảng để khỏi phải suốt ngày bận bịu thù tiếp thư từ đến nỗi lỡ làng đại sự của chính mình!

522. Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông túc căn sâu dày, hạnh trong hiện tại khá thuần, vì thế mới có đủ mọi cảnh tướng thù thắng hiện ra. Nhưng người đời nay quá nửa là chuộng thể diện, xây lầu gác trên không, có một phần hay nửa phần bèn nói có trăm ngàn vạn phần. Như những cảnh giới trong cuốn sách của cư sĩ X… (tức cuốn Tự Tri Lục) hoàn toàn do ngọn bút vẽ vời, chứ không phải do tâm địa tạo thành. Cố nhiên ông không nói dối, nhưng tôi thật sợ ông có tập khí ấy thì lỗi chẳng nhỏ đâu!

Đức Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để ngăn ngừa thói tệ này. Nếu thấy mà nói chẳng thấy, chẳng thấy nhưng nói thấy thì thuộc vào loại vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, tức là phạm giới đại vọng ngữ. Nếu chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn nặng hơn giết trộm dâm trăm ngàn vạn ức lần. Nếu kẻ ấy chẳng cực lực sám hối thì khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa trong địa ngục A-tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc nghi ngờ. Ông phải rất thận trọng!

Cảnh thấy được một phân chẳng được nói một phân mốt, cũng chớ nên nói chín ly chín. Nói quá cũng là bị tội lỗi, mà nói giảm đi cũng không được! Vì sao vậy? Do tri thức chưa đắc tha tâm đạo nhãn, chỉ có thể phán đoán theo lời kể. Thứ

cảnh giới ấy nếu nói với tri thức để cầu chứng minh tà chánh, đúng sai thì không phạm lỗi gì. Nếu chẳng nhằm cầu chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang thì cũng chớ nên nói. Nếu nói với hết thảy mọi người sẽ mắc tội lỗi. Trừ để cầu tri thức chứng minh ra, đều chớ nên nói. Hễ nói ra thì sau này sẽ vĩnh viễn chẳng thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa đâu! Đây là cái ải lớn nhất cho người tu hành, trong giáo pháp của tông Thiên Thai đã nhắc đến nhiều lần.

Trong thời gần đây, sở dĩ nhiều kẻ tu hành bị ma dựa đều là do cái tâm vọng động, bộp chộp cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói cảnh ấy là cảnh ma, dẫu là cảnh thù thắng mà hễ nẩy sanh những tâm như tham đắm, hoan hỷ v.v. thì sẽ đều bị tổn hại, chẳng được lợi ích. Huống chi cảnh ấy còn chưa chắc đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm không vọng động bộp chộp, không lòng tham đắm, thấy các cảnh giới mà hệt như chẳng thấy; đã chẳng sanh hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh sợ hãi, kinh nghi, đừng nói là cảnh thù thắng hiện ra sẽ có ích, dẫu cho cảnh ma hiện ra cũng vẫn có ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến hơn. Lời này chẳng thường nói với người khác, do ông có những chuyện ấy nên cố nhiên tôi chẳng thể không nói. Thoạt đầu ông lễ Phật, trông thấy hình tượng Đại sĩ hiện ra, tượng ấy không đích xác là do Đại sĩ biến hiện! Bởi nếu đúng là thật thì sẽ chẳng vì do ông nghĩ tượng ấy chẳng hợp với những điều được mô tả trong Quán kinh bèn ẩn mất; nhưng do đấy mà lòng tin của ông càng tha thiết thì cũng là nhân duyên tốt đẹp. Tuy vậy chớ nên thường muốn thấy hình tượng của Đại sĩ, chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi để khỏi phải lo nghĩ gì khác.

Lúc ngủ thấy trước mắt có ánh sáng trắng và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng lơ lửng trên hư không tuy thuộc về thiện cảnh, chớ nên tham đắm! Từ nay đừng lấy đó làm điều mong mỏi thì những tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa. Trộm xem căn tánh của ông, tợ hồ trong đời trước đã từng tu tập thiền định nên mới nhiều lần thấy tướng ấy.

Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy[118] bế tử quan nơi chỗ ngài Cao Phong trên núi Thiên Mục, tịnh tu đã lâu, liền có tài tiên tri. Có thể đoán trước trời âm u hay

[118] Ngu Thuần Hy (1533-1621), tự Trường Nhụ, quê ở huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang. Ông có tướng lạ là khi ngủ không nhắm mắt. Lúc mới 3 tuổi đã niệm Phật suốt ngày không ngừng. Niệm đến nỗi hoa sen, cây báu hiện bóng trong phòng. Ông đem chuyện này kể với bà nội, bà bảo: "Đấy là cảnh giới trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc." Tuy vậy, bà cụ vẫn dạy cháu tu thiền định (đáng tiếc thay, kẻ không thông hiểu, vô tình phá hoại, ngăn trở túc căn của người khác). Về sau, ông cùng với em là Thuần Trinh nghiên cứu giáo nghĩa tông Thiên Thai trong thời gian cư tang mẹ. Trong thời gian chưa hiển đạt, để kiếm sống, ông làm

trong sáng, họa phước của người khác. Ông ta quy y với đại sư Liên Trì, đại sư nghe chuyện liền gởi thư tận lực quở trách, bảo ông ta đã lọt lưới ma. Về sau ông ta không biết nữa!

Cần biết rằng, người học đạo phải biết lẽ lớn lao, nếu không sẽ do được lợi ích nhỏ nhặt mà bị tổn hại to lớn. Đừng nói những thứ cảnh giới ấy, ngay như thật sự đắc ngũ thông cũng chẳng bận tâm đến thì mới hòng đắc lậu tận thông. Nếu tham đắm, chắc sẽ khó tấn tu, hoặc bị thoái đọa, chẳng thể không biết điều này.

Hai câu kinh văn như ông đã nhớ trong giấc mộng vào điện Phật cố nhiên thuộc thiện cảnh, hai câu ấy ngụ ý thật rõ ràng: *"Phản hư y giác lộ, quy chân ngộ thường không"* (Quay lưng với sự hư huyễn, đi theo con đường giác, theo về với lẽ chân sẽ ngộ lẽ thường không). Nghĩa là con người lầm tưởng các pháp thế gian là thật, nên mê muội vào trong sanh tử. Nếu có thể quán ngược lại, hướng theo bản thể của các pháp vốn không thì sẽ nương theo đường giác, thoát mê nhập ngộ, quy chân đế, ngộ chân không thật tướng chân thường.

Cảnh ma và cảnh thù thắng được phân biệt ở chỗ nó có hợp với kinh giáo hay không? Nếu là thánh cảnh, cảnh ấy sẽ làm cho tâm địa của người trông thấy liền được thanh tịnh, trọn không có tâm vọng động, bộp chộp, chấp trước. Nếu là cảnh ma thì hễ trông thấy cảnh ấy thì tâm liền chẳng thanh tịnh, liền sanh lòng chấp trước, vọng động, bộp chộp v.v..

Hơn nữa, Phật quang tuy cực sáng ngời, nhưng chẳng lóa mắt. Nếu ánh sáng chói mắt tức là không phải quang minh của đức Phật thật sự. Khi Phật hiện mà dùng lý "phàm những gì có tướng đều là hư vọng" để khám nghiệm thì càng rõ

---

thầy đồ dạy học, thường dạy học trò tu *sổ tức quán*, khiến phụ huynh của chúng rất bực mình. Sau khi đậu tú tài, ông cùng người trong xã tụng Lương Hoàng Sám cảm được quang minh đủ màu chiếu xuống rực rỡ, đang trong tiết đông mà hoa nở tươi thắm. Năm Vạn Lịch 14 (1583) ông đậu tiến sĩ, ra làm quan. Do cư tang cha bèn dựng lều tranh bên cạnh mộ cha suốt ba năm.

Sau thời gian cư tang, ông lại ra làm quan, giữ chức Viên ngoại ở bộ Lễ, không lâu sau trở về, nhập tử quan ẩn tu ở chỗ thiền sư Cao Phong trên núi Thiên Mục, ngày đêm tinh tấn dụng công đến nỗi có khả năng tiên tri được đủ mọi chuyện. Người kéo đến hỏi cát hung nườm nượp. Vị thầy quy y của ông ta là đại sư Liên Trì nghe chuyện than dài: "Chàng họ Ngu đã đọa trong lưới ma mất rồi!" Rồi gởi thư thống trách, ông ta mới thôi nói chuyện tiên tri. Ông quyết chí tinh tấn tu thiền, đến ngày thứ 21, quá mệt mỏi, sắp gục xuống gối ngủ, bỗng thấy dường như thiền sư Cao Phong đậu trên cánh tay trái, ngay lập tức có chỗ ngộ, bèn xuống núi cầu ấn chứng với đại sư Liên Trì.

Đại sư dạy: "Phàm là người từ trong mộng tỉnh giấc, nếu chẳng chải gỡ, rửa ráy, đội khăn, lại gối đầu lên mền bông, chắc chắn sẽ ngủ thiếp đi rất nhanh. Người từ trong u mê tỉnh ngộ, nếu chẳng vãng sanh trong Tịnh độ trang nghiêm, cứ thân cận thế giới uế trược, chắc chắn sẽ lại mê mất. Hoa sen trong lửa dễ khô héo, trúc mới mọc dễ gãy. Ông phải tự mình suy nghĩ đắn đo, ngàn vạn phần chớ nên để một điểm tỉnh ngộ này ngăn trở bước tiến trên con đường tu hành." Họ Ngu y giáo phụng hành, suốt đời tu tập pháp môn Tịnh độ (theo Đức Viên Tập).

rệt; nếu ma hiện mà dùng lý ấy để khám nghiệm nó sẽ ẩn mất. Cách khám ấy là lò luyện lớn để nghiệm chân ngụy vậy.

Ban đêm thấy ánh sáng trắng và những cảnh trong trắng trên hư không v.v. đều là do tâm tịnh mà biến hiện, há nên coi đấy là pháp giới nhất tướng tịch chiếu bất nhị? Nếu tưởng như vậy, sẽ thành "đem phàm lạm thánh", tội ấy thật chẳng nông cạn đâu nhé! Hai câu kinh văn ông vừa nói trên đây chưa rõ xuất xứ, chắc đấy cũng là lời văn trong ký ức từ đời trước, chứ chưa chắc là kinh văn.

Người tu tịnh nghiệp chẳng chú trọng các thứ cảnh giới, nên cũng không có nhiều cảnh giới phát sanh cho lắm. Nếu trong lòng chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới sẽ nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, ắt đến nỗi tự bị tổn hại, chẳng thể không biết điều này! Lời của vị đầu-đà kia nói chính là đạo lý trong nhà Thiền, ông ta chưa đả phá Tịnh độ thì cũng là điều hay, nhưng trọn chẳng biết đến tông chỉ Tịnh độ nên mới đem Tịnh độ đối chiếu với Thiền để bàn luận. Câu nói "chú trọng cảnh thù thắng, ánh sáng tốt đẹp" của ông ta cần phải hết sức châm chước, nếu không sẽ gây lầm lẫn cho người khác chẳng cạn. Ông ta lại nói: "Chớ nên chấp trước, bởi lẽ Phật pháp vô lượng, hễ chấp sẽ thành hữu lượng, sẽ chẳng nhập trí Phật được." Nào phải chỉ chẳng nhập trí Phật, mà còn có thể lọt vào ma giới nữa kia! Còn như ông ta nói "ai có Phật nấy" thì chính là lời lẽ nhà Thiền ước theo lý nơi tâm để luận, chẳng ăn nhập gì với Tịnh tông hết.

Ánh sáng trắng trong vắt trên hư không vẫn chỉ là công đức nhỏ bằng đầu sợi lông của Như Lai, sao ông lại hiểu lầm là pháp giới nhất tướng, tịch chiếu bất nhị? Thật ra đấy chính là cảnh định trong đời trước do tâm tịnh mà hiện ra, cho nên ông đừng nghĩ đấy là chuyện lạ lùng đặc biệt.

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông. Có tín nguyện, bất luận hành nhiều hay ít, sâu hay cạn đều được vãng sanh. Không có tín nguyện, dẫu đạt đến địa vị "năng sở đều mất, sáu căn thoát hẳn sáu trần"[119] vẫn khó được vãng sanh. Do nếu thật sự chứng được thật lý "năng sở đều mất, sáu căn thoát hẳn sáu trần" sẽ liền có thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử, người như vậy không cần phải bàn tới nữa. Chứ nếu chỉ có công phu thấy được lý ấy, vẫn chưa thật chứng mà nếu không có tín nguyện thì cũng khó vãng sanh.

[119] Nguyên văn "căn trần huýnh thoát", đây là một thuật ngữ trong tông Thiên Thai, chỉ cảnh giới đã đạt được đến mức tâm thanh tịnh, các căn không bị các trần làm ô nhiễm nữa nên gọi là "thoát". Do những đối tượng bên ngoài không còn bị ô nhiễm bởi các phiền não bên trong nên chúng được nhận biết khách quan như gương chiếu bóng, nên khi ấy sáu trần không còn gọi là trần nữa mà gọi là cảnh. Vì thế gọi là "huýnh thoát" (vượt khỏi hẳn, vượt xa).

Thiền gia hễ nói tới Tịnh độ đều quy về Thiền tông, không nhắc tới tín nguyện. Nếu y theo đó mà hành thì vẫn có thể khai ngộ, nhưng chưa đoạn hoặc nghiệp mà muốn liễu sanh tử thì có mộng cũng chẳng mơ được đâu! Vì phàm phu vãng sanh là do tín nguyện cảm Phật nên có thể cậy vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh. Nay đã chẳng sanh lòng tín nguyện, lại đem mỗi một lời đức Phật nói quy hết về tự tâm thì làm sao cảm Phật được. Cảm và ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật. Đem pháp hoành siêu (vượt thoát theo chiều ngang) dùng làm pháp thụ xuất (thoát ra theo chiều dọc) thì sẽ đạt được lợi ích nông cạn, bị tổn hại sâu xa. Chẳng thể không biết điều này. Chỗ được lợi ích là nghe theo lời nói ấy thì cũng có thể khai ngộ, nhưng chỗ bị tổn hại là đã bỏ tín nguyện thì sẽ không cách gì cậy vào Phật từ lực được. Do vậy tôi nói: "Người thật sự tu Tịnh độ chẳng dùng đến khai thị của nhà Thiền là do pháp môn và tông chỉ bất đồng." Xin hãy sáng suốt soi xét. Nếu chẳng nghĩ như vậy là đúng thì xin hãy thưa hỏi nơi bậc đại thông gia cho khế hợp tâm chí của ông. Cố nhiên Quang không chấp trước!

523. Thư trả lời hai vị nữ cư sĩ Huệ Thục và Huệ Khánh

Con người sống trong thế gian ắt phải trọn hết chức phận của chính mình, có trọn được hết chức phận của chính mình thì mới chẳng phụ ân "trời che đất chở, mặt trời, mặt trăng chiếu soi, cha mẹ sanh thành, sư trưởng giáo huấn". Nếu không, tuy mang tiếng là người, nhưng thật sự chẳng khác gì cầm thú cho lắm, sẽ thành phường sống uổng chết phí, tương lai trầm luân trong ác đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn sao?

Nói tới chuyện trọn hết chức phận thì đối với thân phận nữ nhân, quả thật chuyện ấy có quan hệ lớn lao nhất nhưng trọn chẳng tỏ lộ dấu vết. Cõi đời bình trị hay loạn lạc, gia đình hưng thịnh hay suy sụp đều do nữ nhân có trọn hết chức phận hay không?

Chức phận của nữ nhân như vừa mới nói đó chính là "hiếu thảo đối với bố mẹ chồng, hòa thuận với chị em dâu, giúp chồng dạy con v.v.". Bởi lẽ nữ nhân có thể hiếu thảo, hòa thuận, ôn nhu, cung kính, đấy chính là "nghi gia"; có thể giúp đỡ chồng khiến cho đức hạnh lẫn nghề nghiệp của ông ta ngày càng tiến triển, lỗi lầm ngày một ít, đấy chính là "nghi thất"[120]. Hễ nghi thất nghi gia thì con cái nhìn

[120] "Nghi thất nghi gia" là một thành ngữ chỉ gia đình êm ấm, vợ chồng hòa thuận. Từ ngữ này xuất phát từ câu thơ Đào Yêu trong phần Chu Nam của kinh Thi: *"Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia"* (Cây đào mơn mởn, chi chít những hoa. Cô về nhà chồng, yên cửa vui nhà).

vào sẽ được cảm hóa, đều thành hiền thiện, con cái đã thành hiền thiện thì từ đấy trở đi, con cháu đời đời đều thành hiền thiện.

Vì thế Quang thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân nắm quá nửa." Lại nói: "Dạy con là cái gốc để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng quan trọng hơn." Nếu không, chẳng những nữ nhân không thể giúp chồng dạy con thành người lành được, mà ngược lại sẽ giúp chồng dạy con thành kẻ ác đến nỗi trở thành tình thế vô pháp vô thiên như trong ngày nay.

Các bà đều có thiện căn từ đời trước, được làm vợ chồng với Huệ Dung, tuy sanh nhằm thời Phật pháp tàn diệt, nhưng may mắn được nghe pháp môn Tịnh độ là pháp môn phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Chỉ cần chịu sanh lòng chân thật, phát nguyện thiết tha, xưng niệm vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật, chắc chắn sẽ tiêu trừ hoặc nghiệp, tăng trưởng thiện căn trong đời này. Khi lâm chung, nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, quả thật là vô thượng đại pháp chẳng dễ gì gặp được trong ngàn đời vạn kiếp.

Các bà đã là chị em với nhau qua tình vợ chồng, ắt phải yêu thương, kính trọng lẫn nhau, khuyên răn, khích lệ lẫn nhau. Chớ nên giống bọn nữ nhân vô tri chưa nghe biết đạo: Hằng ngày cứ chuyên tranh cãi, ghen ghét, báng bổ, hạ nhục lẫn nhau. Như thế thì tâm địa ngày một tối tăm, phước thọ ngày một thu hẹp, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ khó khỏi đọa lạc trong ba ác đạo. Nỗi khổ ấy chẳng thể nào diễn tả được đâu!

Các bà đã cùng quy y, tức là đồng môn, đồng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng sanh Tịnh độ, cùng thấy A-di-đà Phật, cùng nghe Phật pháp, cùng chứng vô thượng đạo. Trong lúc này mọi người đều cùng đồng tâm tận lực tu trì, há chẳng gắng công ư? Do Huệ Dung muốn cho hai người quý vị cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật nên mới xin Quang đặt pháp danh cho hai bà và khai thị. Vì vậy tôi mới nói dài dòng như thế, thật sợ các bà tự nghĩ mình kém hèn, nhỏ nhoi, chẳng biết một niệm tâm tánh của chúng sanh và Phật trọn chẳng khác gì, nhưng do mê ngộ khác nhau đến nỗi khác biệt vời vợi một trời một vực. Nay giảng đại lược nguyên do, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, hãy xin Huệ Dung giảng cho các bà thì sẽ đều biết rõ vậy.

524. Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như

Nhận được thư, biết lệnh thúc[121] sống chết khá kỳ lạ. Các hạ nói đến chuyện lệnh thúc sau khi mất, chuyển sanh làm thần già-lam[122] vốn là chuyện thực tình, nhưng đấy là tiểu già-lam, chứ không phải là đại già-lam. Ông ta ăn chay, tụng kinh đều do túc căn xui khiến, tiếc chưa từng được gặp tri thức của pháp môn Tịnh độ, đến nỗi mất đi vẫn đầu thai trong hàng hộ pháp có thần thông. Người ấy tri kiến giống với kẻ bình thường, còn đối với cảnh giới của Đại sĩ đều chưa từng thấy. Nếu có thể dùng trí lực để biết đến cảnh giới của Đại sĩ, sẽ trọn chẳng đến nỗi sống hồ đồ suốt cả một đời rồi vẫn sanh làm một vị thần hộ pháp có thần thông.

Lệnh đệ chẳng vì chuyện này mà cực lực chú trọng vun bồi sự Tây quy cho cụ, cứ vẫn muốn làm thế nào để tăng tiến địa vị cho ông cụ. Tâm ấy cố nhiên là tốt đẹp, nhưng nếu dựa theo thật lý để tính toán cho lệnh thúc thì hãy nên khuyên con trai ông cụ thành kính tột bậc để vun bồi nơi pháp môn Tịnh độ, hồi hướng cầu cho cụ thoát khỏi chức cũ trong thần đạo, sanh vào Cực Lạc Phật quốc.

Nói đến chuyện vun bồi công đức thì mở mang tri thức cho người khác là bậc nhất. Hiện thời Tăng Quảng Văn Sao đã sắp chữ xong xuôi, nhưng vẫn chưa kết thúc. Đợi cho Thọ Khang Bảo Giám sắp chữ xong sẽ thôi không đưa thêm bài vào bộ Văn Sao nữa, cho in ra. Hiện thời đã dày tới 420 trang, nhưng vẫn chưa định được số trang thật sự. In chữ lớn thì mỗi bộ phải trên dưới 8 cắc, vì trong năm ngoái tiền in mỗi cuốn Đại Sĩ Tụng phải tốn đến 3 cắc 4 xu, mà Đại Sĩ Tụng chỉ có 210 trang. Sách này (tức Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên) sẽ phải đắt gấp đôi.

Gần đây chiến sự dồn dập, giá giấy tăng vùn vụt, nếu lệnh đệ chịu bỏ tiền in bao nhiêu bộ để tự mình thí tặng ngõ hầu hết thảy những người đọc Văn Sao đều biết nguyên do vãng sanh Tịnh độ; đem công đức ấy để làm bằng khoán vãng sanh cho cha, lại thêm chí thành, ắt sẽ được như nguyện, sẽ có lợi ích công đức chân thật nhất. Tuy tợ hồ chẳng dính líu đến Phổ Đà, nhưng cũng chẳng phải là không dính líu, vì mọi người đều nói "Phổ Đà Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao" vậy. Tiếp theo đó, tôi phải giám đính Phổ Đà Sơn Chí, giám đính xong sẽ cho khắc ván, khoảng xuân - hè năm sau sẽ in thành sách. Nếu chịu bỏ tiền in để hồi hướng thì so ra càng thù thắng lâu dài hơn những thứ công đức khác.

---

[121] Tiếng gọi nhằm tỏ vẻ kính trọng chú của người khác.

[122] Thần già-lam hiểu theo nghĩa rộng là chư thiên, thiện thần thủ hộ nhà chùa. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp thì từ ngữ già-lam chỉ cho 18 vị thiện thần thủ hộ các chùa. Theo kinh Thất Phật Bát Bồ-tát Sở Thuyết Đại Đà-la-ni Thần Chú, quyển 4, tên của 18 vị già-lam là: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Xảo Diệu, Thán Mỹ, Quảng Diệu, Lôi Âm, Sư Tử Âm, Diệu Mỹ, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nô, Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhãn, Triệt Thính, Triệt Thị, Biến Quán.

525. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ nhất)

Nhận được thư khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Phương cách biên soạn tác phẩm lớn lao[123] như ông đã trình bày cho thấy ông trống lòng, chẳng ỷ vào ý kiến của chính mình, tôi hết sức khâm phục. Những kẻ hoằng pháp hiện thời thường muốn dẫn dắt người khác vào trong Phật pháp, nhưng trước hết chính mình đã phải chiều theo ý thích của người ta để làm thì đại thể đã mất[124], làm sao có thể khiến cho người khác trọng pháp được? Thoạt đầu các hạ phỏng theo cách thức mới, nay vẫn muốn khiến cho đại chúng chẳng giẫm theo thói tệ khinh pháp, đáng gọi là "thật sự thấu hiểu thể thống hoằng pháp".

Còn như Ấn Quang Văn Sao thì quả thật văn chương chất phác, kém cỏi khó thể chịu đựng được, nhưng đối với kẻ sơ cơ cũng chẳng phải là không tạo được lợi ích nhỏ nhặt. Do vậy, suốt mấy năm qua đã được sắp xếp ấn hành năm lần: Khắc ván một lần, bản khắc ấy hiện còn giữ tại Dương Châu; Từ Úy Như in hai lần ở Bắc Kinh, in một lần tại Thượng Hải. Trước kia Quang in một lần, nay lại in một lần nữa. Trong tháng 4 sẽ có thể ra sách, in ra được mấy vạn. Bản in lần này nhiều hơn lần trước 120 trang, đặt tên là Tăng Quảng Ấn Quang Văn Sao. Thường có người gởi thư yêu cầu, đủ biết phần nhiều kẻ sơ cơ phát tâm chẳng vì văn chương chất phác kém cỏi mà chê bỏ.

Các hạ lại chọn lấy những điều trọng yếu, phân môn chia loại để lưu truyền, so với trọn bộ sách sẽ tốn kém ít hơn mà lợi ích nhiều hơn, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn! Lúc Quang mới xuất gia, thấy các tri thức dạy người khác tu trì, trọn chẳng nhắc đến những chuyện nhân quả, luân thường v.v., đến nỗi có kẻ tu trì khá tốt đẹp, nhưng đối với luân thường chẳng thể nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình; do vậy đã khiến cho những kẻ chẳng biết đến chân lý Phật

---

[123] Tức cuốn Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục do Lý Viên Tịnh biên soạn.

[124] Ở chỗ này nếu không chú ý sẽ dễ hiểu lầm ý tổ nên chúng tôi xin mạn phép giải thích thô thiển như sau: Để hoằng pháp hữu hiệu, người đứng ra hoằng pháp đừng cậy theo thiên kiến của chính mình, mà phải quán sát thời cơ, căn tánh của đại chúng đương thời để hoằng dương đúng pháp sao cho giản tiện, thiết thực, đừng bày vẽ những chuyện lập dị, phô trương; chẳng hạn tu Tịnh độ mà chuyên chú trọng thấy tướng hảo, cầu thần thông, hoặc xen tạp thật nhiều Mật chú nhằm phô trương thần thông, kiến thức, hoặc áp dụng phương cách tọa thiền để trì danh, hoặc mong được người khác ca ngợi, cầu sau khi chết sẽ lưu lại xá-lợi, hoặc khoe khoang, bịa đặt cảnh giới chứng đắc, quên bẵng mục đích chính là cầu được vãng sanh, khiến cho tăng tục không thể chuyên tu. Tiếp đó, khi hoằng pháp phải tỉnh táo noi theo đúng chương trình ban đầu, đừng vì nể nang hay tài lợi mà chiều theo ý thích của một số đàn-na thí chủ sẵn tiền bạc để rồi sửa đổi chương trình theo đúng ý những người ấy, không quan tâm đến chương trình tu tập có thật sự đem lại lợi ích thiết thực cho những người khác hay không. Do người có tiền, có thế lực có thể chi phối đạo tràng thì làm sao họ còn tôn trọng pháp sư, tôn trọng pháp được hoằng dương bởi pháp sư hay thiện tri thức nữa!

pháp phần nhiều dấy lòng báng bổ. Quang ôm ấp ý nguyện uốn nắn thói tệ ấy đã lâu. Vì vậy trong hết thảy những bài viết lách đều nhắc đi nhắc lại. Nếu các hạ chẳng cho những gì tôi đã nói là thừa thãi, có lẽ nên sao lục những lời đó để giúp vãn hồi thế đạo nhân tâm.

Các hạ chưa đầy 30 tuổi mà đã hiện tướng suy yếu, cố nhiên hãy nên bỏ cái học rộng rãi để giữ lấy chỗ ước lược, hãy chuyên tu tịnh nghiệp. Khi tịnh nghiệp đã thành tựu lớn lao rồi, sẽ hoằng dương các pháp khác ngõ hầu thật sự tự lợi lợi tha. Nếu không, tuy có thể lợi người, nhưng những pháp ấy vẫn chưa phải là đạo rốt ráo để được thoát sanh tử ngay trong đời này, mà đối với chuyện thuộc về bổn phận của chính mình thì chưa thể đoạn sạch phiền hoặc để liễu sanh tử.

Lại do chưa hoàn toàn chuyên chí nơi tịnh nghiệp, chắc sẽ nương vào giáo nghĩa theo đường lối thường rồi nghi ngờ pháp môn đặc biệt. Nếu vậy, sẽ không thể nhờ vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh được đâu. Tuy đã gieo thiện căn, nhưng vẫn là chén bát chưa nung, hễ gặp trận mưa tái sanh ắt bị hư nát, đáng tiếc lắm thay! Sư Hiển Ấm sẵn lòng đại từ bi, đặc biệt sợ bọn thanh niên thông minh sẵn có huệ căn bị mất đại lợi ích, nên hiện ra tướng trạng đáng để dè dặt, răn nhắc[125] ấy. Điều ấy chưa bao giờ không phải là khai thị chân thật để sâu xa khuyên nhủ các hạ tận lực tu trì tịnh nghiệp vậy.

526. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Bản biên tập này của các hạ đúng là mày - mắt rành mạch, lợi người nhiều lắm! Trộm nghĩ, những đoạn được trích lục trong bộ sách này đều lấy từ phần thư từ, nhưng ngay trong những phần luận, sớ, tựa, bạt v.v. cũng có những đoạn có thể trích lục, chứ không phải là thư từ thì trích lục được, còn những phần khác đều chẳng nên trích lục.

Hơn nữa, cuốn sách này vốn là sách trích lục, cố nhiên chẳng cần phải sợ bị phạm lỗi "cắt xén chương đoạn để chọn lấy nghĩa"; nhưng trong thời thế hiện tại, càng phải nên chú trọng nhân quả, thành kính, luân thường, coi đó là nhiệm vụ

[125] Sư Hiển Ấm là đệ tử của pháp sư Đế Nhàn, cực thông minh, chưa đầy 20 tuổi đã thông thạo giáo nghĩa tông Thiên Thai, qua Nhật học Mật tông, sau 3 năm đã thấu hiểu giáo nghĩa Mật tông. Do quá thông minh nên đâm ra ngạo nghễ, thường viết những bài gởi đăng trên tờ Hải Triều Âm đề cao Mật tông, cho rằng các tông phái khác đều là thấp kém, và chỉ có mình mới hiểu đúng Mật tông. Khi sư trở về nước, đến gặp thầy với vẻ hiu hiu tự đắc. Pháp sư Đế Nhàn từ bi khuyên Hiển Ấm nên ẩn cư hàm dưỡng cho sâu dày rồi mới ra hoằng pháp để tránh va vấp, nhưng Hiển Ấm lại tưởng lầm thầy mình đố kỵ, cố tình chèn ép, nên đau bực đến nỗi ngã bệnh. Trong khi bị bệnh vẫn dùng thế trí biện thông để tranh biện với những ai vấn nạn, nên cuối cùng đã phải kiệt sức chết khi chưa đầy 24 tuổi. Khi mất, sư thần trí mê loạn, không niệm Phật mà cũng không trì chú được nên rất khó thể khỏi bị đọa.

trọng yếu để cứu quốc cứu dân, hoằng pháp lợi sanh. Phàm những đoạn văn nào liên quan đến những ý nghĩa ấy có lẽ nên thu thập cho nhiều.

Ông lập ra mười khoa, khá là thông suốt. Đôi khi có những chỗ câu chữ không đều và những chữ không trôi chảy rõ ràng cho lắm, do vậy tôi bèn liệt kê mười khoa ấy như sau:

1. Tán Tịnh độ siêu thắng (khen ngợi Tịnh độ siêu việt, thù thắng)
2. Giới tín nguyện chân thiết (răn nhắc tín nguyện phải chân thật, thiết tha)
3. Thị tu trì phương pháp (dạy về phương pháp tu trì)
4. Luận sanh tử đại sự (bàn về đại sự sanh tử)
5. Miễn cư tâm thành kính (gắng giữ lòng thành kính)
6. Khuyến chú trọng nhân quả (khuyên chú trọng nhân quả)
7. Phân Thiền Tịnh giới hạn (phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh)
8. Thích phổ thông nghi hoặc (cởi gỡ những ngờ vực phổ biến)
9. Dụ tại gia thiện tín (khuyên nhủ hàng thiện tín tại gia)
10. Tiêu ưng độc điển tịch (liệt kê những kinh sách nên đọc).

Xin ông hãy cân nhắc!

527. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ ba)

Quang thường nói: "Giáo dục trong gia đình chính là cái gốc để trị an. Nhân quả báo ứng chính là pháp để chế ngự cái tâm!" Trong gia đình, sự dạy dỗ của mẹ là trọng yếu. Nếu có mẹ hiền, trong thuở thơ ấu con cái lại thường được giảng giải về nhân quả thì khi những đứa con ấy lớn khôn chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi làm những chuyện nghịch trời tổn đức v.v.. Tiếc cho những người hướng dẫn đề xướng dù tại gia hay xuất gia đều chẳng chú ý tới chuyện này, đáng than lắm!

Ngày hôm qua đã dán thư xong, khi bưu tá đến đây thì lại giao tiếp một lá thư khác. Do vậy gắng gượng viết bài đề từ gồm 40 vần; chỉ vì tôi trọn chẳng làm thơ nên dùng chữ phần nhiều khiên cưỡng, xin hãy sửa chữa. Bài Lâm Chung Châu Tiếp Yếu Ngữ (những lời lẽ quan trọng dùng làm mái chèo cho chiếc thuyền vượt biển sanh tử lúc lâm chung) được lưu truyền đã lâu, có khá nhiều chỗ bị sai ngoa. Đối với những chỗ ý nghĩa chẳng trọn vẹn trong phần này, tôi đều tự tiện bổ túc. Phần luận kệ ở phía sau, Quang từng thấy luôn luôn có, chẳng biết do ý gì ông lại lược bỏ đến nỗi lời lẽ trở thành thiếu căn cứ? Mà đáng tiếc là phần nguyên văn cũng không nêu ra tên của bài luận ấy. Xin ông hãy cân nhắc!

Thêm nữa, bài kệ ấy sợ là do noi theo luận Du-già[126] mà soạn ra. Tựa đề "Lâm chung châu tiếp" chỉ cần viết thấp xuống một chữ, hai chữ "yếu ngữ" (lời nói quan trọng) có lẽ nên bỏ đi và vẫn dùng cùng một cỡ chữ, bởi chữ nhỏ hơn thì người già xem sách sẽ phải tốn nhiều công. Phía trên tựa đề nên thêm hai chữ "phụ lục" thì chánh phụ sẽ rõ ràng.

Hiện thời do chiến sự chẳng thể gởi giấy tới được. An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao trong nhất thời đều chẳng thể in ra được. Xin hãy biên soạn thong thả, đừng gấp rút thì người đỡ tốn sức mà chuyện lại được thong dong. Đối với những sách do Quang đã in đều cho làm bốn bức chỉ bản. Nếu cuốn sách này sắp chữ xong, cũng nên làm ra nhiều chỉ bản để tốn công một lúc mà nhàn nhã lâu dài.

528. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ tư)

Hôm qua tôi đã duyệt Gia Ngôn Lục được một nửa, hôm nay sẽ duyệt xong, nhưng vẫn phải đọc kỹ, cũng như tìm cách để mong đỡ mỏi mắt. Những chữ sai trong ấy đều ghi ra thành một bản gởi đi để làm căn cứ sửa đổi cho đúng khi tái bản. Trong bản giảo chánh của Quang đã nêu ra cặn kẽ từng chỗ sai sót nhằm dùng làm bản mẫu để sắp chữ khi tái bản. Trong tương lai, chuyện giảo đối sẽ do Quang tự đảm nhiệm. Trần Thái Thái đã chịu tiền sắp chữ, tiền làm chỉ bản và tiền in một ngàn bộ, như vậy là đỡ tốn công nhiều lắm. Tôi sẽ bảo ấn quán khi in xong một vạn bộ Văn Sao sẽ in cuốn sách này trước. Vẫn sợ là trong khoảng tháng 11, tháng Chạp mới ra sách được. Quang ở đây chờ cư sĩ Tôn Hậu Tải, đợi ông ta đến rồi mới trở về đất Hỗ được.

529. Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh (thư thứ năm)

Hôm qua nhận được thư, tâm hết sức vui mừng an ủi. Khi trước nghe nói chiến sự nổ ra tại Thượng Hải, tôi nghĩ tam bảo gia bị, chắc gia đình ông sẽ chẳng đến nỗi bị nguy hiểm. Nay biết trong lúc ông không trốn tránh được thì Viên Minh lại dám đem xe hơi đến đón, mà lính Nhật cũng chẳng làm điều hung ác, Bồ-tát cứu khổ cứu nạn quả thật chẳng thể nghĩ bàn thấu suốt được! Xin hãy khuyên hết thảy mọi người cùng niệm Quán Âm để mong Bồ-tát gia bị, khiến cho thủ lãnh quân Nhật ngưng diệt ác tâm lẫn độc tâm thì chiến sự sẽ tự ngưng dứt. Đừng nên đem

[126] Luận Du-già có tên đầy đủ là luận Du-già Sư Địa (Yogacārabhūmi) do Bồ-tát Di-lặc giảng, ngài Vô Trước ghi lại, ngài Huyền Trang dịch sang tiếng Hán. Đây là một trong những bộ luận căn bản của tông Duy thức, mà cũng là một bộ luận quan trọng cho những ai nghiên cứu giáo nghĩa Đại thừa. Bộ luận này giảng cặn kẽ về Du-già hạnh quán pháp, chủ trương đối tượng khách quan và tâm thức căn bản của nhân loại (a-lại-da thức) đều là những hiện tượng giả hiện; cho nên phải xa lìa những quan niệm đối đãi có và không, tồn tại - bất tồn tại v.v. để có thể ngộ nhập trung đạo.

lòng ác nguyền rủa quân Nhật, bởi chẳng khế hợp với tâm đại bi bình đẳng của Bồ-tát vậy.

(Ngày mồng 9 tháng Giêng năm Nhâm Thân - 1932)

530. Thư trả lời cư sĩ Đồng Ảnh

Trong tháng 9 tôi nhận được thư do anh của ông gởi, nói ông bị bệnh, tâm chí bất định: hoặc là gấp muốn được trị bệnh giống như không rảnh rỗi để chờ đợi nữa, hoặc thầy thuốc đến kê toa nhưng không chịu uống, hoặc mời cả hai thầy thuốc v.v., thật giống như tánh tình của con nít! Cầu thầy trị bệnh kiểu đó sẽ càng bệnh thêm, làm sao lành bệnh cho được? Bởi lẽ tâm niệm nóng nảy bộp chộp là tự mình tăng thêm bệnh, cắt thuốc loạn xạ là thầy thuốc tăng thêm bệnh. Ông phát tâm muốn xuất gia tu hành, giải quyết cho xong đại sự sanh tử, nhưng thái độ phú quý kiêu căng ấy chưa bỏ được mảy may nào, khi xuất gia lỡ bị bệnh ắt sẽ chết gấp. Ông có tánh kiêu ngạo ấy, mà còn có thể cam chịu sự yên tĩnh đạm bạc, xem thân này như thứ thừa thãi được ư?

Hơn nữa, người học đạo hễ gặp những chuyện chẳng như ý chỉ nên coi chúng như những cơ hội để hướng đến đạo. Cảnh nghịch xảy tới bèn thuận chịu, dẫu có gặp chuyện nguy hiểm gì đi nữa thì trong lúc ấy sẽ chẳng đến nỗi kinh hãi tới mức hoảng loạn, quýnh quíu. Chuyện gì đã qua thì lòng cũng chẳng bận tâm tới nữa, coi như giấc mộng đêm qua; há nên thường giữ mãi trong tâm đến nỗi tạo thành căn bệnh ngực đập như trống làng? Ông đã muốn tu hành hãy nên biết hết thảy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm thành, lại càng phải nên chí thành niệm Phật thì sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện nghịch trời tổn đức thì đâu có sợ gì? Người niệm Phật được thiện thần che chở gia hộ, ác quỷ tránh xa, còn sợ chi nữa?

Nếu ông thường sợ hãi, sẽ bị ma "sợ hãi" dựa vào, ắt sẽ có oán gia từ vô lượng kiếp thừa dịp lòng ông sợ hãi kéo đến dọa dẫm khiến cho ông mất trí điên cuồng để báo oán xưa. Đừng nói: "Ta vẫn niệm Phật, đâu sợ đến nỗi như thế!" Chẳng biết rằng, toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào lòng sợ hãi, khí phận đã cách ngăn với Phật, đã thông với ma! Đâu phải là Phật chẳng linh, mà là do ông đã đánh mất chánh niệm, đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích trọn vẹn.

Xin ông xem thư Quang, hãy thống thiết sửa đổi tâm trước, sẽ nghĩ anh mình một vợ một chồng, đâu có gì đáng lo? Nếu túc nghiệp hiện tiền, dẫu sợ hãi há có tiêu diệt được chăng? Chỉ nên chẳng sợ, hễ giữ được chánh niệm thì cư xử sẽ thích đáng, thần thái chân thật đã yên định thì tà quỷ chẳng thể xâm phạm được.

Nếu không, sẽ do tà chiêu tà, kẻ oán trong đời trước đều kéo tới, gặp chuyện không quyết định được, hoàn toàn bó tay. Chẳng đáng buồn ư?

Nay tôi tính kế cho ông: Hãy nên buông xuống những điều ôm giữ, hết thảy mọi chuyện đều có thể lo liệu được, chớ nên ôm đồm lo lắng. Chỉ sợ hạnh mình có tỳ vết, chẳng sợ quỷ thần gây họa hoạn. Nếu ông ở nhà tu hành tốt đẹp thì sẽ cùng với anh và vợ v.v. giúp đỡ nhau tu trì tịnh nghiệp. Nếu chẳng thể làm được như vậy thì hãy sang Thượng Hải ở nhờ Phật giáo Tịnh nghiệp xã, hằng ngày thường được nghe giảng nói, cũng như hằng ngày thường theo đại chúng niệm Phật.

Hiện thời, Tịnh nghiệp xã dời sang Nam Viên của nhà họ Giản, có cơ sở chừng mười hai mười ba mẫu đất, là đạo tràng lớn nhất. Năm sau, pháp sư Đế Nhàn sẽ giảng Niết-bàn Kinh Sớ[127] tại đấy. Nơi ấy nhiều phòng ốc, chẳng chật hẹp như cơ sở cũ ở đường Ái Văn Nghĩa (Avenue Road)[128]. Nếu ông đến thì mỗi tháng đóng góp bao nhiêu đó tiền ăn uống, chắc chắn sẽ được như nguyện. Sau mấy tháng sẽ trở về nhà thăm một chuyến, bàn bạc chuyện nhà với anh ông, hàn huyên với vợ, không đầy mấy ngày lại đi, quả thật là biện pháp tu đạo hy hữu bậc nhất. Quang nghĩ ông làm như thế thì lợi ích đạt được sẽ trỗi hơn vô lượng lần so với xuất gia, nhưng phải vứt bỏ kiến thức giống như trẻ nít và lũ người vô tri đầu đường xó chợ đi thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích.

Đang trong tình thế nguy hiểm này, hãy nên mở rộng tấm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì tịnh nghiệp. Tất cả cát hung họa phước đều chẳng bận tâm đến, cứ tùy duyên ứng biến. Dẫu cho đại họa đối đầu, vẫn nghĩ tới những người cùng mắc họa này chẳng biết có mấy ngàn vạn ức. Trong lúc không thể làm gì được, vẫn còn có A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát để nương tựa được, nào còn sợ hãi chi! Lấy niệm Phật, niệm Quán Âm để làm căn cứ không sợ hãi. Mở rộng tâm lượng, đừng sợ hãi trước thì bệnh tự lành, thân tự yên vui. Nếu chẳng biết nghĩa này, chưa gặp cảnh nguy mà chính đã tự hãm vào trong cảnh nguy ngập trước, dẫu

[127] Bộ sách này có tên đầy đủ Đại Bát Niết-bàn Kinh Sớ, 33 quyển, do ngài Quán Đảnh soạn từ năm Đại Nghiệp thứ mười (614) cho đến năm Đại Nghiệp mười lăm (619) đời Tùy. Thoạt đầu chỉ gồm 12 quyển giải thích kinh văn và một quyển giảng huyền nghĩa. Về sau, ngài Kinh Khê Trạm Nhiên lại sửa chữa, mở rộng thêm thành 15 quyển. Đến thời Vạn Lịch nhà Minh, ngài Viên Trừng lại tăng thêm phần chú sớ, vựng biên, tạo thành 36 quyển, nhưng bị hậu nhân chê là "tự tiện sửa chữa, cắt xén, ý tưởng hỗn loạn". Trải qua nhiều lần tu chỉnh, bản phổ biến nhất hiện thời là bản 33 quyển.

[128] Con đường này vốn có tên là Bình Kiều. Khi Thượng Hải bị biến thành tô giới, con đường này nằm ngay phía Đông của tô giới công cộng nên bị đổi tên thành Avenue Road. Khi chánh quyền Uông Tinh Vệ chiếm lại tô giới, đã đổi tên con đường này thành Đại Đồng. Vào năm 1945, nó lại bị đổi tên lần nữa thành Bắc Kinh Tây Lộ.

Phật, Bồ-tát cũng chẳng thể cứu được đâu! Do vậy, quân tử gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử theo cảnh hoạn nạn, cho nên trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng được yên vui.

531. Thư trả lời cư sĩ Quán Tâm

Mấy hôm trước, qua lá thư từ núi Phổ Đà chuyển đến, biết tâm ông mộ đạo tha thiết, tu trì một niềm cẩn trọng, khôn ngăn vui mừng hâm mộ, nhưng do quá bận bịu chẳng thể trả lời ngay. Ngày hôm qua do có chuyện phải sang đất Hàng, được rảnh rang đôi chút, bèn viết đại khái. "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" chính là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Ông hiếu thảo với cha mẹ, biết tiết kiệm, sống chất phác, ắt sẽ chẳng đến nỗi nhận tiền tài phi nghĩa, tâm hạnh ấy khá hợp với Phật. Nếu lại còn thêm lòng tín nguyện cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ được như nguyện. Nhưng đã làm con người khác, làm cha của kẻ khác thì hãy nên nghĩ đến cách làm sao cho cha mẹ ta, con cái ta đều được rốt ráo an ổn. Há chẳng tận lực khuyên cha mẹ ta và con cái ta cùng tu tịnh nghiệp ư? Đấy là ước theo phía người thân mà luận, chứ hết thảy chúng sanh đều là con Phật, ta đã biết như vậy, nỡ lòng nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, làng nước của ta, hết thảy những người gần gũi mỗi mỗi đều được biết tới pháp môn Tịnh độ hay sao? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, chẳng nên phát hoằng thệ để thực hiện sẵn đạo "tùy phần, tùy sức độ người" hay sao?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hoành (Hoằng), nghĩa là dùng trí tuệ lớn lao để hành đạo tự lợi lợi người, tức là vì hết thảy chúng sanh mà nói "giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương". Trong Văn Sao đã nói đến chuyện này nhiều lượt, nay nhắc lại với ông vì sợ có lẽ ông không chú ý đến nỗi bỏ qua. Vì thế chẳng ngại gì nhắc lại.

Hơn nữa, thế đạo loạn lạc như hiện thời đều là vì không có người khơi gợi, chỉ dẫn những điều ấy. Xét đến cội nguồn đều do trong gia đình chẳng khéo dạy dỗ, cũng như chẳng nói đến nhân quả báo ứng mà ra. Thiên hạ chẳng yên, thất phu thất phụ có trách nhiệm! Chú trọng giáo dục gia đình và nhân quả báo ứng thì tự nhiên hiền tài sẽ đông đảo dấy lên, thiên hạ sẽ dần dần được thái bình. Đối với mọi người, xin hãy đều đem lời này khẩn thiết bảo ban. Đấy cũng là một đại sự quan trọng "sống trong cõi trần học đạo, chính mình chưa đắc độ mà đã làm chuyện độ người". Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

532. Thư trả lời cư sĩ Lý Cát Nhân

Nhận được thư hôm Rằm, do bận bịu không rảnh rỗi nên lần khân đến nay. Nếu có thể đích thân tận mặt đến quy y thì cố nhiên là đúng lý, nhưng nếu chẳng đích thân đến được, chỉ dùng lòng chí thành khẩn thiết giống như đích thân lãnh nhận thì cố nhiên cũng chẳng khác gì. Dẫu tận mặt quy y nhưng chẳng coi trọng chuyện quy y, suy nghĩ, cư xử vẫn giống như cũ thì tuy mang tiếng là quy y tam bảo, nhưng thật ra là quyến thuộc của ma vương. Lợi ích trong Phật pháp há có thể dùng hư danh để đạt được ư?

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm khiến cho tạp niệm không do đâu khởi lên được. Nếu muốn nhiếp tâm thì hãy nên lắng nghe, nếu nghe từng câu từng chữ cho rõ ràng thì tự nhiên tâm sẽ chẳng đến nỗi tán loạn quá mức, dẫu không quán tưởng mà cũng giống như đang nhập quán. Nếu chẳng thể nhiếp tâm được thì quán cảnh chẳng rõ ràng, lý tánh chẳng rành rẽ, lầm lạc muốn được sanh trong thượng phẩm, mặc theo ý mình quán tưởng sẽ bị ma dựa phát cuồng nhiều lắm.

Há cứ phải quán tưởng thì mới có thể vãng sanh thượng phẩm được ư? Niệm Phật đến mức nhất tâm kèm thêm tâm đại Bồ-đề, lại còn tự hành, dạy người, hành rộng rãi lục độ, ai mà chẳng lên được thượng phẩm? Nhưng lấy quán tưởng làm nhân cho thượng phẩm thì cũng là một cách nói từ xưa đến giờ [dành riêng cho một hạng căn tánh nào đó], chứ nhiếp tâm niệm Phật là đạo để căn cơ thượng trung hạ cùng tu, lợi ích đạt được sẽ tùy theo căn tánh và sự tu tập của từng người mà chia ra lớn nhỏ. Nếu quán tưởng mà chẳng hiểu biết nguyên do thì quyết chớ nên mù quáng tu tập, vì có thể bị ma dựa! Nếu ông có thể nhất tâm niệm Phật, há ông chẳng được sanh trong thượng phẩm ư?

Chú Đại Bi chỉ nên y theo lời thầy đã dạy trong hiện thời mà niệm ắt sẽ có vô biên lợi ích. Cố nhiên hằng ngày nên thường niệm, cần gì phải trong ngày thập trai mới niệm. Hơn nữa, chuyện ăn thịt họa hại vô cùng, vợ chồng ông đã phát tâm vãng sanh thượng phẩm, sao chẳng ăn chay trường mà chỉ ăn thập trai vậy? Chẳng riêng gì chính mình ăn chay mà còn nên khuyên con cái và người trong nhà đều cùng ăn chay. Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết (bài sớ kêu gọi tu bổ ao phóng sanh ở Nam Tầm đã giảng giải khá tường tận) mối họa do ăn thịt và điều lợi do không ăn thịt. Cố nhiên nên nỗ lực nơi chuyện này, đừng để tập tục trói buộc, chỉ ăn thập trai mà thôi!

Thuốc lá của Tây Dương gây hại thật sâu, trong Văn Sao có in kèm thêm bài thuốc thần diệu để cai nghiện á phiện, linh nghiệm tột bậc, có rất nhiều người đều cai thành công. Kẻ nào chẳng dứt nghiện được đều là vì thân thể đã mang sẵn bệnh tật khác. Ông hãy nên dựa theo đó, định kỳ hạn cai nghiện thong thả lâu gấp

đôi thì sẽ đoạn được cái gốc họa này. Chuyện vãng sanh cố nhiên chẳng vì cai nghiện hay không mà bị ảnh hưởng, dẫu có tật ấy nhưng hễ sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, nhất tâm niệm Phật thì không một ai chẳng được vãng sanh.

Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cực điểm, muốn cho quốc gia dần dần khôi phục nguyên khí mà chẳng vun bồi cho gia đình sẽ không thể được. Những kẻ hoại loạn thế đạo nhân tâm đều do sẵn có tánh tình khác lạ, lại không được gia đình dạy dỗ, khiến cho những kẻ sẵn có tánh nết khác lạ ấy sanh khởi hành vi cuồng vọng, ra sức phóng túng tà vạy. Nếu những kẻ ấy được dạy dỗ đàng hoàng thì nếu cùng quẫn sẽ riêng mình thiện, khi hiển đạt sẽ làm cho kẻ khác đều cùng thiện. Vì thế, Quang cực lực đề xướng dạy dỗ con cái để mong thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Điều quan trọng là dạy cho con cái biết rõ sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng, giáo pháp ấy tuy thông thường nhưng lợi ích hiển nhiên đến tột bậc. "Đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương", đây chính là một đại pháp môn để ngàn đức Phật, vạn đức Phật phổ độ chúng sanh, khiến cho gần là thoát sanh tử, xa là thành Phật đạo. Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết trọn vẹn!

533. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ nhất)

Trước đây đã nhận được thư, nhưng do bận bịu chưa thể trả lời ngay. Cổ nhân nói: *"Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc"* (Bói để giải lòng nghi; không nghi, bói làm gì). Như ông hỏi: "Niệm Phật là chủ, nghiên cứu giáo là trợ. Tùy duyên độ người, hồi hướng An Dưỡng", vậy cần gì phải hỏi làm như thế là đúng hay không? Đối với chuyện Trí Tĩnh đọc tụng Lăng-nghiêm, cần gì phải ngăn cấm? Niệm Phật, tụng kinh, về lý chẳng hai, nhưng phải nên lắng lòng trì tụng, chớ nên chỉ chú trọng nghiên cứu văn nghĩa. Làm như thế thì ý Phật còn lãnh hội được, huống là văn nghĩa ư? Lý Trác Ngô[129] tuy có tri kiến hơn người, nhưng hành vi đa phần

[129] Lý Trác Ngô (1527-1602) tên là Chuế, hiệu Trác Ngô, còn có hiệu là Đốc Ngô, Hoằng Phủ, biệt hiệu cư sĩ Ôn Lăng, người huyện Tấn Giang, tỉnh Phước Kiến, là một nhà tư tưởng, sử gia, văn gia trứ danh đời Minh. Tánh tình thanh liêm, thương dân, siêng năng chánh sự. Bất mãn trước sự thối nát của nhà Minh thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch, ông từ quan phiêu bạt giang hồ, dạy học kiếm sống, trước tác rất nhiều. Ông viết lời phê bình cho những bộ tiểu thuyết nổi tiếng thời ấy như Thủy Hử, Tây Sương Ký, Hoán Sa Ký v.v.. Ông theo quan điểm chánh thống khắc nghiệt của Khổng - Mạnh, những gì không thuộc Khổng - Mạnh đều nhất loạt chê là dị đoan, phê phán mãnh liệt những sự hủ bại thối nát trong hệ thống cai trị đương thời, chủ trương phải giữ lòng hồn hậu như trẻ thơ. Do vậy, ông bị các quan lại đương thời lẫn triều đình căm ghét, nghi kỵ. Đa số các nhà trí thức đương thời cũng không tán đồng quan điểm thiên lệch, khắc nghiệt, hẹp hòi của ông trong những lý luận về Nho học. Năm Vạn Lịch 29 (1601), ông ở Hồ Bắc, bị vu cáo đến nỗi gần mất mạng, phải trốn đến Thương Thành (Hà Nam), rồi sang nhà

trái nghịch sai bậy, dẫu tri kiến hơn người vẫn chưa khỏi lệch lạc tà vạy. Há nên nhất loạt coi những kẻ chỉ trích, phê phán ông ta là ngoan cố ư? Ngài Ngẫu Ích dẫn lời ông ta là do ngài chẳng vì thấy tánh cách của một con người [có những điểm đáng chê trách] mà sổ toẹt những lời hữu lý của người ấy. Ông cho rằng ngài Ngẫu Ích đã dẫn lời ông ta thì mọi lời lẽ của ông ta đều đáng lấy làm khuôn phép ư? Tôi chưa từng đọc sách của Trí Ngô, nhưng đọc tiểu truyện của Trí Ngô trong Cư Sĩ Truyện và những chỗ người đời trước chỉ trích những chỗ trái nghịch, sai lầm của Trí Ngô thì cũng có thể biết ông ta là người như thế nào. Ấy là vì ông ta thiên tư cao nhưng xen tạp tánh cuồng vọng, chống đối, chưa thể tận lực tu tập đạo "thành ý, chánh tâm, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa" của thánh hiền, cũng đáng tiếc lắm!

Để phá những mê chấp của các nhà triết học, khoa học, cố nhiên nên lấy duy tâm duy thức làm chủ, nhưng cần phải đề xướng nhân quả báo ứng thì nghĩa duy tâm duy thức mới được hoàn toàn viên mãn. Tính kế sách cho hiện tại thì hãy nên cực lực đề xướng "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, hiểu nhân, rõ quả" và giáo dục trong gia đình, nhưng đối với giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng. Hiện thời cõi đời loạn lạc đến cùng cực, dân không lẽ sống, đều do chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình mà ra. Kẻ biết tốt xấu chắc sẽ không cho lời tôi nói là sai lầm, xằng bậy! Hình dáng Quang làm sao giống như tướng Phật cho được? Hãy nên thường lễ Phật, kính cẩn chiêm ngưỡng, đừng nhớ tới hình dáng của Quang.

534. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ hai)

Giảng diễn về sự giáo dục thông tục đã chẳng thể nói đến Phật pháp thì hãy lấy những đạo lý luân thường trong sách Nho làm chủ và dẫn những sự lý về nhân quả báo ứng trong sách Nho, như *"thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt, bất khả hoạt"* (trời gieo oan nghiệt còn có thể né tránh được, chứ tự mình gây ra oan nghiệt sẽ chẳng thể sống sót được)[130]; lại còn: *"Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa) v.v., để bọn họ biết đến lý nhân quả, Nho giáo vốn có lý ấy, sự ấy. Đã biết nhân quả sẽ chẳng dám làm bậy, gian trá nữa.

---

bạn thân là Mã Kinh Luân ở Thông Châu lánh nạn. Năm sau, ông lại bị vu cáo, bị khép tội "đề xướng bại hoại loạn đạo, lừa đời, gạt dân", bị tống giam vào ngục, hành hạ khổ sở. Không chịu được nhục, ông tự tử trong tù.

[130] Đây là một câu nói trong sách Thượng Thư của kinh Thư, phần Thái Giáp. Mạnh tử nhắc lại câu nói này trong thiên Công Tôn Sửu của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

“Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” phải từ trung thứ mà khởi, trung (忠) là chẳng dối tự tâm, thứ (恕: khoan dung) là từ mình nghĩ đến người. Đã trung thứ thì hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v. đều hành được.

Ông đã xin đặt pháp danh cho cha mẹ mà ngay cả tên tuổi cũng không viết ra, đáng gọi là kẻ thô tâm! Nay đặt pháp danh cho họ là Đức Thâm, Đức Uyên, xin hãy khuyên họ quyết định cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Nếu được phước báo trời người trong đời sau thì phước báo ấy sẽ thành gốc họa. Phước báo càng lớn, tạo nghiệp càng to; tạo nghiệp càng to, chịu khổ càng lớn. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ đáng gọi là Đức Thâm, Đức Uyên. Nếu không, sẽ là Nghiệp Thâm, Nghiệp Uyên, từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể thoát lìa, chẳng đáng buồn sao?

Tôi chưa biết đến sách Tuyên Giảng Đại Toàn, sẽ tìm hỏi xem. Tháng 9 năm nay, tôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; trong tháng 8 chớ nên gởi thư đến nữa để khỏi bị thất lạc.

535. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ ba)

Ba người bạn muốn quy y, nay đều đặt pháp danh cho họ. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và một lá thư dài, xin mọi người ai nấy đều chú trọng thực hành, đừng chỉ kiếm danh suông, kẻo chẳng được lợi ích chân thật. Những lá thư còn giữ lại tùy ông sắp xếp, Quang không hỏi tới nữa. Nếu pháp “khi sanh nở niệm Quán Âm” được lưu hành rộng rãi thì thiên hạ sẽ không có chuyện khó sanh và do sanh nở mà bị mất mạng cũng như sanh xong bị băng huyết nguy hiểm, con cái sau khi sanh ra bị các chứng kinh phong cấp tính hay mạn tính nguy hiểm. Mỗi người hãy nên cung kính sao ra một bản để lưu truyền vĩnh viễn trong gia đình. Đấy là lời Phật nói, nhưng người xưa chưa đề xướng. Người đời nay sát nghiệp lẫn tình dục đều nặng nên sản nạn rất nhiều, vì thế mới chẳng thể không chỉ dạy rõ ràng vậy.

536. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tư)

Đang trong thời thế cả nước như cuồng này, cố nhiên tục đã đáng chán, mà tăng cũng đáng buồn! Đôi bên trái pháp đến nỗi thành ra hiện tượng ấy. Hội Phật giáo các xứ đều là diễn lại chuyện cũ một cách hư rỗng để tạm thời ngăn ngừa người ngoài khinh lấn, nhưng lâu ngày chầy tháng ắt sẽ sụp đổ, không lập được cách gì nữa. Phật học viện Phổ Đà chỉ có cái danh mà thôi, muốn học giáo sao chẳng qua chùa Quán Tông ở Ninh Ba mà lại muốn đến chùa Phổ Đà vậy?

Trong mấy năm gần đây, ông X… chịu ảnh hưởng của trào lưu mới, mùa hạ này bị bệnh nặng mới biết hổ thẹn, nói "muốn dụng công mười năm rồi mới hoằng pháp". Trong cõi đời hiện thời, trừ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình ra, dẫu Phật Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết làm sao. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết. Nếu có thể xét kỹ thì không điều nghi nào chẳng cởi gỡ được!

537. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ năm)

Tà thuyết ngoại đạo đều chẳng đáng lo, cái đáng lo là tăng phần nhiều chẳng biết pháp và những gã cuồng tăng xưng bừa là hoằng pháp nhưng thật ra là diệt pháp. Thế lực của họ rất lớn, nếu chẳng phải là bậc thánh nhân thần thông sẽ chẳng biết làm thế nào. Quang là một tăng nhân tầm thường chỉ biết cơm cháo, đã không có đạo đức lại chẳng có tiếng tăm gì, làm sao có thể xoay chuyển lũ quyến thuộc trong ngoài của ma vương ấy, khiến cho bọn họ giữ lòng chánh niệm, chẳng bị những tà thuyết ấy mê hoặc ư? Đừng nói chẳng soạn luận, dẫu có soạn cũng chẳng ích gì! Nếu các tăng tục ấy đều nương theo lời Phật, hành theo hạnh Phật thì những kẻ có ý muốn diệt Phật pháp trông thấy đạo hạnh ấy cũng sẽ khâm phục, kính ngưỡng khôn cùng, lại còn muốn hộ trì. Huống là những vị có hành vi càng sâu xa hơn nữa ư?

Hiện thời muốn hộ trì Phật pháp, không chi cấp bách hơn là tận tụy thực hành đạo giữ vẹn luân thường, nhân nghĩa và pháp tín nguyện niệm Phật. Sợ ông lầm lạc mong Quang soạn văn nên đặc biệt chỉ ra tình trạng không thuốc chữa, chỉ mong ông thấu hiểu sâu xa.

538. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ sáu)

Đại kiếp này vốn đã ươm mầm nhiều năm, nay mới phát hiện, ví như nhọt chưa chín muồi, nếu kẻ ngu lúc bình thường chẳng chữa trị thì khi nhọt loét ra, sẽ khó thể chữa lành ngay được. Dẫu chẳng thể không tận hết sức người, vẫn khó thể chắc chắn vãn hồi được. Hiểu rõ điều này sẽ chẳng đến nỗi sanh lòng áo não suông, oán trời hận người. Ông Nhiếp Vân Đài[131] do dụng tâm quá độ, hiện thời đang phải dưỡng bệnh, chẳng thể giao thiệp với ai được.

[131] Nhiếp Vân Đài (1880-1953), tên thật là Nhiếp Kỳ Kiệt, hiệu là Vân Đài, pháp danh Huệ Kiệt, biệt hiệu Tức Sám, người Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, là cháu ngoại của Tăng Quốc Phiên. Cha ông là Nhiếp Tập Quy từng làm Tuần phủ tỉnh Giang Tô. Mẹ ông là Tăng Kỷ Phân, con út của Tăng Quốc Phiên. Thuở nhỏ, ông theo cha sang sống tại Thượng Hải. Năm Quang Tự 19 (1893), trở về Hồ Nam tham gia khoa đồng thí (khoa thi dành cho thiếu niên), đậu tú tài. Ông học Anh ngữ, điện khí, công nghệ với người ngoại quốc, từng sang Mỹ du học. Trở về nước, ông tận lực chủ trương "giáo dục cứu quốc, tăng tấn kinh tế để cứu quốc" nên tận lực

Nghe nói ông X… đã sang Hồ Bắc, người này đã được ông Y… hun đúc, nên trong tri kiến ông ta chỉ nghĩ Duy thức là đúng, các hạnh môn khác đều coi thường. Mùa hạ này bị bệnh nặng mới thống thiết hối hận sai lầm, chẳng biết rốt cuộc gần đây ra sao? Xin hãy đừng qua lại với hạng người như vậy để khỏi bị họ xoay chuyển. Tất cả những hiện tượng trong hiện thời đúng là nhằm thôi thúc con người chuyên tu tịnh nghiệp để cầu vãng sanh. Đang trong lúc này mà vẫn cứ hờ hững, hời hợt muốn làm đại thông gia thì đã chẳng thể tự lợi mà còn chẳng thể lợi người, tính toán cũng sai lầm quá đỗi vậy.

539. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ bảy)

Giảng kinh thì việc gì cứ phải mỗi năm giảng một kinh, chẳng thể giảng trùng lặp ư? Đã phải ăn cơm hằng ngày, sao lại ngại phải lặp đi lặp lại? Tâm Kinh nghĩa lý uyên thâm, nếu giảng kinh ấy thì làm sao kẻ sơ cơ đạt được lợi ích? Dẫu có sở đắc cũng chỉ là hiểu nghĩa trên mặt văn tự mà thôi! Sao bằng pháp môn Tịnh độ hễ nghe liền có thể thực hành được ngay. Kể cả phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng không nhất định phải giảng nhiều bữa. Đức Phật đem những nghĩa lý uẩn súc, uyên áo trong 600 quyển Đại Bát-nhã nêu tỏ chẳng sót trong 260 chữ của Tâm Kinh, cần gì cứ phải kéo dài lan man, chỉ cốt nói rộng nói nhiều để phô tài ăn nói vậy?

---

tiến hành xây dựng các xí nghiệp, thành lập các công ty dệt như Phục Thái, Hằng Phong v.v., nhiệt thành hướng dẫn chuyên viên về ngành dệt. Ông mạnh dạn nhập máy móc, cải tiến ngành dệt, và được coi như một trong những người khai sáng ngành dệt công nghiệp ở Trung Hoa. Ông cũng mở nhiều xưởng liên quan đến nhiều ngành khác và từng đảm nhiệm chức vụ hội trưởng của Thương hội Thượng Hải. Tuy xuất thân từ một gia đình Phật giáo thuần thành, trong thời gian du học ở Mỹ, ông từng theo đạo Baptist và vợ ông là Tiêu Thị cũng là tín đồ Baptist. Đến năm Dân Quốc 13 (1924), kinh tế Trung Hoa suy vi, các xưởng do ông làm chủ hay làm Kinh Lý đều thua lỗ. Tới năm Dân Quốc 15 (1926), ông bị ép buộc phải rút lui, đã thế lại bị bệnh nặng mấy phen tưởng chết, bèn cảm ngộ thế sự vô thường, hướng lòng về Phật pháp, quy y với pháp sư Như Huyễn, lắng lòng học Phật, đóng cửa không qua lại với ai. Về sau, ông gặp được tổ Ấn Quang, hết sức kính mộ, xin được thọ ngũ giới, mấy lượt toan xuất gia nhưng bị mẹ già ngăn cản. Hằng ngày ông tận lực lễ bái Quán Thế Âm và Địa Tạng Bồ-tát, trì tụng kinh Kim Cang, Phổ Môn và Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh. Ông gom góp tài sản còn lại để tận lực cứu trợ những nạn dân ở Hồ Nam, viết bài luận nổi tiếng là Bảo Phú Pháp (cách giữ giàu) chủ trương muốn được giàu có thì phải biết chia sớt tài sản cho người khác. Ông đề xướng Gia Đình Phật Học Hội, nhằm giảng diễn Phật học và Phật hóa sinh hoạt gia đình trong vòng thân tộc. Ngoài bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ (tên ban đầu là Lịch Đại Cảm Ứng Thống Kỷ) viết chung với Hứa Chỉ Tịnh, ông còn để lại dịch phẩm Vô Tuyến Điện Học, Thác Nhĩ Tư Thái Truyện (tiểu sử Leon Tolstoy) và những tiểu phẩm có giá trị về Phật học như Cần Kiệm Cứu Quốc Thuyết, Địa Tạng Bồ-tát Linh Cảm Cận Văn Lục, Quán Âm Kinh Chú Cảm Ứng Hội Thiên v.v..

Thiền sư Đạo Xước là bậc cao tăng lỗi lạc, chuyên hoằng dương Tịnh độ, ngài thọ bảy mươi mấy tuổi, suốt đời giảng ba kinh Tịnh độ gần 200 lượt. Nếu ngài bắt đầu giảng từ năm 20 tuổi thì trong năm mươi mấy năm, mỗi năm phải giảng hai ba lượt mới được như thế.

Qua lá thư gởi cho một vị cư sĩ trong Triệt Ngộ Ngữ Lục, ngài Triệt Ngộ Mộng Đông đã viết: "Trong một mùa hạ hai lượt giảng xong Lăng-nghiêm; nào ngại Hạnh Nguyện văn dài chẳng thể giảng xong trong bảy ngày?" Bảy ngày là quá rút gọn, có lẽ nên giảng mười ngày. Giảng kinh đâu có quy củ nhất định buộc người giảng phải tận hết sức Đông kéo Tây lôi, chẳng chịu chỉ điểm ngay chỗ chánh yếu?

Tri kiến của ông là tri kiến tràn lan, không biết giữ lấy chỗ giản ước, cứ muốn dùng sự rộng rãi để tạo lợi ích cho kẻ sơ cơ thì đấy là chuyện tạo dựng môn đình vậy. *"Một đêm trò chuyện cùng anh, còn hơn đọc sách loanh quanh mười mùa. Để chữa lành bệnh đâu cần tới lượng thuốc nhiều đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở."* Đấy đều là những lời cổ nhân giáo huấn về cách giữ lấy sự giản ước vậy.

Hiện nay chiến sự phát sanh, đối với chuyện sau này, chớ nên lo liệu ngược ngạo, hãy nên khuyên hết thảy già trẻ trai gái cùng niệm A-di-đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu hễ còn sống sẽ tránh được tai họa này, chết rồi sẽ về Cực Lạc. Giảng kinh vẫn chưa phải là nhiệm vụ cấp bách hiện thời, điều cấp bách nên làm là thông cáo hết thảy già trẻ trai gái cùng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để sau khi thái bình rồi hãy giảng kinh, nhất là phải lấy việc "tạo cho kẻ sơ cơ có lòng chánh tín nơi Tịnh độ" làm đầu.

Nghê Thương Cần, Thí Lập Khiêm đã biết quy y, tôi đều đặt pháp danh cho mỗi người. Nghê Thương Cần pháp danh là Tông Cần, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người đều phải lấy cần (勤: siêng năng) làm gốc, nếu lười nhác biếng trễ sẽ khó được thành công. Thí Lập Khiêm pháp danh là Tông Khiêm, "khiêm" (謙) là chẳng tự thỏa mãn, chẳng cho là đủ, như biển dung nạp trăm sông, như hư không bao trùm muôn hình tượng, mọi thứ tội nghiệp đều do khiêm mà tiêu, đủ mọi công đức đều do khiêm mà thành tựu.

Nay gởi cho ông và hai người ấy một gói Tịnh Độ Thập Yếu, xin hãy chia ra tặng. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, từ nay chớ nên thường gởi thư tới, chỉ nên dựa theo những điều đã nói trong sách Thập Yếu để tu thì đâu có thiếu sót gì mà cần phải thường hỏi han. Nếu chẳng chú trọng chuyên tu Tịnh độ, cứ muốn thông suốt khắp các giáo nghĩa thì một hai lá thư cũng chẳng thể đạt được mục đích ấy, xin hãy sáng suốt suy xét. Sách Thập Yếu chính là sách trọng

yếu trong tông Tịnh độ. Đừng toan tính những chuyện ham cao chuộng xa thì sẽ đạt được lợi ích tối cao tối thắng! Một Lá Thư Trả Lời Khắp cũng nói những chuyện mọi người đều phải gấp nên chú trọng.

540. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ tám)

Đường lối để tạo vinh dự cho cha mẹ của kẻ làm con chính là siêng năng tu đức để hết thảy mọi người đều vì kính trọng ta mà tưởng nhớ đấng sanh ra ta, đấy mới là phương pháp quan trọng nhất. Thường thấy người đời khi cha mẹ đã khuất bèn phân phát cáo phó rộng khắp, bịa đặt kể lể công trạng, đến các nơi xin những người có danh vọng, có địa vị ghi lời tán tụng, viết tiểu sử, đề bài minh, bài biểu, chứ không miệt mài chú trọng gắng sức tu đức, thể hiện lòng nhân để mong tạo thanh danh cho cha mẹ.

Tôi thường nói: "Người đời đa số chuộng danh ghét thật, chỉ muốn phô trương trong một lúc, chứ chẳng nghĩ dùng sự tận tụy tu đức nơi thân mình để tưởng nhớ báo đền cha mẹ." Cha mẹ ông đã tin nhận Phật pháp, ông cũng đã biết những nghĩa "tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là", trong tương lai, khi cha mẹ nằm xuống, phàm những chuyện ma chay, tế lễ, đãi khách v.v. đều tuân theo cấm chế của nhà Phật, đừng dùng rượu thịt, kiêng giết, làm lành để xướng suất cho cả làng. Những vị như Ngô Trí Hinh v.v. cũng đã sớm đem đạo lý này dặn dò con cháu. Hết sức khẩn yếu!

Bài ký nêu duyên khởi của Tịnh nghiệp xã tôi đã soạn xong, nay đem gởi đi. Dựng bia chẳng có lợi ích lớn lao bằng treo bảng, vì chữ khắc trên bia chẳng thể phóng to được, bởi lẽ đá lớn sẽ tốn tiền. Hơn nữa, có ai chịu đứng xem? Trong trăm người, chỉ được một hai kẻ chịu đứng xem. Bảng thì dùng gỗ cứng để làm, còn bài ký ấy thì hoặc khắc, hoặc chép ra giấy dán vào bảng, treo nơi chỗ ngồi, ắt sẽ có nhiều người xem. Lúc viết cần phải dùng kiểu chữ khải theo lối chánh thể. Chữ viết đừng quá nhỏ, cũng đừng để sai ngoa, thiếu sót, hay thừa thãi.

Quang bận rộn cùng cực, đã cự tuyệt hết thảy, chuyện này là ra ngoài thông lệ, từ nay chớ nên đem chuyện bút mực sai phái nữa. Nếu vẫn gởi thư đến, quyết chẳng trả lời. Văn từ trong bài sớ mấy dòng đầu có chỗ từ lẫn ý chẳng được thông suốt cho lắm, phần văn sau tuy trôi chảy, nhưng chỉ chú trọng câu chữ bóng bảy, chứ không nêu rõ được sự thật. Văn nhân viết văn quá nửa là lời văn sắc sảo, nhưng không đạt được ý. Nói hoa mỹ, bóng bảy đến cùng cực, chứ về mặt nêu bày sự thực lại chỉ phảng phất lờ mờ, nhưng đã kể như là thiết thực lắm rồi.

Nay gởi cho ông một gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, ngoài những cuốn tự giữ ra, những cuốn khác hãy dùng để kết duyên. Quang do bốn bộ Sơn Chí Ngũ Đài,

Nga Mi, Cửu Hoa, Linh Nham bức bách không thể trì hoãn được nên đã cự tuyệt hết thảy để mong sớm hoàn tất chuyện này. Hãy nên sao bài ký nêu duyên khởi thành một bản để gởi cho ông Mạnh Do.

541. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ chín)

Chuyện học nghề thuốc cần phải hết sức thận trọng. Chưa học kỹ Trung y sao lại học châm cứu? (Chữ cứu (灸) âm đọc [gần giống như chữ] cửu (久), nhưng người đời thường viết sai thành chích (炙)[132]. Các sách thuốc lưu hành hiện thời cũng viết sai như thế, sao chẳng biết chữ này?)

Tôi không biết rõ ở Tô Châu có sở huấn luyện châm cứu hay không, nhưng dẫu có đi nữa, thì đấy cũng chẳng phải là nơi người nghèo theo học được. Thái Ất Thần Châm[133] chẳng phải là bí truyền, nhưng phải hết sức cẩn thận khi án huyệt (nhận định đúng vị trí của huyệt đạo) để cứu. Đồng Nhân Đường ở Bắc Kinh có bán thuốc để châm cứu đã chế sẵn. Toa thuốc cũng công bố, ai muốn tự chế thì làm. Trong toa thuốc có chất xạ[134] và bọ cạp nguyên con, hai vị thuốc ấy cũng chớ nên dùng.

Nếu người niệm Phật dùng chú Đại Bi và thánh hiệu Quán Âm để gia trì thuốc rồi mới châm cứu ắt sẽ càng hữu hiệu. Có điều các pháp được liệt kê thêm ở cuối sách (đã quên mất tên sách) dường như chẳng hợp thời nghi. Những sách vở khác Quang đều không biết.

Trước đây, Trần Cánh Phi đã nói "muốn ở trong núi tu hành", Quang đã bảo là không nên. Ông muốn Quang hạ một lời bổng hát[135] thống thiết, Quang bèn nói: "Luôn luôn nghĩ đến những chuyện sai trái." Sao không nói rõ chuyện ấy? Sao chẳng biết sự vụ đến mức như thế? Mắt Quang đã thành lòa, tinh thần giảm

---

[132] Chữ cứu（灸）có nghĩa là dùng dược liệu (thường là ngải cứu) để đốt trên đầu kim châm để dẫn hơi nóng vào huyệt được châm. Còn chích (炙, có khi đọc là chá) có nghĩa là nướng thịt, thân cận, tiêm nhiễm.

[133] Thái Ất Thần Châm (năm quyển) là bộ sách dạy về nguyên tắc, cách thức châm cứu, vị trí các huyệt trên thân thể, những điều cấm kỵ trong khi châm cứu (chẳng hạn những bệnh nào không nên châm cứu, bệnh nhân có thai không nên châm cứu, những huyệt nào không được châm v.v.), cũng như các bài phú để dễ nhớ huyệt vị, kinh lạc v.v.. Sách đã mất tên tác giả, ước chừng ra đời trong niên hiệu Ung Chánh nhà Thanh.

[134] Xạ（麝）là chất thơm của con hươu xạ (musk deer). Loài hươu này con đực có bọng tiết ra chất dịch hết sức thơm ở bụng để quyến rũ con cái trong mùa giao phối. Do chất xạ cực thơm thường để chế nước hoa, hương liệu, dược liệu v.v. nên chúng bị săn bắn rất tàn nhẫn.

[135] Bổng（棒）là gậy đánh, hát（喝）là tiếng hét. Tổ Lâm Tế dùng phương pháp đánh hoặc hét để khai ngộ cho người đến học nên thiền gia thường dùng thuật ngữ "bổng hát" để chỉ những lời khai thị thống thiết có khả năng khai ngộ, cảnh tỉnh mạnh mẽ.

sút đáng kể, chẳng thể thù tiếp được, từ nay đừng gởi thư tới; gởi đến quyết không trả lời!

542. Thư trả lời cư sĩ Lâm Tán Hoa (thư thứ mười)

Ông làm giáo viên kiêm hoằng dương Phật pháp, hãy nên tùy phận tùy sức, sao lại cưỡng cầu nhân sĩ các giới phải tin tưởng, ngưỡng mộ? Lấy thân làm gương, đấy là căn bản. Nếu trong những hành vi, lời lẽ có gì thiếu sót sẽ chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin tưởng được. Cái học bên ngoài dù cao, nhưng cái hạnh thật sự không có, ông muốn thông suốt thêm cũng chỉ là uổng công. Bởi lẽ "dùng lời để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác thuận theo". Đây là chương trình "tự lợi lợi người, tự lập lập người" chắc chắn như sắt thép vậy!

Trang nghiêm tượng Phật thì với vàng để thếp hãy nên lấy màu sắc để định, há nên chấp chặt hẹp hòi phải là thứ này, thứ nọ? Nhà nào (tức tiệm bán vàng) thường tốt, nhà nào thường gian dối? Nếu chính mình có thể mua thì được, chứ nếu cậy người khác chắc sẽ có chuyện tệ hại, Quang chẳng thể hỏi giùm chuyện này được.

Phàm mọi chuyện đều phải tuân theo chương trình: Tượng vẽ có người đương cơ quỳ ở trước thì có thể vẽ theo cách thức đức Phật xoa đầu kẻ đương cơ. Nếu không có người đương cơ quỳ ở trước thì chớ nên lầm lạc sửa đổi cách thức sẵn có. Tạo tượng A-di-đà Phật xòe tay tiếp dẫn rất nên!

Người trong liên xã dám chửi kẻ khác trước tượng Phật, tội đáng chết muôn phần! Đêm mộng thấy thần hộ pháp trách phạt, đăng báo chuyện ấy sẽ có thể cảnh tỉnh người khác; nhưng trong xã quy (quy củ của liên xã) hãy nên vạch rõ lỗi miệt thị người khác. Hễ xã quy nghiêm túc thì sẽ tự chẳng có thái độ xấu hèn ấy nữa.

Hút thuốc phiện cũng thế, nếu kẻ hèn kém thiếu chí hướng [đã nắm giữ chức vụ, trót nghiện ngập nhưng] chẳng chịu sửa đổi thì hãy buộc họ từ chức. Nay gởi cho ông một gói sách, trong ấy có hai bộ Ngũ Đài Sơn Chí, mười cuốn Hám Sơn Niên Phổ Sớ, một số trang toa thuốc trị chó dại cắn.

543. Thư trả lời cư sĩ Mậu Trí Tu

Sau khi tự quy y, bèn thật thà niệm Phật, chẳng lười nhác chút nào, tôi cảm thấy vui mừng, an ủi đến tột bậc! Cư sĩ Chu Dung Đường đăng lính thay cho cha, lòng hiếu đáng khen ngợi. Đã biết đời người lắm sự khổ, do vậy ông ta dốc sức tu tịnh nghiệp, con người như thế mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Ông ta đã 73 tuổi, sanh cùng năm với Quang; nay muốn quy y, chẳng cần phải đi xa, chỉ nên

nương theo lời dạy trong Gia Ngôn Lục và Sức Chung Tân Lương để tự mình tu trì và dạy dỗ con cháu trong nhà, để mong khi lâm chung sẽ được họ trợ niệm, chẳng đến nỗi phá hoại tịnh nghiệp, kẻo vẫn luân hồi trong lục đạo chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi.

Nay đặt pháp danh cho ông ta là Đức Ấm, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ được đức Phật rủ lòng từ che chở, tiếp dẫn vãng sanh. Trong hằng ngày, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người thì hết thảy mọi người sẽ đều được che rợp bởi lòng từ của đức Phật, vì thế nên gọi là Đức Ấm. Xin hãy nói với ông ta, tùy ông ta chọn một ngày nào đó, đối trước tượng Phật đảnh lễ, tự thệ quy y là được.

544. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Quang là một tăng nhân chỉ biết cơm cháo, há nên khen ngợi quá lố như thế? Chuyện lập đàn cầu cơ Quang một mực chẳng xiển dương, bởi những lời giáng cơ phần nhiều đều là mạo danh, chứ không phải mỗi mỗi đều do chân tiên giáng lâm, huống là Phật ư?

Bài văn được rêu rao là do Quán Âm đã nói trong buổi cầu cơ lần này, cũng là mạo danh! Tôi đoán bài văn ấy chắc là do họ đã sao lục bài văn cũ để đưa ra. Nếu không, sao trong văn từ lại thường có những chỗ chẳng thể hiện được ý? Những điều được nói trong ấy cũng phần nhiều là tán loạn lan man, chẳng chỉ ra rõ ràng rộng rãi những điều quan trọng cho lắm. Cố nhiên Quang chẳng dám tự phụ là thông minh, nhưng nếu các vị coi đó chính là lời đức Quán Âm nói, chắc sẽ bị người khác chê cười. Do vậy tôi bèn sửa chữa đôi chút, so với bản trước đây trôi chảy hơn một tí, nhưng đừng nói rõ là Quang đã sửa chữa.

Ông Khâu vãng sanh Tịnh độ rồi trở lại cõi này cố nhiên chẳng đáng nghi, nhưng do các ông chấp kinh văn mà chẳng hiểu ý kinh nên trở thành mối nghi lớn. *"Một đại kiếp trong cõi Sa-bà bằng một ngày đêm nơi Cực Lạc"*, câu này giảng rõ thời gian ở Cực Lạc. Còn nói "một ngày, một đêm, bảy ngày, một kiếp, mười hai đại kiếp v.v." là đều ước theo thời gian phương này (cõi Sa-bà) để nói. Vì sao biết? Vì người lợi căn hoặc độn căn ở phương này do thành khẩn đến cùng cực liền có thể trong mấy chục ngày hoặc mấy năm sẽ đại triệt đại ngộ và đích thân chứng được tam-muội, há lẽ nào người đã vãng sanh Tây Phương, trụ trong cảnh giới thù thắng nhiệm mầu, thường được thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát gia bị, so với người trong cõi Sa-bà này lại hưởng lợi ích chậm trễ gấp mấy lần sự khác biệt giữa ngày và kiếp ư? Sự này, lý này há phải

đợi kẻ trí giải thích mới biết ư? Các vị chẳng khéo hiểu ý kinh văn, ăn nói điên đảo, nên mới phạm sai lầm như thế.

Huống chi thời kiếp bất định, thần thông đạo lực của Phật, Bồ-tát lại chẳng thể rút ngắn thời gian cả kiếp thành một niệm ư? Hoặc chẳng thể kéo dài một niệm thành cả kiếp dài lâu ư? Các ông chấp chặt ông Khâu đã vãng sanh 5 năm lẽ ra không nên trở lại cõi này là vì chấp vào kinh văn thành ra tự mình trái nghịch ý nghĩa của kinh. Được Quang nói lời này, mọi mối nghi tự cởi gỡ.

Huống chi người vừa mới vãng sanh liền trở lại báo cho người cõi này biết đều là do nương vào oai thần của A-di-đà Phật, muốn nhờ vào đó để khơi mở, chỉ dạy kẻ mê tối, chứ không phải do sức của chính mình mà có thể tự tiện làm chuyện ấy được. Còn như ông Kế tức thời sanh Tây, chẳng vượt thời hạn để quay trở lại báo tin, đều thuộc về nghĩa này.

Như các ông chấp nệ kinh nói: "Tu-đà-hoàn bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian", chính là đã lầm lẫn đem chuyện của bậc Tu-đà-hoàn cõi này để luận bậc Tu-đà-hoàn cõi Cực Lạc. Sự lầm lẫn ấy khiến cho người khác bị lầm lạc chẳng nhỏ đâu nhé! Trong cõi kia tuy có loại danh tự Tiểu thừa ấy, nhưng thật ra họ đều đã liễu sanh tử, dự vào Bồ-tát thừa. Chẳng qua là tạm dùng các địa vị đã chứng được mà đặt tên như thế. Nếu các vị dùng ngay địa vị Tu-đà-hoàn trong cõi Sa-bà này để luận thì hóa ra trong thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn chưa liễu sanh tử, vẫn luân hồi y như cũ ư? Sao chẳng thấu hiểu thật lý, thật sự nơi hai cõi, cứ lầm lạc sanh khởi những thứ nghị luận sai quấy này vậy? Chẳng sợ trái kinh lầm người đến mức như thế đấy!

Hiện thời, ai nấy đều nên nghiêm túc tu tịnh nghiệp thì mới đạt được lợi ích thật sự. Nếu học Thiền ngoài miệng thì tuy là nhân lành, nhưng nhất định sẽ chuốc lấy quả ác. Thế đạo hiện thời bại hoại đến cùng cực, nếu muốn vãn hồi cần phải đề xướng nhân quả báo ứng, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái. Bởi lẽ, nếu không dạy dỗ con gái thì chẳng những nó không thể giúp chồng dạy con thành tựu đức hạnh, trái lại còn giúp chồng dạy con làm ác. Đấy chính là cội rễ khiến cho nước ta tan hoang, loạn lạc vậy! Bỏ hai pháp này mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui, dẫu Phật, Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong cõi đời cũng đều không thể đạt được lợi ích thật sự. Huống chi con người hiện thời vốn sẵn có chủ kiến cuồng ngạo, trái nghịch ư?

Các vị đã cầu cơ tức là chẳng hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp. Nhưng các vị còn hiểu rõ lý, so với những kẻ sùng phụng cầu cơ khác còn cao hơn một bậc. Do vậy tôi gởi sách cho các vị, nếu chịu đọc kỹ chắc sẽ biết đầy đủ nguyên do. Quang bận bịu đến cùng cực, từ nay chớ nên thường gởi thư tới hỏi dông dài như thế

nữa, chỉ nên đọc kỹ các sách như Văn Sao v.v. thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, không viết chi tiết ở đây.

545. Thư trả lời cư sĩ Vương Nghiễn Sanh (thư thứ hai)

Tôi đã đọc hết thư gởi đến. Vì độ chúng sanh nên Phật, Bồ-tát thị hiện sanh trong thế gian. Nhìn từ phía chúng sanh thì các ngài cũng có sanh tử, chứ nhìn từ nhãn quan của các vị Phật, Bồ-tát thì quả thật không có sanh tử. Ví như huyễn mộng, tuy có nhưng chẳng thật, nhưng hễ có sanh tử thì có khổ, không sanh tử thì không khổ. Há nên chia thành hai thứ "liễu sanh tử khổ" và "liễu sanh tử"? Tử chính là khổ vì có sanh tử, đã liễu sanh tử thì sẽ tự không có khổ.

Cần biết rằng, chính vì chúng sanh mà Phật, Bồ-tát thị hiện tướng sanh tử ấy, chứ không phải thật sự vì trước đó các ngài chưa liễu sanh tử, đến nay mới liễu! Chuyện phóng sanh trứng cá được chép trong bộ sách, tuy có hai chữ "Phật ngôn", nhưng cũng chưa từng thấy xuất phát từ kinh nào. Há nên vì lẽ ấy mà khiến cho người khác báng pháp? Trong cõi đời có bao nhiêu kẻ thả trứng cá đâu?

Cần biết rằng, chỗ gần biển ở phương Nam khác với các sông biển thông thường, cá biển hễ gặp phải nước ngọt sẽ chết ngay, còn cá trong sông ngòi gặp phải nước mặn liền chết tươi. Nếu chưa biết rõ xuất xứ của chúng, dẫu có muốn cho chúng sống, chúng cũng chẳng thể sống được. Phóng sanh nhằm cảm phát lòng từ kiêng giết ăn chay của con người, há nên chuyên muốn chú trọng thả cho nhiều, để rồi tìm tòi, giảng nói chuyện chẳng cấp bách ấy ư?

Nên biết rằng, chuyện trong thế gian có nhiều chuyện chẳng thể dùng lý hay sự để luận được. Một người bạn kể: "Một năm nọ, tại một xứ nọ thuộc vùng Giang Bắc gặp dịch châu chấu, người địa phương xin quan đi khám nghiệm. Có một chỗ dài đến mấy dặm, rộng hai ba dặm, châu chấu non còn chưa mọc cánh bò lúc nhúc, dày đến hơn một thước. Người đạp lên, chân ngập đến mấy tấc, khôn ngăn kinh hoảng đến cùng cực. Quan gấp sai đào hố để chôn đi, nhưng buổi chiều trời đổ một trận mưa to, châu chấu hoàn toàn tiêu diệt hết." Loại châu chấu ấy rốt cuộc là loại châu chấu nào? Những con châu chấu non do chúng nó sanh ra đều là hóa sanh, hiện ra tướng tai nạn ấy. Năm nay vùng Giang Bắc cũng có nạn châu chấu dày mấy tấc, đường xe lửa bị nghẽn, trước hết phải đuổi chúng đi rồi mới dám mở đường. Phàm người tu hành hãy nên dốc sức nơi chỗ quan hệ khẩn yếu lớn lao, nếu hờ hững hời hợt tìm tòi, sợ sẽ chẳng có tinh lực để lo liệu được đâu.

546. Thư trả lời cư sĩ Phó Pháp Lâm

Đã nhận được dã truật[136], vẫn chưa bị mốc. Một người bạn ở Giang Tây nói: "Nếu chẳng chế biến mà ăn vào sẽ bị đầy hơi." Ông ta biết cách chế biến, sẽ chế biến để kết duyên. Những sách con kể tên trong thư, có loại không còn, có loại hãy còn. Loại nào còn thì ta gởi đến cho con, không còn thì chẳng thể nào gởi được. Nhưng đã có Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v. thì tuy các loại khác không có cũng đâu có thiếu sót gì. Điều đáng tiếc là tuy có sách mà chẳng xem thì cũng như không có, tuy xem nhưng chẳng tu trì theo đó thì cũng như không xem!

Thiện thư quý ở chỗ lưu thông, nhưng cần phải là người hơi có tín tâm, thông đạt văn lý thì mới nên biếu tặng. Lúc tặng, lại nên nhắc nhở họ hãy đem lòng cung kính xem đọc, đừng khinh nhờn. Nếu khinh nhờn, ắt mắc tội lỗi! Những sách ấy đều là phương tiện dẫn đường để nhập thánh siêu phàm, chớ nên rẻ rúng như hết thảy những loại tiểu thuyết hoặc sách giải trí thì sẽ có ích đôi chút. Nay đem các loại sách ấy gởi chung trong một bao, nếu nhận được sách, xin hãy gởi thư báo cho thầy Minh Đạo ở chùa Thái Bình biết. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do Quang đã diệt tung tích, không ai lo liệu đâu.

Con còn nhỏ tuổi, hãy nên dốc hết sức làm người. Ắt phải nên hiếu thuận với cha mẹ, thân cận người có đức, xa lìa những hạng hoang đường! Cần phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Hiện nay chính là thời thế đại hoạn nạn, tai nạn xảy đến chẳng thể dự liệu, tránh né cũng không được, có ngừa cũng không ngừa được. Nếu có thể thường niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát, ắt sẽ có sự chuyển dời ngấm ngầm chẳng thể nghĩ bàn, ngõ hầu có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên (Nói đến "tốt lành" thì chẳng phải là chuyện tốt đẹp đặc biệt gì! Gặp nạn nhưng chẳng bị nạn đã là chuyện tốt lành không chi lớn bằng rồi).

Nhân tâm thế đạo ngày nay đã bại hoại đến tận cùng, phế kinh điển, phế hiếu, phế luân thường, vứt bỏ lòng thẹn, giết cha, giết mẹ, đều được miệt mài đề xướng, đúng là muốn cho con người trọn chẳng khác gì cầm thú thì mới thỏa lòng. Truy tìm căn nguyên, đều do một mực chẳng nói đến nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Những kẻ đọc sách thông minh chỉ học thành hạng người có đủ mọi mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà thôi, cho nên vừa nghe đến thứ tà thuyết ấy

[136] Dã truật ở đây là loại bạch truật (白朮: Atractylodes Macrocephala) mọc hoang (gọi như vậy để phân biệt với loại *chủng truật* thường được trồng ở Phước Kiến, Hồ Nam, Chiết Giang). Bạch truật là loài thảo mộc có lá đơn, hẹp dài, hoa màu tím. Phần dùng làm thuốc là củ (thân ngầm), đôi khi còn gọi là truật, đông truật, chiết truật, kỳ truật v.v.. Bạch truật có vị ngọt hơi đắng, tánh ôn, chủ trị các chứng bệnh về tỳ vị, tiêu hóa không tốt, hư trướng, tiêu chảy, viêm họng, thủy thũng v.v., nhưng phải chế biến rất kỹ.

liền như bèo dạt theo gió, tụ họp trong hàng ngũ tà ác ấy. Tội tuy do họ gây ra, nhưng thật ra cha mẹ họ cũng chiếm quá nửa! Vì sao vậy? Do không khéo dạy dỗ từ nhỏ, lại còn dạy họ những mánh khóe mưu mẹo, dối gạt mà ra.

Con đã biết tốt xấu, hãy nên đi theo đường chánh. Đừng nói đi theo đường chánh sẽ được trời giúp, người kính, cửa nhà hưng thịnh, con cháu đều thành hiền thiện, dẫu cho túc nghiệp đã chín muồi, gặp phải cảnh ngộ ngang trái, trọn chẳng phải là do học theo những sự tốt đẹp cho nên mới gặp phải những nghịch cảnh như thế để rồi oán trời hận người. Có hiểu như vậy thì mới chẳng thẹn là người đọc sách, chẳng hổ là người học Phật. Xin con hãy suy xét cặn kẽ, tận lực thực hành.

547. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Đức Vỹ

Nhận được thư đầy đủ, lời dạy của Đa-đa Bồ-tát có thể nói là chân thật đến cùng cực. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát và Đa-đa Bồ-tát như cùng một đường mà ra, đủ thấy chuyện cầu cơ chẳng đáng để nương tựa! Bồ-tát làm chuyện phi đạo để thông đạt Phật đạo[137], "trước hết phải dùng dục lôi kéo để sau đấy sẽ thâm nhập Phật trí"[138], qua chuyện này có thể thấy trọn. Đa-đa Bồ-tát đã có đại ân, quả thật chẳng thể quên, nhưng cũng chớ nên đưa tên ngài vào nghi thức niệm Phật. Trong nghi thức niệm Phật thì ngay cả danh hiệu của Văn-thù, Phổ Hiền, Địa Tạng, Di-lặc cũng không đưa vào, huống là các vị khác ư? Nhưng các vị Bồ-tát ấy đều cùng gộp trong danh hiệu Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. Nếu thêm tên Đa-đa Bồ-tát vào, cố nhiên đối với Tịnh nghiệp xã của các ông chẳng trở ngại gì, nhưng nơi khác không biết sẽ đâm ra chuốc lấy sự nghi ngờ, dị nghị. Chỉ nên thờ ngài riêng một chỗ, sáng chiều lễ bái là được rồi.

548. Thư trả lời cư sĩ Trình Tiểu Bằng

Quang tự xét mình kém hèn, một mực chẳng xứng làm thầy người khác. Trước kia ông Từ Úy Như đã thấu hiểu ý Quang nên thôi không xin làm đệ tử nữa, sao các hạ vẫn cứ đề cao kẻ kém hèn là cao thượng vậy? Bất đắc dĩ chỉ đành chiều

---

[137] Do túc duyên của những người cầu cơ, hai vị Bồ-tát cùng mượn cơ bút để hướng dẫn họ phát khởi tín tâm, tu tập Tịnh độ. Khi tín tâm của họ đã vững chắc, cả hai vị đều cùng quyết liệt răn cấm họ không được cầu cơ, không được tin tưởng theo cơ bút nữa.

[138] "Dục" ở đây là những ham muốn, ưa thích, xin đừng hiểu hạn hẹp là "dục vọng xác thịt". Các ông này ham thích cầu cơ, xướng họa thi văn với tiên, do thiện căn của họ đã chín muồi, Bồ-tát liền vờ xưng là tiên giáng đàn để hướng dẫn họ về Phật đạo. Cũng cùng một mục đích, kinh luận nhà Phật thường nêu lên rất nhiều công đức nhằm phát khởi lòng ham muốn đạt được thiện báo của chúng sanh để họ tu tập theo pháp môn được dạy trong một kinh, chẳng hạn kinh Pháp Hoa nói người trì kinh sẽ có bao nhiêu công đức nơi thân, miệng, ý v.v., khiến cho người nghe hâm mộ, sốt sắng đọc tụng để dần dần sẽ ngộ nhập được Nhất thừa.

theo ý các hạ. Ví như có người lấy đất nặn tượng, biết rõ là đất, nhưng cúng dường tượng ấy cũng chẳng phải là không được. Dẫu nói ấy là đất ở nơi nọ, muốn trả nó về đúng vị trí thì cũng chẳng phải là không được. Bỏ hay lấy do nơi người, đất không chọn lựa.

Nay đặt pháp danh cho các hạ là Huệ Nhuận, nghĩa là đem mây mưa trí tuệ nhuần thấm khắp chúng sanh khô khao khiến cho họ đều được nẩy mầm pháp, thành tựu đạo quả. Nhưng muốn nhuần thấm khắp hết thảy thì trước hết phải nhuần thấm trí của chính mình. Nếu lời lẽ, hành vi đều chẳng quan tâm đến thì chính mình đã khô khao trước, làm sao có thể nhuần thấm hết thảy được? Đấy chính là tấm lòng mong mỏi của kẻ không chân mong bước lên đường mây. Quang bận bịu đến cùng cực, không rảnh rỗi để thù tiếp; Thượng Hải lắm danh nhân, cần gì cứ phải do Quang viết thì mới có ích ư?

549. Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh

Nhận được thư, biết bà tu trì tinh tấn, thệ nguyện rộng lớn, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Nói tới giáo hóa người khác thì chính mình cần phải dốc sức nương theo pháp mà tu trì, chứ chẳng phải chỉ chuyên nói suông. Hết thảy các pháp đều lấy thân làm gốc, như chính mình phụng sự cha mẹ ruột, bố mẹ chồng đều trọn hết lòng hiếu thảo, đối đãi với anh em trai, chị em ruột, chị em dâu đều bằng tấm lòng nhường nhịn, yêu thương, mềm mỏng, hòa hoãn, khuyên nhau làm lành, nhắc nhở nhau sửa lỗi. Đối với chồng mình ắt phải cung kính, khuyên chồng làm lành sửa lỗi, giữ gìn lễ pháp cẩn thận, đừng nên vì vợ chồng quá mức thân thiết mà buông tuồng không giữ lễ nghi đến nỗi kỷ cương gia đình lỏng lẻo, con cái không có cái để làm gương noi theo. Đừng buông thả cho con cái, cháu chắt v.v. quen tánh. Lúc chúng vừa mới hiểu biết, liền nói với chúng về đạo lý làm người như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và nhân quả báo ứng. Từ thuở bé đã biết những đạo lý này thì khi lớn lên chúng sẽ trọn chẳng dám làm những chuyện sai trái, gian dối, vượt lễ, quá phận.

Thế đạo hiện thời bại hoại đến mức như thế này, nói chung là do những kẻ làm mẹ trong cõi đời chỉ biết yêu thương con cái, chẳng biết dạy chúng thành hiền, thành thiện mà ra. Công đức dạy dỗ con cái cực lớn; tội lỗi không dạy dỗ con cái cũng cực lớn! Hàng nữ nhân giúp chồng dạy con chính là sẽ có thể làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Trách nhiệm giúp chồng dạy con của nữ giới cực lớn. Nếu bà có thể chân thật làm được như thế thì những phụ nữ quen biết bà sẽ đều nhìn theo bắt chước làm lành. Bà lại còn chịu dựa theo pháp môn Tịnh độ là pháp môn đơn giản, nhanh chóng nhất do đức Phật đã dạy để khuyên

nhủ họ, tâm họ sẽ tự nhiên cảm động, nghe theo lời bà. Nhưng muốn cho họ tin tưởng Phật pháp, trước hết bà hãy khuyên họ trọn hết luân thường đạo lý.

Nữ nhân có chuyện khổ sở lớn nhất là sanh sản, phải khuyên họ kiêng giết, ăn chay. Nếu chẳng thể tự do ăn chay theo ý muốn thì hãy nên bớt ăn mặn, đừng nhất loạt vì không thể ăn chay rồi tận lực ăn mặn. Hằng ngày sáng tối tùy theo khả năng của chính mình, hãy đối trước tượng Phật lễ bái, niệm chừng đó câu Phật hiệu. Nếu không có bàn thờ Phật thì hướng về phía Tây lễ bái cũng được, bởi lẽ nữ nhân trẻ tuổi không có quyền tự do [dành nhiều thời gian tu tập theo ý muốn]. Ngoài ra, hễ mỗi khi thuận tiện đều niệm, cũng như mỗi ngày niệm Quán Thế Âm Bồ-tát chừng đó tiếng. Chỉ cần chí thành niệm là được, chứ không cần bày vẽ bề ngoài. Làm được như thế thì nghiệp đời trước lẫn nghiệp đời này sẽ đều tiêu diệt. Lúc sanh nở, quyết chẳng bị khổ sở! Như khi có thai, hãy nên thường giữ tấm lòng lành, thường niệm Phật hiệu, đừng ăn đồ mặn tanh tưởi, tự nhiên sanh ra con cái đều hiền thiện. Đến khi sanh nở, càng phải chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Phàm những người săn sóc sản phụ trong phòng sanh đều niệm cho người ấy thì sản phụ chắc chắn sẽ sanh nở không đau khổ. Đã thế, chính sản phụ và đứa con vừa được sanh ra sẽ đều gieo đại thiện căn.

Có kẻ chẳng hiểu lý bảo: "Lúc sanh nở lõa lồ, bất tịnh, niệm sẽ mắc tội!" Đấy là chấp lý hẹp hòi, chẳng biết tới đạo "lý biến đổi theo sự". So với lòng cha mẹ quan tâm đến con cái, Phật, Bồ-tát coi chúng sanh còn thân thiết hơn rất nhiều. Ví như con cái té vào lửa, nước, cầu cha mẹ cứu vớt, cha mẹ liền đến cứu ngay, quyết chẳng vì con cái mũ áo không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà không cứu.

Tôi đã bế quan, những thư từ bên ngoài nhất loạt chẳng trả lời. Do bà có tâm muốn độ người, nếu chẳng biết những điều mấu chốt, quan trọng, chắc là người khác sẽ chẳng chịu nghe theo. Do vậy, tôi đem những điều quan hệ nhất, dễ gây lòng tin nhất cho nữ giới để nói với bà hòng giúp bà khuyên người khác ăn chay, niệm Phật.

Hơn nữa, thế đạo hiện thời là thế đạo hoạn nạn, nếu chịu chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ được Phật âm thầm gia bị khiến chẳng bị nguy hiểm. Phàm ai bị bệnh tật hoặc gặp chuyện xấu, tai họa, hoặc cầu con cái, đều nên chí thành niệm Phật, quyết định sẽ được như nguyện. Đối với công khóa thì tùy theo khả năng của bà, tôi cũng chẳng thể chỉ dạy riêng bà nhất định phải làm như thế nào; nhưng cần phải lấy chí thành, cung kính làm căn bản. Cần phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha niệm Phật. Chớ nên có đủ mọi tâm niệm, trừ niệm sáu chữ ấy ra, trọn chẳng có một niệm nào khác trong lòng nữa (tức là niệm Phật trong

tâm). Lại cần phải từng câu, từng chữ niệm cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tương ứng với Phật.

Nếu bà nói: "Tự tâm làm Phật, cho nên Phật tâm ấy sẽ độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật", bậc thượng nói những lời lẽ ấy thì mới có ích, chứ hạng hạ mà cũng học đòi ăn nói như thế sẽ mắc lỗi. Chớ nên chú trọng nơi chuyện ấy, nếu chú trọng nơi ấy chắc sẽ sanh lòng đại ngã mạn, bảo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật?"

Cần biết rằng, do tâm chính là Phật nên đức Phật dạy con người niệm Phật. Nếu tâm hoàn toàn chẳng phù hợp với Phật, như băng giá chẳng thể bỏ vào lò để chưng luyện được [thì Phật đã chẳng dạy con người niệm Phật]. Do bản thể của cái tâm ấy chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí tuệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chưng luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não hoặc nghiệp của phàm phu, ngõ hầu phiền não hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: "Tâm tức Phật, Phật tức tâm." Chưa đạt đến địa vị ấy, dẫu có nói "tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật" thì chẳng qua là dạy về thể tánh của cái tâm mà thôi. Nếu luận về tướng (sự tướng) và dụng (lực dụng) thì đều hoàn toàn chẳng phải.

Tâm đức Phật như vàng đã tách khỏi quặng, tâm chúng ta như vàng còn nằm trong quặng, tuy có thể tánh của vàng, trọn chẳng có công năng của vàng. Do vậy, vì "tự tâm là Phật" nên càng cần phải sốt sắng niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ ngu chẳng biết nghĩa này, nếu không "đề cao thánh cảnh, nhưng tự ở trong địa vị phàm ngu" thì cũng chấp lý phế sự, bảo xằng là đã chứng đạo. Học vấn của bà vẫn chưa thông suốt lắm, hãy nên dựa theo Gia Ngôn Lục để tu trì, sẽ bảo đảm không có chuyện đọa trong tà ma, ngoại đạo. Nếu có sách ấy thì tốt; nếu không thì hãy hỏi tìm từ nơi Chu Mạnh Do, chắc chắn ông ta hãy còn.

Quang đã 70 tuổi rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, vì thế cự tuyệt hết thảy để chuyên bế quan. Phúc đáp thư bà lần này là phương tiện đặc biệt, từ nay chỉ nên chiếu theo những gì Gia Ngôn Lục, Văn Sao đã nói để chân thật tu trì là được rồi, chẳng cần phải gởi thư tới nữa. Trong Gia Ngôn Lục, phàm tất cả những pháp tắc tu trì đều đã nói rõ. Chuyên tu Tịnh độ thì cần gì phải thỉnh khai thị nhiều lần? Dẫu có thỉnh hỏi thì những gì tôi sẽ nói cũng chẳng ra ngoài những điều đã được nói trong cuốn sách ấy đâu!

550. Thư trả lời cư sĩ Vinh Bách Vân

Con người sống trong thế gian sau mấy chục năm đã thành người cổ lỗ. Trong mấy chục năm ấy, nếu chẳng nỗ lực tu trì thì nỗi nguy hiểm trong tương lai sẽ chẳng thể nào thí dụ được. Đã phát tâm quy y tam bảo, thọ trì ngũ giới, quả thật là do thiện căn nhiều kiếp tạo thành; nhưng cần phải giữ vững cái tâm ấy, chỉ mong ngày càng thâm nhập, càng tu càng thiết tha. Muôn phần đừng nhất thời cao hứng liền phát tâm rồi lâu ngày chầy tháng sẽ vứt ra sau ót, chẳng đoái hoài tới nữa. Ông tên là Niệm Kiều, Kiều (橋: cầu) là vật cần thiết để giúp người khác vượt qua sông, rạch. Nếu không có cầu thì đôi bên qua lại khá bất tiện! Pháp môn Tịnh độ chính là chiếc cầu pháp lớn lao để từ bờ sanh tử này vượt sang bờ Niết-bàn kia, ông có thể tự hành, dạy người, ta lẫn người đều vượt qua được. Vì thế tôi đặt pháp danh cho ông là Huệ Độ. Bởi lẽ, nếu có trí tuệ thì sẽ do bờ này vượt lên bờ kia; nếu không có trí tuệ, sẽ vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng thể thoát được.

Đã quy y thọ giới, hãy nên nghiêm trì đừng phạm. Nếu không, sẽ thành trò trẻ con đùa bỡn với Phật pháp, tội lỗi cùng cực. Tâm phải chú trọng cung kính, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa; xử sự ắt phải hiếu thuận, từ bi, nhường nhịn, cung kính, chân thật, không giả dối. Lại cần phải đem lợi ích của Tịnh độ để trên là khuyên nhủ cha mẹ, dưới là khuyên bảo vợ con, giữa là khuyên lơn anh em, bạn bè, xóm giềng, làng nước. Dù ta hay người đều phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sinh vật, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu làm được như thế thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, sẽ là hữu danh vô thực, chỉ được cái danh suông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào.

Như khi quy y, hãy nên đối trước đức Phật, chí thành lễ bái bao nhiêu đó lạy, đối trước đức Phật tự thưa bày: "Đệ tử con là Huệ Độ, vâng lời thầy con là Ấn Quang dạy con đối trước đức Phật tự thệ thọ tam quy ngũ giới. Đệ tử con tên là Huệ Độ, quy y (Phật, pháp, tăng), từ nay trở đi lấy (Phật, pháp, tăng) làm thầy, trọn chẳng quy y (ngoại đạo, thiên ma, kinh sách của ngoại đạo, tà chúng ngoại đạo)." Lần thứ hai, lần thứ ba đều chiếu theo đây, chỉ sửa chữ cho thích đáng để nói. Nói xong mỗi điều, lễ Phật ba lạy.

Tiếp đó lại lễ Phật ba lạy. Thọ ngũ giới thì nói: "Đệ tử con tên là Huệ Độ, thề nhận lãnh ngũ giới. Thứ nhất là chẳng sát sanh, giống như đức Phật trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh, đệ tử con tên là Huệ Độ cũng trọn hết tuổi thọ chẳng sát sanh." Điều thứ hai là chẳng trộm cắp. Điều thứ ba là chẳng tà dâm. Điều thứ tư là chẳng

nói dối. Điều thứ năm là chẳng uống rượu đều nói giống như thế. Chỉ có điều thứ ba chẳng tà dâm thì nói: "Như chư Phật trọn hết tuổi thọ chẳng dâm dục, đệ tử con cũng trọn hết tuổi thọ chẳng tà dâm." Do người tại gia có tình vợ chồng mong sanh con cái, chẳng thể đoạn dục nên chỉ ngăn cấm sắc bên ngoài[139]; nhưng nếu đối với thê thiếp của chính mình mà tham vui hoặc làm chuyện chẳng hợp đạo, cũng sẽ giống như tà dâm. Chớ nên không biết điều này! Những điều này đã được giải thích tường tận trong Văn Sao, hãy đọc kỹ sẽ tự biết rõ, ở đây không viết cặn kẽ.

551. Thư trả lời cư sĩ X…

Phật pháp chính là pháp chung cho hết thảy mọi người, hết thảy mọi người đều có thể tu, đều được lợi ích. Nếu như lời ông nói thì những kẻ độn căn do chẳng thể thâm nhập biển giáo sẽ đều chẳng có phần học Phật. Ông ỷ vào trí thức của chính mình hiểu được danh tướng của Tướng tông, vẫn muốn tạo dựng một Tịnh độ đạm bạc[140]. Ông thốt lời ấy tức là vẫn chưa từng đọc kinh Phật, mà chỉ nêu ra những ý kiến phát xuất từ cái tâm so đo mà ra. Cố nhiên ông thông hiểu giáo lý sâu xa, còn Quang là một ông tăng dê câm[141] mà vẫn chẳng chấp nhận lời ông là đúng thì thốt lời "thâm nhập biển giáo" há dễ dàng ư?

Há có phải ông X… vì niệm Phật mà bị lầm lạc ư? Do ông ta ôm lòng muốn mau chứng nên bị ma quỷ dựa vào thân; từ đấy xằng bậy bịa chuyện, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng nói đã chứng. Những kẻ học theo ông ta đều coi ông ta là Phật sống, nên ông ta mới có thuyết: "Thành Phật trong một trăm ngày." Phàm những ai đến gặp, có khi ông ta biết trước tâm họ, có lúc ông ta bị người khác tận

---

[139] Tức ngoại tình dù trong hành động hay trong tư tưởng đều phạm giới tà dâm. "Sắc bên ngoài" ở đây chỉ cho người không phải là vợ hay chồng mình.

[140] Ý nói ông cư sĩ X... này quá thiên về lý, phế sự nên chỉ nghĩ "phải thấu hiểu những danh từ trong Tướng tông, thấu hiểu lý tánh thì mới sanh về Tịnh Độ", tức là chỉ biết đến Tịnh độ về mặt lý, không thấu hiểu Tịnh độ sự lý viên dung, thâu nhiếp mọi căn tánh, không thấy được điểm đặc sắc thù thắng nhất của cõi Cực Lạc chính là cõi Phàm thánh đồng cư, sanh về một cõi chứng trọn bốn cõi. Cõi Tịnh độ theo cách hiểu của ông cư sĩ X... này đã hoàn toàn mất hẳn sự thù thắng không còn hiển hiện sự diệu hữu nên tổ gọi đó là "Tịnh độ đạm bạc", tức là cõi Tịnh độ Cực Lạc được hiểu theo kiểu ấy chẳng khác gì những cõi Tịnh độ dành riêng cho bậc Pháp thân đại sĩ, người chưa chứng đắc địa vị như các ngài sẽ không thấy được, không xứng gọi là Tịnh độ của một pháp môn được xưng tụng là siêu thế hy hữu, vì Tịnh độ Cực Lạc gồm trọn cả bốn cõi Tịnh độ.

[141] "Á dương tăng" (edamūka-samgha: vị tăng giống như con dê câm) là một thuật ngữ chỉ vị tăng ngu si. Theo Đại Trí Độ quyển 3, hạng tăng này tuy không phá giới, nhưng độn căn, không có trí tuệ, không có sức dũng mãnh tinh tấn, không phân biệt tốt xấu, không biết nặng nhẹ, không nhận biết thế nào là có tội hay vô tội. Do vậy, nếu trong tăng chúng có chuyện tranh chấp, không biết phán quyết như thế nào, cứ câm lặng không dám nói năng gì, giống như con dê trắng bị người ta giết mà không dám kêu. Vì thế gọi là á dương tăng.

mặt dối gạt. Đủ thấy thần thông của ông ta chính là tác dụng của ma quỷ. Hễ quỷ đến thì có thần thông, quỷ đi thì không. Phàm những kẻ thân cận ông ta, có người đã đắc tâm địa thanh tịnh, có kẻ chưa đắc vẫn nói là "đã đắc", lầm lạc tự xưng là bậc tôn quý, cũng có kẻ phát cuồng chẳng thể chữa lành được. Những kẻ khoe kỳ, ưa lạ trong cõi đời đông lắm, cho nên ông ta mới trổ được ngón nghề ấy. Nếu hết thảy mọi người ai nấy đều nghiêm túc giữ bổn phận thì ngón nghề xảo quyệt của ông ta chẳng thể nào thi thố được. Hiện nay ông ta đã lên Bắc Bình (Bắc Kinh), nghe nói có thế lực như kiến bu quạ đậu chẳng kém gì ở Thượng Hải.

Đối với ông ta, Quang chẳng tán thán mà cũng chẳng nói lời bài xích; bởi Quang là loại tăng dê câm, chẳng đủ sức gây lòng tin nơi người khác để giảm mối nghi cho người ta, chỉ đành "hắn hành pháp của hắn, tôi giữ đạo của tôi". Túc căn của ông khá sâu, xem lời ông nói và những gì ông dạy người khác, đa số hết thảy những kẻ chẳng biết Phật pháp đều có thể tu, đều có thể được lợi ích. Nếu đối với hết thảy những phụ nữ độn căn, văn lý vẫn chưa thông suốt lắm cứ khuyên họ phải chuyên chú nơi Duy thức thì khi Duy thức chưa truyền đến Trung Quốc, chẳng lẽ tri thức Tịnh độ đều là một lũ hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh nghi ngờ lầm lạc ư?

Quang định trong tháng 9 sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài, từ nay về sau vĩnh viễn chẳng giao thiệp với hết thảy mọi người để chuyên tu tịnh nghiệp hòng khỏi lâm vào cảnh "chẳng liễu trong đời này", sẽ lại bị lung lạc bởi những tri thức "đã thành Phật" ấy và những kẻ tri thức đả đảo, loại trừ, vứt bỏ Khổng giáo. Xin hãy sáng suốt suy xét!

552. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật

Nhận được thư, ông cho biết "quyết ý muốn vãng sanh trong năm nay". Chớ nên chấp trước ý kiến ấy! Hễ chấp sẽ thành bệnh, hoặc đến nỗi có ma sự! Người niệm Phật hãy nên giữ tấm lòng "được vãng sanh ngay trong đời này". Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thục, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

"Cho đến hết tuổi thọ, gieo tấm lòng thành" chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. *"Diệt thọ thủ chứng"* (diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa *(Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn: "Kế ngã chấp trước giả, bất năng sanh thị pháp, diệt thọ thủ chứng giả, diệc phi hạ chủng xứ" (kẻ chấp trước nơi ngã, chẳng sanh được pháp này; diệt thọ mong chứng*

đắc, cũng không gieo giống được)[142]. Chỉ nên trọn hết lòng kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn [theo ý ta] đã định.

Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muồi, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muồi mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành "nhổ mạ để giúp cho nó mau lớn!" Thật sợ rằng hễ ma sự dấy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: "Niệm Phật tổn hại vô ích!" Như ông X… nọ là tấm gương tầy đình, mối hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy! Xin hãy đem cái tâm quyết định [mong được vãng sanh] đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm "chỉ mong mau được vãng sanh'. Dẫu không được vãng sanh [mau chóng], cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vón cục lại [trong tâm] đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự!

Trong tình thế hiện thời, ai nấy chỉ đành trọn hết tấm lòng, còn cát - hung, họa - phước trong tương lai chẳng thể nào dự đoán được! Nếu có thể kiền thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, sẽ có chuyển biến ngấm ngầm, chẳng đến nỗi bị nguy hiểm lớn lao. Nếu chẳng dốc sức nơi việc này, dẫu có dốc cạn mưu mô thì cũng khó thể đạt được hiệu quả tốt đẹp vì thời cuộc biến huyễn chẳng thể nào dự liệu được! Những kẻ vinh quý hách dịch một thời mấy chốc sẽ tiêu diệt chẳng còn, huống là bọn ta ư? Khổng Tử nói: *"Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử dã"* (Chẳng biết mạng, chẳng phải là quân tử vậy). Nhưng vẫn phải do cực lực tu trì thì mới nói đến Mạng được! Nếu lười nhác, biếng trễ, mặc sức ngả theo tánh tình ươn hèn thì được hay mất đều chẳng phải là do Mạng vậy!

---

[142] Chúng tôi dịch thuật ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bổn Giảng Ký (hòa thượng Trí Minh dịch), phần dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ-tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Bổn Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: "Còn người 'diệt thọ thủ chứng' (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hạt giống hư, nên 'cũng không gieo giống được'. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết-bàn, nên gọi là "diệt thọ thủ chứng." Thông thường trong các kinh gọi là "khôi thân diệt trí" vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bổn nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đúng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị thừa đều có thể tín thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị thừa đều là vô phần vì không phải là không thể bẩm thọ hay giới phẩm không thể thấm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi."

553. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Lợi ích trong Phật pháp chỉ có người đích thân nhận lãnh mới biết được: giặc cướp chẳng vào nhà ông. Trong khi lệnh từ (mẹ) bất tỉnh nhân sự, trong tâm vẫn có thể niệm Phật, ngón tay vẫn lần chuỗi, đấy quả thật là do thiện căn đời trước và do sự tu trì trong đời này cảm thành! Hãy nên thường nói về những cảnh vui nơi Tịnh độ và mọi cảnh khổ trong cõi Sa-bà khiến cho cụ sanh lòng tin phát nguyện, quyết định cầu sanh Tây Phương, tâm chẳng còn một niệm mong cầu phước báo trời người trong đời sau.

Hằng ngày, hãy cùng với quyến thuộc gắng hết sức trợ niệm cho cụ, giống như cách thức cả nhà thay phiên trợ niệm cho mẹ trong lá thư tôi gởi cho quan Đạo Doãn Hoàng Hàm Chi trong bộ Văn Sao, vậy thì chắc chắn cụ sẽ được vãng sanh Tây Phương. Làm con báo ân cha mẹ, chỉ có chuyện này là lớn. Xin hãy nỗ lực thực hiện, ngõ hầu vợ con, anh em trai, chị em gái đều hành như thế. Cái gọi là "độ chúng sanh" cũng ở nơi ấy, mà đôn đốc luân thường cũng nằm tại đấy, còn những điều khác thì hãy đọc kỹ Văn Sao.

Ông Từ Tử Hỗn bị ma dựa là do tà chánh chẳng phân, coi tà là chánh, tưởng chánh là tà mà ra. Nếu có thể y theo lời Quang nói, ma sự sẽ tự mau tiêu diệt. Xin hãy chuyển lời và chỉ bày lợi hại cặn kẽ, ngõ hầu ông ta sẽ dẹp được tà ma, đạt được lợi ích chân thật.

554. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ hai)

Những gì ông đã nói chính là bệnh chung của hết thảy mọi người, muốn trị bệnh ấy nếu không tưởng niệm cảnh khổ sẽ không xong! Kinh dạy: "Nghĩ tới nỗi khổ trong địa ngục, phát tâm Bồ-đề", nhưng do chưa từng đích thân trông thấy sự khổ trong địa ngục, kẻ thiếu thiện căn vẫn chưa thể nhanh chóng phát tâm xa lìa, tránh né được. Thiết yếu nhất là hãy tưởng lúc quân đội hai bên giao chiến: Tiếng đại bác rền như sấm, đạn bay như mưa, phi cơ ném bom bên trên, địa lôi (mìn) ở dưới cùng lúc nổ rền thì quân đội đôi bên đều tan thân, nát xương, bắn tung tóe theo mảnh đạn pháo, hóa thành chẳng còn gì! Ta cũng đích thân dự vào trong ấy; nhưng ngay trong lúc sắp phát nổ hay chưa nổ, còn biết chú trọng niệm Phật cầu sanh. Lúc ấy hoảng sợ muôn phần, nhưng các sĩ quan chỉ huy đều cầm vũ khí, chẳng dám lười nhác chút nào, hễ lười sẽ phải chết ngay. Lúc ấy, trọn chẳng đến nỗi bị sự vụ buộc ràng, bị lòng sợ hãi gây trở ngại khiến cho chẳng thể niệm Phật được. Thứ cảnh giới ấy chẳng bằng được một phần vạn nỗi khổ trong địa ngục, nhưng do tâm lực phàm phu có thể nghĩ tưởng được [cảnh đáng sợ ấy, nên dạy họ nghĩ tưởng cảnh chiến tranh]. Khi nghĩ đến sẽ run sợ, cảm thấy rét thấu xương,

lông trên thân dựng đứng cả lên như đích thân ta đã từng trải cảnh ấy vậy. Ông lười nhác là do chẳng xét kỹ nỗi khổ trong đời vị lai. Nếu suy nghĩ tường tận, sẽ trọn chẳng đến nỗi lười nhác lâu dài.

Còn như ông than thở bị sự việc lôi kéo, đấy cũng là cách nói lấp liếm thói hờ hững hời hợt, chứ đâu phải là thật tình! Nay tôi nêu một thí dụ: Như đứa con hiếu thảo nghĩ đến cha mẹ, tuy phải thù tiếp cả trăm chuyện với người khác, trong tâm vẫn thường có ý niệm nghĩ đến cha mẹ, chẳng thể tạm quên. Lại như kẻ tham dâm thường nghĩ đến gái đẹp, tuy suốt ngày luôn bận việc, nhưng cái tâm mơ tưởng gái đẹp chẳng thể quên mất một khắc nào. Nếu ông có thể giống như kẻ lâm trận muốn thoát khổ, như đứa con hiếu nghĩ đến cha mẹ, như gã dâm say đắm phụ nữ thì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể niệm Phật chẳng gián đoạn. Những thứ pháp tắc khác trong Văn Sao đều có đủ, chỉ nên đọc kỹ, suy nghĩ cặn kẽ sẽ hiểu được, cho nên không nói nhiều nữa.

555. Thư trả lời cư sĩ Trí Chánh (thư thứ ba)

Hết thảy phàm phu đều có hai căn bệnh: một là cuồng vọng, hai là ngu si!

1. Cuồng vọng là cho rằng: "Ta vốn là Phật, cần gì niệm Phật nữa? Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, cần gì phải cầu sanh Tịnh độ?" Điều này thuộc về thói chấp lý phế sự. Thói tệ ấy dẫn tới thói bài bác, cho là không có nhân quả, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh. Người này ắt đọa địa ngục A-tỳ, vĩnh viễn không có thuở thoát khỏi. Do nhân lành mà chuốc phải quả ác, thật đáng thương thay!

2. Ngu si là cho rằng: "Ta là phàm phu, sao dám vọng tưởng liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh?" Chẳng biết: "Một niệm tâm tánh của chính mình chẳng hai, chẳng khác với một niệm tâm tánh của chư Phật. Chỉ vì phiền não hoặc nghiệp chướng lấp đến nỗi công đức của Phật tánh sẵn có trong tâm này chẳng thể hiển hiện được!" Ví như tấm gương đồng lớn quý báu bị bụi phủ cả kiếp, kẻ trí biết là gương báu, kẻ ngu cho là vật đáng vứt đi.

Phật thương chúng sanh mê muội tự tâm, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bởi vì rất quý tiếc Phật tánh sẵn có của chúng sanh, sợ họ vĩnh viễn mê mất, nên dạy họ sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu đích thân chứng được Phật tánh sẵn có ấy. Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ cầu "tiêu tai và chẳng mất thân người" thì có khác nào đem bảo châu ma-ni vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn. Kẻ ấy ngu si đáng thương, chẳng biết tốt xấu thật là bậc nhất. Hãy nên đem ý này nói với mẹ ông, cụ sẽ chẳng nẩy sanh cái tâm

kém hèn như đã nói trên đây (Tôi vốn tính nói với ông, nhưng vì ngữ ý bất tiện nên Quang sẽ nói trực tiếp với mẹ ông vậy).

556. Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh

Bà đã quy y Phật pháp và niệm Phật thì hãy nên y theo lời Phật dạy để hành. Phật dạy bà cầu sanh Tây Phương, nhưng bà thiên chấp, chẳng chịu cầu sanh Tây Phương, cứ khăng khăng muốn cầu phước báo trong đời sau. Nay bà đã sống được mấy chục năm rồi, chẳng biết đã trải qua bao nhiêu tai nạn đao binh, lũ lụt, hạn hán, đói kém, tật dịch v.v.. Nếu chưa gặp Phật pháp, chẳng biết phương cách thoát lìa thì sẽ chẳng có phương pháp gì, chỉ đành phó mặc luân hồi sau khi đã chết. Nay đã gặp được Phật pháp, lại còn quy y làm đệ tử Phật, mà vẫn cứ chấp nhặt chẳng tin lời Phật, mặc tình chấp vào ngu kiến của chính mình, suy nghĩ lung tung, mong đời sau vẫn được làm người.

Bà phải hiểu: "Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn lâm chung vãng sanh!" Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu. Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, chỉ riêng cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi. Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đợi sau khi thấy Phật đắc đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy, cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy.

Nếu bà cầu phước báo đời sau thì không có đại đạo tâm, dẫu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức hữu hạn, bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta người) để tu tập, cho nên chẳng có công đức lớn lao. Huống chi, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ ác đạo, mong lại được làm người sẽ thiên nan vạn nan! Do vậy nói: "Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!" Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu; dẫu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo.

Phật nói: "Trong thế gian có hai loại tội nhân, một là phá giới, hai là phá kiến. Tội phá giới còn nhẹ, chứ tội phá kiến rất nặng." Thế nào gọi là phá kiến? Chính là như bà đã nói: "Cầu đời sau, chứ chẳng cầu vãng sanh!" Ấy chính là chấp trước tà vạy, tri kiến sai lầm; đấy chính là tà kiến phá hoại Phật pháp và dẫn dắt hết thảy mọi người khởi lên những chấp trước tà vạy, tri kiến lầm lạc. Tội ấy cực lớn cực nặng, vì tâm trái nghịch với Phật, lại còn gây lầm lẫn cho hết thảy mọi người.

Tôi nói những lời này, bà đừng nghĩ là tôi bịa chuyện gạt gẫm bà! Tôi muốn gạt bà thì phải nhằm đạt được điều gì đó, đằng này tôi chẳng vì danh lợi thế lực,

lại khơi khơi gạt gẫm bà vốn là một bà lão trọn chẳng biết gì, chỉ gặp mặt một lần, há tôi chẳng trở thành một gã si ngốc hay sao? Do bà tin tưởng tôi, coi tôi là thầy; con bà nói với bà, bà không tin, liền cậy tôi nói với bà, muốn cho bà được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, vĩnh viễn lìa khỏi hết thảy các nỗi khổ trong thế gian, thường hưởng hết thảy sự vui trong Cực Lạc. Bà phải biết tốt xấu! Tôi đã nói với bà như thế, nếu bà chẳng nghe, vẫn chiếu theo tâm tướng ngu si của chính mình thì là vong ân phụ nghĩa. Đừng nói bà đã cô phụ ân Phật độ chúng sanh, mà còn phụ bạc tôi một phen khổ tâm chẳng tiếc tinh thần nói với bà rất nhiều lời như thế này!

Bà phải nên phát khởi cái tâm quyết định cầu sanh Tây Phương. Lại phải dạy con cái, dâu, cháu, thân thích, bằng hữu đều cùng phát tâm quyết định vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này; đem công đức dạy người ấy phụ trợ cho công đức tu tâm của chính mình. Khi lâm chung, liền được A-di-đà Phật đích thân tiếp dẫn bà lên phẩm vị tối thượng nơi đài sen chín phẩm. Nếu tôi gạt bà tức là Phật gạt người. Vì sao vậy? Tôi nương theo ý Phật để nói với bà. Há có lẽ nào Phật lại gạt người ư? Bà hãy nên bỏ hết những tâm tri kiến kém hèn từ trước thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Tây Phương.

557. Thư trả lời cư sĩ Từ Tử Hỗn

Đọc thư của các hạ, biết các hạ là một vị quân tử đức dày, điều đáng tiếc là chẳng phân tà chánh! Thoạt đầu, lầm lẫn tưởng pháp được truyền bởi Đồng Thiện Xã là Phật pháp, chẳng biết đấy là pháp luyện đan vận khí để dưỡng thân thể nhằm mong sống lâu, tăng tuổi thọ, lầm lạc mong mỏi thành tiên. Họ nói đến "tịnh tọa, dụng công" đều là dùng công phu vận khí, trọn chẳng có hơi hướng Phật pháp, xằng bậy bảo đấy là Phật pháp. Ví như đem mắt cá coi là trân châu để rồi quý trọng, cho là kỳ trân (hiếm lạ, quý báu). Đến khi các hạ đọc Văn Sao, tuy đã thật thà niệm Phật, rốt cuộc vẫn chẳng chịu bỏ cách luyện đan vận khí, vẫn tưởng đấy là Phật pháp. Như vậy là miệng tuy niệm Phật, trong tâm vẫn chú trọng ngoại đạo!

Ngoại đạo đều lấy những thứ cảnh giới thần kỳ quỷ quái để mê hoặc người khác. Nếu các hạ đã biết Phật pháp, tận tình vứt bỏ pháp luyện đan đã tu thì chánh niệm trong tâm sẽ rạng ngời như mặt trời rực rỡ giữa hư không, nào còn có chuyện lỵ - mị - võng - lượng giở trò tác quái nữa. Tâm địa các hạ chánh đại quang minh thì bọn yêu ma quỷ quái kia sẽ tự chẳng còn chỗ đứng! Do các hạ coi tà là chánh, luôn lầm lạc muốn đắc thần thông, mong có khả năng tiên tri, nên chiêu khởi ma quỷ hiện xằng tướng yêu ma nơi thân ông. Tuy ông tà chánh chẳng phân, nhưng vẫn chưa hoàn toàn nghĩ những tướng yêu mị của ma quỷ là đúng cho nên vẫn

còn cứu được. Nếu tưởng đấy là đắc đạo, đắc thần thông thì muốn chẳng bị chết vì ma cũng chẳng thể được, nguy hiểm đến cùng cực!

Ông đã hỏi Quang thì hãy nghe theo lời Quang, từ nay trở đi những công phu đã tập tành từ trước đều hoàn toàn vứt bỏ, tâm chẳng còn có một tơ tóc trân quý những pháp ấy nữa. Hãy chí thành khẩn thiết sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ba nghiệp thân khẩu ý hãy nên chuyên chú vào tu trì tịnh nghiệp. Trong tâm ông đã không có tà kiến, lại còn có oai đức thần lực của danh hiệu Phật thì lũ ma quỷ kia sẽ trốn chạy còn không kịp, nào dám lưu lại giây lát để gây chướng ngại cho ông ư?

Chúng nó gây chướng ngại là do tà tâm của ông cảm vời, ví như chủ nhân dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, lời lẽ lẫn hành vi đều hợp với đạo thành - minh, thì những gã ám muội tiểu nhân có hành vi phóng túng, tà vạy, xa xỉ, buông lung, không kiêng sợ làm sao dám lên điện đường của người ấy, dám vào trong nhà của người ấy cho được? Như dưới ánh sáng lớn lao, trọn chẳng có tối tăm; trong khi nắng gắt, trọn chẳng có băng, sương.

Ông đã hoàn toàn nương theo Tịnh độ để tu tập thì chẳng cần phải coi những điều mong mỏi như đã nêu trong phần trước là đúng, sẽ như vị chủ nhân sáng suốt, tỉnh ngộ, biết chúng là giặc thì chúng sẽ tự tránh xa. Nếu tưởng chúng nó là người trong nhà của chính mình thì chúng nó sẽ thành chủ nhân, nhập vào tâm khiếu của ông, khiến cho ông bị ma dựa phát cuồng đến nỗi táng thân mất mạng. Bất luận chúng nó là hồ ly, là ma, hay là oán gia đời trước, chỉ nên phát tâm Bồ-đề, trì danh hiệu Phật, chúng sẽ bị tiêu diệt. Nếu như chẳng tiêu thì trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng sẽ xoay ngược!

Điều đáng lo là tâm ông chẳng nương theo chánh lý, vẫn giữ những tà tri tà kiến trước kia; đừng bảo lời Ấn Quang nói chẳng linh, dẫu là lời chư Phật nói cũng chẳng thể linh được, bởi căn bản đã là tà thì chánh không có cách nào thi thố được. Viết ra những điều này, mong ông hãy thấu hiểu rõ ràng thì may mắn lắm thay!

Văn Sao đã nêu đủ pháp tắc tu trì, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Phàm khi tịnh tọa, trong tâm chỉ nên thầm niệm Phật hiệu, ngoài ra chẳng thêm vào một công phu hay một ý niệm nào khác. Lâu ngày chầy tháng, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một. Hỏi xem có loại thiền định nào đạt được sự sâu mầu như thế hay chăng? Có công phu nào cao thượng như thế hay chăng? Nếu các hạ y theo đây để tu, đảm bảo nghiệp chướng tiêu diệt, phước

tuệ tăng trưởng, trong hiện đời khi còn sống liền dự vào bậc thánh hiền, lúc lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc.

558. Thư trả lời cư sĩ Duy Phật

Ông đã phát nguyện chân thật thiết tha, nhưng cần phải "dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, bước trên băng mỏng" giống như Tăng tử. Chưa đến lúc sắp về Tây, quyết chẳng dám buông tâm lỏng ý thì mới được! Năm sáu năm trước, ông X… đã thư từ qua lại và gởi bài văn phát nguyện hết sức chân thành thiết tha. Quang nghĩ ông ta ở ẩn khuất trong vùng núi non, lại còn nghèo hèn, bèn gởi rất nhiều kinh sách cho ông ta. Những người trong vùng ấy do được ông ta khuyên dạy mà niệm Phật khá đông, nhưng một hai năm gần đây, ông ta đúng là kém hèn chẳng thể kham nổi: hút thuốc phiện, phạm tà dâm! Quang đã cảnh tỉnh, khuyên răn ông ta suốt nửa năm nhưng vẫn không hối hận thay đổi. Đúng là hạng chuyên đợi vào địa ngục!

Ông nói: "Tùy thời tùy chốn, hễ chết được liền chết." Câu nói ấy vừa là căn bản để cầu vãng sanh mà cũng là cội rễ để chiêu cảm ma! Cố nhiên, ai nấy đều phải chết, nhưng chớ nên có cái tâm chấp trước cầu chết, cầu mau vãng sanh, chỉ nên nhất tâm niệm Phật. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, chỉ cầu mau chết, ắt sẽ chiêu khởi oán gia từ vô lượng kiếp kéo đến, khiến cho ông bị chết ngang trái. Chẳng những không được vãng sanh mà đến khi sắp chết, sức thần thông do ma gia trì sẽ rời đi, khi ấy sẽ khổ sở chẳng thể kể xiết, sẽ sanh tà kiến, ắt đến nỗi đọa lạc. Chớ nên có cái tâm chấp trước ấy! Hễ có thì chính là bệnh, chớ nên không biết.

Nói đến chuyện sư Bảo Nhất và cư sĩ Vô Sanh thì trong tâm mỗi người ấy đều có một phần ham danh. Nếu không, quyết chẳng chịu đem những cảnh giới ấy viết ra để khoe với mọi người. Huống chi sư Bảo Nhất còn phê vào đầu cuốn Tự Tri Lục đề cao nội dung cuốn sách đến tột cùng ư? Do vậy có thể suy ra biết họ là hạng người như thế nào rồi! Nếu cuốn sách ấy được lưu hành rộng rãi thì kẻ chẳng hiểu tự tâm, chẳng thông giáo lý ắt sẽ phần nhiều bị ma dựa phát cuồng. Đinh Quế Tiều gởi đến, tôi xem qua liền gởi trả lại, chẳng giữ một cuốn nào. Do tôi thiết thực bảo ban điều họa hại nên ông ta không tái bản. Ông Vương Mưu Phụng ở Hàng Châu cũng muốn xin Quang nói lời quyết đoán, Quang cũng đem những lời đã bảo Quế Tiều để nói với Mưu Phụng.

Những cảnh giới do người phụ nữ ấy kể đương nhiên có đôi phần, nhưng phô trương quá lố, rốt cuộc trở thành đem phàm lạm thánh. Nếu chân thật đạt được cảnh giới như vậy, há lẽ nào chẳng biết lời lẽ ấy sẽ khiến cho người khác bị lầm

lạc ư? Bà ta đã không có kiến địa ấy thì chỗ tương ứng như bà ta đã khoe trong sách chắc chắn chỉ là "vừa được chút phần đã khoe toáng thành nhiều" mà thôi! Nếu không, đã đạt đến Phật cảnh, há có chuyện chẳng hiểu rõ tri kiến phàm tình ư? Chúng ta chỉ nên thật thà niệm Phật, chỉ cầu lâm chung được vãng sanh là được rồi; còn trong đời hiện tại như thế nào thì cứ để như thế đấy, mặc cho "nước chảy thành suối, xuân đến hoa nở", nếu cứ mong tưởng sẵn, sẽ trở thành chướng ngại đấy! Bởi lẽ, mong tưởng sẵn sẽ giống như cắt đứt nguồn nước mà muốn nước chảy thành suối, đang trong lúc tiết đông rét căm căm lại mong hoa nở. Nếu được như vậy sẽ là chuyện quái đản!

Một bộ sách Tứ Thư chính là rường cột cho Ngũ Kinh, phàm đạo "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" không gì chẳng trọn đủ. Tiếc cho người đời toàn là đọc sách chứ không học đạo, cho nên đến nỗi suốt đời đọc sách mà vẫn chẳng biết phải nên làm chuyện gì. Thoạt đầu chỉ biết lấy tập tành viết văn đề thơ làm căn cứ, nay thì bỏ luôn, chỉ học theo sách giáo khoa. Ví như bỏ bảo châu ma-ni để coi trọng mắt cá, do vậy thiên tai nhân họa ngày càng thấy liên tiếp xảy ra. Do cái gốc đạo đã bị chôn vùi, lập tức kiến giải bị rối loạn, mất mát.

Phàm chuyện gì cũng đều nên xét theo thời thế để luận, quy củ thơm thảo thời đức Phật làm sao có thể áp dụng trong đời này được? Người đời nay lưu thông kinh tượng không phải là trọn chẳng có lợi ích gì, nhưng mỗi một chuyện đều chẳng thể nào đạt được công đức lớn lao như đức Phật đã dạy được. Trong thời đức Phật tại thế, "kinh tượng chủ" chính là người phát tâm tạo kinh tượng. Nếu gọi là "người đứng ra thuê kẻ khác làm" tức là coi thường người ấy. Người thợ tạo kinh tượng cũng chớ nên tự khinh, vì thế nói: "Đừng bảo là do khách thuê mướn mà làm!" Người tạo kinh tạc tượng nhận được những món vật do vị kinh tượng chủ biếu tặng nhằm đền đáp công lao chép kinh, tạc tượng, nhưng do người kia (tức kinh tượng chủ) đã đem lòng thành dâng lên nên tâm của người này (tức người chép kinh tạc tượng) cũng đừng phân biệt nhiều ít, cứ nhận lấy. Như vậy thì sẽ chẳng giống như đi mua tượng Phật, thuê chép kinh Phật. Nếu người thợ chép kinh tạc tượng bàn tán về giá trị của vật được biếu tặng có xứng với công lao chép kinh tạc tượng hay không thì chẳng khác gì vị kinh tượng chủ đã mua hay thuê làm vậy. Trong thời hiện tại, nếu chấp trước chuyện này [phải theo đúng quy cách như thế] thì muốn kinh tượng chẳng bị diệt sẽ chẳng thể được đâu.

Ông học Phật nhưng chẳng biết đạo "nhân thời thế mà thích nghi", chấp chết cứng vào quy củ đã được thành lập, như vậy thì có khác gì kẻ do chẳng thể hành đạo của Khổng - Mạnh bèn chẳng chấp thuận cho lưu hành sách của Khổng -

Mạnh đâu? Chúng sanh đời mạt pháp, đối với những điều đức Phật đã dạy trong trăm ngàn vạn phần, dẫu chỉ đạt được một hai phần thì cũng đủ để tự lợi lợi tha. Chứ nếu cứ muốn hoàn toàn y theo như lời Phật đã dạy thì dù đức Phật có hiện thân trong thời này, chắc chắn cũng chẳng thể làm được.

Tu Tịnh độ chỉ luận tín nguyện hạnh, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) có đúng pháp hay không, đâu có liên quan tới thiền đường? Những kẻ chỉ noi theo khuôn sáo rỗng tuếch của thiền đường rồi thực hiện công phu trong Thiền môn, kiến địa giống như vậy thì nào đáng để bàn Thiền - Tịnh với họ nữa ư? Vậy mà ông cứ dựa theo đấy để rồi sanh lòng nghi! Hằng ngày đọc tụng ngôn luận của cổ nhân nhưng đều chẳng sanh lòng tin sâu xa, chỉ lấy những hành vi, cách cư xử người đời nay làm khuôn mẫu để phỏng theo, há chẳng phải là phường "chấp vào đức nhưng chưa thể thực hiện rộng rãi, tin đạo nhưng chẳng chuyên dốc" hay sao?

Người học đạo ai nấy đều phải tùy theo khả năng của chính mình mà tu trì, sao lại lập ra một quy củ hẹp hòi để buộc hết thảy mọi người phải lầm lạc vâng giữ vậy? *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu, lương cung chi tử, tất học vi cơ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết phải học may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt[143]), là vì những việc tập luyện ấy gần gũi với cái nghề khéo sẽ học vậy. Người thợ kim hoàn quán bất tịnh, người thợ giặt quán sổ tức[144], đều chẳng được lợi ích! Thay đổi phương pháp thì người nào cũng đều được lợi ích, vì giáo pháp phù hợp với căn cơ vậy.

---

[143] Đây là một đoạn văn trích trong thiên Học Ký sách Lễ Ký: *"Lương dã chi tử, tất học vi cầu. Lương cung chi tử, tất học vi cơ. Thỉ hạ giả phản chi, xa tại mã tiền. Quân tử sát vu thử tam giả, khả dĩ hữu chí vu học hỹ"* (Đứa con của người thợ kim hoàn giỏi, trước hết phải học cách may bao da. Đứa con của người thợ làm cung giỏi, trước hết phải học đan sọt. Lúc mới tập cho con ngựa non kéo xe thì buộc nó ở sau xe. Quân tử hiểu được ý nghĩa của ba chuyện này thì mới có chí để học tập vậy). Do vậy, mới có thành ngữ *"khắc thiệu cơ cầu"* (quyết nối nghiệp cha ông). Nói chung, tổ dẫn câu nói này để khuyên người tu học phải tập luyện từng bước, khởi sự từ những điều gần gũi, giống như muốn thành thợ kim hoàn giỏi thì phải khéo léo tỉ mỉ nên trước hết phải học may bao da cho đường kim mũi chỉ đẹp đẽ rồi mới học nghề thợ bạc, cũng như muốn làm cung tên cho khéo thì phải học cách đan chuốt, uốn tre nên phải học đan sọt (cần xé) trước. Con ngựa muốn kéo xe thì phải tập quen với tốc độ trước nên phải buộc nó đằng sau xe để nó chạy theo xe. Chúng tôi dịch những câu nói này theo cách giải thích của Hán Tự Thành Ngữ Tự Điển.

[144] Theo luận Du-già Sư Địa, quyển 7, ngài Xá-lợi-phất dạy hai đệ tử tu tập đã lâu nhưng họ không thể chứng được đạo quả, liền đến bạch hỏi đức Phật. Phật hỏi nghề nghiệp của hai người này trước khi xuất gia, một người làm thợ kim hoàn, một người làm thợ giặt. Thì ra ngài Xá-lợi-phất dạy pháp tu trái ngược, không hợp căn cơ. Đối với người thợ giặt, ngài Xá-lợi-phất dạy quán sổ tức, dạy người thợ kim hoàn quán bất tịnh nên họ không thể tu tập được. Đức Phật cho biết: Người thợ kim hoàn quen thổi bễ, quen nín hơi để làm đồ kim hoàn nên phải dạy quán sổ tức, người ấy sẽ tập sổ tức dễ dàng. Người thợ giặt hằng ngày quen thấy quần áo bẩn nên sẽ

Đang trong thời thế này, dẫu là bậc thánh nhân thần thông muốn cứu nước cứu dân mà bỏ nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ đều chẳng thành công. Kẻ nói lan man những lời lẽ của một hai vị tri thức thuộc tông khác mà hắn tôn sùng vẫn chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được. Dẫu cho đức Như Lai hiện thân trọn hư không khắp pháp giới nói các thứ diệu pháp rất sâu khác cũng chẳng thể lay động, biến chuyển tâm ta được. Vì sao vậy? Do lý sự quyết định không nghi! Ông đã nêu câu hỏi như vậy thì còn đáng gọi là "đã có lòng tin quyết định" hay chăng? Triệt tổ (tổ Triệt Ngộ), Tỉnh tổ (tổ Tỉnh Thường) trước tác ít, nhưng cũng đủ để khiến cho người khác dấy lòng phát nguyện. Cố nhiên, chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn kém được! Xưa nay có nhiều vị pháp thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, những vị như vậy nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này?

Cần biết rằng, chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều, chỉ cần một điều là "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương" là đủ rồi. Dẫu đọc hiểu trọn hết Đại tạng cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyện này mà thôi. Như vậy thì "nhiều cũng quy về ít, ít cũng thuộc về nhiều". Nhiều hay ít đều cùng nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! Như vậy là "nhiều chẳng phải là nhiều, ít chẳng phải là ít".

Chuyện phóng sanh cố nhiên công đức không chi lớn bằng, nhưng cần phải giữ tấm lòng phóng sanh, siêng năng khẩn thiết khuyên lơn kẻ hữu duyên kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì sẽ phóng (thả) được nhiều mà chẳng tốn kém tài lực. Hai điều ấy cùng hành sẽ là hữu ích nhất.

Dán Phật hiệu trên tường vừa hữu ích vừa mắc tội lỗi. Nếu dán thì cũng phải nên dán như thế nào cho nó được tồn tại lâu dài. Nếu dán ở nơi đất trống mà chẳng dùng loại keo dán tốt thì hai ba ngày sẽ bị rớt trong bùn lầy, hoặc bị những tờ cáo thị của người khác dán chồng lên, chuyện này cũng chớ nên làm cẩu thả. Ba vị sư khổ hạnh khiến cho người ta khâm phục, vì thế lúc lâm chung vị nào cũng được lợi ích thật sự. Do vậy người tu hành phải giấu kín tài năng vậy!

559. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền

Nhận được thư, biết ông đã có thiện căn Tịnh độ từ đời trước, cho nên vừa nghe liền tin nhận. Tu tập Tịnh độ tùy phần tùy sức, há cứ phải bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ

---

quán bất tịnh dễ dàng. Phật dạy họ đổi pháp tu cho nhau, sau một thời gian ngắn cả hai đều chứng đạo quả.

tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy chẳng lúc nào quên bẵng. Người tu Tịnh độ cũng phải giống như thế, mặc cho hằng ngày công việc bận bịu tơi bời, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. Nói đến ông X… thì ông ta là phường luyện đan vận khí, đã nói "quy y tam bảo" cố nhiên nên vứt bỏ những thứ công phu ấy ra ngoài. Không phải là người niệm Phật không được tịnh tọa, nhưng khi tịnh tọa vẫn niệm Phật. Ông ta khoe công phu tịnh tọa hữu hiệu thì đấy là nói về sự hữu hiệu do luyện đan vận khí. Ông chẳng biết công phu tịnh tọa như hắn ta đã nói là công phu gì cho nên vẫn tiếp tục tập luyện.

Nếu tuân theo chánh lý, đã tu tịnh nghiệp thì phải nương theo lời Phật dạy; nếu kiêm tu pháp luyện đan vận khí thì tà chánh xen tạp, chắc sẽ đến nỗi có các ma sự. Bởi lẽ, ngoại đạo luyện đan để mong xuất hồn, nếu vẫn giữ ý niệm ấy sẽ có hại chẳng nhỏ. Nếu luận về luyện đan thì pháp ấy cũng chẳng phải là vô ích, nhưng tông chỉ của nó hoàn toàn trái nghịch với Phật pháp. Phật dạy con người thấy thấu suốt cái thân huyễn vọng này, bọn họ dạy con người giữ gìn thân tâm huyễn vọng này (xuất hồn chính là huyễn tướng do vọng tâm kết thành). Ông ta đã tín nguyện niệm Phật, hãy nên tuân theo tông chỉ Tịnh độ; nếu ông ta chú trọng luyện đan, cần gì phải mạo danh Tịnh độ?

Những sách vở ông đã nói đến hiện thời không còn, đợi đến tháng 11 hoặc tháng 12 sẽ có bản in mới của Văn Sao và Thọ Khang Bảo Giám, sẽ gởi đến cho ông. Tháng Giêng hay tháng 2 trong mùa xuân năm sau, sẽ có Gia Ngôn Lục, Di-đà Bạch Thoại Chú v.v. được gởi đến, xin đừng lo! Hãy nên đem lời Quang nói với ông X… thì may mắn lắm thay!

560. Thư trả lời Phước Châu Phật Học Xã

Hôm mồng 6 tôi nhận được thư của ông Trần Sĩ Mục gởi đến, trong ấy có thư xin quy y của các vị. Ngoài ra còn có hai cuốn sách ghi chép những chuyện chánh yếu và tông chỉ hành trì đại cương của Phật Học Xã. Tôi biết quý vị đều có tâm chánh tín, thực sự tu trì, khôn ngăn vui mừng an ủi. Nhưng Quang vốn là một tăng sĩ bình thường chỉ biết cơm cháo, chỉ biết học đòi ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tưởng là Quang có kiến địa lẫn hành trì cao siêu huyền diệu người khác chẳng mong sánh bằng thì quý vị đã hiểu lầm mất rồi. Xem thư quý vị gởi đến và chương trình đã lập, tựa hồ gần giống như mức nhận lãnh tâm tướng của Quang. Quang tự biết mình kém hèn nông cạn, trọn chẳng muốn làm thầy người khác, nhưng người ta đã từ xa gởi thư đến cầu xin, cũng chỉ đành đem lầm đáp lạc.

Hiện nay đang nhằm thời mạt pháp, muốn đẩy lùi con sóng cuồng loạn cực lớn, cực nguy hiểm này, ắt phải chú trọng luân thường, tận tụy thực hành thì mới đạt hiệu quả được. Nếu chẳng dốc sức vào giáo dục gia đình, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng nói kẻ chẳng biết Phật pháp sẽ không thể do đâu đạt được lợi ích; dẫu là kẻ biết Phật pháp chắc cũng mắc thói tệ "nói một đằng, làm một nẻo". Con người như thế tuy bảo là học Phật, nhưng thật ra là oan gia của Phật, bởi dùng thân để báng pháp vậy.

Phàm ai dự vào liên xã, ắt phải dạy họ hành hiếu, hành đễ, cũng như thực hiện hết thảy những chuyện đáng làm, trong tâm ắt phải dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dè dặt cẩn thận ngay cả khi không có ai trông thấy, sợ hãi ngay khi cả chẳng có ai nghe thấy. Người làm được như thế thì mới là thiện nhân trong thế gian, mới có thể học pháp xuất thế. Ví như nền đất vững vàng thì tùy ý xây dựng lầu cao muôn trượng, chẳng lo nghiêng ngửa, sụp đổ. Từ đấy, phát tâm chí thành tu trì tịnh nghiệp. Ắt phải quyết định cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng cầu phước báo trời người trong đời sau.

Lợi ích thật sự trong Phật pháp ắt phải dùng chí thành để đạt, bất luận niệm Phật hay xem kinh đều phải chí thành, cung kính. Đừng nên học theo kẻ viên dung không chấp trước! Nếu không, sẽ vì phóng túng không kiêng dè mà trở thành phường cuồng vọng, ma mị.

Hơn nữa, ở quý địa có kẻ đề xướng thuyết "năm bộ sáu sách"[145], đấy chính là do kẻ tà kiến dựa hơi Phật pháp để truyền bá pháp luyện đan, chư vị đừng hãm

---

[145] "Năm bộ sáu sách" (Ngũ bộ lục san) là từ ngữ chỉ chung kinh thư của La giáo (một thứ tà giáo do La Thanh sáng lập vào thời Gia Tĩnh - Vạn Lịch nhà Minh). Gọi là Ngũ bộ lục san vì tà giáo này có năm bộ kinh thư trọng yếu, tức:

1. Khổ Công Ngộ Đạo Quyển
2. Thán Thế Vô Vi Quyển
3. Phá Tà Hiển Chánh Thược Thi Quyển (chia thành hai quyển thượng và hạ)
4. Chánh Tín Trừ Nghi Tự Tại Quyển
5. Nguy Nguy Bất Động Thái Sơn Thâm Căn Kết Quả Bảo Quyển

La Thanh (1442-1527), còn gọi là La Tĩnh, La Hoài, La Sở Hồng, hay La Mạnh Hồng, đạo hiệu Vô Vi Cư Sĩ, người huyện Tức Mặc, tỉnh Sơn Đông. Do gia cảnh nghèo hèn, thoạt đầu La Thanh xuất gia ở một ngôi chùa thuộc tông Lâm Tế, rồi vay mượn, cóp nhặt những giáo nghĩa nhà Thiền pha trộn với những thuyết của Lý học lẫn tín ngưỡng dân gian, phù chú, tịnh tọa luyện đan vận khí của bọn đạo sĩ lập ra một đạo riêng, đặt tên là La giáo, tự coi mình là người xiển dương chân truyền của tông Lâm Tế. Rất nhiều nhà nghiên cứu lịch sử của Hoa Lục do cố tình xuyên tạc Phật giáo hay do thiếu kiến thức Phật học đã coi La Thanh như một thiền sư nổi tiếng có công chấn hưng Thiền học trong thời Vạn Lịch. Trong năm bộ sách này, La Thanh đề xướng những giáo nghĩa rất kỳ dị như "Tam Giáo hợp nhất, đốn ngộ thành Phật, trực nhập

vào trong ấy. Dẫu trước kia đã từng theo, nay đã học Phật, hãy nên vứt bỏ hoàn toàn. Nếu vẫn cứ hàm hồ coi đấy là Phật pháp thì tội ấy chẳng nhỏ đâu!

Hiện thời, bất luận căn tánh nào đều phải lấy pháp môn Tịnh độ làm chủ, bởi lẽ pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn thành tựu lúc ban đầu lẫn thành tựu lúc cuối cùng để ba đời chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Hễ nói nông cạn, gần gũi thì đứa trẻ lên ba cũng có thể tu được, nhưng nói sâu xa thì chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Tịnh độ là pháp để cho phàm phu y theo đó hòng liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng bỏ mặc không xét tới. Dẫu hết thảy các pháp môn đều nghiên cứu rốt ráo đến mức mười phần thông triệt đi nữa, ai có thể ngay trong đời này đoạn sạch phiền não không còn sót gì để đạt đến địa vị "tự lực liễu sanh tử" đây? Kẻ cậy vào tự lực đã chẳng thể làm được, nhưng người cậy vào Phật lực do chẳng biết nên không chú ý. Vì vậy, học Phật pháp đều chỉ nhằm chống giữ thể diện trong hiện tại, gieo thiện căn trong tương lai mà thôi. Muốn được lợi ích liễu sanh tử chân thật sẽ là sự khó nhất trong các sự khó!

Phụ nữ càng phải nên chú trọng nhân quả, luân thường, phàm là An Sĩ Toàn Thư, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Ấn Quang Văn Sao, hễ có ai thông văn nghĩa đều nên tặng cho mỗi người một bộ. Đi theo con đường ấy, bậc thượng chắc sẽ thấu hiểu được những điều này. Nếu không, chỉ biết viên dung không chấp trước, miệng luôn nói không, bước bước làm có, gây họa hoạn cho gia đình, mà cũng là kẻ giặc dữ dằn trong Phật pháp.

Nếu bàn đến quyền giáo dục thì nữ nhân nắm giữ quyền ấy to lớn hơn nam giới, do họ giúp chồng dạy con nên đã âm thầm nắm sẵn quyền thao túng. Thế đạo nhân tâm hiện thời suy hãm, chìm đắm, nói chung là do chẳng đề xướng giáo dục nữ giới mà ra! Nếu khi còn là con gái đã biết "nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức" thì mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, ắt sẽ un đúc, nuôi dạy, khiến cho chồng con đều thành hiền thiện. Nếu nữ nhân ai nấy đều được như thế thì lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình? Dẫu cho chẳng thể nào ai nấy đều được như thế, nhưng hễ có một người được như vậy thì chồng con người ấy cũng đã có thể trở thành hiền thiện như thế rồi. Do vậy mà truyền sang đời sau cũng lại nối tiếp nhau noi dấu lương thiện, ngày càng đông nhiều.

Thôi hãy gác lại những điều Quang đã nói dài dòng, nay gởi cho các vị bốn gói Quán Âm Tụng, tổng cộng là 20 bộ, mỗi người một bộ. Sách này cũng nhằm tạo chỗ nương tựa lớn lao trong thời thế không nơi nương tựa trong hiện tại. Quý

---

thiên cung" và khuyên tín đồ tận lực tu hành theo kiểu của hắn để thấy được Vô Sanh Phụ Mẫu, Tự Tại Thiên Cung.

vị đã từng đọc Văn Sao của Quang rồi, trong năm ngoái tôi lại xếp đặt một bản khác, hiện thời sắp hoàn thành, trong khoảng tháng 3, tháng 4 sẽ ra sách, đặt tên là Tân Ấn Tăng Quảng Ấn Quang Văn Sao.

So với bản in trước, bản in mới này tăng thêm một trăm mười hay một trăm hai chục trang nữa. Nếu muốn lợi người, hãy nên chịu trách nhiệm in chừng đó bộ để biếu tặng, hoặc chiếu theo giá vốn bán ra. Nếu đứng in lần này, so ra sẽ rẻ hơn in trong mai sau, bởi lẽ sau này Trung Hoa Thư Cục sẽ tự bán, còn lần khắc in này là do Quang định giá. Hiện thời do số trang và giấy in đều chưa định được, nên chưa thể định giá chánh xác cho mỗi bộ được. Ước chừng mỗi bộ phải trên dưới bảy tám cắc, do sách dày hơn 400 trang. Bộ Quán Âm Tụng đã in trong năm trước chỉ có 210 trang mà giá thành mỗi cuốn đã tới 3 cắc 4 xu. Còn sách này dày 410 hay 420 trang, giấy lại đắt gấp bội. Huống chi trong một hai năm qua chiến sự nhiều lượt nổ ra, nguồn giấy không thông, nay thì giá giấy so với những năm trước lại đắt hơn rất nhiều, cho nên sẽ phải trên dưới 8 cắc. Gần đây tôi cũng muốn in An Sĩ Toàn Thư.

Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám đã giao cho thợ sắp chữ, đợi khi sắp chữ xong sẽ cho in cùng lúc với Văn Sao. Sách này chính là bản tăng đính (mở rộng, sửa chữa) cuốn Bất Khả Lục rồi đổi tên. Bọn thiếu niên hiện thời thường chẳng biết cách giữ gìn thân thể, mặc sức theo đuổi sắc dục, do vậy mà chết chừng bốn phần. Do ham sắc dục mà bị các thứ bệnh khác rồi chết cũng chiếm đến bốn phần. Người trong cả cõi đời, trong mười phần có đến tám phần là do bị chết trực tiếp hay gián tiếp bởi nữ sắc, cũng đáng thảm lắm!

Đừng nói chi kẻ buông lung tìm hoa kiếm liễu, ngay như trong tình vợ chồng, những kẻ vì chẳng biết kiêng kỵ mà bị tử vong cũng chẳng biết đến mấy vạn. Trong tháng 10 năm ngoái, do một đệ tử của Quang vì bị bệnh đã lâu, người thiếp bèn cầu Phật, nguyện ăn chay suốt đời, ông ta không uống thuốc mà được lành. Khí sắc của ông ta thuần tịnh rạng rỡ ít có ai bằng. Chưa được hơn một tháng, do phạm phòng sự (ăn nằm) liền chết! Vì thế, tôi phát tâm in cuốn sách này để cứu những kẻ chẳng biết kiêng kỵ khỏi phải bị chết.

Tánh tình Quang chẳng thích phô trương, Quang dạy người khác hãy tùy theo nghề nghiệp, bổn phận của chính mình để tu trì, trọn chẳng lập ra lề lối khác. Chương trình do quý vị đã lập rất hay, nhưng phải làm sao cho mọi người đều tận tụy thực hiện được thì may mắn chi hơn? Nếu không, sẽ trở thành sáo rỗng, cái danh to đùng, thực chất bé tẹo!

Các thứ ngoại đạo trong hiện thời không loại nào chẳng lấy bí truyền để thu hút những kẻ vô tri theo đạo của chúng, lúc sắp phát nguyện nhập đạo, ắt phải thề

thốt: "Nếu sau này phản giáo sẽ bị ác báo như thế nọ, như thế kia", thật ra phần nhiều là cách để gạt gẫm người khác. Do đã thề thốt, nên dẫu biết chúng sai trái, người lỡ theo đạo cũng chẳng dám chống trái hoặc phơi bày lỗi ấy rõ rệt. Cách bí truyền, thề thốt của ngoại đạo mê hoặc con người sâu đậm, trói buộc con người chắc chắn thay! Nhà Phật chúng ta chẳng bí truyền, đối với một người nói như thế nào thì đối với vạn người cũng nói như thế ấy. Đóng cửa gài song, bên ngoài cắt người tuần hành, chỉ cho một người được vào, lại còn nói rì rầm chẳng để cho người ngoài nghe tiếng; đạo ấy nào phải là chuyện quang minh chánh đại! Tôi mong chư vị đều hiểu rõ thói tệ ấy nên mới thuật đại lược.

Những pháp danh đã đặt thì đặt theo tên chánh hoặc đặt theo tên tự, thêm vào chữ Trí thì ý nghĩa sẽ chẳng còn hạn hẹp như trong ý nghĩa gốc của cái tên chánh hay tên tự sẵn có nữa. Ấy chính là *"Đại Học chi đạo, tại minh minh đức"* (Đạo Đại Học ở chỗ làm sáng tỏ minh đức). Do cái lý sẵn có trong tâm hết thảy mọi người chưa có trí tuệ nên chưa thể đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, trừ khử vật dục (cách vật) để đạt đến thấu biết tột cùng (trí tri), ngõ hầu lương tri sẵn có sẽ được phát hiện toàn thể. Vì thế, nay tôi dựa theo ý nghĩa của tên thật hay tên tự của từng vị mà thêm chữ Trí vào. Ví như vẽ rồng điểm nhãn để mong cho quý vị ai nấy đều thọ dụng minh đức sẵn có nơi chính mình thì món vật "nhân dục" quyến rũ con người sẽ bị tiêu diệt không còn tồn tại nữa.

Xét về đạo thể, Nho - Thích vốn không hai, nhưng xét tới chỗ nêu tỏ lý thể và công phu tu trì thì sẽ hết sức khác biệt vời vợi. Kẻ chẳng biết, tưởng là giống hệt nhau, chắc sẽ đến nỗi nghĩ "một tấc gỗ giống như lầu cao ngất ngưởng". Kẻ nghĩ là khác, chắc sẽ tưởng "bình, mâm ở ngoài chất vàng". Người như thế đều là tội nhân trong hai giáo Nho - Thích! Thuở thiếu thời, Quang lậm phải chất độc của Chu - Trình - Hàn - Âu, tạo các khẩu nghiệp, may do thiện căn đời trước tự được tỉnh ngộ. Sợ các vị đối với chỗ giống nhau - khác nhau này chưa phân biệt hiểu rõ, nên mới thuật đại lược. Trong Ấn Quang Văn Sao bản mới có bài tựa cho sách Nho Thích Nhất Quán của ông Dương Lệ Đường (sách ấy còn chưa in ra) và lá thư gởi cho ông Thang Hoằng Xương luận về chỗ giống nhau - khác nhau giữa Nho và Thích, hãy xem thì sẽ biết rõ. Quang bận bịu đến tột cùng, xin ai nấy hãy nỗ lực tu trì.

561. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tuyết Hạnh

Đã lâu chưa gặp gỡ, chợt nhận được thư, cảm thấy an ủi lắm. Lệnh thân[146] là Trầm Cố Thị đã muốn quy y, hãy nên khuyên cụ phải quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người trong đời sau đến nỗi giống như những kẻ có quyền lực trong hiện thời thì đáng buồn lắm. Nay đặt pháp danh cho cụ là Ký Tây, nghĩa là tín nguyện niệm Phật, mong mỏi vãng sanh Tây Phương. Xin hãy tùy tiện dùng 5 đồng hương kính để làm công đức là được rồi, đừng gởi cho Quang nữa.

Nghe nói Mã Khế Tây cũng sống trong Cư sĩ lâm. Trong khoảng mùa xuân Quang thấy Ấn Quang Truyện do ông ta viết, Quang liền xé đi, thiết tha răn dạy vĩnh viễn không được lưu truyền nữa. Đến mùa thu lại thấy ông ta đưa cho hòa thượng Tuyết Đậu, Quang lại xé đi, thống trách: "Nếu vẫn còn lưu truyền, sẽ đuổi ra khỏi Cư sĩ lâm để khỏi quấy nhiễu đại chúng trong Cư sĩ lâm! Ấn Quang mắc tội gì mà lại có thứ đồ đệ quy y bịa chuyện như thế, đến nỗi người thấy kẻ nghe đều thóa mạ?" Các hạ và Quang tâm giao nhiều năm, do ông ta đã khâm phục, ngưỡng mộ đạo đức các hạ thì các hạ hãy nên răn nhắc ông chú trọng thực tiễn, đừng dùng miệng lưỡi phô trương hư danh kẻo vĩnh viễn mang nhục và mắc tội lỗi vậy!

562. Thư trả lời cư sĩ X…

Nói đến bệnh lạ thì ấy chính là oán nghiệp đời trước (cõi đời thường viết sai chữ oán (怨) thành oan (冤); oan (冤) là oan khuất, còn oán (怨) là thù). Bệnh do oán nghiệp thì đừng nói thầy thuốc trong cõi đời chẳng thể chữa trị được, dẫu thần tiên cũng không cách nào cứu vớt được. Nếu ông có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi trước, từ nay hãy tu tập, dùng tâm chí thành khẩn thiết để xưng niệm thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật", thì trước hết những oán nghiệp trong đời trước ấy sẽ do Phật hiệu mà mau chóng tránh xa, kế đến họ được nương vào Phật lực thoát khổ siêu sanh, chắc chắn chẳng đến nỗi oan khiên vẫn ràng buộc y như cũ. Nhưng nếu tâm chẳng chí thành và sanh lòng sửa lỗi cũ, từ nay tu tập, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì tâm của chính mình sẽ gần gũi với tâm của quỷ, trái nghịch với tâm của Phật, dẫu niệm Phật đôi chút vẫn khó thể cảm ứng được! Ấy là vì tâm chính mình chẳng thành, chẳng chánh, chứ không phải là do Phật không linh, không hiệu nghiệm.

Ông đã phát tứ hoằng thệ nguyện, tu học lục độ, vậy thì trước hết phải thực hiện từ nơi bản thân và trong gia đình. Tự thân thì cảnh phi lễ đừng nhìn, lời phi lễ đừng nghe, tiếng phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm, ngăn lòng giận, chặn

[146] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

lòng dục, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ khác chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh; trong gia đình thì trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, như hiếu thảo với cha mẹ, kính anh, nhường em. Phàm trong là người nhà, ngoài là làng nước, đều đối đãi bằng lòng chân thành, trọn chớ nên mang ý niệm khinh khi, dối gạt, lăng nhục. Lại hãy nên thương xót người đời ngu si, dùng nhiều cách khuyên dụ để họ đừng giết hại sanh mạng để khỏi phải chịu khổ giết hại lẫn nhau để báo thù trong vị lai. Lại khuyên họ thường niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, sẽ chẳng đến nỗi lại sanh trong thế giới Sa-bà khổ não này để tiếp tục luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở ngoi đầu ra được.

Nay gởi cho ông một gói Văn Sao gồm ba bộ, một bộ tự giữ, hai bộ kia tặng cho kẻ có tín tâm, biết cung kính, thông văn lý. Pháp tắc tu trì đã nói rõ trong ấy. Nếu muốn dễ hiểu rõ, xin hãy đọc trước lá thư Quang gởi cho bà Từ Phước Hiền, tiếp đó xem thư Quang gởi cho ông Cao Thiệu Lân, Trần Tích Châu, cuối cùng mới đọc hai mươi mấy lá thư Quang gởi cho cư sĩ X… ở Vĩnh Gia thì sẽ tự biết đầy đủ. Văn tuy chất phác kém cỏi, nhưng ý vốn lấy từ kinh luận của Phật, của tổ rồi dùng những lời lẽ rõ ràng, nông cạn để giảng rõ, chứ trọn chẳng có lời nào bịa đặt. Nếu có thể y theo đó tu trì thì thân tâm sẽ thanh tịnh, nghiệp chướng tiêu trừ, đến khi lâm chung vãng sanh Tịnh độ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vậy thì những oán gia trong đời trước ấy quả thật là bậc đại đạo sư hướng dẫn ông thoát ra biển khổ, họ cũng sẽ nương theo sức tu trì của ông mà lìa khổ được vui. Ấy gọi là "lấy bệnh làm thuốc, biến oán thành ân". Nếu chẳng phát tâm chân thật, sợ rằng sự báo oán sẽ chẳng phải chỉ có như vậy mà thôi đâu!

563. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Nói đến Văn Sao thì đã bảo gởi hai gói, mỗi gói ba bộ; một gói An Sĩ Toàn Thư, mỗi gói bốn bộ. Lại còn gởi một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú (mười ba cuốn), một gói Gia Ngôn Lục (mười một cuốn), một gói Học Phật Thiển Thuyết (năm mươi cuốn), xin hãy thu nhận. Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in sáu ngàn bộ Văn Sao, mỗi bộ là 7 cắc; bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, mỗi bộ 5 cắc 9 xu. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú in tại xưởng in thuộc nhà tù Tào Hà Kính, mỗi bộ 1 cắc 5 xu 6 chinh. Gia Ngôn Lục cũng in ở cùng một chỗ, mỗi bộ 1 cắc 7 xu 5 chinh (mỗi gói tính thêm hai xu bưu phí). Học Phật Thiển Thuyết in tại Quốc Quang Thư Cục, giá đề phía sau sách. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục mỗi loại in hai vạn cuốn, hiện thời đã phát ra một vạn cuốn mà vẫn chẳng đủ để phân phát. Nếu quý hội muốn thỉnh, phải đợi đến khi

in xong một vạn cuốn lần thứ hai thì mới có thể bảo họ gởi đúng số lượng cho quý vị được.

Đối với những sách muốn thỉnh, hãy chiếu theo giá là bao nhiêu đó, gởi tiền và thư cho thầy Minh Đạo là đương gia chùa Thái Bình tại bến Trần Gia, Thượng Hải. Thầy ấy nhận được ắt sẽ thu giữ, trước hết gởi biên nhận, đợi khi sách được in ra sẽ gởi tới. Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám (mỗi cuốn 8 xu, bưu phí tính riêng) có thể gởi ngay bây giờ được, những thứ khác phải đợi một hai tháng nữa mới gởi được.

Thọ Khang Bảo Giám là sách trọng yếu để cứu bọn thanh niên đắm chìm trong sắc dục đến nỗi mất mạng. Năm ngoái in năm ngàn cuốn ở Thượng Hải (mỗi cuốn 1 cắc 1 xu), in ba vạn cuốn ở Hàng Châu. Họ đã giao một vạn năm ngàn cuốn, đối với số sách còn lại họ giở trò ma mãnh viện cớ đã bị cháy sạch. Năm nay, tôi dùng khoản tiền họ bồi thường để in hai vạn cuốn, mấy hôm nữa sẽ có thể gởi sang Thượng Hải. Nhưng từ Hàng Châu chuyển tới Thượng Hải, rồi từ Thượng Hải lại chở đi, tuy giá in rẻ hơn ở Thượng Hải, nhưng tiền chuyên chở lại cao hơn nhiều.

Lại có Cảm Ứng Thiên Trực Giảng bây giờ mới cho sắp chữ, ước chừng 50 trang, giá cũng chừng khoảng trên dưới 1 cắc. Sách gởi tổng cộng là năm gói, nếu tự gởi thì cước phí mỗi gói là 1 cắc 5 xu. Nếu bảo thư cục gởi thì phải gởi theo lối bảo đảm, mỗi gói tốn 2 cắc. Do thư cục thường phái người đi giao, nếu không gởi bảo đảm chắc người giao sách sẽ giở trò bán sách. Nếu có người nào đáng tin cậy đem đi sẽ chẳng đến nỗi tốn tiền bưu phí. Xin hãy xét cặn kẽ.

Trong cõi đời hiện thời, muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, ắt phải lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, biết nhân rõ quả, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" làm chủ yếu. Đối với chuyện bàn nói điều huyền lẽ diệu, tuy dường như cao siêu, nhưng nếu chẳng tận tụy thực hành những điều vừa nói trên đây thì sẽ thành dùng thân báng pháp.

Cổ nhân nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", thất phu làm thế nào để có thể khiến cho thiên hạ bình trị được? Cần biết rằng, cái gốc của thiên hạ là gia đình, cái gốc của gia đình là thân, nếu ai nấy đều đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình thì hiền tài sẽ dấy lên đông đảo, hết thảy những kẻ nhiễu loạn và thổ phỉ, giặc cướp sẽ chẳng còn nẩy sanh nữa. Ngay cả những kẻ đã thành phường bại hoại như thế cũng sẽ nhìn theo ta mà bị cảm hóa. Trong Văn Sao, Quang đã nhiều lần nhắc đến, ở đây không viết cặn kẽ nữa. Ước chừng nửa

tháng sau, Quang sẽ trở về núi. Tháng 7, tháng 8 lại sang Thượng Hải để lo cho xong chuyện in sách.

564. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ. Lệnh hữu là ông Lưu mang chí lợi người, khôn ngăn khâm phục! Ông thỉnh bốn loại sách mỗi thứ 500 bộ thì chỉ có Thọ Khang Bảo Giám và Học Phật Thiển Thuyết là không lâu nữa sẽ được gởi tới; còn Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú phải đợi một hai tháng nữa mới có. Ông nói đối với mỗi loại sách phải đặt thêm lời tựa thì chuyện này quyết chẳng thể làm được, do mỗi loại sách Quang đứng ra in đều lấy một vạn cuốn làm chuẩn, sao lại có thể in riêng lời tựa cho năm trăm cuốn được? Nếu ông muốn cứ thêm vào, hãy nên tự khắc. Đợi đến khi tặng sách cho người khác, sẽ kẹp thêm những trang in lời tựa vào trong ấy thì sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Nay đem lời tựa gởi kèm theo thư trả lại.

Còn như ông nói "đã gởi số tiền như ấn định trước là 20 đồng", tôi đã nhận được bưu phiếu ấy. Ông nói như vậy không khỏi coi Quang như gã bán sách, nực cười đến tột bậc! Nếu như lệnh hữu quyết định thỉnh thì Quang sẽ chiếu theo số lượng ấy, đợi khi sách in ra sẽ gởi đi. Nếu cứ bắt buộc phải thêm lời tựa vào đầu sách thì tôi không có tinh thần để lo liệu được, xin đừng bàn nữa! Chỉ gởi số sách đúng 20 đồng cho xong chuyện. Xin hãy sáng suốt suy xét.

Lệnh hữu rộng lượng muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Trác. Nhưng muốn quy y Phật pháp, chớ nên vẫn chú trọng nơi pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo, ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, trừ sạch rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người khác, trong là gia đình, ngoài là làng nước, thảy đều dựa theo Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư để khuyên dạy, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Như thế thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và chẳng phí dịp gặp gỡ này. Như vậy thì trí tuệ cao trỗi, chót vót, danh hợp với thật. Nếu không, chỉ là danh suông mà thôi, có lợi ích gì đâu? Xin hãy nói với ông ta.

565. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hoàn (thư thứ ba)

Nhận được thư (ước chừng cuối tháng 10, Quang sẽ về núi, sau này việc gởi sách sẽ do thầy Minh Đạo lo liệu thay) và món tiền 180 đồng cùng với 20 đồng lần trước, tổng cộng là 200 đồng, không sai lạc. Gia Ngôn Lục vẫn chưa in (ước

chừng tháng 11, 12 mới có thể gởi tới được). Di-đà Kinh Chú vẫn chưa đóng bìa xong, đợi khi hoàn thành sẽ theo đúng thời lần lượt gởi đến. Nay gởi cho ông 500 cuốn Học Phật Thiển Thuyết, 500 cuốn Thọ Khang Bảo Giám, giá sách lẫn bưu phí đều ghi thành một tờ riêng, xin hãy xem xét. Văn Sao hiện thời chẳng còn nhiều, chỉ gởi bốn gói, tổng cộng là 12 bộ. Lại gởi một gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng (lại gởi thêm năm gói Học Phật Thiển Thuyết để những người nghèo cùng được xem đọc. Đấy cũng là sách để kết duyên, chẳng tính vào tiền thỉnh sách). Năm gói này chẳng tính chi phí.

Lời lệnh hữu đã nói trước đây vốn là biện pháp in theo lối khắc ván, nhưng Quang không nghĩ như vậy là đúng. Do sắp chữ in mỗi lần một vạn cuốn, nếu ngay từ đầu đã in kèm tên người ấn tống vào đấy thì với số lượng nhỏ cũng chẳng phải là không làm được. Chứ nếu sau này mới đưa vào thì không cách gì thực hiện được! Nhưng người làm công đức chỉ cần có ích cho đời, cho người, cần gì phải so đo là có đề tên hay không? Dẫu có tên đi nữa thì chắc gì người ta đều biết rõ người đứng bỏ tiền ấn tống là ai? Nếu có ích cho người thì trời đất quỷ thần đều biết. Các hạ tính kế cho dân nghèo cũng đáng gọi là "đại từ che chở khắp", nhưng cần phải nói với họ về nhân quả, tội phước, để họ đều cùng chẳng phải hổ thẹn vì đã thiếu sót đạo làm người, tương lai thành gia lập nghiệp, chắc chắn sẽ cùng con cái đều thành hiền thiện thì sự cứu vớt ấy cũng lớn lao thay!

(Ngày 11 tháng 10, viết dưới đèn)

566. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ, chúng sanh đời mạt pháp đáng thương đến cùng cực, chẳng biết thơm thối, chẳng biết tà chánh, đã không có chánh pháp đến nỗi ai nấy đều theo đạo luyện đan vận khí, lại còn bịa đặt đồn thổi để tự khoe khoang, tự phụ. Ông chưa biết Phật pháp, vừa thấy Văn Sao liền sanh chánh tín, đáng gọi là "đã có thiện căn từ đời trước". Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, bản ông đã đọc chắc là bản in lần trước, có ít bài hơn bản này. Hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Gia Ngôn Lục, một gói Niệm Phật Trực Chỉ, một gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, một gói Thọ Khang Bảo Giám, một gói Quán Âm Tụng, tổng cộng chín gói, gởi bằng thư bảo đảm. Trước hết, hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì hết thảy ngờ vực đều bị phá trừ.

Ông nói đến chuyện yêu cầu Quang soạn luận để đả phá những lập luận thiên chấp của bọn triết học và Lý học, chỉ cần ông có thể chân thật tu trì và hiểu thấu những nghĩa lý trong các sách nói trên sẽ tự chẳng bị mê hoặc bởi những tà thuyết của bọn chúng. Nếu công kích họ thì cũng phải có chỗ nương cậy, bởi lẽ chẳng

những Quang không rảnh rỗi để soạn luận, mà ngay cả phúc đáp thư từ cũng chẳng rảnh rang cho lắm. Năm nay, kết liễu mọi việc xong xuôi sẽ rời khỏi Phổ Đà, không ở chỗ nào nhất định để khỏi phải nhọc nhằn thù tiếp thư từ hòng chuyên tu tịnh nghiệp. Hiện thời vẫn còn có những sách chưa được in ra, chẳng thể gởi ngay được. Đợi khi sách được in ra, sẽ gởi cho ông mỗi thứ một hai gói để làm căn cứ tự lợi lợi người.

Ông muốn đến Phổ Đà, xin hãy bỏ tâm niệm ấy đi, chỉ nên lắng lòng nghiên cứu những kinh sách Quang đã gởi, ắt sẽ được lợi ích lớn lao! Ông muốn quy y, chẳng ngại gì đặt pháp danh cho ông từ xa. Ông hãy lễ Phật kiền thành nhận lãnh! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hồng, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ là lò luyện trí tuệ lớn lao để mong cùng lên được bờ giác. Nhưng người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trừ sạch rượu thịt, lại còn sanh lòng tin phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, ngoài là thân thích, xóm giềng, những người quen biết, đều nên đem những chuyện trên đây để bảo với họ.

Lại còn phải cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình lại cần phải chú trọng nhân quả báo ứng, lại hãy nên chú trọng dạy dỗ con gái. Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà bỏ hai đường lối này, dẫu Phật Bồ-tát, thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết làm sao. Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật thì lợi ích ấy sẽ chẳng thể nào suy lường bằng phàm tình được. Khi chín gói sách ấy được gởi đến, xin hãy gởi một mảnh thư báo đã nhận được. Ngoài ra, chẳng cần phải gởi thư gì khác nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng.

567. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ hai)

Hôm qua viết một lá thư, chắc ông đã nhận được chín gói kinh sách rồi. Quang nghĩ: Phật pháp chẳng dễ lưu thông ở quý xứ, do vậy hôm nay thỉnh cho ông mười mấy thứ kinh sách, đem gởi bằng thư bảo đảm. Chỉ mong ông phát tâm chân thật, tự hành dạy người, dẫu Quang phải bỏ tiền hương kính do mọi người cúng dường ra để làm chi phí gởi sách cho ông cũng vẫn vui vẻ làm. Nếu ông hờ hững bỏ xó thì chẳng những đã phụ lòng Quang mà sợ rằng còn phụ lòng những người đã biếu tiền hương kính cho Quang vậy.

Ông đừng dấy lên ý nghĩ đến Phổ Đà gặp Quang và muốn xuất gia trong tương lai, do Quang đã quyết định trong năm sau sẽ vân du Nam - Bắc, không ở chỗ nào nhất định. Nhưng trong hiện thời tăng chúng gặp nguy hiểm muôn vàn, hai giới chánh khách và giáo dục chuyên muốn đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản để lèn cho đầy túi. Nếu xuất gia tức là đã bỏ con đường sống để tìm đường chết! Nếu ông có thể dựa theo những điều Văn Sao đã nói để tu trì thì ngay trong thương trường cũng rất dễ tu hành. Tùy phần, tùy sức hóa độ hết thảy, quả thật là chuyện hữu ích nhất. Nếu muốn bỏ buôn bán để chuyên tu thì sẽ thiếu sót lớn lao nơi những chuyện luân thường như thờ cha mẹ, dạy con cái v.v..

568. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ ba)

Hai lá thư gởi vào mùa đông năm ngoái và mùa xuân năm nay đều nhận được. Những chuyện ông đã nói trong lá thư mùa đông năm ngoái đều không sai, nhưng chỉnh đốn tăng-già, khôi phục lệ thi cử để tuyển tăng, vàn muôn phần chẳng thể làm được! Bọn ngoại đạo đều giả mượn cái danh Phật pháp, nhưng đều hèn kém chẳng kham. Nếu đúng là người được gặp gỡ Phật pháp, hiểu rõ đại ý, há bọn chúng có thể dẫn dụ được ư? Những kẻ bị bọn ngoại đạo dẫn dụ đều là hạng vô tri vô thức. Cha ông dụng tâm nghiên cứu kinh điển Nho gia nhiều năm, tiếc là chưa gặp được Phật pháp, vẫn bị nhốt chặt bởi Trình - Chu, nay cụ đã không coi lời Quang là sai, đã thoát ra khỏi chỗ nhốt kín để có thể làm sứ giả cho Nho - Thích nhị thánh.

Ngoại đạo đều coi luyện đan vận khí là đạo, chương trình truyền đạo do bọn chúng lập ra đã hoàn toàn phô bày hết những sự hèn tệ của đạo ấy. Tiếc cho người đời vô tri cứ ngược ngạo vì lẽ ấy mà tranh nhau nhập đạo giống như ruồi bu theo mùi tanh, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, thật đáng buồn xót! (Nói "phô bày hết những thói hèn tệ" chính là nói bọn chúng đều giữ cách bí truyền và đạo "sáu tai chẳng truyền"[147]. Muốn vào đạo của chúng trước hết phải thề thốt "hễ phản đạo sẽ phải hứng chịu những ác báo" v.v..) Những thứ tà giáo ấy trọn khắp thế giới. Chân pháp đã sáng tỏ thì bọn chúng sẽ tự chẳng có thế lực lớn lao, chẳng còn lừng lẫy được nữa.

Pháp niệm Phật hết sức ổn thỏa thích đáng, hạng trí tuệ nhỏ nhoi thường bỏ Phật lực để tu pháp cậy vào tự lực; nếu chẳng ngu thì cũng là cuồng, không cách nào cứu vãn được. Chúng ta chỉ nên tin sâu Phật pháp, giữ vững tông chỉ Tịnh tông thì sẽ chẳng đến nỗi bị lôi cuốn gia nhập ngoại đạo và tưởng những gì ý mình hiểu biết rõ ràng là đích thân chứng đắc. Gần đây có những kẻ cao minh

[147] Ý nói chẳng kể lại cho người thứ ba nghe những gì đã được truyền dạy giữa thầy và trò.

dụng công chân thật thiết tha nhưng lại ngả theo những tri kiến lệch lạc lầm lẫn, kiêu căng ngạo mạn, coi thường kẻ niệm Phật cũng chẳng ít. Bọn họ đều do chẳng tự lượng, lầm lạc coi những gì chính mình có thể hiểu được là chứng đắc. Họ đâu biết: Chén bát chưa nung, gặp mưa liền hóa thành bụi đất!

Trong khoảng tháng 8, tháng 9 năm nay, in sách xong xuôi, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Thời khắc này không nói thì sau này làm sao nói được? Cha ông muốn một hai năm nữa tới Chiết Giang gặp Quang, xin cụ hãy nương theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tu trì, lại còn nương theo đó để đề xướng, ngõ hầu người nơi quý địa đều cùng được nhuần gội sự giáo hóa của Phật thì sẽ là đệ tử đức Di-đà, là bạn lành của Đại sĩ. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, chẳng gặp mặt đâu phải áy náy gì? Dẫu Quang chẳng diệt tung tích thì trong thời cuộc chẳng yên ổn này, sao lại phí nhiều tiền tàu xe, nếm chịu đau khổ vô ích để chỉ gặp mặt Quang ư?

Lệnh biểu huynh[148] là Đỉnh Tài đã muốn quy y thì sẽ đặt pháp danh cho ông ta, lại gởi cho ông ta một lá thư, xin hãy chuyển giùm. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Hiện Báo Lục, Quán Âm Tụng, Âm Chất Văn Chú Chứng[149], Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, Kim Cang Kinh (ảnh chụp được kẹp trong ấy), mỗi thứ một gói. Xin hãy chia ra tặng. Lời tựa "ngầm tiêu kiếp vận" đã được thấy trong bài tựa rộng nêu đại ý, không cần phải gởi nữa. Do chuyện in sách, hằng ngày Quang chẳng được rảnh rỗi, huống chi lại muốn trong nửa năm nay sẽ hoàn tất hết thảy thủ tục ấn loát. Nếu không, trong tháng 9 sẽ chẳng thể giải quyết xong xuôi được!

Trong những tác phẩm giảng về những ý chánh yếu của kinh Lăng-nghiêm thì nên coi sách Lăng-nghiêm Văn Cú là bậc nhất, còn giải thích kinh văn thì nên coi sách Lăng-nghiêm Chỉ Chưởng[150] là bậc nhất. Giải thích ý nghĩa chánh yếu của kinh Pháp Hoa thì sách Pháp Hoa Hội Nghĩa[151] hay nhất, giải thích kinh văn bậc

[148] Biểu huynh: anh họ thuộc về bên ngoại, tức con của cậu hay dì.
[149] Âm Chất Văn Chú Chứng là tác phẩm chú giải bài Âm Chất Văn và dẫn chứng nhiều câu chuyện để minh thị những ý nghĩa được giảng giải trong Âm Chất Văn, do Phùng Khuyến soạn vào năm Quang Tự 20 (1894). Tên gọi đầy đủ là Tử Đồng Đế Quân Âm Chất Văn Chú Chứng Tân Biên.
[150] Trong Vạn tục tạng, tập 24, có đến ba bản Chỉ Chưởng: Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ Huyền Thị, Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ, Lăng-nghiêm Chỉ Chưởng Sớ Huyền Nghĩa đều do pháp sư Thông Lý soạn vào đời Thanh. Có lẽ bản Chỉ Chưởng được tổ nói ở đây chính là Lăng-nghiêm Kinh Chỉ Chưởng Sớ.
[151] Lăng-nghiêm Văn Cú là tác phẩm chú giải kinh Lăng-nghiêm gồm 10 quyển của đại sư Ngẫu Ích. Bộ Pháp Hoa Hội Nghĩa 7 quyển cũng do đại sư Ngẫu Ích soạn. Cả hai bộ này đều được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

nhất thì cũng là Pháp Hoa Chỉ Chưởng[152]. Bốn bộ này đều phải tốn đến mười mấy đồng, viết ra ở đây để sau này ông muốn thỉnh sẽ biết rõ. Hiện thời cần phải chuyên tu tịnh nghiệp, bởi thời cuộc chẳng yên, không cậy vào sức niệm Phật, niệm Quán Âm, quyết khó thể có được chỗ để nương tựa. Hãy nên đem lời này thưa với cha và biểu huynh của ông cũng như hết thảy mọi người.

569. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ tư)

Thư ông gởi trong tháng 7 do không có chuyện gì quan trọng nên tôi chẳng trả lời ngay. Người học đạo hãy nên dựa theo lý để phán đoán, há cần phải mỗi một điều đều đem hỏi người khác rồi mới nên làm hay chăng? Quang ẩn dật lâu dài là vì tinh thần chẳng đủ. Nói đến chuyện chỉ dạy thì tôi vẫn tự có phương cách, cách gần gũi nhất là đem các bản in sách giao cho Cư sĩ lâm Thế Giới, bảo họ lưu thông để làm kế lâu dài.

Huệ Hòa tin tưởng ngoại đạo, tiếc cho ông ta túc nghiệp sâu nặng đến nỗi tà chánh chẳng phân, vàng thau không biết chọn, quý mắt cá như minh châu, muốn coi nó như của báu muôn đời chẳng đổi, chẳng biết nó chẳng đáng một đồng! Sở đắc của bọn ngoại đạo là trộm cắp những lời trong tam giáo Nho - Thích - Đạo, bịa đặt dựng chuyện để làm cội nguồn cho đạo giáo của chúng rồi tự phụ "đạo do chính ta sở đắc", chẳng đáng buồn ư?

Niệm Phật lúc đầu thân thiết như người nghèo được ăn vị ngon, chẳng biết thơm ngon đến ngần nào; tới chừng ăn đã lâu rồi cũng cảm thấy bình thường không có gì lạ lùng cả, nhưng chẳng coi vị bình thường, đạm bạc ấy là sai thì lâu ngày ắt sẽ có lợi ích tăng tấn. Vì thế không cần phải cảm thấy thiếu sót do lẽ ấy.

Mừng giận buồn vui chưa phát, chẳng nghĩ lành, chẳng nghĩ ác tựa hồ giống hệt như nhau, nhưng Lục tổ nói: "Đúng ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của thượng tọa?"[153] Sao ông chẳng chú ý vào chỗ này? Do có câu nói ấy của Lục tổ nên có sự khác biệt lớn với ý nghĩa của trung dung được nói suông trong

---

[152] Đây là bộ Pháp Hoa Kinh Chỉ Chưởng Sớ (7 quyển) cũng do ngài Thông Lý soạn.

[153] Theo Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Hành Do, sau khi ấn chứng và truyền y bát cho tổ Huệ Năng, Ngũ tổ Hoằng Nhẫn bảo Huệ Năng hãy về phương Nam truyền pháp. Nghe tin, đồ chúng đuổi theo toan đoạt lại y bát. Thượng tọa Huệ Minh chạy trước, gần đuổi kịp Huệ Năng, Huệ Năng bèn đặt y bát trên gộp đá, nói: "Y này nhằm để làm tin, há có thể dùng sức để giành được ư?" Rồi ẩn trong lùm cỏ. Huệ Minh chạy tới nơi, giở lên không được, bèn kêu to: "Hành giả! Tôi vì pháp mà đến, chứ không phải vì y." Huệ Năng liền bước ra, ngồi xếp bằng trên đá. Huệ Minh làm lễ, thưa: "Xin hành giả thuyết pháp cho tôi." Tổ Huệ Năng nói: "Ông đã vì pháp mà đến, hãy dứt bặt các duyên, đừng sanh một niệm, tôi sẽ vì ông nói." Một lúc lâu sau, Huệ Năng dạy: *"Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay trong lúc ấy, thế nào là bản lai diện mục của thượng tọa?"* Huệ Minh liền ngộ ngay trong lúc ấy.

sách Trung Dung[154]. Sách ấy (tức Trung Dung) chỉ có thể khiến cho người ta biết được đạo lý, còn câu nói này của Lục tổ khiến cho con người đích thân thấy được cái sẵn có. Ông đừng chăm chú nơi "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"! Cảnh ấy chính là chỗ thực hiện của bậc đã đạt đến cảnh giới cùng cực. Nếu chưa đạt đến cảnh giới cùng cực [mà cứ bám vào "niệm mà chẳng niệm, không niệm mà niệm"], ắt sẽ trở thành lười nhác. Tham cứu câu "niệm Phật là ai" vừa có lợi ích mà cũng có khuyết điểm. Chỗ hãy nên dốc sức chính là thành thật, chuyên nhất, dốc lòng.

Nếu xen tạp thiền cơ, hễ hơi có kiến xứ thì do căn cơ nông cạn, chúng sanh sẽ coi pháp Tịnh độ này là hèn kém nhất, coi pháp kia (Thiền) là tối thắng. Mùa xuân năm Dân Quốc 13 (1924), vợ ông Địch Sở Thanh mắc phải thói tệ này. Mãi cho đến ngày nay, Sở Thanh vẫn giữ thuyết ấy, chẳng chịu sửa đổi chút nào. Một đệ tử ở Giang Tây là Long Tùng Sanh đối với Thiền có chỗ hơi hiểu, ngộ rồi cũng miệt thị Tịnh độ, Quang cực lực quở trách, nhưng ông ta vẫn chẳng chịu nghe. Xem sắc diện chừng như ông ta bị ma dựa. Nghe lời ông ta nói, đúng là "muốn nối tiếp huệ mạng của chư tổ".

Ông ở nhằm nơi ngoại đạo lừng lẫy, nếu chẳng dựa theo sự thật để tu tập, chắc cũng sẽ trở thành cái cớ cho bọn tà ma, ngoại đạo bêu riếu. Ông muốn khai ngộ, há cần phải dùng đến công phu tham cứu? Chỉ cần niệm đến chỗ "niệm cực, tình vong", sẽ tự được khai ngộ. Nếu không ngộ, cũng chẳng trở ngại gì. Cần biết rằng, hễ có tín nguyện thì chẳng ngộ vẫn được vãng sanh; đắc ngộ mà không có tín nguyện thì vẫn luân hồi trong lục đạo! Ông muốn bỏ con đường bằng phẳng để đi theo đường hiểm trở mà vẫn mong được gọi "người hiểu biết pháp môn Tịnh độ" ư?

Quang hiện thời đang sắp chữ bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Hứa Chỉ Tịnh biên tập, đợi khi sắp chữ xong sẽ ấn dật. Nếu sách ấy in ra sẽ bảo thầy Minh Đạo thay tôi gởi cho ông một hai gói. Sách ấy có quan hệ lớn lao đối với thế đạo nhân tâm. Tôi sẽ sắp chữ thành hai loại: Một là sách in với cỡ chữ Tam Hiệu Tự, bản thứ hai với cỡ chữ Tứ Hiệu Tự dùng giấy báo để in. Hiện thời bản thứ nhất đã sắp chữ xong, cho in ngay hai vạn bộ. Sau này, có người phát tâm thì sẽ có thể cuồn cuộn in tặng và gởi bán vậy.

---

[154] Đạo trung dung được nói đến trong Nho gia là không thái quá, không bất cập, tức là chỉ cốt sao giữ cho được chừng mực, vừa phải, vẫn thuộc vào cách đối xử trong pháp thế gian. Sách Trung Dung chỉ giảng giải đạo này, chứ không chỉ rõ cách thực hiện nên gọi là "nói suông"; còn câu nói của Lục tổ chỉ thẳng vào chân tâm bản tánh vượt khỏi nhị nguyên đối đãi, siêu việt pháp thế gian lẫn xuất thế gian.

570. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng (thư thứ năm)

Thư của ông và thư của thầy Minh Đạo tôi đều đã đọc rồi. Thư gởi cho vị tăng ở Tự Châu hay lắm. Pháp sư Ngọc Phong thiên chấp quá sức! Cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của sư quả thật là lầm lẫn, nhưng nhiều người coi đó là quan trọng, hay tuyệt, cũng do vì thô tâm mà ra. Nếu chẳng quán tưởng thì chẳng tham tịnh cảnh, chẳng cầu nhất tâm; chẳng tham cứu câu "người niệm Phật là ai", cứ thẳng thừng mà niệm thì quả thật là nhiệm vụ trọng yếu. Nhưng chớ nên nói: Những thứ ấy đều là tà! Sư coi cầu nhất tâm là tà, nhưng sư suốt đời dùng công phu thập niệm vào buổi sáng. Trong pháp thập niệm có thuyết "nhờ vào hơi thở để ràng buộc tâm khiến cho tâm quy nhất". Sư tự hành lại tự bài xích, đúng là điều đáng tiếc nuối lớn lao. Do vậy, Quang trọn chẳng nhắc đến sư vì sợ người khác cũng sẽ bị bệnh thiên chấp ấy.

Còn như "vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ"[155], cũng là gia phong của nhà Thiền. Chúng ta tu Tịnh độ chỉ nên giữ vững tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương, chẳng cần phải so sánh với họ rồi hỏi ngược lại. Chỉ nên dùng lòng chí thành, cung kính khiến cho tâm này không ràng buộc nơi niệm nào khác, đấy chính là nghĩa trọng yếu. Có đọc hay không đọc Đại tạng kinh đều chẳng có gì là không được! Bởi lẽ tu pháp môn đỡ tốn sức này sẽ chẳng đến nỗi phải than thở suông "muốn liễu sanh tử nhưng không tìm được pháp nào"! Ông nay trên có cha mẹ, dưới có vợ con, lại còn đang buôn bán, là chỗ nương cậy cho cả nhà, há nên lầm lạc mong bế quan?

Vợ ông là Tú Anh đã phát tín tâm, muốn xin quy y, nay đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Anh, nghĩa là chuyên dốc chí tu trì sẽ trở thành bậc anh thư mạnh mẽ trong nữ giới. Xin hãy nói với cô ta về đạo "hiếu thảo với cha mẹ, giúp chồng chăm sóc gia đình, dạy dỗ con để tất cả con cái đều được un đúc, giáo huấn, trở thành hiền thiện"; đấy thật sự là đạo căn bản để gia đình hưng thịnh, nước nhà bình trị vậy! Hơn nữa, bất luận Quang ở tại chỗ nào đều chẳng cần phải gởi thư, bởi đã có các sách như Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. thì chẳng cần phải hỏi han phương pháp tu trì nữa. Nếu muốn làm một vị đại thông gia thì hằng ngày thưa hỏi vẫn chẳng thấm vào đâu! Ông đã một mực chẳng muốn làm một vị đại thông gia thì tôi trộm cho rằng "chẳng còn gì phải tiếc nuối, băn khoăn cả".

---

[155] Thoại đầu là một câu nói dùng để tham cứu trong nhà Thiền, chẳng hạn *"con chó có Phật tánh hay không?"* hoặc chỉ gồm một chữ như chữ *vô*. Nếu tham thoại đầu mà không hiểu rõ cách tham cứu, đâm ra chấp chặt vào câu thoại đầu, gây thành chướng ngại nên mới nói "vừa khởi thoại đầu liền rớt vào thoại vĩ".

Trần Vinh Quang gần đây cũng có gởi thư đến, nhưng do bận bịu, không rảnh rỗi để phúc đáp. Ông ta đã phát tâm, nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Chương, nghĩa là nếu không có trí tuệ sẽ lõa lồ, hèn hạ khó chịu đựng nổi. Nếu có trí tuệ, sẽ như khoác long bào, có oai đáng nể, có vẻ nghiêm nghị đáng trọng. Cùng là một người mà khác biệt một trời một vực. Do vậy, người biết Phật pháp sẽ đáng tôn đáng quý, huống là hiểu biết, tu tập pháp môn Tịnh độ ư? Cha ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ tận lực tu trì thì may mắn lắm thay!

(Ngày mồng 10 tháng Chạp)

571. Thư trả lời cư sĩ Giang Đức Mậu

Đọc thư của anh ông, biết ông ta học Phật là vì muốn thành một vị đại thông gia, chứ chẳng phải vì muốn tìm kế liễu sanh tử! Vì sao biết? Nếu vì liễu sanh tử thì mẹ ruột vốn là người một lòng tin tưởng niệm Phật, tuổi đã sắp tàn, sao chẳng đem pháp này khuyên cụ? Đến khi cụ lâm chung, vẫn chỉ cầu Bồ-tát chứ chẳng chịu thỉnh người trợ niệm, cho rằng làm như vậy sẽ khiến người đời kinh hãi! Ý niệm ấy thật đáng nực cười, nếu sợ thỉnh tăng trợ niệm sẽ khiến cho kẻ phàm tục kinh hãi, sao chính mình chẳng cùng với gia quyến đều niệm? May mắn là ông ta có tấm lòng chân hiếu, bà cụ được Bồ-tát gia bị, tỉnh táo muốn ngồi dậy, được thấy Bồ-tát. Lúc ấy ông ta vẫn chẳng biết bảo các quyến thuộc trợ niệm. Đến khi bảo cụ niệm A-di-đà Phật, cụ liền niệm rõ ràng một chữ A thì chính ông ta mới niệm Phật. Ông ta chẳng biết lợi ích của trợ niệm đến mức như thế đấy!

May mắn là ông ta nhờ có hiếu tâm thuần thành, chuyên dốc, nên cụ vẫn còn niệm được hơn một trăm chữ A rồi mới tắt hơi. Như vậy là trong tâm cụ chỉ có một niệm A-di-đà Phật, những niệm khác đều chẳng hiện tiền, cho nên cụ được nương theo Phật lực vãng sanh Tây Phương. Vì thế, chỉ riêng trán cụ còn nóng, cánh tay vẫn mềm mại. Có các hiện tượng trước sau như thế thì cụ được vãng sanh. Do Như Lai thệ nguyện rộng sâu, bà mẹ ông ta sẵn lòng tin tưởng, lại được anh ông một niềm thuần chân, nên mới có được hiệu quả như vậy. Điều đáng tiếc là lúc bình thường trọn chẳng đề xướng, khi lâm chung vẫn chẳng biết trợ niệm, cảnh tượng cụ mất tốt đẹp như thế là do may mắn mà đạt được! Nếu vạn nhất chẳng đạt được thì tương lai sẽ luân hồi trong lục đạo, chẳng biết cảnh tượng sẽ ra sao?

Làm phận con, phải nên dùng pháp này để tự hành, lại còn đem pháp này khuyên lơn cha mẹ như thế nào, cũng như đem pháp này khuyên hết thảy mọi người để hết thảy mọi người đều cùng được hưởng lợi ích này. Dùng điều này để giúp cho cha mẹ ta hễ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ

tăng cao phẩm sen. Nhưng muốn cho cha mẹ và chính mình cùng sanh về Tây Phương thì hành vi ắt phải chẳng trái nghịch Phật pháp, như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, hiểu nhân rõ quả. Kẻ làm được như thế thì sống sẽ là học trò của thánh hiền, chết lên bờ cõi Như Lai. Tuy nói *"hãi thế kinh nhân"* (khiến cho con người trong cả cõi đời kinh hãi), nhưng quả thật chỉ là chứng được cái ta vốn sẵn có. Hãy nên đem lời này nói với anh ông.

Người học Phật tâm thật, hạnh thẳng, hễ trong lòng có ý niệm sợ bị kẻ khác chê cười thì chưa phải là kẻ thật sự tin tưởng Phật pháp (Tôi không nhớ ông đã có đọc bài Khuyến Tu Tịnh độ Văn rồi hay không?) Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ ước chừng giữa tháng 10 sẽ sắp chữ xong, cuối tháng 11 sẽ có thể in ra ba ngàn mấy bộ. Trong một lúc thì không thể hoàn tất một vạn bộ được! In xong một vạn bộ đầu tiên, sẽ in tiếp một vạn bộ nữa, tổng cộng là in hai vạn bộ. Lại còn phải sắp chữ một bản chữ nhỏ theo cỡ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo để tiện cho các học sinh trong nhà trường có thể mua về đọc. Sách này tập hợp những sự tích cảm ứng trong 24 bộ sử, kèm theo lời bình luận của ông Hứa Chỉ Tịnh, đáng để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Vì thế Quang chắc tiếc tinh thần sức lực tìm cách truyền bá. Nếu ông muốn có bộ sách ấy, vào đầu tháng Chạp hãy sang chùa Thái Bình hỏi thầy Minh Đạo. Lúc ấy Quang đã diệt tung tích rồi!

(Ngày 27, viết dưới đèn)

572. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết ông phát tâm dũng mãnh, khôn ngăn vui mừng an ủi. Chỉ nên chuyên chú lấy "suốt đời ăn chay, nhất tâm niệm Phật" làm hành vi duy nhất không hai, quyết chẳng còn sửa đổi. Không ăn dầu muối ư? Bất tất phải như thế! Trong những cấm chế do đức Phật lập ra, không nói đến chuyện này, còn ngoại đạo chắc có. Chỉ tùy duyên là được rồi, mặn nhạt trọn chẳng phân biệt. Chẳng "vì nhạt mà sanh lòng hiềm, hễ mặn lại đâm ghét" thì chính là pháp môn giải thoát.

Niệm Phật phải phát chí thành tâm, thâm tín tâm, hồi hướng phát nguyện tâm (nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương). Nếu có những tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm thì tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp. Ví như thắp một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì. Người đời

chẳng biết nghĩa này nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy.

Lao ngục chính là đạo tràng ép người thoát khổ, nếu ông không vào nhà tù ấy, sợ rằng hằng ngày sẽ theo đuổi thanh, sắc, vật chất, lợi lộc, còn tâm tánh sẵn có của chính mình lại bỏ mặc, chẳng buồn hỏi tới. Nay ông may mắn có được khoảng thời gian 14 năm dài chẳng phải dính líu đến hết thảy chuyện nhà hay chuyện trong xã hội, chuyên nhất tu đạo. Đến khi hết kỳ hạn, ra khỏi nhà tù thì tuy bề ngoài vẫn là con người cũ nhưng thực chất đã không phải là con người cũ nữa, sẽ có thể thực hiện sự chỉ dạy rộng lớn, khiến cho quyến thuộc của chính mình và thân thích, bằng hữu đều cùng được gội pháp trạch, quả thật là may mắn không chi lớn bằng!

Ở trong ngục cũng chẳng cần phải xem nhiều. Hãy đọc kỹ càng những sách do Quang đã gởi hai lần trong năm ngoái và gởi một lần trong năm nay, y theo đó để hành thì đã dư thừa lắm rồi. Nếu nhiều sách, tâm sẽ chia thành ngõ rẽ, đến nỗi chẳng được lợi ích. Hiểu nhân rõ quả, ăn chay niệm Phật chính là nghĩa trọng yếu để tự lợi lợi tha. Cần phải hành xử theo đúng địa vị, chẳng oán chẳng hờn, thì mới thật sự đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Xin hãy thường gắng sức thì may mắn lắm thay!

Người đời bệnh khổ phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước cảm vời. Bất luận là bệnh gì, nếu có thể khẩn thiết, chí thành niệm Nam-mô A-di-đà Phật và thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, chắc chắn sẽ tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, bệnh sẽ tự lành. Dẫu đã hết tuổi thọ thì chết đi sẽ sanh trong đường lành, chẳng đến nỗi đọa lạc. Nếu biết pháp môn Tịnh độ, có chân tín nguyện thì còn có thể vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử; nhưng người đời chẳng biết lý sâu, hãy nên dùng những chuyện thật để bảo ban trước.

Con ông Phương Văn Niên ở Cữu Thự Phương *(địa danh)* thuộc huyện Trấn Hải, tên là Tử Trọng, vào năm trước, tròn 19 tuổi, bị ung nhọt trong ruột, thầy lang Trung y không trị được, bác sĩ Tây y nói: "Nếu không mổ sẽ chẳng trị được!" Cha mẹ anh ta không chịu, liền chẳng trị. Bà mẹ là người thông văn lý, do đọc Ấn Quang Văn Sao liền ăn chay niệm Phật, cả nhà lớn nhỏ kể cả đầy tớ đều thường ăn chay; chỉ có Văn Niên là vẫn chưa hoàn toàn ăn chay, nhưng đã giảm bớt ăn mặn rất nhiều. Bà mẹ cùng một u già (bà này cực hiền, sống trong nhà họ Phương đã mấy chục năm, con bà cũng khá giả. Có đứa cháu mời về nhà sống, bà bảo 'muốn cùng với bà chủ tu hành', chẳng chịu trở về. Bà chủ cũng chẳng coi bà này như u già mà xem như bạn bè) liều mạng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát và niệm kinh Kim Cang. Ba ngày sau khối ung trong ruột Tử Trọng tự vỡ,

máu mủ theo đại tiện thoát hết ra ngoài, năm ngày sau hoàn toàn lành mạnh. Chí thành niệm Phật tụng kinh tiêu trừ túc nghiệp, có chuyện như vậy đó. Người đời chỉ biết tạo nghiệp, chẳng biết cách tiêu nghiệp, đáng thương quá!

Thêm nữa, ông Từ Úy Như quê ở Hải Diêm (ông này luôn sống ở kinh đô) do dụng công học rộng nên trong người bị hao tổn, bị bệnh thoát giang[156] đã hai năm mấy. Thường sau khi đại tiện phải nằm một khắc, đợi cho nó tự rút lên thì mới dám cử động. Tháng Giêng năm Dân Quốc thứ tám (1919), sau khi đại tiện, có chuyện cần thiết chẳng thể trì hoãn được, liền ngồi xe ra khỏi cửa; do bị ma sát, đoạn ruột ấy vĩnh viễn không rút lên được nữa. Suốt bảy ngày đêm đau đớn như kim đâm, không một khắc nào tạm ngừng. Suốt bảy ngày đêm không chợp mắt được. Ông ta trước kia tuy niệm Phật nhưng vẫn chẳng giảm nhẹ, bèn phát tâm đại Bồ-đề, nói: "Bệnh này khổ cùng cực, con xin chịu nhiều hơn để nguyện cho tất cả mọi người trong thế gian đừng mắc phải bệnh này", rồi bèn chí thành niệm Phật. Không lâu sau ngủ thiếp đi, tỉnh dậy bệnh đã lành. Từ đấy bệnh hết tận gốc. Ông ta gởi thư báo tin, Quang bảo: "Bệnh ấy vốn do túc nghiệp, do các hạ dùng tâm đại Bồ-đề để tiêu trừ túc nghiệp đó nên bệnh liền dứt tận gốc!"

Nếu biểu huynh của ông biết nghĩa này thì chẳng những bệnh trĩ được lành mà bệnh sanh tử cũng được lành. Nếu không, sẽ sống yên trong nhà hưởng phước, sống say chết mộng, chẳng bằng ông ngồi tù lại được đại lợi ích. Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích do con người. Ông tin được lời tôi nói thì lợi ích sẽ khó thể tuyên nói được!

Họa phước trong thế gian dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi. Ông do bị tù mà được nghe Phật pháp, đấy chính là may mắn lớn lao trong khi bất hạnh. Hãy nên coi đấy là cơ hội được hướng dẫn tốt lành thì tâm càng được thanh tịnh.

Ông vẫn chưa thấu hiểu những điều kinh Kim Cang đã dạy. Kinh dạy: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này* (đây chính là sự lành trong hiện tại) *bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp trong đời trước của người ấy đáng lẽ phải đọa trong ác đạo, nhưng do đời này bị người đời khinh rẻ* (nghiệp chuyển theo thiện, cũng thuộc trong đời hiện tại) *nên những tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác* (đây là chuyện trong vị lai, nghĩa là do đây mà được, đừng tưởng là ngay trong hiện tại sẽ liền được như thế)." Thiện nam nữ thọ trì kinh này, đấy chính là điều lành trong đời này. Bị

[156] Thoát giang (bệnh lòi dom) là chứng bệnh do các cơ vòng quanh giang môn (hậu môn) bị suy yếu khiến phần cuối của ruột già (nhất là đoạn ruột gọi là trực tràng) bị thòng xuống hậu môn, lòi ra ngoài.

người khác khinh rẻ là do nghiệp trong đời trước. Nhưng do bị người khác khinh rẻ mà tiêu diệt được những ác nghiệp trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lại còn sẽ đắc Phật quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ấy chính là dùng thiện nghiệp để chuyển ác nghiệp, khiến cho quả báo trong đời sau biến thành quả báo trong đời này, báo nặng chuyển thành báo nhẹ.

Ông tưởng nhà tù là ác đạo thì sai mất rồi, nhà tù thuở xưa khổ sở chẳng thể nói nổi, nhà tù ngày nay giống như bế quan, đâu có khổ sở gì! Những kẻ không ở trong tù phải bôn ba, bận bịu, những kẻ mưu cầu cơm áo nhưng chẳng được, chẳng biết là bao nhiêu. Nếu tri túc thì nhà giam là tòa nhà hưởng phước (phước đường). Nếu không tri túc, dẫu giàu có vàn muôn, sang quý tột bậc thì vẫn là hằng ngày sống trong địa ngục đó thôi.

Con người sống trong thế gian, dẫu tuổi rất thọ, vẫn là chớp mắt liền qua, nếu chẳng tự gắng sức thì phần nhiều sẽ đều đọa lạc trong ác đạo. Muốn lại được mang thân người, thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Ông nay có thể biết sai sửa lỗi, tận lực tu tịnh nghiệp thì vẫn còn thể cách vật (tức là sửa đổi mình, chứ không phải là trừ bỏ những vật bên ngoài), trí tri (đạt đến sự thấy chân chánh không bị lệch lạc cong vạy vì dục vọng, tri kiến tà vạy), sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, nghiệp tận tình không, mất sẽ về cõi Cực Lạc. Dẫu chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, ắt sẽ có thể nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, như vậy là chẳng phụ đấng sanh thành, chẳng phụ sở học, cũng chẳng phụ một phen lao đao này. Đấy gọi là "do họa mà được phước". Hãy nên phát tâm đại Bồ-đề bất thoái lâu xa thì chắc chắn sẽ đạt được lợi ích lớn lao như trên đã nói. Nếu trọn chẳng có thành kính, chỉ màu mè bề ngoài, mong được người khác khen mình là tu trì chân thật, chứ thật ra hoàn toàn là giả vờ thì sẽ không đạt được lợi ích thật sự nào cả.

Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải được sắp chữ tại xưởng in của trại giam Tào Hà Kính vẫn chưa xong (tù nhân sắp chữ khéo léo không thua gì thợ của Thư Cục). Lần này in một vạn bộ Văn Sao ở Hàng Châu, phải đến tháng 10 mới có thể ra sách được. Do trước đó đã in bảy ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư, ước chừng sẽ giao sách vào Trung Thu; lại còn in Thọ Khang Bảo Giám một vạn cuốn sẽ phát hành chung với Văn Sao. Tôi sẽ gởi cho ông mỗi thứ một gói. Nay tôi gởi cho ông một gói gồm bảy bộ Quán Âm Tụng, trước kia chắc đã có gởi rồi hay không tôi cũng không nhớ nữa. Có dư thì nên tặng cho viên giám đốc nhà giam, hay giám thị, hoặc những người cùng chí hướng có tín tâm, thông văn lý, biết cung kính. Tuy có các sách, vẫn phải lấy niệm Phật, niệm thánh hiệu Quán Âm làm chánh. Chớ

nên chỉ đọc rồi không hành thì sẽ giống như nhìn món ăn ngon chẳng có ích gì cho cái bụng rỗng cả.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành, vì lòng thành là cái gốc của đạo. Kẻ chẳng thể mở rộng, sanh trưởng đạo đều do ngu si, không có trí tuệ. Nếu có thể do lòng thành mà phát khởi minh (minh chính là trí tuệ), do minh mà hiển hiện thành thì đạo tự được sanh. Thành chính là minh đức, huệ chính là minh vậy. Huệ lẫn thành đầy đủ, tức là "minh minh đức" (làm tỏa rạng minh đức). Minh minh đức chính là thành minh, thành thuộc về tánh đức, minh thuộc về tu đức. Tánh đức ai nấy đều sẵn có, nhưng tu đức thì có nghịch hay thuận, nghịch thì đọa lạc, thuận bèn siêu thăng. Thuận đến cùng cực ắt sẽ viên thành Phật đạo. Chúng ta không có sức lực ấy, chỉ thuận theo cái tâm rộng hay hẹp, công phu sâu hay cạn để được các thứ lợi ích mà thôi.

Từ Bổn Mậu đã biết tu trì, sao lại không thể ăn chay trường? Ấy là vì nghĩ thịt ăn ngon lành, chẳng nỡ lòng bỏ vậy. Thử nghĩ tình trạng khổ sở, đau đớn của hết thảy những loài sinh vật khi chúng bị giết, há nỡ lòng nào vì sướng miệng mà ăn chúng hay sao? Nếu như chính thân ta lâm vào cảnh ấy, há có thể yên tâm muốn người ta giết mình để trám đầy bụng miệng họ hay chăng? Đối với đủ mọi thứ tâm hạnh tham ăn tàn nhẫn, chỉ một lời đã bao quát trọn: "Chẳng suy nghĩ!" Nếu suy nghĩ cặn kẽ, sẽ trọn chẳng dám ăn! Oán nghiệp phải do chính mình giải quyết, ông vẫn cứ muốn ăn thịt bọn chúng thì tất cả những nỗi khổ trước khi chưa chết đều chẳng đáng gọi là khổ. Đời này ăn thịt bọn chúng, tương lai ắt sẽ có ngày bị chúng ăn lại, đấy thật đáng gọi là "oán nghiệp khó kết thúc". Lời ông ta nói tựa hồ có cơ duyên tỉnh ngộ, nhưng vẫn còn muốn ăn thịt thì cái ngộ ấy chỉ là nói suông. Nói suông sẽ chẳng có ích lợi mảy may nào đâu! Ví như kể chuyện ăn có cứu được cái đói của ông hay chăng? Không phải là Quang ép người khác ăn chay, chỉ vì điều ông ta mong mỏi và việc ông ta làm hai đằng chẳng phù hợp nên mới tha thiết bảo ban đấy thôi.

Chị và em gái ông đều đã ăn chay trường niệm Phật, tôi nghĩ chắc là do đọc Văn Sao mà ra. Nay sẽ đặt pháp danh cho mỗi người, chị ông là Vân Khanh pháp danh là Huệ Vân, em gái ông là Hạnh Mai pháp danh là Huệ Hạnh. Nếu có thể dùng mây trí tuệ để tuôn trận mưa trí tuệ thấm nhuần khắp mầm đạo Bồ-đề và nương theo trí tuệ để làm chuyện thuộc về bổn phận thế gian lẫn xuất thế gian (chuyện thế gian chính là hiếu, đễ v.v., chuyện xuất thế gian chính là từ thiện, tịnh nghiệp) thì chính là Huệ Hạnh. Nếu có huệ mà không có hạnh thì chẳng gọi là chân huệ, có hạnh mà không có huệ thì sẽ đâm ra bị đọa lạc. Đấy là ý nghĩa chánh yếu của cái tên đã đặt vậy.

Còn đối với chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giúp chồng dạy con v.v. hãy nên dựa theo những điều đã nói trong Văn Sao để thuật cặn kẽ với bọn họ, khiến cho hai người ấy sẽ do đây mà tiến nhập giác đạo thắng diệu của Như Lai thì sống sẽ là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, lúc mất sẽ giã biệt cõi Sa-bà đầy các nỗi khổ để lên cõi Phật thanh tịnh, chẳng uổng cuộc sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Xin hãy nói cặn kẽ với họ về ý này thì may mắn lắm thay. Đợi khi Gia Ngôn Lục in ra, sẽ gởi cho mỗi người một cuốn để họ tiện thọ trì.

573. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ hai)

Từ Bổn Mậu đã có thể tận lực sám hối túc khiên, trừ sạch đồ mặn tanh tưởi, đúng là chân thật tu trì, sửa lỗi cũ, từ nay hãy tu hành để mong khôi phục nguồn tâm sẵn có. Trần Quốc Phủ phát nguyện suốt đời niệm Phật, tụng kinh, chí ấy tốt đẹp lắm; nhưng cần phải phát cái tâm bất thoái lâu xa, đừng có đầu không đuôi! Nay đặt pháp danh cho Từ Bổn Mậu là Huệ Bổn, nghĩa là lấy trí tuệ làm gốc, thì hết thảy những suy nghĩ, lời lẽ, hành vi đều có thể trên hợp với tâm Phật và thiên lý, chẳng đến nỗi vẫn mê muội y như cũ, tạo ác nghiệp, đọa ác đạo. Quốc Phủ pháp danh là Huệ Phủ, phủ[157] là tiếng xưng hô đẹp đẽ vậy. Nếu có thể thống thiết sửa đổi lỗi trước, tâm giữ chánh niệm, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tận lực hành những chuyện hiếu, đễ, trung, tín v.v.. Lại còn chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới đúng thật là Huệ Phủ. Nếu không, chỉ là hư danh mà thôi, nào có ích chi?

Cách thức đối trước đức Phật lãnh nhận quy y thì trong Văn Sao đã có nói rồi, hãy nên dựa theo đó để nói với ông ta. Chuyện thế gian hay xuất thế gian đều lấy chân thành làm gốc, mong hãy thường phản tỉnh, quán sát lỗi mình, ngõ hầu ngày càng tiến đến chỗ cao minh. Kể từ sau khi sắp chữ Văn Sao xong vào năm ngoái, tất cả hết thảy bản thảo thư từ tôi đều nhất loạt chẳng giữ lại để mong đỡ tốn giấy, bớt việc. Thư từ mặc ông giữ lại hay vứt đi, Quang chẳng cần phải bận tâm đến nữa.

574. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ ba)

Đã lâu chưa gởi thư, chẳng biết gần đây ông tu trì ra sao. Tôi thường nghĩ đến ông, nay gởi cho một bộ Văn Sao loại mới in. Bộ này so với bản in năm trước

[157] Phủ（甫）vốn là một mỹ từ để gọi đàn ông với ý tôn trọng, chẳng hạn Khổng tử có tên tự là Trọng Ni thì người ta thường gọi ngài là Ni phủ. Khi nhắc đến cha của người khác cũng thường dùng danh từ "tôn phủ".

nhiều hơn một trăm trang, tuy không có văn từ nào nêu tỏ lý tột cùng, nhưng lại có thể tiêu trừ từng điều nghi ngại của kẻ sơ cơ tu tịnh nghiệp. Lại còn có một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên vì bọn thiếu niên mà lưu tâm đọc để trong tương lai khi ra khỏi nhà giam trở về nhà, sẽ có cái để làm gốc hòng cứu vớt hết thảy thân thích, xóm giềng khỏi phải chết vì sắc dục.

Tánh tình ông khá thông minh mẫn tiệp, thường có những kẻ thông minh mẫn tiệp sử dụng tâm tư sai lầm, chẳng những vô ích mà còn gây hại nữa; quả thật là chướng ngại cho nghiên cứu, tu trì! Vào tháng 7, tôi qua đất Hỗ, đất Hàng, lẩn quẩn ở đấy hơn hai tháng. Có một chàng tuổi trẻ khá thông minh, nhưng những điều anh ta thưa hỏi đều là những thứ chẳng đáng nên để ý. Thật là nực cười, đáng thương quá!

1. *Hỏi:* Hết thảy hữu tình đều có Phật tánh, lớn bé tuy khác, nhưng đều sợ chết như nhau. Phàm là người phóng sanh, trước hết hãy nên chú trọng đến những loài nhỏ bé thì sẽ chẳng trái nghịch với thuyết "cùng có Phật tánh, sợ chết giống như nhau".

Đáp: Đã biết là giống nhau, cố nhiên nên tùy phần tùy sức tận lực cứu vớt, sao lại luận trước hay sau? Nếu vẫn giảng diễn thông suốt lý sự "Phật tánh giống như nhau, sợ chết chẳng khác" thì sẽ có lợi ích lớn lao. Cớ sao lại thiên chấp trước sau?

2. *Hỏi:* Trong nước, trên không, những loài trùng bé tí vô lượng vô biên, theo một hơi thở của con người, chúng sẽ bị hút vào chẳng thể tính được số. Như vậy thì nghiệp báo trong tương lai làm sao có lúc kết thúc cho được? Cũng như nói đã biết con người và loài vật tuần hoàn thì xưa nay các bậc đại Nho thông hiểu Phật lý rất nhiều, sao chẳng chế định ra luật nhằm đoạn trừ chuyện sát sanh? Lại nói: "Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, há nên giết hại, cũng chớ nên dâm dật", nhưng trong hôn nhân chánh thức, biết đâu cũng là người thân trong đời trước?

Đáp: Ba câu hỏi ấy đều phô ra trí thông minh vặt vãnh, lầm lạc tưởng đó là những sự tướng có nghĩa lý hết sức tột cùng. Chẳng những vô ích mà còn gây hại! Vì sao? Chớ nên vì chẳng thể không sát sanh những loài nhỏ tí liền muốn bỏ sạch chuyện phóng sanh những loài thô to! Ví như kẻ thích sạch sẽ, muốn chẳng dính bụi đất, nhưng xét kỹ bên trong thân thể: phân, tiểu, mủ, máu; ngoài thân là hờm (ghét), mồ hôi, tóc, lông, và muỗi, mòng, rận, rệp suốt ngày thường phóng uế trên thân ta. Do vậy nghĩ cái thân này trong ngoài đều dơ bẩn, xấu xa, trọn chẳng khác gì nhà xí, bèn chẳng thèm sạch sẽ nữa, cứ suốt ngày vui thú trong nhà xí ư?

Còn như anh ta nói những vị quan lại nổi danh xưa nay, sao chẳng đặt ra luật lệ cấm giết hại sanh mạng loài vật, vẫn là chẳng biết pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian có quyền, có thật. Dẫu họ biết là thật, nhưng do lòng người chưa thể hoàn toàn quy y theo sự giáo hóa của đức Phật, cố nhiên chẳng dễ gì dựa theo thật lý để chế luật được.

Cũng giống như do kính tiếc chữ mà thường nói đến giấy, bởi giấy là vật dùng để viết chữ. Tuy chữ có thể viết nơi các chỗ, trên các vật, nhưng rốt cuộc vẫn chẳng nhiều bằng giấy, vì thế thường nói "kính tiếc giấy chữ". Chứ không phải là chữ được viết trên giấy thì tiếc nuối, còn nếu chữ không được viết trên giấy thì đều chẳng đáng tiếc. Chữ cố nhiên nên tiếc, nhưng ý nghĩa của chữ lại càng đáng tiếc nhất. Nếu con người chẳng nương theo đạo làm người để hành xử, tức là đã quên mất tám chữ "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", con người mà quên mất đi tám chữ ấy có còn đáng gọi là "người" hay chăng? Hãy nên dốc sức vào đấy thì cái gốc lớn lao đã thành lập, dẫu chẳng thể dứt hết những chuyện làm bẩn chữ viết trên hết thảy các vật, nhưng những chữ bị làm bẩn đã hiếm hoi hẳn đi.

Quân tử xử sự theo đúng địa vị, phàm những gì sức mình không thể làm thấu thì đều chẳng nên viện cớ "do sức không thể làm được" để phá hoại. Biết sức mình chẳng thể làm được bèn đặc biệt dốc sức nơi những gì sức mình làm được thì chính là đại thiện. Kẻ do sức chẳng thể làm nổi bèn đả phá, bài xích những người có sức làm được, bảo họ đừng làm thì chính là đại ác. Kẻ thông minh phần nhiều có thứ tà kiến ấy. Thứ ngôn luận này Quang đã từng hay biết, tiếp xúc chẳng biết là bao nhiêu! Chỉ sợ con người chẳng khéo dụng tâm nên đến nỗi vướng lấy tội lỗi.

Do tôi nghĩ "không chừng ông vướng phải thứ tà kiến ấy, hoặc trong số những người cùng hàng với ông mang thứ tà kiến ấy", nếu Quang chẳng trừ khử sẵn, trong tương lai chắc sẽ đến nỗi tự lầm, lầm người. Vì thế nói đại lược đầu mối với ông. Đối với những thứ ngôn luận tà kiến vừa được Quang chiết phục ấy, cố nhiên nếu chẳng bỏ công trọn mấy hôm sẽ chẳng thể viết đầy đủ hết được. *"Đôn đốc luân thường, khác tận kỷ phận, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành"* (Giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành), mười sáu chữ ấy là cái gốc để "sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc". Nguyện học trò tôi kính cẩn vâng giữ, tận lực thực hiện thì may mắn lắm thay!

Lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động! Hơn nữa, "thực ít, hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng". Khi ông Hoàng Hàm Chi giữ chức Đài đạo ở Ninh Ba và Thiệu Hưng, phát tâm ăn chay trường, khuyên mẹ cũng nên ăn chay.

Nhưng dọn thức ăn chay ra, bà cụ chỉ ăn cơm không. Hoàng Hàm Chi gởi thư hỏi tôi phải làm theo phương cách nào; Quang dạy ông ta thay mẹ chí thành sám hối để nghiệp tiêu thì cụ sẽ ăn chay được! Chưa đầy một tháng cụ liền ăn chay trường.

Con gái ông Thích Tắc Châu 19 tuổi, hai mắt mất ánh sáng, đưa tay ngay trước mặt cũng chẳng thấy được, gởi thư đến báo. Khi ấy, ông ta ở tại Tam Thánh Đường trên núi Phổ Đà, được tin liền vội về nhà, đưa con gái sang ni am ở Hàng Châu. Quang bảo ông ta viết thư cho con gái, khuyên cô ta chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm. Chưa đầy một tháng, cô ta liền đích thân viết thư báo tin đã lành bệnh. Một phụ nữ từ năm 16 tuổi bị bệnh khí đông[158], mỗi ngày ắt lên cơn hai ba lượt, lúc lên cơn, đau đớn gần muốn mất mạng, nay đã 56 tuổi, đến xin quy y. Quang dạy bà ta chí thành niệm Quán Âm và cho một phương thuốc, tức toa cai thuốc phiện trong bộ Văn Sao, nhưng không thêm thuốc phiện. Bà ta liền sắc một liều, vừa mới uống lần đầu đã không còn đau nữa. Chữa trị đủ thầy lẫn thuốc suốt 41 năm mà không sao dứt được căn bệnh dai dẳng ấy, nay vừa uống thuốc một lần liền hoàn toàn bình phục. Nếu bà ta không chí thành niệm danh hiệu Bồ-tát há có gặp được phương thuốc này hay chăng?

Ba người này đều là dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao, là vì lòng thành vậy! Ông than không có cách nào chữa lành căn bệnh dây dưa của mẹ, Quang trách ông sao không dùng niệm Phật để cầu cho mẹ tiêu được nghiệp? Ông liền viết là "đã lễ Phật biết bao lần, vẫn chẳng thấy hiệu nghiệm!" Do vậy tôi mới viết "thực ít, hơn dối nhiều", nếu ông thật sự chân thật lễ bái trì tụng như thế mà căn bệnh dây dưa của mẹ ông chẳng lành, Quang sẽ mù mắt, trời đất sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng xoay ngược. Há có lẽ ấy hay chăng?

Quang sợ ông chưa thấu hiểu ý tột cùng của một chữ thành, nên mới đặt pháp danh cho ông là Huệ Thành, do chuyện này liền biết lòng thành của ông nằm trên ngọn bút chứ không phải ở trong tâm. Nếu ở nơi tâm, trọn chẳng đến nỗi tu trì như thế mà hoàn toàn chẳng được lợi ích gì! Ông muốn sống làm học trò của thánh hiền, mất đi sẽ vào cõi Cực Lạc thì cần phải hoàn toàn đem cái tâm tướng hư giả vứt ra ngoài biển khơi, nghiêm túc tu hành thật sự. Hễ nói được thì phải làm được, hễ làm không được bèn chẳng chịu nói. Được như thế thì tổ tông, cha mẹ của ông đều được rạng mày nở mặt lớn lao, Quang cũng nhờ vào công đức thật hành của ông mà tiêu trừ tội nghiệp. Nếu do Quang chẳng thể tận mắt thấy

[158] Còn gọi là khí thống (đông 疼 và thống 痛 đều có nghĩa là đau): Bệnh nhân trong bụng sanh ra rất nhiều hơi, hơi thường xung ngược lên ngực khiến bệnh nhân đau đớn. Đông y cho rằng bệnh có nguồn gốc từ thói quen thích ăn đồ quá lạnh trong mùa hè khiến tỳ vị bị tổn thương, nên còn gọi bệnh này là *tỳ ngược thống*.

được, liền cứ tùy tiện nói dối, dẫu cho Quang tưởng là thật đi nữa, thì trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ-tát cũng tưởng là thật hay sao? Ông đã có cái tâm ấy thì chính là bất hiếu vì đã dối cha mẹ, dối thầy, dối Phật. Đối với cha mẹ và thầy mà có thể thật sự dối trá được sao? Chỉ là ông tự dối mình đó thôi!

Do thấy ông còn hiểu lý, Quang mới nhiều lần cảnh tỉnh, răn nhắc! Nếu nghĩ Quang là sai, xin từ nay đừng nên thư từ qua lại nữa thì hơn. *"Quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được[159]). Chẳng phải là Quang ăn nói quá gắt gao, mà là vì ông ăn nói trước sau không phù hợp, nhưng những chuyện ấy đâu phải là do ông ở trong nhà tù rồi sẽ không thể thực hiện được. Quang tuy vô đạo đức, nhưng đã sống trên đời 68 năm, nên rất khó thể bị dối gạt bởi những chuyện chẳng hợp tình hợp lý. Xin hãy thống thiết sửa đổi; nếu không sẽ là tội nhân chung thân của cả Nho lẫn Thích đấy!

575. Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết bọn họ vẫn có thể thực hành, vui mừng an ủi đến cùng cực! Mẹ ông bệnh đã ba mươi mấy năm, sao chẳng chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để hồi hướng cho mẹ, và đem chuyện này khuyên vợ và con cái cũng niệm như thế? Phận làm con tu trì cho cha mẹ, nếu tâm chân thành ắt sẽ có cảm ứng lạ lùng. Hãy nên gởi thư uyển chuyển khuyên chính mẹ ông cũng niệm như thế. Nếu từ đây còn có thể sanh lòng tin, chân thật hành thì căn bệnh lâu năm sẽ trở thành bậc đạo sư hướng dẫn xuất thế.

Nay thuận theo ý ông, cũng đặt pháp danh cho mẹ ông để mong thật sự thêm một cành hoa sen trong ao bảy báu cõi Tây Phương. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là nhất tâm niệm Phật, vượt khỏi trần lụy thế gian trong hiện tại. Do lúc chưa niệm Phật thì lòng hoàn toàn đặt nơi trần lụy; đã có thể nhất tâm

---

[159] Đây là một câu nói trích từ lời vấn đáp giữa Mạnh tử và Vạn Chương trong thiên Vạn Chương Thượng của sách Mạnh Tử: *"Tích giả phất quỹ sanh ngư ư Trịnh Tử Sản, Tử Sản sử giảo nhân súc trì chi. Giảo nhân phanh chi, phản mạng viết: 'Thỉ xả chi, ngữ ngữ yên, thiểu tắc dương dương yên, du nhiên đắc thệ'. Tử Sản viết: 'Đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại!' Giảo nhân xuất, viết: Thục vị Tử Sản trí? Dư ký phanh nhi thực chi, viết: đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại. Cố quân tử khả khi dĩ kỳ phương, nan võng dĩ phi kỳ đạo"* (Xưa kia chợt có người đem cá sống biếu cho Tử Sản nước Trịnh. Tử Sản bảo người hầu đem thả trong ao nuôi cá. Người hầu bèn đem nướng rồi trở về thưa: "Lúc mới thả, cá nằm ngoi ngóp, một lúc sau bèn sống động, tung tăng bơi đi mất rồi." Tử Sản nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Người hầu đi ra, nói: "Ai bảo Tử Sản có trí? Ta nướng ăn mất rồi mà còn nói: 'Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi! Nó đã đến được chỗ sống yên vui rồi!' Do vậy, có thể dùng lời lẽ hợp lý để lừa quân tử, chứ khó thể dùng lời phi lý để dối gạt được). Chúng tôi dịch đoạn văn này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

niệm Phật sẽ chẳng thấy trần lụy động được cái tâm. Đấy chính là do trần lụy mà vượt trỗi được trần lụy vậy! Lâm chung vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen, chẳng những không bị bệnh khổ mà còn có thể cứu vớt hết thảy chúng sanh bệnh khổ cùng lìa các khổ, cùng hưởng các sự vui.

Phận làm con phụng sự cha mẹ, lấy hầu hạ, phụng dưỡng làm nền tảng ban đầu, lấy lập thân hành đạo làm cái gốc lớn lao. Nếu trong tâm khởi lên tà niệm, đấy chính là bất hiếu! Hãy nên lập tức sám trừ cho sạch, ngõ hầu tâm này không lúc nào, không niệm nào chẳng xứng với thiên địa quỷ thần, ấy là nền tảng đã lập. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật, công phu chân thật, thiết tha, thì sống sẽ dự vào bậc hiền thánh, mất về cõi Cực Lạc, ai ngăn cản được?

Nếu như miệng nói tu trì, mà tấm lòng chẳng lành, muốn mạo danh "chánh nhân quân tử, chân thật tu trì" thì sẽ trở thành gã chân tiểu nhân mưu mẹo man trá, vô liêm vô sỉ! Vốn muốn khinh người, rốt cuộc trở thành tự khinh. Những kẻ như thế đều vốn là hạng đại thông minh, có bản lãnh lớn lao, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Ví như gươm báu Can Tương, Mạc Da[160] chặt ngọc như bùn, đem dùng để chặt bùn thì bùn chẳng thành được gì, chỉ hao hụt sức bén nhọn. Nguyện ông thấu hiểu lời Quang, dốc lòng thực hiện thì thánh hiền, Phật, Bồ-tát, há lẽ nào chuyên ở tận đâu đâu, chẳng ở tại nơi ta ư?

Kinh Thư nói: "Chỉ vì thánh mất niệm mà thành cuồng, chỉ do cuồng khắc chế được ý niệm mà thành thánh." Kinh Phật dạy: "Trong thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là tự chẳng tạo tội, hai là gây tội rồi biết hối." Sửa lỗi chẳng tiếc nuối chính là phương cách để mong thành thánh của Nho gia, bộc bạch tội khiên chính là điều trọng yếu để đệ tử Phật khôi phục cái gốc. Thư từ mấy năm, ông vẫn chưa thể bày tỏ lỗi mình lần nào. Do Quang thấy ông còn chịu phát tâm tu hành nên cũng không truy tới quá khứ của ông, vẫn viết thư, tặng sách cho ông, mong ông sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. Nào biết ông vẫn giả dối tô chuốt lời lẽ, mà vẫn chẳng thấy đó là dối người.

Nay thấy ông nói trước kia đã từng tịnh tọa ba năm, đối với *tinh thần học*[161] khá có tâm đắc khiến Quang đau lòng! Ông đã có thể như thế, sao lại làm những

---

[160] Can Tương, Mạc Da là tên hai thanh kiếm báu được đúc từ thời Chiến Quốc. Theo Chiến Quốc Sách, Can Tương là người nước Ngô, sống vào thời Xuân Thu, rất giỏi đúc kiếm. Mạc Da là vợ ông ta. Vua Ngô là Hạp Lư sai Can Tương đúc kiếm, nhưng nấu mãi sắt không chảy. Mạc Da thấy vậy bèn tắm rửa sạch, nhảy vào lò, sắt liền chảy tan. Nhờ đấy, Can Tương đúc thành hai thanh kiếm sắc, thanh trống (hùng kiếm) đặt tên là Can Tương, thanh mái (thư kiếm) đặt tên là Mạc Da.

[161] Tinh thần học (noology) là một môn học chuyên nghiên cứu tâm lý, tinh thần căn nguyên của con người, được coi như một trong những môn học mở đường cho *tâm lý học* sau này. Từ

thứ hành vi như thế. Một năm là đã quá nhiều, huống chi lại mấy năm! Mười mắt mười tay[162], cùng thấy cùng nghe, tính muốn dối Quang há có được chăng? Ông thấy thư này nếu có thể thống thiết sửa đổi tâm trước thì vẫn chưa trễ tràng. Nếu không, tôi sẽ vĩnh viễn tuyệt giao, mặc cho ông đạo học cao siêu trùm lấp cõi đời, Quang chẳng can dự!

Con người với tấm thân chỉ bảy thước lại sánh với trời đất cùng mang tiếng là tam tài là vì có thể thay cho trời giáo hóa, tham dự giúp đỡ sự sanh thành dưỡng dục của trời đất. Nếu không, con người xấu hèn hơn cầm thú đến trăm ngàn lần. Vì thế, Mạnh tử nói: *"Kỳ cơ hy"* (chẳng khác chi lắm)[163], há nào phải chỉ *"kỳ cơ hy"* mà thôi! Trước đây, nhà tù Tào Hà Kính gởi tới hai ngàn cuốn kinh do ông Sài Dã Ngu đặt in, nay tôi bảo gởi mười cuốn để làm hướng dẫn cho những liên hữu cùng ở trong trại giam. Mong ông hãy suốt đời đọc thuộc lá thư Quang gởi cho ông Ngu thì sẽ do ngay nơi "phước đường" (nhà tù, thời cổ gọi trại giam là đường) này liền đạt đến cõi Cực Lạc.

Nay gởi cho ông một gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Thọ Khang Bảo Giám gồm 25 cuốn, Văn Sao thì đã bảo công ty Chiết Giang Ấn Loát gởi cho ông ba gói sách để tặng cho chú bác trong nhà ông và các huynh đệ đọc; nhưng cần phải răn nhắc họ cung kính, đừng khinh nhờn. Nếu chẳng thể đọc được xin hãy tặng lại cho người thông văn lý, có tín tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi do phước mà mắc họa. Những điều khác không rảnh rỗi để nhắc đến, chỉ đọc kỹ trong Văn Sao sẽ tự có cái để làm khuôn phép. Lá thư gởi cho Sài Dã Ngu có thể coi như là giáo huấn thiết thực cho hết thảy mọi người mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ, chứ không phải chỉ là giáo huấn thiết thực dành riêng cho kẻ sống trong phước đường.

---

ngữ này vốn ghép từ hai chữ nous (tâm trí) và logos (lý luận, học thuật) trong tiếng Hy Lạp. Ngày nay, tinh thần học là một môn học cố gắng nghiên cứu và hệ thống những cơ cấu, nguyên lý dẫn đến sự hiểu biết cũng như những hiện tượng tinh thần, sự tư duy, hình thành khái niệm, hình ảnh trong tâm lý con người v.v.. Sở dĩ tổ quở trách ông Chương Đạo Sanh vì ông này khoe đã dụng công nhất tâm niệm Phật để cầu được nhất tâm nhưng lại tu pháp tịnh tọa của ngoại đạo, nghiên cứu tràn lan khiến cho tâm rối loạn, nhất là sa đà vào những lý luận nhị nguyên của khoa phân tâm học Tây Phương, trong khi chưa hiểu sâu xa về Tịnh độ. Do vậy, những gì ông ta khoe dụng công nhất tâm niệm Phật, buông xuống vạn duyên v.v. đều chỉ là những lời khoe khoang đầu môi chót lưỡi mà thôi.

[162] Đây là một thành ngữ *"thập mục cộng chiêm, thập thủ cộng chỉ"* (mười mắt cùng trông, mười tay cùng chỉ), ý nói chuyện rõ rành rành, không giấu vào đâu được nữa.

[163] Đây vốn một câu nói trong sách Mạnh Tử, thiên Ly Lâu Hạ: *"Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả cơ hy, thứ dân khử chi, quân tử tồn chi"* (Con người chẳng khác cầm thú cho mấy, chỉ khác ở chỗ bẩm tánh có nhân nghĩa, nhưng kẻ tầm thường vứt bỏ thiên tánh ấy, còn bậc quân tử gìn giữ được). Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích của Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

576. Thư trả lời cư sĩ Thí Tông Đạo

Ba hôm trước nhận được di cảo của cha ông, biết nhà ông tổ đức rất sâu. Làm phận con muốn cho cha mẹ được vẻ vang, hãy nên lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm gốc. Nếu không, dẫu cho tổ phụ công đức mỗi mỗi đều chói ngời, nhưng thân ta chẳng hành đạo, đâm ra khiến cho cha mẹ bị nhục. Nước ta loạn lạc từ xưa đến nay chưa từng có, cái gốc họa là vì Trình - Chu đả phá nhân quả, cho là "Phật gạt gẫm ngu phu, ngu phụ"; lại còn hiểu "trí tri cách vật" sai be sai bét. Bác nhân quả thì không có cái gốc để trị quốc, trị dân; hiểu sai "cách vật" thành "thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ" thì mấy ai có thể làm được.

Trong bản Tục Biên Di Cảo của cha ông đã giảng: Đạt đến "trí tri" là do nơi "cách vật", giảng giải khá rộng rãi, nhưng thật ra vẫn chưa phải là căn bản để thành ý chánh tâm. Bởi lẽ chữ vật ấy chỉ cho những tư dục trong tâm, một khi trừ được tư dục trong tâm rồi thì đúng đúng sai sai, trọn chẳng lầm loạn. Hễ có tư dục thì chẳng biết được lẽ chánh, như gã yêu vợ thương con, dẫu vợ con không tốt, hắn trọn chẳng biết là không tốt, do vì tư dục yêu mến đã ngăn chướng, che lấp chân tri rồi. Trình - Chu hiểu sai chữ "vật" trong "cách vật" là "ngoại vật" (vật chất ở bên ngoài cái tâm) nên chỉ nói đến chánh tâm thành ý, chứ không nhắc đến "trí tri cách vật". Hễ lầm lẫn chỗ này thì ai nấy chẳng dụng công nơi trừ khử tư dục. Đấy chính là một sự đại bất hạnh cho nền học thuật của nước ta.

Cụ cố của ông là bậc quân tử tận tụy thực hành, ba anh em ông hãy nên vâng theo đức của người đời trước mà tận lực hành thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian để tự lợi lợi người, thì trên là làm rạng mày nở mặt cụ cố, dưới là tạo khuôn mẫu tốt đẹp cho con cháu, mà cũng làm gương mẫu tốt đẹp cho cả làng, cả ấp. Sự vinh hiển ấy làm sao diễn tả cho xuể? Chị ông là Thanh Liên thật hiền, điều này có thể thấy qua lời răn dạy của cha ông. Do đấy biết nề nếp giáo dục trong gia đình của cha mẹ ông, cố nhiên Quang nào dám múa lưỡi! Nhưng cha con ông đã coi Quang là thầy, nên chẳng ngại gì dùng thân phận một vị thầy để khuyên răn, khích lệ.

577. Thư trả lời cư sĩ Tế Huệ

Sáu mươi mấy tuổi, chẳng còn là khách lâu ngày trong cõi đời nữa đâu! Hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tha thiết chân thành như chôn cha mẹ, như cứu đầu cháy. Đặt cho ông pháp danh là Tông Huệ, nghĩa là dùng pháp này để cứu vớt khắp hết thảy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết khai thị tường tận, nay gởi cho ông hai gói sách, xin hãy chí thành

cung kính đọc thì không mối nghi nào chẳng cởi gỡ, có nguyện gì đều được. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, do tôi không có sức để thù tiếp.

578. Thư trả lời cư sĩ Tông Nghĩa

Chuyện thọ giới tùy theo ý nguyện của mình. Thọ lại cũng được, mà không thọ lại cũng chẳng sao. Ông muốn đắp y thì hãy nên tuân theo cấm chế của đức Phật mà mặc mạn y, đừng dùng y năm điều. Mạn y chính là loại y gồm năm miếng dài[164], còn y năm điều là y gồm [năm miếng dài ghép lại, nhưng mỗi miếng lại cắt ra] thành hai miếng một miếng dài, một miếng ngắn. Hiện thời phần nhiều sử dụng bừa bãi!

Người tại gia không nhất định phải đắp y, nếu đắp y sai loại trái với cấm chế của đức Phật, chẳng thà không đắp y có tốt hơn hay không? Đối với chuyện đốt hương trên đỉnh đầu hay trên cánh tay vốn là nhằm để phát tâm cúng Phật, chứ không phải là đốt hương để thọ giới. Xin hãy chú trọng chân tu, đừng chỉ mong cầu nơi hình thức hư danh thì may mắn lắm thay!

579. Thư trả lời cư sĩ Thang Cẩm Trung

Ngày 28 tháng 3, Quang nhận được thư của ông Vương Hải Tuyền từ bưu cục Nhị Giáp ở Hải Môn gởi đến, cho biết bọn ông X… đã vâng theo lời phủ dụ từ đàn cầu cơ, liên lạc các giới nông, công, thương, giáo dục, quân đội, chánh khách trong bốn huyện Nam Thông, Hải Môn, Khải Đông, Như Cao, thiết lập đạo tràng cầu cho thế giới hòa bình, đã thành lập được mấy chục nơi. Quang bảo ông Vương: "Từ nay trở đi, bất luận người đã quy y hay chưa quy y trong bốn huyện ấy tôi đều chẳng trao đổi thư từ với họ. Dẫu họ có gởi thư bảo đảm tới, tôi cũng để nguyên thư trả lại nhằm khỏi bị bọn X… lôi kéo Quang vào chuyện cầu cơ! Bởi lẽ, các cơ quan Phật giáo trong bốn huyện đều bị bọn chúng hiệu triệu, Quang chẳng lọt bẫy chúng. Người đời sau sẽ chẳng thể đem chuyện cầu cơ hoại loạn Phật pháp bắt tội Quang được."

Ngoài thư xin quy y ra, các hạ chưa nêu rõ tên huyện. Nếu ghi rõ tên huyện, thư sẽ bị gởi trả lại, quyết chẳng bóc ra. Nay đã bóc ra xem, thấy ông đã lôi kéo được ba người giới thiệu, có thể thấy được lòng thành; do vậy bèn đặt pháp danh là Huệ Chánh, nhưng vẫn để nguyên thư của những người giới thiệu gởi trả lại để lần sau họ khỏi gởi thư tới nữa.

---

[164] Do thời ấy khổ vải quá hẹp nên mạn y (y trơn) phải may ghép bằng năm miếng vải dài mới đủ kích thước tấm y. Nhưng năm miếng ấy không được cắt nhỏ theo chiều dọc kẻo trở thành y năm điều. Nay thì mạn y được may bằng cả một khổ vải, không còn loại mạn y năm miếng nữa.

Ông X… vốn là bậc quân tử hậu đức, hồi còn dạy dỗ học sinh trong ngành giáo dục, do dụng tâm quá độ bị bệnh[165], thuốc Tàu lẫn thuốc Tây đều chẳng thể chữa lành, có người bạn khuyên niệm Phật, liền dần dần khỏi bệnh. Năm Dân Quốc 11 (1922), Quang từ Phổ Đà đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, ông ta thường đến thăm. Năm sau, ông ta trở về quê khuyên người khác ăn chay niệm Phật có cảm ứng lớn lao. Mười mấy năm qua vẫn chưa biến đổi. Gần đây mê đắm chuyện cầu cơ, Quang biết được bèn cực lực chỉ rõ điều lợi lẽ tệ của việc cầu cơ, nhưng ông ta đã được [những linh quỷ giáng cơ mạo danh thần tiên] khen ngợi đến nỗi mất trí điên cuồng, chẳng những không nghe lời Quang khuyên mà còn đem thư Quang đốt đi. Cuối thư Quang gởi cho ông ta có câu: "Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì hãy giao cho ngọn lửa." Ông ta viết thư trả lời Quang: "Tôn dụ[166] đọc xong liền giao cho ngọn lửa", lại còn gởi mấy bài cơ bút khen ngợi Quang, muốn mê hoặc Quang. Quang bảo: "Bậc thánh nhân đắc đạo, quyết chẳng khen ngợi người khác quá lố như thế. Do một chuyện này, có thể biết đấy là linh quỷ giả mạo!" Sau khi đem nguyên thư gởi trả lại, ông ta lại gởi mấy bài cơ bút nữa, Quang nói: "Tuy họ khen ngợi Quang, càng khiến Quang chán ngán. Ai có chí nấy, mỗi người thấy đúng sai mỗi cách. Từ nay về sau, đừng gởi cho tôi một chữ nào nữa!"

Quang không có sức hoằng pháp, nào dám dùng cách cầu cơ tưởng chừng như là đúng mà thật ra là sai để hoại loạn Phật pháp ư? Nói đến cái lợi của cầu cơ thì những hành động tốt lành như cứu trợ tai ương v.v. quyên mộ đều chẳng được mấy. Những lời giáng cơ thì ai cũng chẳng dám trái nghịch, nhưng thật ra quá nửa là do người vịn cơ bút ngụy tạo, chứ chưa chắc đã đều phải là do linh quỷ giả mạo, huống là chân tiên ư? Còn bảo là của Phật, Bồ-tát giáng cơ thì càng chẳng cần phải nói nữa! Điều này tuy có lợi, nhưng quả thật đã dẫn khởi điều tệ. Vì thế chẳng muốn nhận lấy cái hại của thói tệ ấy, mà ngay cả điều ích lợi của nó cũng chẳng dám nhận. Xin hãy dựa theo pháp môn Tịnh độ để tự hành, dạy người và đưa thư này cho ba người giới thiệu xem ngõ hầu bọn họ đều biết rõ nguyên do. Đừng gởi thư tới nữa để chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh lòng oán cừu!

---

[165] Theo những điều nói ở đây thì ông X… chính là Giang Dịch Viên. Thoạt đầu Giang Dịch Viên nhiệt tình tin tưởng Tịnh độ, lập Phật Quang Xã ở Vụ Nguyên, đề xướng rất tích cực, viết rất nhiều sách có giá trị. Về sau do mê cầu cơ đến nỗi coi tổ Ấn Quang là người ương bướng, không nghe theo "thánh giáo" của "chư Phật, chư tiên".

[166] Do ông ta tôn tổ Ấn Quang làm thầy, nên lời lẽ trong thư của tổ được coi như lời thầy nhắc nhở, dạy dỗ học trò, nên dùng mỹ từ là "tôn dụ" (lời răn dạy, phủ dụ tôn quý).